Max Frisch

Homo Faber[1]

1 (Tiếng La tinh) Homo: chỉ về, nói về, thuộc về người – homo faber: giống người faber (theo nhân chủng học: loài người biết sử dụng tay chân, làm việc tay chân) con người kĩ thuật.

Max Frisch sinh ngày 15 tháng Năm 1911 tại Zürich, theo học ngành Germanistik (Văn chương – ND) tại Đại Học Zürich[2] nhưng bỏ dở, đến năm 1936 ghi danh học lại tại Cao Đẳng Kĩ Thuật Quốc gia Thụy sĩ (tại Zürich)[3], và ra trường với mảnh bằng Kiến trúc sư. Sau đó hành nghề Kiến trúc, nhưng song song vẫn viết báo, từ 1931 đã là phóng viên ngoài biên chế của tờ *Neuen Zürcher Zeitung* (*Nhật báo Zürich Mới*). Sau nhiều chuyến chu du tìm hiểu châu Âu, châu Mĩ và Mexico (1951/1952), mà từ đó ông dựa vào để viết những tác phẩm về sau, đến năm 1955 ông đóng cửa văn phòng Kiến trúc, theo nghề văn sĩ tự do và sống nhiều nơi, trong đó có thể kể: Männedorf (Thụy sĩ), Rome, Berzona (Tessin – Thụy sĩ), Berlin và New York. Ông mất vào ngày 01 tháng Tư 1991 ngay tại Zürich, sinh quán. Max Frisch cưới vợ và li dị hai lần, và từ năm 1979 đến cuối cuộc đời ông chung sống lần lượt với hai người bạn đời. Dưới thúc đẩy và hỗ trợ của ông, năm 1979 một quĩ tài trợ ‚Max-Frisch' (*Max-Frisch-Stiftung*) ra đời, một năm sau đó Thư quán Max Frisch (*Max-Frisch-Archiv*) của ETH được thành lập. Frisch nhận được rất nhiều giải thưởng văn học, trong đó có giải Conrad-Ferdinand-Meyer (1939), giải Rockefeller Grant for Drama (1951), giải Wilhelm-Raabe (1954), giải Georg-Büchner (1958) giải văn chương thành phố Jerusalem (1965) và giải thưởng Hòa bình của *Börsenverein des Deutschen Buchhandels* (1976, Hiệp Hội Văn Đàn Đức).

2 UZH: Universität Zürich.
3 ETH: Eidgenössische Technische Hochschule.

„Nichts ist zufällig in diesem Bericht. Er ist das Ergebnis einer souveränen dichterischen Konzeption, die bei äußerster sachlicher Strenge mit den Mitteln einer schlichten, präzisen, patholosen, fast kargen Prosa in die Tiefe der menschlichen Existenz hinablotet. Alles ist Klarheit, alles Substanz“

Düsseldorfer Nachrichten

„Không một mảy nào tình cờ trong tường thuật này. Đấy là kết quả của một hệ tưởng văn chương thần hiệu, với phương thức hành văn đơn thuần, tinh vi, vô cảm, gần như khô khan của một thể văn xuôi dưới một khuôn khổ thực dụng rốt ráo, rọi xuống đáy sâu của hiện hữu con người. Hoàn toàn trong suốt rõ ràng, hoàn toàn bản thể.“

Tin tức Düsseldorf

„’Homo Faber’, wird der Schweizer Ingenieur Walter Faber beziehungsreich genannt, dem dieser erzählte Bericht in dem Mund gelegt ist. Faber ist die vollkommene Verkörperung der technischen Existenz, die sich vor dem Zufall und dem Schicksal glaubt. Dieser Faber, der das fünfzigste Lebensjahr schon überschritten hat, läßt Frisch systematisch mit der außertechnischen Welt, dem Irrationalen, zusammenstoßen. Faber bleibt davon zunächst unerschüttert: die Notlandung seines Flugzeugs in der Wüste, der Selbstmord seines ehemaligen Freundes im Dschungel von Mexiko – das bringt sein rational zementiertes Weltbild nicht ins Wankel. Ernsthaft wird es erst bedroht, als Faber durch die Ereignisse zu einem Rechenschaftsbericht über seine eigene Vergangenheit gezwungen wird. Ein junges Mädchen verliebt sich in ihn. Es stellt sich heraus, das es seine eigene Tochter ist, von deren Existenz er nichts gewußt hat. Hineingezogen in das Stärkste, was das menschliche Leben an irrationalen Einbrüchen zu bieten hat, bricht sein frohgemusterter Rationalismus zusammen. Faber sieht sein verfehltes Leben und nimmt den Tod in seine Welt auf.“

Darmstädter Echo

„’Homo Faber’, một kĩ sư Thụy sĩ, qua mô tả trong tường thuật này, được gọi một cách đa diện như thế. Faber là mẫu người tiêu biểu toàn vẹn sự hiện hữu một tư duy kĩ thuật, không hề chịu ảnh hưởng bởi cơ duyên và số phận. Tay Faber này, vừa bước qua tuổi đời năm mươi, được Frisch cho đối đầu với một thế giới nằm ngoài khoa học, đối đầu với thế giới phi lí, một cách rất hệ thống. Faber thoạt tiên không nao núng: máy bay đáp khẩn giữa sa mạc, vụ tự tử của người bạn cũ giữa chốn rừng già Mexico – những cái đó không lay chuyển nổi thế giới quan được xây đắp vững chắc bởi hệ tưởng duy lí của Faber. Tư duy này chỉ bị đe dọa, khi Faber qua những biến cố xảy ra buộc phải viết xuống một tường thuật lí giải cho quá khứ của mình. Một cô gái trẻ say mê ông ta. Chuyện vỡ lẽ rằng cô gái chính là con ruột của ông, mà ông chưa hề biết đến hiện hữu của đứa con này. Bị cuốn hút vào luồng sức mạnh những tình huống phi lí nhất có thể diễn ra trong cuộc đời người, nhân sinh quan duy lí

lạc quan của Faber sụp đổ hoàn toàn. Faber nhìn thấy cuộc đời lệch hướng của mình và tiếp nhận sự chết vào thế giới quan của mình.“

Tiếng vọng Darmstadt

Vài lời về Homo Faber

Lần đầu tiên tôi được cầm cuốn ‚Homo Faber' trong tay vào đâu những năm giữa thập niên 70, tình cờ tại nhà một người bạn Đức, tôi cầm lấy đọc, thích thú, mặc dù vốn liếng tiếng Đức tôi dạo đó thật tình không nắm hiểu hết được nội dung những gì Max Frisch viết.

Bẵng đến hơn hai mươi năm sau tôi lại được chạm mặt cuốn truyện này lần thứ hai. Là lúc đứa con lớn của gia đình bắt đầu những lớp cuối sửa soạn thi tú tài (Abitur), lớp 10 hay 11 tôi không còn nhớ rõ. Tình cờ tôi thấy cuốn truyện nằm trên bàn học của cháu, hỏi ra mới hay tác phẩm nằm trong bộ môn văn chương thuộc chương trình những năm cuối trung học, một trong những môn chính của học trình. Tìm hiểu thêm tôi mới biết được thế đứng của ngòi bút Max Frisch trong văn học Đức. Và cũng không quên mượn cháu cuốn truyện đọc thêm một lần nữa.

Lần thứ ba, cách đây vài năm lần thẩn trong một tiệm sách cũ, tôi lại tình cờ một lần nữa cầm được cuốn ‚Homo Faber' trong tay! Từ đấy tôi cảm thấy có duyên nợ với cuốn truyện và nguyện với lòng, bằng mọi cách phải ráng dịch cho bằng được tác phẩm này qua tiếng Việt. Với tâm niệm và ham muốn giới thiệu đến bạn đọc một ngòi bút, một lối viết đặc biệt của nền văn chương Đức-Thụy sĩ thời hậu chiến, tôi cố gắng chuyển thể văn Max Frisch, với hết khả năng tôi, một cách trung thực như có thể. Bởi ngoài nội dung Max Frisch muốn mổ xẻ qua nhân vật Walter Faber, một con người thuần lí không xúc cảm và rất tự tin giữa một thế giới kĩ thuật hiện đại, bỗng chỉ trong một giai đoạn ngắn dồn dập qua những chuyển biến trong cuộc sống, tình cờ và phi lí không tưởng, phải thay đổi tư duy để tự nhìn lại mình, tự lí giải và tự kiếm tìm một giá trị cho thế đứng của chính mình. Trong tác phẩm này Max Frisch dùng cú pháp rất ngắn, cộc lốc như thể văn đối đáp nhưng với lối hành văn ấy ông đã vẽ cho người đọc một bức tranh tuyệt vời, dựng chiếu một cuốn phim rất chi tiết, đủ màu sắc; tài tình gói trọn trong đó những giấc mơ, những suy nghĩ, những cảm xúc ...

Điều cần được nêu, Max Frisch cho ra đời tác phẩm này cách đây đúng nửa thế kỷ, tuy vậy những tư duy, những tiên liệu, những xét đoán của ông không những trong lãnh vực kĩ thuật mà cả trong phạm trù tâm sinh lí, phạm trù xã hội vẫn như còn nhìn thấy được quanh quẩn đâu đây trong thế kỷ 21 thuộc thiên kỷ mới này, vẫn mang tính thời đại ….

Lê Cảnh Hoằng, mùa Đông 2007
Chỉnh sửa lại vào tháng Giêng 2015

Với bạn đọc

Tôi để nguyên những câu văn Max Frisch viết bằng tiếng Anh, hoặc tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha … trong nguyên bản tiếng Đức, chỉ chú thích khi cần thiết. Những tên riêng, như tên các nước, các thành phố cũng thế, tôi ráng giữ nguyên gốc như có thể, đồng thời cũng chỉ chú thích những tên riêng các địa phận, các vùng hẻo lánh ít thông thuộc. Ngoài những chú thích trong trang, những cụm từ được gạch dưới, được chú giải thêm ở cuối truyện.

Homo faber

Một tường thuật

Chặng thứ nhất

Chúng tôi khởi hành từ La Guarda, New York, trễ ba tiếng vì bão tuyết. Máy bay của chúng tôi, như thường lệ trên chặng đường này, một chiếc Super-Constellation. Tôi liền sửa soạn ngủ, trời đang đêm. Chúng tôi đợi thêm bốn mươi phút nữa ngoài phi đạo, tuyết bay trước những cụm đèn pha, loại tuyết mịn hạt, vần vũ trên phi đạo, và điều khiển tôi bồn chồn, không thể ngủ ngay được, không phải bởi tờ nhật báo cô tiếp viên vừa phát cho, *First Pictures Of World's Greatest Air Crash In Nevada*, một mẩu tin tôi đã đọc ban trưa, mà chỉ duy nhất do những rung chuyển của chiếc máy bay đứng yên đang nổ máy – thêm vào đó, chàng trai trẻ người Đức bên cạnh, gã khiến tôi chú ý ngay tức thì, tôi không biết vì sao, gã gây chú ý, khi gã cởi áo bành tô ra, khi gã ngồi xuống và kéo những nếp quần, ngay cả khi gã không làm gì khác ngoài việc chỉ ngồi trên ghế nệm chờ tàu cất cánh giống như tất cả chúng tôi, một chàng tóc vàng với nét da hồng hào, chưa kịp cài dây nịt, gã đã nhanh nhẩu tự giới thiệu. Tôi không nghe rõ tên gã, mấy động cơ rú vang, cái này tiếp cái kia nối nhau chạy thử hết vận tốc –

Tôi mệt nhừ.

Liên tục suốt ba tiếng đồng hồ, lúc ngồi chờ chuyến bay bị trễ, Ivy đã lảm nhảm vào tai tôi mặc dù nàng thừa biết rằng, trên nguyên tắc tôi không cưới vợ.

Tôi thích sống một mình.

Cuối cùng rồi cũng cất cánh –

Tôi chưa bao giờ nếm qua một màn cất cánh giữa cơn gió tuyết vần vũ như vậy, giàn bánh xe vừa kịp nhấc lên khỏi đường băng trắng, cụm đèn tín hiệu màu vàng trên mặt đất đã không còn thấy đâu nữa, không một tăm dạng nào, và sau đó tuyệt không một tăm dạng nào của Manhattan, tuyết rơi nhiều đến thế. Tôi chỉ nhìn thấy ánh đèn chớp màu xanh lục trên đôi cánh máy bay đang chao qua về dữ dội, đôi khi nhún nhẩy; trong khoảnh khắc một vài giây những ánh đèn xanh lục này

cũng chợt mất hút sau màn sương, và ta có cảm tưởng ta là một người mù.

Được phép hút thuốc.

Gã đi từ Düsseldorf, gã hành khách ngồi cạnh tôi, và cũng chẳng còn trẻ trung gì nữa, đương độ ba mươi, dẫu sao vẫn trẻ hơn tôi; gã bay, theo như lời gã sốt sắng thuật lại, đến Guatemala, vì công việc, theo như tôi hiểu –

Chuyến bay gặp gió lốc khá lớn.

Gã mời tôi thuốc lá, gã hành khách ngồi cạnh, nhưng tôi dùng thuốc riêng của mình, mặc dù không định hút, và cảm ơn, cầm tờ báo lên lần nữa, từ phía tôi hoàn toàn không có nhu cầu làm quen. Tôi bất lịch sự, có thể. Tôi vừa trải qua một tuần bù đầu, không ngày nào là không hội họp, tôi muốn yên. Con người vốn phức tạp. Lát sau tôi lôi hồ sơ trong cặp ra định làm việc; thật rủi thay đúng lúc ấy một món súp nóng được dọn lên, và gã Đức (gã ta, từ khi tôi trả lời bằng tiếng Đức vì vốn tiếng Anh quá kém của gã, biết ngay rằng tôi người Thụy sĩ) huyên thuyên không sao ngăn được nữa. Gã bàn về thời tiết, nói luôn về radar, là thứ gã chẳng thông hiểu gì mấy; rồi thì nhảy qua đề tài thường được nói đến sau thế chiến thứ hai, tinh thần ái hữu Âu châu. Tôi không nói nhiều. Khi đã dùng súp xong, tôi nhìn ra khung cửa sổ, mặc dù chả có gì khác để nhìn ngoài mấy ánh đèn chớp màu xanh lục ngoài kia trên cánh máy bay ướt nước, dưới nắp động cơ một khối đỏ nóng rực, thi thoảng bắn ra những chùm tia lửa như mọi lần. Máy bay vẫn tiếp tục lên cao –

Sau đó tôi thiếp đi.

Những cơn lốc đã ngớt.

Tôi không biết vì sao gã làm tôi bực mình, tôi thấy khuôn mặt gã quen quen thế nào, một khuôn mặt rất Đức. Tôi nhắm mắt lại hồi tưởng, nhưng chịu thua. Tôi ráng quên đi khuôn mặt hồng hào của gã, tôi quên được và ngủ một giấc khoảng sáu tiếng, làm việc quá sức như tôi – chưa kịp tỉnh hẳn, gã lại làm tôi bực mình.

Gã đang điểm tâm.

Tôi làm bộ như vẫn còn ngủ.

Chúng tôi (tôi nhìn thấy với con mắt bên phải) hiện đâu đó trên dòng Mississippi, đang bay rất cao và hoàn toàn yên tĩnh. Những cánh quạt lấp lánh trong nắng mai, những mảng tròn quen thuộc, ta nhìn thấy chúng và cũng nhìn xuyên qua được chúng, và đôi cánh cũng sáng loáng như thế, cứng đơ trong không gian trống rỗng, không mảy may rung động, chúng tôi nằm bất động giữa bầu trời không một gợn mây, một chuyến bay như trăm ngàn chuyến bay trước đây, mấy động cơ quay ổn định.

„Chào ông!“ gã nói –

Tôi chào lại.

„Ngủ ngon không?“ gã hỏi –

Dẫu dưới làn hơi sương, ta vẫn nhận ra được những nhánh rẽ của Mississippi, ánh mặt trời rọi chiếu lên mặt nước, gợn lăn tăn lấp lánh như bằng thau hoặc bằng đồng; trời còn sớm tinh mơ, tôi quen chặng đường này, tôi nhắm mắt lại ngủ tiếp.

Gã đọc một cuốn truyện mỏng, một cuốn rororo[4]

Không thể nào nhắm mắt tiếp được, tôi đã hoàn toàn tỉnh giấc, thêm vào đó gã hành khách ngồi cạnh lại đang làm bận rộn đầu óc tôi, có thể nói rằng tôi vẫn nhìn thấy gã qua đôi mắt nhắm kín. Tôi gọi thức ăn sáng … Lần đầu tiên gã đến xứ Mĩ, như tôi phỏng đoán, đồng thời trong đầu đã mang sẵn một định kiến không suy suyển (chung qui gã đánh giá dân Mĩ phi văn hóa), nhưng dẫu sao gã cũng phải công nhận vài điều, tỉ dụ như số đông dân chúng Mĩ có thiện cảm với dân Đức.

Tôi không phản bác.

Không người Đức nào mong muốn việc tái vũ trang, nhưng chính thằng Nga buộc Mĩ phải hành động như thế, thật là thảm hoạ, tôi là dân Thụy sĩ (Schwyzzer[5], gã thích gọi thế) không thể đánh giá hết mọi sự việc này, bởi tôi chưa từng đến

4 rororo: nhà xuất bản sách, truyện bỏ túi có tiếng tại Đức.

5 Schwyzzer: (Schweizer – tiếng Đức Thuỵ sĩ) người Thụy sĩ, thuộc về Thụy sĩ – ngôn ngữ địa phương tại những vùng Thụy sĩ nói tiếng Đức.

Caucasus[6], gã đã ở Caucasus rồi, gã biết rõ thằng Iwan[7], chỉ có súng đạn mới giáo hóa được nó. Gã biết rõ thằng Iwan! Gã nhắc đi nhắc lại. Chỉ có súng đạn mới giáo hóa được! gã bảo, bởi mọi thứ khác không gây cho nó một ấn tượng nào, thằng Iwan –

Tôi gọt vỏ táo.

Phân chia loại người thượng đẳng và hạ đẳng, như lão Hitler tốt bụng đã phán, dĩ nhiên là xằng bậy; nhưng đám da vàng mũi tẹt vẫn là da vàng mũi tẹt –

Tôi cắn trái táo.

Tôi lôi cái máy cạo râu điện ra khỏi cặp, định cạo râu, tiện đó giành cho mình năm mười phút riêng tư, tôi không thích dân Đức, mặc dù Joachim, bạn tôi, cũng là người Đức … Trong phòng vệ sinh tôi suy nghĩ, có nên ngồi chỗ khác không, tôi hoàn toàn không có nhu cầu làm thân với anh chàng này, nhưng từ giờ cho đến Mexico-City[8], nơi chàng hành khách ngồi cạnh tôi phải đổi chuyến bay, còn ít nhất bốn tiếng nữa. Tôi quyết định sẽ ngồi chỗ khác, ghế trống vẫn còn dư. Khi trở lại khoang tàu, râu đã cạo, cho tôi một cảm giác thư thái, nhẹ nhõm – có râu lởm chởm, tôi không chịu được – gã đã tự cho phép nhặt tập hồ sơ của tôi nằm trên sàn lên để đừng ai dẫm phải rồi trao lại tôi, quả là hiện thân của nhân cách lịch thiệp. Tôi vừa cảm ơn vừa nhét đống hồ sơ vào cặp, hơi nhiệt tình, có lẽ vậy, bởi lẽ gã lợi dụng ngay lòng biết ơn của tôi để đặt liền những câu hỏi khác.

Có phải tôi làm việc cho *Unesco*?

Tôi cảm thấy nhói dạ dày – dạo sau này thường hay bị, không trầm trọng, không đau đớn, chỉ thấy nhói, để biết mình còn có một cái dạ dày, một cảm giác kì khôi. Có lẽ vì vậy mà tôi đâm ra khó chịu. Tôi ngồi vào chỗ và trình bày, để tỏ ra mình không phải hạng người khó tính, về công việc làm của tôi, *Hỗ*

6 Caucasia: vùng tiếp giáp giữa Âu châu và Á châu, nằm giữa Biển Đen và Biển Caspian, bắc giáp Nga, nam giáp giới Thổ Nhĩ Kỳ và Iran. Trước thuộc về Liên bang Sô viết, một nơi giam giữ tù binh Đức sau Thế chiến thứ nhì.

7 Một tên tiếng Nga thông dùng cho phái nam. Từ ám chỉ chung đàn ông Nga – ND.

8 Thủ đô nước Mexico.

trợ Kĩ thuật cho các vùng dân tộc chậm tiến, những chuyện này tôi có thể vừa kể vừa để đầu óc miên man về chuyện khác. Tôi không biết tôi đã nghĩ gì. *Unesco*, có lẽ thế, gây ấn tượng đối với gã như hầu hết những gì dính dáng đến phạm trù Quốc tế, gã không đối xử với tôi như dân Schwyzzer nữa, trái lại lắng nghe, như thể tôi là một đấng tối thượng, lắng nghe gần như sùng kính, chăm chú đến độ phục tùng, nhưng cũng không thay đổi được điều rằng tôi vẫn bực mình gã.

Tôi mừng vì chuyến đáp nghỉ giữa chặng.

Trong khoảnh khắc khi chúng tôi bước ra khỏi máy bay và tách rời nhau trước quầy thuế quan, tôi chợt nhận biết mình đã nghĩ gì trước đó: Chính khuôn mặt gã (hồng hào và mập mạp, Joachim chưa bao giờ như thế) lại làm tôi liên tưởng đến Joachim. –

Tôi lại quên ngay chuyện đó.

Lúc ấy tại Houston, Texas.

Sau thủ tục thuế quan, sau những phiền toái hằng có bởi cái máy quay phim đã từng theo tôi hơn nửa vòng trái đất, tôi bước đến quầy nước định uống cái gì, nhưng chợt thấy chàng Düsseldorfer[9] của tôi đã ngồi sẵn ở đấy, lại còn dành một ghế đầu trống – có lẽ cho tôi! – thế là tôi đi thẳng xuống phòng vệ sinh ở tầng dưới, đứng đó, không biết làm gì khác hơn, tôi rửa tay.

Thời gian nghỉ giữa chặng: 20 phút.

Khuôn mặt tôi trong gương, trong lúc tôi rửa tay hàng phút đồng hồ rồi lau khô: trắng như sáp, khuôn mặt tôi, cũng có thể xám và vàng vọt với những đường gân tím nằm ẩn dưới, ghê tởm như một xác chết. Tôi nghĩ rằng đấy chẳng qua do ánh đèn neon và lau khô tay, đôi tay cũng tím – vàng như thế, chợt tiếng loa phóng thanh như mọi lần, chuyền đến tất cả mọi phòng, dĩ nhiên đến luôn cả tầng dưới: *Your attention please, your attention please!* Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra. Tay tôi toát mồ hôi, mặc dù trong phòng vệ sinh mát lạnh, bên ngoài

9 Dân cư ngụ tại thành phố Düsseldorf, ám chỉ người hành khách ngồi bên cạnh – ND.

trời nóng. Tôi chỉ biết được rằng: – Khi tôi tỉnh dậy, mụ da đen mập quỳ cạnh tôi, một nhân viên quét dọn, trước đó tôi không để ý đến, giờ kề sát bên tôi, tôi nhìn thấy cái mồm khổng lồ của mụ ta với đôi môi đen, màu hồng của nướu răng, tôi nghe tiếng loa phóng thanh vang vang, trong lúc người vẫn nằm sóng soãi –

Plane is ready to departure.

Hai lần:

Plane is ready to departure.

Tôi thuộc lòng loại tin nhắn từ loa phóng thanh như thế.

All passengers for Mexico-Guatemala-Panama, giữa đó tiếng động cơ ồn ào, *kindly requested*, tiếng động cơ ồn ào, *gate number five, thank you.*

Tôi vươn người dậy.

Mụ da đen vẫn quỳ gối –

Tôi thề với mình sẽ không bao giờ hút thuốc nữa và ráng đưa mặt xuống dưới vòi nước, nhưng không thể được vì vướng phải bồn rửa mặt, chỉ là một cơn trúng gió, không gì khác, trúng gió và chóng mặt.

Your attention please –

Tôi cảm thấy đỡ hơn.

Passenger Faber, Passenger Faber!

Là chính tôi.

Please to the information-desk.

Tôi nghe rõ, tôi nhúng mặt xuống một bồn nước công cộng, tôi hi vọng họ sẽ bay tiếp không có tôi, nước không lạnh hơn mồ hôi tôi là bao, tôi không hiểu được vì sao mụ da đen bỗng bật cười – ngực mụ rung rinh như khối sữa đông, mụ cười say đến thế, cái mồm lớn, mái tóc xoắn, đôi mắt nửa trắng nửa đen của mụ, một hình ảnh cận cảnh của châu Phi, rồi thì: *Plane is ready to departure*. Tôi lấy khăn tay lau mặt trong lúc mụ da đen lau quanh quẩn bên ống quần tôi. Tôi lại còn chải đầu nữa, chỉ để kéo dài thời giờ, loa phóng thanh nhắn hết tin này đến tin khác, giờ hạ cánh, giờ cất cánh, rồi lại một lần nữa:

Passenger Faber, Passenger Faber –

Mụ từ chối không nhận tiền, đó là niềm vui (*pleasure*) của mụ, rằng tôi còn sống, rằng Chúa đã nghe thấu lời cầu nguyện của mụ, tôi đặt đại tờ giấy bạc ở đấy, nhưng mụ theo tôi đến tận bậc thang, nơi mà mụ ta, dân da đen, không được phép bước qua, và trao trả tờ giấy bạc vào tay tôi.

Quầy nước trống trơn –

Tôi trườn người lên một chiếc ghế đẩu, châm một điếu thuốc, nhìn anh chàng bán bar quẳng những quả olive hệt như mọi lần vào cốc ly lạnh, rót tiếp rượu lên trên, những động tác quen thuộc: với ngón tay cái gã giữ mảnh lưới lọc trước miệng bình pha rượu màu trắng bạc để những viên đá cục không lọt rơi xuống ly, và tôi đặt tờ giấy bạc lên quầy, ngoài kia một chiếc Super-Constellation lăn bánh ngang qua rồi hướng ra phi đạo, chuẩn bị cất cánh. Không có tôi! Tôi làm một ngụm Martini-Dry, khi loa phóng thanh lại với giọng rè rè lên tiếng: *Your attention please!* Một hồi lâu chẳng nghe gì cả, ngoài kia động cơ chiếc Super-Constellation cất cánh đang gầm rú, vọt ngang trên đầu chúng tôi với âm thanh rền vang quen thuộc – rồi lại:

Passenger Faber, Passenger Faber –

Không một ai có thể biết rằng tôi là người đang được nhắn gọi, và tôi tự nhủ, họ không thể đợi lâu hơn được nữa – Tôi leo lên tầng quan sát trên sân thượng để nhìn chiếc máy bay của chúng tôi. Nó đứng, có vẻ như sẵn sàng cất cánh; những chiếc xe bồn Shell bơm xăng đã biến mất, nhưng mấy cánh quạt còn nằm yên. Tôi thở phào khi thấy hành khách chuyến bay lũ lượt băng ngang bãi sân trống, chuẩn bị lên tàu, chàng Düsseldorfer của tôi lẫn trong đám người đi đằng phía trước, tôi chờ những cánh quạt khởi động, loa phóng thanh lại khua lên và khàn khàn đến tận trên này:

Please to the information-desk!

Nhưng chả liên quan gì đến tôi.

Miss Sherbon, Mr. and Mrs Rosenthal –

Tôi đợi và đợi, bốn cánh quạt chữ thập vẫn trơ trơ, tôi không thể chịu nổi cảnh chờ đợi này, chờ đợi bản thân của

chính tôi, và tôi lại vòng trở lại tầng hầm dưới, trốn sau cánh cửa khóa trái trong một buồng vệ sinh, khi nghe thêm một lần nữa:

Passenger Faber, Passenger Faber.

Một giọng phụ nữ, tôi lại đổ mồ hôi và phải ngồi xuống để khỏi bị chóng mặt, người ta có thể thấy chân tôi.

This is our last call

Hai lần: *This is our last call*

Tôi không hiểu vì sao tôi phải lẩn trốn. Tôi đâm ngượng; thật ra tôi không là loại người như thế, bao giờ cũng trể nãi sau chót. Tôi nán lại trong chỗ ẩn náu cho đến khi xác định được rằng cái loa phóng thanh đã chào thua tôi, ít nhất cũng mươi phút. Tôi không có hứng bay tiếp, thế thôi. Tôi chờ sau cánh cửa khóa trái đến khi nghe được tiếng rền như sấm của một chiếc máy bay đang cất cánh – một chiếc Super-Constellation, tôi thuộc lòng âm thanh này! – và tôi lấy tay chà xát mặt, cốt tránh khỏi bị để í vì màu da nhợt nhạt, rời bỏ căn buồng nhỏ giống như bất cứ một hành khách nào, tôi huýt sáo mồm bâng quơ, tôi đứng giữa sảnh lớn và mua đại một tờ nhật báo, tôi không biết sẽ phải làm gì ở cái thành phố Houston, Texas này. Thật lạ kỳ; sự việc bỗng nhiên diễn trôi không có tôi! Tôi lắng tai nghe mỗi lần loa phóng thanh phát âm – rồi bước tiếp để làm một chuyện gì đó, đến Western Union: gởi một điện tín liên quan đến hành lí của tôi đang trên đường bay đến Mexico, không đi cùng với tôi, tiếp đến một điện tín đến Caracas[10], thông báo thời điểm lắp ráp máy phải dời lại hai mươi bốn tiếng, tiếp nữa một điện tín về New York, tôi vừa cắm cây bút bi trở vào thì cũng vừa lúc cô tiếp viên chuyến bay, tay kia cầm bảng danh sách hành khách quen thuộc, nắm lấy khuỷu tay tôi:

„There you are!“

Tôi sững người –

„We’re late, Mister Faber, we’re late!“

10 Thủ đô nước Venezuela.

Tôi đi theo cô ta, trên tay mấy tờ điện tín thừa thãi, với tất cả mọi lí do bào chữa chẳng ai quan tâm, theo ra đến chiếc Super-Constellation; tôi đi như một kẻ được dẫn độ từ nhà giam ra pháp đình – Mắt nhìn xuống nền nhà hoặc giả nhìn xuống những bậc thang, những bậc thang mà khi tôi vừa kịp vào trong khoang tàu, lập tức được tách rời và kéo đi.

„I'm sorry!" tôi nói, „I'm sorry."

Đám hành khách, tất cả đã cài dây an toàn, ngoái đầu lại, không thốt một tiếng và chàng Düsseldorfer của tôi, người tôi đã quên bẵng, sốt sắng nhường ngay lại tôi chỗ ngồi cạnh cửa sổ, gần như lo lắng: Đã xảy ra chuyện gì chăng? Tôi bảo đồng hồ của tôi bị chết máy, và lên dây đồng hồ.

Cất cánh như thường lệ –

Những gì gã hành khách bên cạnh kể lại sau đó, thật thú vị – nói chung đến lúc này, khi không còn đau nhói dạ dày nữa, tôi thấy gã dễ mến hơn; gã công nhận rằng những điếu xì gà của Đức chưa thể đạt được vị trí hàng đầu thế giới, điều cần thiết để xì gà ngon, gã bảo, phải là lá thuốc ngon.

Gã trải ra một tấm bản đồ.

Cái trang trại mà Công ty của gã đặt hy vọng vào để phát triển lớn ra, theo tôi nhận thấy, nằm tận cùng của thế giới, thuộc địa phận Guatemala, từ Flores chỉ dùng ngựa mới đi được đến đấy, trong khi với một chiếc jeep, chạy từ Palenque[11] (thuộc lãnh thổ Mexico) đến đấy không vấn đề gì; một chiếc Nash[12], theo lời gã, đã từng vượt qua khu rừng già này rồi.

Riêng gã mới bay đến đấy lần đầu.

Dân cư: Indio[13].

Chuyện này hấp dẫn tôi, bởi chính tôi cũng công tác trong lãnh vực khai hoang những khu vực chậm phát triển; chúng tôi đồng ý với nhau rằng phải phải xây đường sá, thậm chí có thể làm ngay một sân bay nhỏ, tất cả chỉ nhằm giải quyết

11 Flores: một thành phố nhỏ phía bắc Guatemala; Palenque: một thành phố phía đông nam Mexico; là hai thành phố nằm gần biên giới giữa hai nước.

12 Một nhãn hiệu xe Mĩ (được sản xuất từ 1918 đến 1957).

13 Danh từ chung gọi dân da đỏ tại nam Mĩ.

vấn đề thông thương, vận chuyển đường biển qua cảng Puerto Barrios[14] – một cuộc kinh doanh táo bạo, tôi thấy vậy, song cũng không phiêu lưu cho lắm, có thể đó thật sự là tương lai của những điếu xì gà Đức.

Gã gấp tấm bản đồ lại –

Tôi chúc may mắn.

Trên tấm bản đồ (1:500.000) thật ra chẳng nhận thấy được gì, đất hoang dã, màu trắng, hai kẻ màu xanh giữa những biên giới quốc gia màu xanh lục, sông ngòi, những địa danh duy nhất trên ấy (in mực đỏ, phải dùng kính lúp mới đọc được), chua tên những phế tích đền đài Maya[15] –

Tôi chúc may mắn.

Một người anh ruột gã, sống ở đó từ mấy tháng nay, hình như rất bị khổ sở với khí hậu, điều tôi có thể hình dung được, đồng bằng, nhiệt đới, mùa mưa ẩm ướt, mặt trời dựng đứng trên đỉnh đầu.

Cuộc nói chuyện qua đó chấm dứt.

Tôi hút thuốc, nhìn qua cửa sổ: dưới chúng tôi, vịnh Mexico xanh lơ, hằng hà những đám mây nhỏ, rọi bóng tím xuống đại dương xanh thẳm, trò đùa quen thuộc của màu sắc, tôi đã thâu vào phim đến dư thừa rồi – tôi nhắm mắt ráng ngủ bù lại một ít những giấc ngủ Ivy đã cướp mất của tôi; chuyến bay từ giờ trở đi hoàn toàn yên tĩnh, chàng hành khách ngồi cạnh tôi cũng vậy.

Gã đọc tiểu thuyết.

Tôi không mặn tiểu thuyết cho lắm – lại càng không mặn gì đến những giấc mơ, tôi mơ thấy Ivy, tôi tin thế, dẫu sao tôi có cảm giác bị dồn ép, tại một quầy bạc ở Las Vegas (nơi mà trong thực tế tôi chưa bao giờ đặt chân đến), náo nhiệt, đồng thời mấy loa phóng thanh, liên tục nhắn gọi tên tôi, một hỗn độn những máy tự động xanh, đỏ, vàng, mà ta có thể đánh bạc ăn tiền, xổ số trúng thưởng, tôi cùng đám người trần truồng như

14 Thành phố cảng lớn và quan trọng nằm phía đông của Guatemala, tại vịnh Mexico.
15 Maya: một dân tộc – nền văn minh da đỏ xưa tại vùng trung châu Mĩ.

nhộng đứng đợi thủ tục li dị (trong lúc ấy trong thực tế tôi chưa vợ), không hiểu sao cũng có cả Giáo sư O., người thầy đáng kính của tôi tại Cao Đẳng Kĩ Thuật Quốc gia Thụy sĩ, nhưng ông lại quá ư mẫn cảm, ông khóc mãi, mặc dù là nhà toán học, lại là Giáo sư ngành Điện động học, thật mắc cỡ, nhưng chuyện lếu láo nhất là: – Gã Düsseldorfer và tôi là một đôi vợ chồng! … Tôi muốn phản đối, nhưng không thể mở miệng ra mà không phải đưa bàn tay lên bụm lại, bởi răng tôi, như tôi vừa cảm nhận được, đã rụng hết, tất cả như một đống sỏi trong miệng –

Vừa tỉnh dậy, tôi đã nắm ngay được tình huống:

Phía dưới chúng tôi là biển cả –

Động cơ bên trái bị chết máy; một cánh quạt như chữ thập cứng đơ giữa bầu trời không mây – tất cả chỉ có vậy.

Phía dưới chúng tôi, như đã tả, là vịnh Mexico.

Cô tiếp viên, một cô gái trạc hai mươi, dáng nhìn vẫn còn như trẻ nít, lay vai trái đánh thức tôi dậy, nhưng tôi đã biết hết mọi sự việc trước khi cô ta vừa giải thích vừa trao tôi một tấm áo phao màu xanh lục; gã hành khách ngồi cạnh tôi đang loay hoay mang phao vào người, bông đùa như đang tham dự một buổi diễn tập báo động –

Chúng tôi bay trên độ cao ít nhất hai ngàn mét.

Dĩ nhiên không một chiếc răng nào của tôi rụng, ngay cả chiếc răng giả, chiếc thứ tư hàm trên bên phải; tôi nhẹ nhỏm, đến độ khoan khoái.

Giữa lối đi, đằng trước, tay Phi công trưởng:

There is no danger at all –

Tất cả chỉ là một biện pháp phòng ngừa, máy bay chúng ta thậm chí vẫn có khả năng bay tiếp chỉ với hai động cơ, chúng ta hiện cách bờ biển Mexico 8,5 dặm, trực chỉ Tampico[16], xin yêu cầu tất cả hành khách vui lòng giữ yên lặng và tạm thời không hút thuốc.

Thank you.

16 Một thành phố cảng của Mexico, tại vịnh Mexico, thuộc tiểu bang Tamaulipas.

Ai nấy như ngồi trong giáo đường, ai nấy đều mang áo phao cứu hộ màu xanh lục quanh ngực, tôi dùng lưỡi rà soát xem có thật răng bị lung lay không, mọi chuyện khác chẳng làm tôi giao động.

Thời điểm 10 giờ 25.

Nếu không vì trễ nãi bởi bão tuyết tại mấy tiểu bang ở bắc Mĩ, thì giờ này chúng ta đã đáp xuống Mexico-City rồi, tôi nói với gã Düsseldorfer – chỉ để nói một cái gì, tôi ghét không khí trang nghiêm trĩu nặng.

Không trả lời.

Tôi hỏi giờ gã.

Không trả lời.

Mấy động cơ, ba cái kia, chạy tốt, không hề một dấu hiệu trục trặc, tôi thấy máy bay vẫn giữ được độ cao, tiếp đến thấy bờ biển qua màn sương, một dạng phá nước mặn, sau đó là vùng đầm lầy. Nhưng chưa thấy được tăm dạng nào của Tampico. Tôi biết Tampico từ xưa, qua một lần bị trúng thực đồ biển, sự kiện tôi sẽ không bao giờ quên cho đến cuối cuộc đời.

„Tampico“, tôi nói, „đó là một thành phố bẩn nhất thế giới. Cảng dầu hỏa, rồi anh sẽ thấy, không hôi mùi dầu, cũng sẽ hôi mùi cá –“

Gã táy máy chiếc áo phao.

„Tôi khuyên anh thật sự“, tôi đùa tiếp, „đừng ăn cá, ông cụ ạ, trong bất cứ tình huống nào“

Gã gượng mỉm cười.

„Cư dân ở đây dĩ nhiên đều miễn nhiễm“, tôi nói, „nhưng cơ thể tụi mình –“

Gã gật đầu, chẳng thèm nghe. Tôi làm trọn mấy bài thuyết trình, có thể nói như thế, về khuẩn amib, thuyết luôn về những khách sạn tại Tampico. Mỗi khi nhận thấy gã không chú í nghe, gã Düsseldorfer, tôi giựt cánh tay áo gã, bình thường tôi không làm thế, ngược lại, tôi ghét kiểu hành xử như vậy, kéo giựt cánh tay áo của nhau. Nhưng nếu không làm thế, gã chẳng chịu lắng nghe tôi. Tôi kể cho gã nghe trọn câu chuyện trúng thực đồ biển tẻ nhạt của tôi tại Tampico, năm 1951, tức trước

đây 6 năm – Trong khi đó chúng tôi bay, theo tôi nhận định, không dọc theo bờ biển mà bỗng nhiên đâm ngang vào đất liền. Vậy là không phải Tampico! Tôi sửng sốt, muốn gặp cô tiếp viên để hỏi.

Được phép hút thuốc trở lại!

Có thể sân bay Tampico quá nhỏ cho chiếc Super-Constellation (chuyến năm xưa là một chiếc DC-4), hoặc họ nhận được chỉ thị vẫn bay thẳng đến Mexico-City mặc dù động cơ trục trặc, điều mà tôi không thể nào hiểu được, trong tình huống máy bay sẽ phải vượt qua dãy Sierra Madre Oriental[17] trước mặt. Cô tiếp viên – tôi nắm lấy cùi chỏ cô ta, như vừa nhắc đến, là điều bình thường tôi không làm – bị gọi vào phòng phi hành, không có thì giờ cung cấp tin tức.

Máy bay thật sự đang tăng cao độ.

Tôi ráng nghĩ đến Ivy –

Chúng tôi bay lên cao.

Dưới chúng tôi vẫn là đầm lầy, cạn và ngầu đục, giữa đó là những doi đất, cát, những đầm lầy nơi thì xanh lục lại có nơi đỏ kệch, màu đỏ son môi, điều mà tôi không sao giải thích được, thật ra không phải đầm lầy, mà là những phá nước mặn, và nơi nào có ánh mặt trời phản chiếu, lấp lánh như những sợi kim tuyến sặc sỡ, hoặc giả như những dãi giấy bạc mỏng, nói chung mang hình sắc của kim loại, rồi chuyển qua màu xanh da trời và đẫm nước (như đôi mắt của Ivy) với những vũng nước cạn vàng vọt, những vết như màu mực tím, tối tăm, có thể là đám cây cỏ dưới nước, chợt đến một cửa biển, nâu sẫm như màu cà phê sữa Mĩ, ghê tởm, hàng ngàn dặm vuông không gì khác ngoài những phá nước mặn. Gã Düsseldorfer cũng có cảm giác rằng chúng tôi đang bay lên cao.

Mọi người trò chuyện trở lại.

Một tấm bản đồ tươm tất, như trên các chuyến Swissair bao giờ cũng có sẵn, ở đây không kiếm đâu ra được, và điều làm tôi bực mình, chỉ do mỗi cái tin xuẩn ngốc này: trực chỉ

17 Rặng núi lớn nằm phía đông của Mexico, chạy dài từ đông bắc xuống đông nam.

hướng Tampico, trong khi con tàu đang bay vào đất liền – lên cao, như đã kể, với ba động cơ, tôi quan sát ba mảng hình tròn lấp lánh, thỉnh thoảng như muốn khựng lại, thật ra đấy là ảo giác, hình dáng một mảng đen khựng giựt khựng giựt quen mắt. Không lí do gì phải hoảng hốt, chỉ có cảnh tượng trông kỳ quái: hình chữ thập cứng đơ của một cánh quạt chết máy khi con tàu đang bay hết vận tốc.

Cô tiếp viên khiến tôi thương hại.

Cô phải đến từng dãy ghế, mỉm cười như trong hình quảng cáo, và thăm hỏi mọi người có cảm thấy dễ chịu trong tấm áo phao không; ta vừa bông đùa một câu, cô đánh mất nụ cười tức thì. Người ta có có bơi được trên núi cao không? tôi hỏi –

Mệnh lệnh là mệnh lệnh.

Tôi giữ cánh tay cô, cô gái trẻ, đáng tuổi con tôi, thật ra tôi nắm vào cổ tay; tôi giơ ngón tay lên và bảo cô (dĩ nhiên chỉ bông đùa!), cô đã cưỡng bức tôi đi chuyến bay này, vâng, không ai khác ngoài cô – cô bảo:

„There is no danger, Sir, no danger at all. We’re going to land in Mexico-City in about one hour and twenty minutes.“

Câu đó cô nói với từng người.

Tôi buông cô ra, để cô mỉm cười trở lại và có thể hoàn tất sứ mạng của mình, quan sát xem ai nấy đã cài dây an toàn chưa. Lát sau cô nhận được lệnh dọn bữa ăn trưa, mặc dù chưa tới giờ … May mắn sao chúng tôi vẫn có được thời tiết tốt khi vào đất liền, trời gần như không mây, nhưng vẫn những làn gió mạnh quen thuộc trước những rặng núi cao, vẫn những luồng nhiệt áp thông thường, làm chiếc máy bay chúng tôi chợt hạ thấp xuống, tròng trành, cho đến khi lấy lại được thăng bằng vượt bay lên, để rồi lại hạ thấp xuống với đôi cánh rung bần bật; tàu bay rất mực êm thắm được một vài phút liền, rồi thì lại một cú thúc, khiến đôi cánh nhún nhẩy, để rồi máy bay lại đong đưa cho đến khi tự lấy lại thăng bằng và lên cao, như thể sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra nữa, nhưng sau đó lại rơi xuống – chuyện thường tình khi có gió lớn.

Xa xa những rặng núi xanh.

Sierra Madre Oriental.

Dưới chúng tôi sa mạc đỏ rực.

Ngay sau đó – khi chúng tôi vừa nhận được phần ăn trưa, gã Düsseldorfer và tôi, món ăn như thường lệ: nước trái cây, một lát sandwich trắng như tuyết với rau xanh – đột nhiên một động cơ thứ nhì chết máy, hoảng loạn, điều dĩ nhiên không tránh khỏi, mặc cho bữa ăn trưa còn nằm trên đầu gối. Tiếng ai đó hét lên.

Từ khoảnh khắc này trở đi mọi việc xảy ra rất chớp nhoáng –

Có lẽ vì lo ngại những động cơ còn lại chết máy tiếp, Phi hành đoàn đã quyết định hạ cánh khẩn. Tình hình chung là chúng tôi đang rơi dần xuống, tiếng loa phóng thanh khàn khàn, rè rè làm mọi người chẳng nghe được một lời chỉ dẫn nào đang được phát ra.

Điều tôi lo lắng trước tiên: đặt khay ăn trưa vào đâu?

Chúng tôi rơi dần xuống, mặc dù với hai động cơ, như đã nói, cũng đủ khả năng bay tiếp, cặp bánh xe bất động giữa không trung, như thường lệ trước khi hạ cánh, và tôi đặt liều khay ăn trưa ngay trên sàn giữa lối đi, lúc ấy chúng tôi còn cách mặt đất ít nhất năm trăm mét.

Không có gió lốc.

No smoking.

Máy bay chúng tôi có nguy cơ vỡ vụn hoặc bốc cháy khi hạ cánh khẩn là điều tôi biết rõ – tôi ngạc nhiên về sự trầm tĩnh của chính mình.

Tôi không nghĩ đến ai cả.

Mọi việc xảy ra rất nhanh gọn, như đã nói, phía dưới là cát, một thung lũng bằng phẳng giữa những ngọn đồi, nhìn như những đồi đá thì phải, tất cả hoàn toàn trơ trụi, sa mạc –

Thật ra mọi người chỉ căng thẳng.

Chúng tôi xuống thấp dần, như thể đang đáp xuống một phi đạo nào nằm phía dưới, tôi dán sát mặt vào cửa sổ, thường ta thấy được phi đạo chỉ vào những phút cuối cùng trước khi máy bay đáp, khi những cánh hãm tốc đã được mở ra. Tôi kinh

ngạc vì không thấy cánh hãm tốc được mở. Máy bay chúng tôi hẳn tránh bay vòng vèo để không bị đánh mất độ cao, và chúng tôi bay vượt khỏi dãy đất bằng thuận lợi đó, bóng chiếc máy bay càng lúc càng gần, nó lướt nhanh hơn cả chúng tôi, nhìn tưởng như thế, một miếng giẻ màu xám trên nền cát đỏ, bay phất phới.

Rồi thì vách đá –

Bây giờ chúng tôi lại bay lên cao.

Và, may mắn thay, lại cát, lần này cát lẫn chung với dứa dại, hai động cơ vẫn nổ hết vận tốc, và chúng tôi bay hàng phút đồng hồ cách mặt đất chừng một nóc nhà, giàn bánh xe lại được thâu vào. Thế là sẽ hạ cánh bằng bụng! Chúng tôi bay, giống như vẫn bay bình thường trên cao, tương đối êm thắm và giàn bánh xe không bung ra – nhưng chỉ cách mặt đất chừng một nóc nhà, như đã tả, và tôi biết, sẽ không có một phi đạo nào trước mặt, dẫu vậy tôi vẫn dán sát mặt vào cửa sổ.

Đột nhiên giàn bánh xe lại được bung ra, cho dù không có một phi đạo nào hiện ra, cộng thêm những cánh hãm tốc, ta có cảm giác như bị đấm thẳng vào dạ dầy, cú thắng gấp, cảm giác như bị rơi tuột xuống trong thang máy, trong giây phút cuối tôi mất bình tĩnh, chỉ biết cú hạ cánh khẩn – tôi chỉ còn nhìn thấy đám dứa dại lướt nhanh qua hai bên, rồi thì hai tay che trước mặt! – không khác gì hơn là một nhát búa gọn lỏn, người nhào về phía trước và bất tỉnh.

Sau đó là im lặng.

Chúng tôi thật quá sức may mắn, tôi chỉ biết nói thế, chẳng có ai phải mở một cửa thoát hiểm nào, tôi cũng vậy, không một ai nhúc nhích, chúng tôi nằm nhoài về trước, người tòng teng trên dây an toàn.

„Go on“, Phi hành trưởng lên tiếng, „go on!“

Không một ai nhúc nhích.

„Go on!“

Thật may không có lửa cháy, phải có người lên tiếng mọi người mới dám tháo dây an toàn, cửa máy bay mở toang, nhưng dĩ nhiên chả chiếc xe thang nào chạy đến như ta chờ đợi,

chỉ có cái nóng gay gắt, giống như ta mở cửa lò đốt, hơi than nóng.

Tôi không bị thương tích.

Rốt cuộc thang dây được thả xuống!

Chẳng cần ai ra lệnh, mọi người tự tập trung lại trong bóng râm dưới những cánh bay, ai nấy nín câm, như thể có lệnh tuyệt đối cấm nói giữa sa mạc. Chiếc Super-Constellation chúi nghiêng về phía trước, không hư hại nhiều, chỉ có giàn bánh trước hơi khụm xuống, vì lún trong cát, thậm chí còn nguyên vẹn. Bốn chữ thập cánh quạt loáng sáng dưới bầu trời xanh lơ, cả ba cánh lái đuôi cũng vậy. Không một ai nhúc nhích, như đã kể, có lẽ ai nấy đều chờ đợi Phi hành trưởng tuyên bố gì đấy.

„Well“, ông lên tiếng, „there we are!“

Ông ta cười.

Chung quanh không gì khác ngoài dứa dại, cát, rặng núi đỏ nằm phía xa, xa hơn ta phỏng đoán lúc nãy, ngoài ra chỉ toàn cát và cát, cát vàng, hơi nóng lung linh bên trên. Không khí như loại khí đốt ở thể lỏng. –

Thời điểm: 11 giờ 05

Tôi lên dây đồng hồ –

Nhân viên phi hành đoàn lấy chăn len ra đắp che nắng cho những bánh xe, trong lúc chúng tôi, mang trên người những tấm áo phao xanh lục, đứng quanh quẩn, nhàn nhã. Tôi không hiểu vì sao không một ai chịu cởi tấm áo phao ra.

Tôi không tin vào nghiệp duyên và số phận, là người kĩ thuật tôi thường quen tính toán với những công thức xác suất. Sao lại nghiệp duyên? Tôi công nhận: Không có tai nạn hạ cánh khẩn ở Tamaulipas[Xem 16] (26. tháng Ba) mọi chuyện có thể đã xảy ra khác hẳn; tôi sẽ không quen anh chàng Hencke trẻ tuổi này, tôi sẽ không bao giờ biết lại tin của Hanna, tôi có thể đến nay vẫn không được biết rằng tôi là một người cha. Không thể đoán biết hết được sự việc có thể đã xảy ra khác hẳn như thế nào nếu không có tai nạn hạ cánh khẩn ở Tamaulipas. Có thể Sabeth vẫn còn sống. Tôi không phủ nhận: Mọi chuyện xảy đến như vậy, không đơn thuần chỉ do một tình cờ, mà phải là một

chuỗi những tình cờ. Nhưng thế nào là nghiệp duyên? Để chứng minh sự kiện không tưởng là một bằng chứng hiện thực đã có xảy ra, với tôi toán học là đủ, chả cần tí huyền bí nào.

Nói theo toán học:

Sự kiện khả dĩ (khi dùng một hột xí ngầu đều đặn, thấy 6.000.000.000 lần, ta có thể đạt được 1.000.000.000 lần mặt số một) và sự kiện không khả dĩ (cũng với hột đó thấy 6 lần đạt được một lần 6 mặt số một) khác biệt nhau không từ bản chất mà tùy thuộc vào mật độ xuất hiện, ngay từ ban đầu sự kiện nào xuất hiện nhiều hơn sẽ được nhận thấy hợp lí hơn. Nhưng đến khi, một lần nào đó, một sự kiện không khả dĩ xảy ra, chả có cái gì tối cao đứng ở đằng sau nó, không một phép màu hoặc những trò tương tự, cái đám phi khoa học chỉ chờ đợi có thế. Khi đề cập đến sự kiện khả dĩ, sự không khả dĩ đã luôn luôn được bao gồm trong đó và phải hiểu nó như một giới hạn cuối cùng của những tình huống khả dĩ, và khi nó xuất hiện, sự kiện không khả dĩ, không có nguyên nhân nào khiến ta kinh ngạc, hoang mang giao động, nghĩ đến huyền bí.

Tài liệu so sánh:

Wahrscheinlichkeit und Gesetz của Ernst Mally, sau đó là *Wahrscheinlichkeitslehre* của Hans Reichenbach, sau nữa là *Principia Mathematica* của Whitehead và Russell, và thêm nữa là *Wahrscheinlichkeit, Statistik und Wahrheit* của v. Mises.

Thời gian chúng tôi nằm tại sa mạc Tamaulipas, Mexico, gồm bốn ngày và ba đêm, tổng cộng 85 tiếng, chả có gì nhiều để thuật lại về thời gian này – nó không là một trải nghiệm ấn tượng ghê gớm (như ai cũng chờ đợi khi nghe tôi kể lại). Trời lại quá nóng! Dĩ nhiên, tôi cũng liên tưởng ngay đến cuốn phim Disney, một cuốn phim hùng vĩ, và đã lôi ngay cái máy quay phim ra; nhưng chả thấy có gì ghê gớm, thỉnh thoảng một con rắn mối làm tôi giựt mình, một vài loài nhện cát, chỉ có thế.

Chúng tôi không có cách nào khác hơn là nằm chờ.

Việc đầu tiên tôi làm tại sa mạc Tamaulipas: tôi tự giới thiệu mình với gã Düseldorf, và bởi gã tỏ vẻ mê thích máy quay phim của tôi, tôi trình bày gã nghe về bộ ống kính.

Những người khác đọc sách.

May mắn thay ngay sau đó biết được gã cũng chơi cờ vua, và bởi tôi luôn luôn đi đường cùng với một bàn cờ vua bỏ túi, chúng tôi được giải thoát; gã thu xếp được ngay tức thì hai két Coca-Cola trống, chúng tôi ngồi cách biệt, trong bóng râm dưới cánh lái đuôi, để khỏi phải nghe những thị phi chung quanh – không quần áo, chỉ mang giày (vì cái nóng cháy của cát) và quần lót Jockey.

Buổi chiều của chúng tôi trôi qua nhanh như không.

Trước khi trời chạng vạng tối một khoảng ngắn, một chiếc máy bay xuất hiện, máy bay quân sự, đảo tròn thật lâu trên đầu chúng tôi, chẳng thả một thứ gì xuống, và biến mất về hướng bắc (tôi có thâu vào phim), hướng Monterey[18].

Bữa ăn tối: một khúc bánh mì kẹp phô mai, một nửa quả chuối.

Tôi rất chịu món cờ vua vì hàng giờ đồng hồ ta chả cần lên tiếng. Thậm chí chả cần nghe khi người kia nói. Ta chăm chú vào bàn cờ, và hoàn toàn không bị xem là khiếm nhã, nếu ta tỏ lộ cho biết không có nhu cầu làm quen với ai, ngược lại chỉ tập trung hết mình vào trận thế –

„Đến lượt ông!“ gã nói –

Khám phá ra rằng gã với Joachim, bạn tôi, người bạn bặt vô âm tín từ hai mươi năm nay, không những chỉ quen biết, mà lại chính là em ruột, là một tình cờ … Khi trăng lên (tôi cũng có thâu vào phim) giữa những bụi dứa dại đen đủi nằm tận chân trời, ta vẫn còn có thể chơi cờ vua tiếp tục, sáng đến như thế, nhưng trời chợt buốt lạnh; chúng tôi lò dò ra ngoài để hút một điếu thuốc, ra ngoài với đám cát, tôi thú thật, tôi chả bao giờ quan tâm đến phong cảnh, đừng nói gì đến phong cảnh sa mạc.

18 Một thành phố của Mexico, nằm phía đông bắc.

„Ông không đùa đấy chứ!“ gã buột miệng.

Gã thấy đây là một trải nghiệm ấn tượng.

„Ta đi ngủ!“ tôi nói, „– Khách sạn Super-Constellation, Holiday In Desert With All Accommodations!“

Tôi thấy lạnh.

Tôi thường tự hỏi, thiên hạ thật sự nghĩ gì khi nói về trải nghiệm. Tôi là người kĩ thuật và có thói quen nhận dạng sự vật, như chính nó. Tôi nhìn thấy tất cả những gì họ mô tả, rất chính xác; tôi đâu đui mù. Tôi nhìn thấy trăng trên sa mạc Tamaulipas – có thể trong hơn bao giờ hết, nhưng đó là một khối lượng có thể tính toán được, bay quanh trái đất chúng ta, một vấn đề thuộc trọng trường, một đề tài thú vị, nhưng tại sao lại là một trải nghiệm ấn tượng? Tôi nhìn thấy những vách đá chông nhọn, đen tuyền dưới ánh trăng; chúng nhìn như những tấm lưng tua tủa gai của thú tiền sử, có thể, nhưng tôi biết: Đó là vách núi, là đất đá, có thể là phún thạch, điều này phải tìm hiểu và kiểm chứng. Tại sao tôi phải hãi sợ? Thú vật tiền sử nay không còn nữa. Tại sao tôi phải tưởng nghĩ cho ra được chúng? Tôi cũng không nhìn thấy thiên thần hóa đá đâu cả, thật sự như thế; cũng không nhìn thấy quỉ dữ, tôi thấy, những gì tôi thấy: những hình dạng thông thường của xói mòn, thêm vào đó bóng tôi in dài trên cát, nhưng không có ma quái. Tại sao lại như đàn bà vậy? Tôi cũng không thấy Hồng thủy, chỉ thấy cát, dưới ánh trăng, được gió cuốn, dậy sóng như mặt nước, điều chả làm tôi ngạc nhiên; tôi không thấy đó là điều huyền diệu, mà là điều giải thích được. Tôi không biết những linh hồn bị đày đọa hình dáng như thế nào; có thể giống như những gốc dứa dại đen đủi giữa sa mạc trong đêm. Những gì tôi thấy là những đám dứa dại, một loài thảo mộc, chỉ nở hoa duy nhất một lần rồi lụi tàn. Ngoài ra tôi còn biết rằng tôi không phải (dẫu với thời điểm này là như thế) là người đầu tiên hoặc cuối cùng trên quả đất; và tôi không thể để cho í tưởng đơn giản rằng tôi là con người cuối cùng làm khiếp hãi, bởi sự thật không phải thế. Tại sao phải hoảng loạn? Núi đồi là núi đồi, dẫu được rọi chiếu từ một nguồn sáng nào đó nhìn biến dạng đi, có thể, nhưng đó là dãy Sierra Madre Oriental, và chúng ta hiện không đứng tại một cõi chết nào, mà thật sự ngay giữa sa mạc Tamaulipas, Mexico,

cách con lộ gần nhất khoảng sáu chục dặm, thật oái ăm, nhưng tại sao là một trải nghiệm ấn tượng? Với tôi một chiếc máy bay là một chiếc máy bay, tôi không nhìn thấy một loại chim đã tuyệt chủng nào qua đó, đó chỉ là một chiếc Super-Constellation với động cơ bị hỏng, chẳng là gì khác, dẫu cho ánh trăng có muốn soi chiếu vào nó như thế nào đi chăng nữa. Tại sao buộc tôi phải trải nghiệm những gì không hiện hữu? Tôi cũng không thể cả quyết được rằng có nghe một gì đó như từ cõi vĩnh hằng; tôi chẳng nghe gì cả, ngoài tiếng lào rào của cát dưới mỗi bước chân. Tôi co ro lạnh, nhưng tôi biết: trong vòng bảy đến tám tiếng nữa mặt trời sẽ quay trở lại. Tận thế, tại sao? Tôi không thể tự hình dung một chuyện vô nghĩa, chỉ để có được một trải nghiệm. Tôi nhìn thấy đường chân trời giáp với cát, trăng trắng giữa màn đêm màu xanh lục, phỏng chừng cách đây khoảng hai mươi dặm, và tôi không chấp nhận, tại sao từ nơi đấy, phía Tampico, lại là nơi bắt đầu của thế giới bên kia. Tôi biết Tampico. Tôi phản đối, tôi không để tôi phải sợ hãi vì những hoang tưởng vô nghĩa, hoặc giả chỉ vì hãi sợ vô lối mà trở thành hoang tưởng, đến độ thần bí.

„Đi thôi!“ tôi nói.

Herbert đứng và vẫn mãi trải nghiệm.

„Mà này“, tôi hỏi, „anh có bà con gì với một Joachim Hencke, đã từng học tại đại học Zürich không?“ Tôi chợt buột miệng lúc chúng tôi đứng, tay trong túi quần, cổ áo kéo lên cao; chúng tôi đang muốn bước vào trong thân tàu.

„Joachim?“ cậu ta thốt lên, „là anh tôi.“

„Không thể nào!“ tôi nói –

„Thật“, cậu ta bảo, „thật đấy – tôi đã kể ông hay rằng tôi đi thăm anh tôi tại Guatemala.“

Chúng tôi bật cười.

„Thế giới nhỏ bé biết bao!“

Ngủ qua đêm trong thân tàu, co ro trong manh áo bành tô và chăn len; nhân viên phi hành đoàn vẫn còn nấu trà phục vụ, cho đến khi nào hết nước uống.

„Anh ta khoẻ không?“ tôi hỏi. „Từ hai mươi năm nay tôi không được một mảnh tin tức nào về anh ta.“

„Cảm ơn“ cậu ta nói „cảm ơn –“

„Hồi xưa“, tôi nói, „tụi tôi thân nhau lắm –“

Những gì tôi biết được, là những chuyện đời thường: cưới vợ, một con (điều mà tôi đã không chịu chú í; bằng không sau này tôi đã không hỏi lại), rồi thì chiến tranh, bị tù binh, hồi hương về Düsseldorf và vân .. vân …, tôi sửng sốt, thời gian sao trôi nhanh quá, con người sao chóng già quá.

„Chúng tôi lo lắm“, cậu ta nói –

„Tại sao?“

„Anh tôi là người da trắng duy nhất ở dưới đó“, cậu ta nói, „từ hai tháng qua không có một mẩu tin nào –“

Cậu ta kể.

Phần đông hành khách đã ngủ, chúng tôi phải thì thầm, đèn chính trong thân tàu đã được tắt từ lâu để duy trì bình điện, người ta yêu cầu thế, ngọn đèn nhỏ phía trên chỗ ngồi cũng phải tắt đi; không gian tối đen, chỉ có ánh sáng của cát ở bên ngoài, đôi cánh bay dưới ánh trăng, sáng loáng, lạnh lẽo.

„Cái gì nổi loạn?“ tôi hỏi.

Tôi trấn an cậu ta.

„Cái gì nổi loạn?“ tôi nói, „có thể đơn giản là thư từ của anh ta bị thất lạc –“

Ai đó yêu cầu chúng tôi nên im tiếng.

Bốn mươi hai hành khách trong một chiếc Super-Constellation, không bay, mà lại đứng giữa sa mạc, một chiếc máy bay có chăn len quấn quanh những động cơ (để tránh cát) và có chăn len quấn quanh những bánh xe, hành khách cũng giống hệt vậy, nhìn như lúc đang bay, nằm ngủ trong ghế, nghiêng đầu qua một bên và phần đông há hốc miệng ra, nhưng cộng thêm vào đó là yên lặng như tờ, bên ngoài bốn chữ thập cánh quạt bóng loáng, ánh trăng trắng mướt trên cánh bay, tất cả bất động – một cảnh tượng kỳ quái.

Ai đó nói trong giấc mơ.

Buổi sáng tỉnh dậy, khi nhìn qua cửa sổ ra ngoài và thấy cát, sự kề cận với cát, tôi chợt giật mình vài giây, thật không cần thiết.

Herbert lại đọc một cuốn rororo.

Tôi mở cuốn lịch bỏ túi:

27. tháng Ba. lắp ráp ở Caracas!

Ăn sáng có nước trái cây, cộng thêm hai mẩu bánh biscuit, cộng thêm lời bảo đảm rằng thức ăn đang trên đường đi đến, luôn cả thức uống, không có gì phải lo ngại – lẽ ra họ không nên nói gì cả; bởi sau đó suốt ngày dĩ nhiên ai nấy đều trông ngóng tiếng động cơ.

Lại một cái nóng gay gắt điên người!.

Trong thân tàu lại càng nóng hơn –

Chỉ nghe: gió, nơi nầy nơi kia thi thoảng tiếng réo huýt của đám chuột cát, mà ta không hề nhìn thấy, tiếng sột soạt của một con rắn mối, ngoài ra hầu như là một cơn gió đều đều, gió không cuốn cát lên, như đã nói, mà chỉ sào sạt làm dấu chân ta luôn luôn bị xóa ngay tức thì; như không hề có một ai đã bước chân qua đây, không có hiện hữu của một tập quần bốn mươi hai hành khách cùng năm nhân viên phi hành đoàn.

Tôi muốn cạo râu –

Hoàn toàn chẳng có cái gì để thâu phim.

Tôi cảm thấy khó chịu khi râu lởm chởm không cạo; không phải vì cho người khác mà cho chính tôi. Tôi có cảm giác sẽ trở thành một thứ gì như cây cỏ, nếu râu không cạo, và bất giác đưa tay sờ cằm. Tôi lôi cái máy ra và tìm mọi cách, nói đúng ra là tìm mọi vô vọng, bởi không có điện, chả làm được gì cả với cái máy này, tôi biết điều đó – và đó chính là điều làm tôi khó chịu: rằng giữa sa mạc không có điện, không có điện thoại, không có ổ cắm điện, không gì cả.

Một lần, vào trưa, nghe tiếng động cơ.

Tất cả, ngoại trừ Herbert và tôi, thảy đều ra đứng dưới mặt trời thiêu đốt, ngóng trông lên bầu trời tím ngắt phủ trùm trên đám cát vàng cùng những bụi kế dại xám xịt và những rặng núi ngờ ngờ đỏ, chỉ là một âm thanh rù rù mong manh, một

chiếc DC-7 quen thuộc, chói lói tuốt trên cao, phản chiếu ánh nắng trắng như tuyết, thẳng hướng Mexico-City, nơi lẽ ra chúng tôi giờ này hôm qua đã đáp xuống.

Tâm trạng mọi người chưa bao giờ thiểu não đến thế.

Hai chúng tôi có trò cờ vua, may thay.

Nhiều hành khách noi theo chúng tôi, chỉ trang phục vừa đủ với đôi giày và quần lót; đám phụ nữ gặp khó khăn hơn, nhiều bà ngồi trong chiếc váy đầm xắn cao và trong nịt vú màu xanh hoặc màu trắng hoặc màu hồng, áo cánh quấn trên đầu như đội khăn Ấn độ.

Nhiều người than vãn bị nhức đầu.

Có ai đó bị nôn mửa –

Chúng tôi lại vẫn ngồi cách biệt, Herbert và tôi, trong bóng râm dưới cánh lái đuôi, cái cánh lái cũng như đôi cánh bay, phản chiếu ánh nắng từ cát soi ngược lên, rọi xuống, để mặc dù ngồi trong bóng râm ta vẫn như đang ngồi dưới một ngọn đèn pha, và chúng tôi như thường lệ nói chuyện rất ít trong bàn cờ. Có lần tôi hỏi:

„Joachim hiện nay không có gia đình nữa sao?“

„Không“, cậu ta trả lời.

„Li dị?“

„Vâng“, cậu ta nói.

„Chúng tôi chơi cờ vua nhiều lắm – hồi đó.“

„Vậy hở“, cậu ta nói.

Sự cộc lốc của cậu ta khiến tôi bực mình.

„Anh chàng cưới ai vậy?“

Tôi hỏi để giết thì giờ, tôi khó chịu vì không được phép hút thuốc, tôi ngậm điếu thuốc trên miệng, không châm lửa, bởi vì Herbert định thần quá lâu, mặc dù cậu ta đã thấy rõ tình hình không cứu vãn được nữa; tôi hơn một con mã và đang nắm chắc thế thượng phong, chợt cậu ta sau một thời gian dài lặng im, và rất là vô tình, giống như tôi đã hỏi lúc nãy, nhắc đến tên của Hanna.

„– Hanna Landsberg, ở Munich, lai nửa máu Do Thái.“

Tôi không nói tiếng nào.

„Đến lượt anh!“ cậu ta nói.

Tôi tuyệt nhiên không để lộ thấy một điều gì, tôi tin thế. Tôi bật lửa châm hố điếu thuốc, điều đang ngặt cấm, và vội dụi tắt ngay. Tôi làm vẻ như đang suy tính nước cờ, và bị thua dần từng quân một –

„Cái gì thế?“ cậu ta cười, „cái gì thế?“

Chúng tôi không chơi hết ván đó, tôi chịu thua và xoay bàn cờ nhỏ lại, sắp quân cho ván mới. Không một lần nào tôi dám thử đặt câu hỏi xem Hanna còn sống không. Chúng tôi chơi hàng giờ đồng hồ không thốt một lời, thi thoảng buộc phải xê dịch cái két Coca-Cola để được ngồi trong bóng râm, có nghĩa là: bắt buộc phải luôn luôn ngồi trên đống cát nóng vừa được nung đỏ dưới nắng. Chúng tôi vã mồ hôi như ngồi trong phòng tắm hơi, cúi người không nói tiếng nào trên bàn cờ vua bỏ túi bằng da, rất tiếc đang bị những giọt mồ hôi của chúng tôi nhỏ xuống làm nhòa màu.

Không còn gì để uống nữa.

Tại sao tôi đã không hỏi xem Hanna còn sống không, tôi không biết – có thể vì sợ cậu ta sẽ báo tôi biết tin Hanna đã về Theresienstadt.

Tôi tính tuổi hiện nay của nàng.

Tôi không mường tượng ra được nàng.

Xế chiều, trước khi trời sắp nhá nhem tối, chiếc máy bay hứa hẹn rốt cuộc mới xuất hiện, một chiếc máy bay thể thao, đảo quanh thật lâu, đến cuối mới dám thả những cánh dù xuống: ba bao và hai thùng, trong vòng ba trăm thước phải đi tải về – chúng tôi được giải thoát: *Carta blanca, Cerveza Mexicana*, một loại bia ngon, đến nỗi Herbert, là dân Đức, cũng phải công nhận, khi đứng giữa sa mạc lon bia cầm tay, giữa quần thể những nịt vú và quần lót, cộng thêm vào đó một lần nữa cảnh mặt trời lặn, tôi có thâu vào phim màu.

Tôi mơ thấy Hanna.

Hanna, trong vai nữ cứu thương trên lưng ngựa!

Rốt cuộc vào ngày thứ ba một chiếc trực thăng đầu tiên, ít ra cũng phải đón cho bằng được bà đại phú Á căn đình cùng hai đứa con, và nhận thư; máy bay sẽ chờ thư một tiếng.

Herbert viết ngay về Düsseldorf.

Ai nấy đều ngồi và viết.

Người ta hình như phải viết, cốt để đám người dễ mến chung quanh đừng đặt câu hỏi sao ta không có vợ, sao không mẹ, sao không con, – tôi lôi cái máy đánh chữ Hermes-Baby (đến nay nó vẫn còn đầy cát) và đặt một khung giấy vào, loại có bản sao giấy than, bởi tôi định sẽ viết cho Williams, gỏ ngày tháng và đẩy – đến phần ghi tên:

„My Dear! „

Tôi bỗng viết cho Ivy. Từ lâu tôi đã có thúc bách, giải tỏa mọi chuyện rõ ràng ngô ra ngô, khoai ra khoai. Mãi đến nay tôi mới được một dịp có thời gian và yên tĩnh, cái yên tĩnh của nguyên một vùng sa mạc

„My Dear –“

Rằng tôi đang ngồi giữa sa mạc, cách thế giới của phương tiện giao thông sáu mươi dặm, kể xong rất nhanh. Rằng trời nóng, thời tiết tốt, không một vết tích trầy sướt và vân .. vân .. , thêm vào đó một vài chi tiết minh họa: két Coca-Cola, quần lót, trực thăng, làm quen với một tay chơi cờ vua, mọi chuyện này cũng không đong đầy nổi một bức thư. Gì nữa? Rặng núi xanh xanh tận nơi xa. Gì nữa? Hôm qua uống bia. Gì nữa? Ngay chuyện cỏn con nhờ nàng gởi thêm phim mới tôi cũng không thể viết và tôi biết rằng Ivy, như mọi phụ nữ, thật ra chỉ muốn biết tôi đang cảm thấy gì hoặc đang nghĩ gì nếu tôi bảo rằng tôi chẳng cảm thấy gì cả, và mặc dù tôi biết rất rõ điều này: Tôi đã không cưới Hanna, người tôi đã yêu, tại sao tôi lại phải cưới Ivy? – nhưng diễn tả được điều này mà không gây tổn thương quả thật không dễ dàng chút nào, bởi nàng không biết mảy may gì về Hanna vả lại nàng là một khứa dễ thương, nhưng lại là một mẫu phụ nữ Mĩ có đức tin rằng phải cưới cho bằng được mọi gã đàn ông nào đã lôi được nàng vào giường. Trong khi đó Ivy là gái có chồng, tôi không biết đã qua bao nhiêu đời, và chồng nàng, là công chức tại Washington, không hề nghĩ đến

li dị; bởi hắn yêu Ivy. Liệu hắn có đoán được vì sao Ivy đều đặn bay đến New York, tôi không thể biết. Nàng bảo nàng đi bác sĩ tâm lí, và nàng có đi thật. Dẫu sao chưa bao giờ có ai gõ cửa phòng tôi, nhưng tôi không chấp nhận được tại sao Ivy, bình thường vẫn tân thời trong quan điểm sống, lại muốn biến tình trạng sống này đến hôn nhân; rõ ràng thời gian sau này chúng tôi chỉ cãi vã nhau, tôi thấy thế, cãi vã quanh mỗi chuyện nhỏ nhặt. Cãi vã vì chuyện Studebaker-hay-Nash[19]! Chỉ cần tôi nghĩ đến đấy thôi – mọi chuyện bỗng nhiên như tự gỏ lấy, đến nỗi tôi phải nhìn đồng hồ để kịp hoàn tất lá thư trước khi chiếc trực thăng cất cánh.

Động cơ trực thăng đã nổ máy –

Không phải tôi, mà chính Ivy đã đòi chiếc Studebaker; trước tiên là màu sơn (màu đỏ cà chua như nàng nghĩ, màu đỏ dâu mâm xôi theo tôi) phải theo í nàng, không được theo tôi, những trò kĩ thuật đối với nàng là thứ yếu. Ivy là người mẫu, nàng chọn áo quần của nàng theo màu xe, tôi tin thế, nước sơn xe theo màu son môi nàng hay ngược lại, tôi không biết. Tôi chỉ thuộc những trách móc muôn thuở của nàng: rằng tôi hoàn toàn không có khiếu thẩm mĩ và rằng tôi không chịu cưới nàng. Thật ra như đã nói, nàng là một khứa dễ thương. Nhưng điều tôi đã dám nghĩ đến việc bán chiếc Studebaker cưng của nàng đi là chuyện nàng thấy không thể được, và qua đấy lộ rõ bản chất con người tôi, chính tôi đã không hề, một giây cũng không, nghĩ đến hàng loạt xiêm áo của nàng, rất hợp và rất nổi với chiếc ‚Studebaker-màu dâu mâm xôi', đấy là điển hình con người tôi, vì tôi là một người ích kỷ, một gã thô lậu, một thằng man rợ về mặt thẩm mĩ, một kẻ vô nhân trong quan hệ với phụ nữ. Tôi thuộc lòng những oán trách của nàng và chán ngấy chúng. Rằng trên nguyên tắc tôi không cưới vợ, tôi đã nói quá thừa rồi, hoặc ít nhất đã làm cho nàng hiểu được điều này, lần cuối tôi cũng đã nói ra, ngay tại sân bay, khi chúng tôi phải đợi chiếc Super-Constellation này những ba tiếng đồng hồ dài. Ivy thậm chí đã khóc, vậy có nghĩa là nàng đã nghe được những gì tôi nói.

19 Nash (xem [12]) và Studebaker là hai nhãn hiệu xe hơi của Mĩ. Hãng Studebaker được thành lập từ 1852; sản xuất xe hơi từ 1897 đến 1966. Hai hãng nay đều không còn.

Nhưng có lẽ Ivy cần điều ấy trên giấy trắng mực đen. Nếu mọi người và tôi có chết cháy trong vụ hạ cánh khẩn này thì nàng cũng thừa sức sống không có tôi! – tôi viết cho nàng (rất may là có bản sao giấy than) khá rõ ràng, tôi nghĩ thế, để tiết kiệm cho chúng tôi một cuộc tái ngộ.

Chiếc trực thăng đã sẵn sàng –

Tôi không thể duyệt lại lá thư vừa viết được nữa, chỉ kịp nhét vào bao, dán lại và trao đi – nhìn, chiếc trực thăng cất cánh.

Dần dần ta có râu.

Tôi khao khát điện –

Dần dần sự việc trở nên chán ngắt, nói trắng ra là một vụ việc tai tiếng khi bốn mươi hai hành khách và năm nhân viên phi hành đoàn mãi đến nay vẫn chưa được cứu thoát khỏi vùng sa mạc này, mà trong đó phần lớn hành khách chúng tôi đều đi công chuyện khẩn cấp.

Có lần tôi lại hỏi:

„Cô ấy còn sống?“

„Ai?“ cậu ta hỏi.

„Hanna – vợ anh ấy.“

„À“, cậu ta nói và chỉ suy tính xem nên chống đỡ nước xuất quân thí chốt của tôi như thế nào, lại thêm tiếng sáo mồm của cậu ta, âm thanh làm tôi bực mình nãy giờ, một tiếng sáo mồm phát ra chỉ nửa thanh âm không cung bậc, lanh lảnh như van hơi xì, bất giác – tôi buộc hỏi thêm:

„Cô ấy hiện ở đâu?“

„Tôi không biết“, cậu ta nói.

„Nhưng còn sống?“

„Tôi đoán thế.“

„Cậu không biết à?“

„Không“, cậu ta nói, „nhưng tôi đoán thế –“ Cậu ta lập lại mọi điều như một âm vọng, vang lại từ chính cậu ta: „– tôi đoán thế.“

Ván cờ đối với cậu ta quan trọng hơn.

„E rằng mọi thứ quá trễ“, sau đó cậu ta nói, „ e rằng mọi thứ quá trễ.“

Cậu ta ám chỉ ván cờ.

„Cô ấy di tản kịp không?“

„Có“, cậu ta nói, „chị ấy đi kịp –“

„Hồi nào?“

„1938“, cậu ta nói, „vào giây phút cuối –“

„Đi đâu?“

„Paris, “ cậu ta nói, „rồi hình như đi tiếp, bởi một vài năm sau tụi này cũng đến Paris. – Phải nói là thời gian đẹp nhất của tôi! Trước khi tôi đi Caucasus. Sous les toits de Paris!“

Không gặn hỏi thêm được gì hơn.

„Này anh“, cậu ta nói, „Tình thế nát bét, tôi thấy vậy, nếu tôi không chịu thí quân ngay bây giờ.“

Chúng tôi chơi càng lúc càng bớt hứng thú.

Sau này mới biết, lúc đó tám chiếc trực thăng quân đội Mĩ nằm tại biên giới Mexico đợi giấy phép của cơ quan sở tại để đón chúng tôi.

Tôi lau chùi cái Hermes-Baby của tôi.

Herbert đọc sách.

Chúng tôi không có cách nào khác hơn là nằm chờ.

Đôi điều về Hanna:

Dù có muốn tôi cũng không thể cưới Hanna được, hồi đó, từ 1933 đến 1935, tôi là phụ giảng viên tại Cao Đẳng Kĩ thuật Quốc gia Thụy sĩ, ở Zürich, đang làm luận án tiến sĩ (*Über die Bedeutung des sogenannten Maxwell'schen Dämons*) và kiếm được ba trăm phật lăng một tháng, một đám cưới thời điểm đó không thể nghĩ đến được, chỉ riêng về mặt kinh tế mà nói, chưa tính đến những chuyện khác. Hanna cũng chẳng bao giờ trách tôi một lời rằng tại sao hồi đó không cưới nhau. Phần tôi rất sẵn sàng. Cơ bản là chính Hanna hồi đó không muốn cưới.

Quyết định của tôi, thay đổi hành trình công tác và đánh một vòng qua Guatemala vì chuyện riêng, chỉ để gặp lại người bạn cũ từ thời niên thiếu, đến với tôi ngay trên sân bay mới của Mexico-City, và lại đúng vào giây phút cuối; tôi đã đứng ngay cổng cách li, bắt tay thêm lần nữa, nhắn gởi Herbert lời thăm đến người anh của cậu ta, nếu anh chàng Joachim còn nhớ đến tôi – thì lại nghe tiếng loa phóng thanh quen thuộc: *Your attention please, your attention please*, lại một chiếc Super-Constellation, *all passengers of Panama – Caracas – Pernambuco*, tôi ớn nhợn thật sự, lại phải chui vào máy bay, lại phải cài dây nịt, Herbert bảo:

„Thôi, anh ra đi!“

Tôi được tiếng rất nghiêm túc trong nghề nghiệp, rốt ráo đến độ khắc khe, dù sao chưa bao giờ tôi để xảy ra chuyện trễ nãi công việc chỉ vì hứng bốc đồng, đừng nói đến chuyện thay đổi hành trình công tác – một tiếng sau tôi cùng bay với Herbert.

„Này anh!“, cậu ta nói, „Anh bốc thật!“

Tôi không biết thật sự việc gì đã xảy ra.

„Giờ thì đến dịp mấy cái turbine chờ tôi vậy“, tôi bảo, „tôi cũng đã từng chờ turbine rồi – giờ thì đến dịp chúng chờ tôi!“

Dĩ nhiên đó không phải là một lập luận chính đáng.

Ngay tại Campeche[20] cái nóng gay gắt cùng với mặt trời nhầy nhụa và không khí rít nháp đã chào đón chúng tôi, mùi thối của bùn vữa dưới nắng, và khi quệt lau mồ hôi trên mặt thì hệt như ta cũng tanh đầy mùi cá. Tôi không nói tiếng nào. Cuối cùng thì chẳng ai buồn lau mồ hôi nữa, chỉ ngồi bệt xuống, nhắm nghiền mắt lại và ngậm kín miệng mà thở, đầu tựa vào tường, chân duỗi thẳng ra. Herbert chắc chắn rằng chuyến tàu chạy vào mỗi thứ Ba, cậu ta biết với chứng cớ hẳn hoi, theo cuốn hướng dẫn du lịch đem theo từ Düsseldorf – nhưng, theo

20 Thành phố nằm phía đông của Mexico.

như tình cờ phát hiện được sau năm tiếng ngồi chờ, tàu chạy không vào ngày thứ Ba, mà là thứ Hai.

Tôi không nói một lời.

Trong khách sạn dù sao cũng có một phòng tắm, một khăn lông sặc mùi long não, thường lệ tại vùng này, và khi ta muốn tắm, từ cánh màn mốc meo những con bọ lớn bằng lóng tay rơi rụng xuống – tôi trấn nước chúng, nhưng một lát sau từ lỗ thoát nước chúng lại ngoi lên, cho đến khi tôi lấy gót chân nghiền nát chúng mới có thể bắt đầu tắm được.

Tôi nằm mơ thấy đám bọ.

Tôi cương quyết giã từ Herbert và bay trở về vào trưa ngày mai, bạn với bè; chả phải nhùng nhằng gì nữa –

Tôi lại thấy nhói dạ dày.

Tôi nằm trằn truồng như nhộng –

Mùi hôi thối tỏa lan suốt đêm.

Herbert cũng nằm trằn truồng như nhộng –

Campeche dù sao cũng là một thành phố, một khu dân cư có điện khí để ta có thể cạo râu được, và có điện thoại; mà trên những đường dây bầy kên kên đã đậu sẵn lớp trước lớp sau rình chờ, đến khi thấy một con chó bị chết đói, một con lừa vừa gục chết, một con ngựa mới bị xẻ thịt, tức thì chúng sà ngay xuống … Chúng tôi vừa kịp đến để thấy chúng đang xúm xít giành giựt đống lòng phèo bầy nhầy, một lũ háu đói hỗn loạn những con chim màu đen tím với đám lòng ruột bết máu trên mỏ, đuổi không đi, kể cả khi xe hơi chạy ngang qua; chúng kéo đống xác đến nơi khác, không thèm bay lên, chỉ nhảy, chỉ lê chuyền trên mặt đất, mọi việc xảy ra ngay giữa chợ.

Herbert mua một trái thơm.

Tôi cương quyết, như đã nói, bay trở về Mexico-City. Tôi thất vọng chán chường. Tại sao tôi không bay về, tôi không hiểu.

Thoắt lát đã đến trưa –

Chúng tôi đứng giữa nắng trên một bờ đê, nơi mùi thối bớt hẳn, nhưng thay vào đó nóng dữ hơn, vì không có bóng mát, và ăn trái thơm, chúng tôi phải cúi gập người về phía trước,

nước thơm nhểu xuống nhiều đến thế, rồi bước trên những phiến đá đi xuống rửa những ngón tay rít nước mật; làn nước ấm cũng rít nháp như vậy, nhưng có mùi mặn, không ngọt, và những ngón tay chợt thoảng hôi mùi rong biển, mùi dầu máy, mùi ngêu sò, mùi thối vữa không định vị được, làm ta phải chùi ngay vào khăn tay. Bỗng nhiên có tiếng động cơ! Tôi đứng như tê dại. Chuyến DC-4 đưa tôi đến Mexico-City đang bay ngang trên đầu chúng tôi, rồi hướng ra biển cả, tan biến giữa khung trời nóng bức giống như tan trong một dung dịch acít xanh lơ.

Tôi không nói tiếng nào.

Tôi không biết ngày hôm đó trôi qua như thế nào.

Ngày trôi qua –

Con tàu của chúng tôi (Campeche-Palenque-Coatzacoalcos) ngon lành hơn chờ đợi: Một đầu máy chạy dầu cặn và bốn toa có điều hòa không khí, để cho chúng tôi có thể quên đi cái nóng gay gắt, cùng cái nóng quên luôn sự vô nghĩa của cuộc hành trình này.

„Chẳng biết Joachim còn nhớ tôi không?“

Đôi khi trong đêm con tàu ngừng giữa chặng đường trống, không biết vì cớ gì, không một chút ánh sáng, chỉ nhờ vào một cơn giông từ phía xa ta mới nhận ra được tàu đang chạy giữa rừng thẳm, khi thì giữa đầm lầy, ánh giông chớp tỏa sáng sau một lưới bện chặt vào nhau dầy đặc những cây cối đen đủi, tiếng còi tàu tút tút, tút tút vang vọng vào màn đêm, không thể mở được cửa sổ để nhìn chuyện gì xảy ra … Thình lình nó lại chạy tiếp: ba mươi cây số giờ, mặc dù mặt đất phẳng lì, chặng đường thẳng tắp. Dù sao đi nữa mọi người hài lòng vì tàu tiếp tục chạy.

Có một lần tôi hỏi:

„Tại sao họ li dị?“

„Không biết“, cậu ta nói, „chị ấy theo cộng sản, tôi nghĩ thế –“

„Chỉ vậy thôi sao?“

Cậu ta ngáp.

„Tôi không biết“, cậu ta nói, „không sống chung được. Tôi không bao giờ hỏi đến.“

Một lần, khi con tàu lại ngừng, tôi bước đến cửa toa nhìn ra ngoài. Ngoài kia là cái nóng bức mà ta đã quên bẵng, một màn tối ẩm ướt và tĩnh lặng. Tôi đặt bước xuống bậc cửa để chân, tĩnh lặng cùng ánh giông chớp, một con trâu đứng yên ngay trước mặt chúng tôi giữa đường rầy thẳng thắp, chỉ có thế. Nó đứng như con thú nhồi rơm, bị lóa bởi ánh đèn pha chiếu sáng từ con tàu, bướng bỉnh. Ta lại tức thì vã đầy mồ hôi trên trán và trên cổ. Tàu vẫn túc túc, túc túc. Chung quanh không gì khác hơn ngoài rừng rậm. Vài phút sau con trâu (hoặc con thú gì đã đứng đó) lững thững rời khỏi ánh đèn pha, và tôi nghe tiếng sột soạt trong đám rừng rậm, tiếng cành cây gãy, rồi một âm thanh như tiếng vỗ, tiếng bì bõm nó lội dưới nước mà ta không nhìn thấy –

Và chúng tôi đi tiếp.

„Họ có con không?“ tôi hỏi.

„Một bé gái –“

Chúng tôi sửa soạn ngủ, áo vét dưới gáy, chân duỗi thẳng lên những ghế trống trước mặt.

„Anh có quen chị ấy?“

„Vâng“, tôi nói, „sao vậy?“

Cậu ta ngủ liền sau đó –

Trong sương sớm vẫn là rừng rậm, mặt trời ló dạng trên đường chân trời giáp ranh với rừng thẳm phẳng lì, thật lắm cò, chúng vỗ cánh bay lên một bầy trắng hếu trước con tàu chậm chạp, rừng rậm vô cùng tận, ngút tầm mắt, đâu đó nơi nầy nơi kia một cụm mấy chòi tranh của dân Indio núp kín dưới những cây đầy dây rễ, thỉnh thoảng chơ vơ một cây cọ cao, còn phần lớn là cây có tán rộng, những cây keo và những cây không tên tuổi, còn lại toàn là bụi rậm, một loài dương xỉ sót lại từ thời trước đại hồng thủy, không gian đầy những chim lông vàng màu lưu huỳnh, mặt trời lại như nằm sau tấm kính đục, mờ sương, ta thấy được cái nóng nực.

Tôi đã mơ – (Không mơ về Hanna!)

Khi chúng tôi một lần nữa ngừng lại trên chặng đường trống, đã tới Palenque, một trạm xe lửa nhỏ nhoi ở chốn nào đó, một căn vựa nhỏ xíu cạnh đường rầy, một bảng tín hiệu, chỉ có thế, nơi không một ai lên tàu và không một ai xuống tàu ngoài chúng tôi, không có đến một đường rầy thứ nhì (nếu tôi nhớ không lầm), chúng tôi hỏi đi hỏi lại đến ba lần, có phải đây là Palenque không.

Mồ hôi lập tức lại vã ra –

Chúng tôi đứng cùng hành lí, khi con tàu chạy tiếp, như đứng tại tận cùng thế giới, tối thiểu là tận cùng của nền văn minh, và dĩ nhiên chả thấy đâu bóng dáng một chiếc jeep lẽ ra phải chờ sẵn nơi đây để đưa Ông lớn từ thành phố Düsseldorf đến ngay trang trại.

„There we are!“

Tôi cười.

Dù sao còn có một con đường nhỏ, và nửa tiếng sau, chuỗi thời gian đầy đọa chúng tôi gần kiệt sức, từ sau những lùm cây đám trẻ nhỏ túa ra, lát sau một gã dân thổ cưỡi lừa đỡ lấy hành lí chúng tôi, một người Indio dĩ nhiên, tôi chỉ cầm bên mình cặp giấy tờ màu vàng của tôi, chiếc cặp có fermeture kéo kín.

Chúng tôi treo dài người tại Palenque năm ngày trời.

Chúng tôi treo dài người trên võng, luôn luôn một chai bia trong tầm với, mồ hôi vã ra, làm như đổ mồ hôi là mục đích của cuộc sống, không có khả năng quyết định bất cứ chuyện gì, thật ra cũng hài lòng, bởi bia ngon tuyệt diệu, *Yucateca*, ngon hơn bia ở những đô thị trên cao nguyên, chúng tôi treo dài người trên võng và uống để mồ hôi tiếp tục tuôn ra và tôi không còn biết chúng tôi thật sự muốn gì.

Chúng tôi muốn một chiếc jeep!

Nếu không nhắc lại liên tục điều đó ta sẽ quên bẵng mất, ngoài ra cả ngày chúng tôi nói rất ít, một tình huống lạ thường.

Một chiếc jeep, đúng, nhưng tìm đâu ra?

Nói nhiều chỉ thêm khát.

Chủ nhân khách sạn bé tí của chúng tôi (*Lacroix*) có một chiếc Landrover, có lẽ là chiếc xe độc nhất tại Palenque, nhưng chính lão ta cần nó để chạy ra nhà ga đón bia và khách đến, đấy là đám người thiết tha với đền đài phế tích của dân Indio, những kẻ yêu thích Kim tự tháp; lúc này chỉ một tay có mặt tại nơi đây, một chàng Mĩ trẻ, nói nhiều, nhưng may thay gã đi vắng suốt ngày – ở ngoài những đền đài phế tích, nơi mà chúng tôi, theo í gã, nên tham quan.

Tôi không hề nghĩ đến chuyện đó!

Đi mỗi bước mồ hôi lại tuôn vã ra, lượng mồ hôi này buộc phải được bổ sung bằng bia tức thì, và ta chỉ có thể chịu đựng được bằng cách treo dài người trên võng với đôi chân trần và không được nhúc nhích, hút thuốc, trạng thái duy nhất có thể làm được là thờ ơ với thảy mọi việc – thậm chí tin đồn trang trại bên kia biên giới đã bị bỏ hoang từ mấy tháng nay cũng chẳng làm chúng tôi hốt hoảng; chúng tôi nhìn nhau, Herbert và tôi, và uống bia.

Cơ may duy nhất của chúng tôi: chiếc Landrover.

Nó đậu dài ngày trước khách sạn –

Nhưng lão chủ khách sạn, như đã kể, cần nó!

Chỉ sau khi mặt trời lặn (mặt trời thật ra không lặn, chỉ nhạt đi sau màn sương mờ) khí trời trở mát hơn, để ít ra ta có thể ghẹo đùa nhau đôi chút. Về tương lai của điếu xì gà Đức! Tôi chỉ thấy nực cười, đơn giản thế thôi, về chuyến hành trình của chúng tôi và mọi thứ. Dân bản xứ nổi loạn! Tôi không tin vào điều này dẫu chỉ một khoảnh khắc nhỏ; đối với chuyện đó thì đám dân Indio này quá đỗi hiền lành, quá ôn hòa, đến độ ngây thơ. Chiều qua chiều họ ngồi xổm trên nền đất trong chòi tranh trắng nhạt của họ, bất động như gốc nấm, hài lòng, không cần ánh sáng, yên lặng. Mặt trời và mặt trăng cho họ đủ ánh sáng, một dân tộc dịu dàng, bí ẩn, rất đỗi hiền hòa.

Herbert hỏi giờ tôi suy tính thế nào.

Chẳng suy tính gì ráo!

Giờ nên làm gì, cậu ta hỏi.

Tắm –

Tôi tắm từ sáng đến tối, tôi thù ghét mồ hôi, bởi vì ta có cảm tưởng như ta là một con bịnh. (Trong suốt cuộc đời tôi chưa bịnh lần nào, ngoại trừ một lần lên sởi) Tôi nghĩ Herbert cho rằng tôi không hết lòng với bạn bè, nên chả suy tính gì ráo, nhưng trời thật sự quá nóng để có thể suy tính được gì, hoặc giả ta suy tính đủ điều – như Herbert.

„Đi“, tôi nói, „mình đi xem chiếu bóng!“

Herbert thật sự tin rằng tại Palenque, một khu gồm toàn những chòi tranh Indio, lại có một rạp chiếu bóng, và nổi giận khi thấy tôi cười.

Trời không mưa nổi.

Trời làm giông chớp mỗi tối, đấy là trò giải trí duy nhất của chúng tôi về đêm, Palenque có một máy chạy dầu cặn, dùng để phát điện, nhưng đến 21:00 giờ thì ngừng chạy, cho ta chợt lửng lơ trong sâu hút của rừng thẳm và chỉ còn thấy được ánh giông chớp, sáng xanh như ngọn đèn thạch anh, cộng thêm bầy đom đóm đỏ, trăng muộn, nhầy nhụa, không thấy được sao, trời quá mờ sương … Joachim không viết thư thật ra chỉ vì trời quá nóng, tôi có thể hiểu được chuyện đó; anh chàng đang treo dài người trên võng như chúng tôi, ngáp, hoặc giả có thể chết mất rồi – việc này chẳng cần suy tính gì cả, tôi thấy vậy, chỉ việc chờ, cho đến khi có được một chiếc jeep, vượt qua biên giới để nhìn thấy.

Herbert quát vào mặt tôi:

„Một chiếc jeep! – từ đâu ra?“

Cậu ta ngáy liền ngay sau đó.

Ngoài ra, khi máy dầu cặn ngừng chạy, tĩnh lặng ngự trị trên mọi vật; một con ngựa gặm cỏ dưới ánh trăng, cũng trong bãi sân ấy một con nai, không động đậy, xa xa một con lợn nái đen đủi, một con gà tây không chịu được ánh giông chớp chạy loanh quanh, xa nữa một bầy ngỗng đâm hốt hoảng vì chú gà tây, dáo dát, rộn lên tiếng cạp cạp, rồi tĩnh lặng trở lại, ánh giông chớp tỏa trên vùng đất buồn thảm, chỉ còn nghe tiếng ngựa gặm cỏ suốt đêm.

Tôi nghĩ đến Joachim.

Nhưng nghĩ chuyện gì?

Bỗng nhiên tôi không ngủ được.

Chỉ có chàng ‚mê phế tích' của chúng tôi là lắm lời, và nếu chú í lắng nghe, cũng khá thú vị; từ dân Tolteken, dân Zapoteken cho đến dân Azteken[21], dẫu đã xây cất được đền đài, nhưng chưa hề biết dùng đến bánh xe. Gã đến từ Boston và là một nhạc sĩ. Đôi khi gã làm tôi bực mình, như hầu hết các giới nghệ sĩ, tự nhận mình là những sinh vật quá cao hoặc giả quá thấp hơn người thường, bởi lẽ đám ấy chẳng hiểu quái gì về kĩ thuật.

Cuối cùng tôi cũng thiếp đi.

Buổi sáng, ngày nào cũng vậy, một thứ tiếng ồn ào lạ kỳ đánh thức tôi dậy, nửa như âm nhạc, nửa như là tiếng động của nhà máy, một tiếng động tôi không diễn tả được, không lớn, nhưng rộn rã như tiếng ve kêu, âm thanh của kim loại, đơn điệu, rõ là một chuyển động của máy móc, nhưng tôi không nhận đoán ra được, và lát sau, khi chúng tôi vào làng để ăn sáng, tiếng ồn nín bặt, không nghe thấy gì nữa cả. Chúng tôi là thực khách duy nhất trong cái quán cóc độc nhất, nơi đấy chúng tôi bao giờ cũng gọi độc một món: Huevos à la mexicana[22], cay xé, nhưng hình như rất bổ dưỡng, cộng thêm với tortillas[23], cộng thêm với bia. Bà bán quán người Indio, một bà chủ với những bím tóc đen nghĩ rằng chúng tôi là những nhà nghiên cứu. Mái tóc bà làm ta liên tưởng đến bộ lông chim, đen tuyền lóng lánh những ánh xanh dương, xanh lục, cộng thêm hàm răng trắng ngà mỗi khi bà ta mỉm cười, và đôi mắt dịu hiền cũng đen tuyền như thế.

„Anh hỏi thử", Herbert giục, „xem bà có quen biết anh tôi không và bà gặp anh tôi lần cuối cùng vào lúc nào."

Không biết được gì nhiều.

21 Những giống dân, – nền văn minh cổ (thế kỷ thứ 14 -16) tại khu vực miền trung nam Mĩ (Yucatan, Mexico).

22 (Tiếng Tây Ban Nha): trứng omelette với cà chua và đậu đen, một món ăn Mexico.

23 Bánh nướng làm bằng bột bắp, một loại bánh mì, thức ăn của người nam Mĩ, Mexico.

„Bà ta còn nhớ đến một chiếc ô tô“, tôi nói, „chỉ có thế –“ Ngay con két cũng không biết tí ti nào.

Gracias[24]*, hihi!*

Tôi nói tiếng Tây Ban Nha với nó.

Hihi, gracias, hihi!

Vào sáng thứ hai hoặc thứ ba gì đó, khi chúng tôi đang ăn sáng như mọi ngày dưới mắt nhìn soi mói của đám trẻ con Maya, chúng chẳng hề xin xỏ gì, mà chỉ đứng ngay trước bàn ăn của chúng tôi và thỉnh thoảng phá lên cười, Herbert bị ám ảnh bởi một í tưởng điên rồ, trong cái làng khỉ ho cò gáy này, nếu chịu khó rốt ráo lùng sục, thế nào cũng kiếm ra được một chiếc jeep nào đấy – nằm đâu đấy sau những chòi tranh, đâu đấy giữa đám lá rậm những giàn bí bầu và những bẹ chuối, những luống bắp. Tôi mặc cậu ta. Thật điên khùng, tôi thấy vậy, điên khùng như mọi việc khác, nhưng với tôi mọi việc giống nhau tuốt, tôi treo dài người trên võng, và suốt một ngày ấy không thấy Herbert ló mặt.

Ngay đến quay phim tôi cũng lười.

Ngoài bia ra, bia *Yucateca*, ngon tuyệt diệu, nhưng đã hết cạn, ở Palenque chỉ còn Rum, tồi tệ, và Coca-Cola, món uống tôi không chịu nổi –

Tôi uống Rum và ngủ.

Dù sao, tôi đã không nghĩ gì suốt hàng giờ đồng hồ –

Herbert đến tối mịt mới trở về, mặt nhợt nhạc vì kiệt sức, phát hiện được một con suối và đã tắm, ngoài ra còn phát hiện thêm hai gã đàn ông cầm những cây mác cong (cậu ta quả quyết thế) đi xuyên qua luống bắp, dân Indio với quần trắng và nón rơm trắng, y hệt như trai tráng trong làng – nhưng với những cây mác cong trên tay.

Dĩ nhiên không một lời nào nhắc nhở đến chiếc jeep!

Cậu ta sợ, tôi nghĩ thế.

24 (Tiếng Tây Ban Nha): Cảm ơn.

Cho đến lúc nào còn có điện dùng, tôi vẫn cạo râu. Herbert lại kể về Caucasus của mình, những câu chuyện kinh hoàng về Iwan mà tôi đã biết; sau đó, vì không còn bia nữa, chúng tôi đi xem chiếu bóng, được chàng 'mê phế tích' của chúng tôi dẫn đường, gã thuộc lòng Palenque của gã – Palenque thế mà cũng có một rạp chiếu bóng, một cái vựa với mái tôn, chúng tôi xem phim dạo đầu: Harald Lloyd[25], với thời trang của những năm hai mươi, đang leo trèo trên vách tường; phim chính: Tình yêu đam mê trong giới thượng lưu Mexico, gia đình đổ vỡ giữa những xe hơi lộng lẫy và những màn thanh toán đẫm máu, tất cả mọi tình tiết diễn ra trong khung cảnh nhung lụa nguy nga. Chúng tôi cười đến gập cả người lại, trong lúc bốn năm gã Indio ngồi bất động trước tấm màn hình nhăn nhúm với những nón rơm rộng vành trên đầu, có thể họ hài lòng, cũng có thể không, không bao giờ biết, họ khó hiểu, ngây ngô khờ dại … Người bạn mới của chúng tôi, tay nhạc sĩ từ Boston, như đã kể, dân Mĩ gốc Pháp, say mê Yucatan[26] và không thể nào hiểu được rằng chúng tôi chẳng để tâm gì đến đền đài phế tích; gã hỏi, chúng tôi làm gì ở đây.

Chúng tôi chỉ nhún vai –

Chúng tôi nhìn nhau, Herbert và tôi, người này nhường người kia mở miệng đánh tiếng rằng chúng tôi đang chờ một chiếc jeep. Tôi không biết, gã kia đánh giá chúng tôi thuộc thành phần nào.

Rum có lợi điểm không làm đổ mồ hôi như sau khi uống bia, nhưng thay vào đó mỗi sáng hôm sau đầu nhức như búa bổ, khi mà thứ tiếng ồn ào không định nghĩa được lại bắt đầu, nửa tựa tiếng dương cầm, nửa tiếng súng máy, thêm vào đó tiếng ca – lần nào cũng giữa 6:00 đến 7:00 giờ, lần nào tôi cũng muốn tìm hiểu cho biết nguyên cớ nhưng lại quên ngay trong ngày hôm đó.

Ở đây ta quên tất cả.

25 Nam tài tử hài phim câm từ đầu thế kỷ 20, thời kỳ đầu tiên của ngành điện ảnh.
26 Bán đảo thuộc Mexico, nằm phía đông nam, là nơi tập trung nhiều di tích nền văn minh Maya.

Một lần nọ – chúng tôi muốn đi tắm, nhưng Herbert không tìm thấy lại con suối tuyệt vời của mình nữa, và chúng tôi bỗng lạc vào khu phế tích – chúng tôi gặp người nghệ sĩ của chúng tôi đang bận rộn công việc. Trong đống gạch đá vụn, ta phải hình dung đấy trước kia là một ngôi đền, nóng cháy như hỏa ngục. Nỗi lo duy nhất của gã: không được để một giọt mồ hôi nào rơi xuống những vuông giấy! Gã không buồn chào hỏi; chúng tôi quấy rầy gã. Công việc của gã: căng phiến giấy lụa lên những bia đá, để rồi sau đó hàng giờ ngồi cà một mảnh phấn đen lên trên đó; một công việc điên rồ, chỉ để có được những bản sao; gã quả quyết chắc nịch rằng những kí tự và những mặt nạ thánh thần này ta không thể chụp hình được, nếu không chúng sẽ chết ngay. Chúng tôi để mặc gã.

Tôi không phải là một sử gia nghệ thuật –

Sau một vài chuyến leo Kim tự tháp vì chẳng biết phải làm gì cho đỡ chán, tôi đặt người nằm xuống, đâu đó dưới bóng mát của một cái đã được gọi là cung điện, (những nấc thang cao quá đỗi, một trái nghịch trong tỉ lệ cân đối giữa chiều cao và chiều ngang, làm ta bị hụt hơi thở), chóng mặt vì cái nóng gay gắt, tay và chân duỗi thẳng, thở dốc.

Không khí ẩm ướt –

Mặt trời nhầy nhụa –

Riêng tôi quyết định sẽ quay về: nếu ngày mai chúng tôi không có được chiếc jeep … Trời oi bức hơn bao giờ hết, nhớp nháp rong rêu và ẩm mốc, bầu trời rộn ràng bầy chim với những chòm đuôi xanh dài, ai đó đã sử dụng ngôi đền làm nhà xí, bởi vậy ruồi nhặng bay đầy. Tôi ráng dỗ giấc ngủ. Không gian rộn ràng và ồn ào như trong vườn bách thú, bởi không biết được loài thú nào đang rú hoặc đang hét thất thanh, và thú nào đang ríu rít hót, ồn ào như âm nhạc hiện đại, có thể là tiếng khỉ, tiếng chim, có thể tiếng một giống mèo nào đó, không biết nữa, tiếng thú gọi nhau giữa mùa động tình hay tiếng thét sợ hãi của chúng trước cái chết, không biết nữa. –

Tôi cảm thấy nhói dạ dày. (Tôi hút thuốc nhiều quá!)

Thời xưa, giữa thế kỷ thứ mười một hay thế kỷ thứ mười ba, nơi đây là một đô thị, Herbert kể, một thành phố của dân Maya –

Sao cũng được!

Câu hỏi của tôi, liệu cậu ta có còn tin tưởng vào tương lai của điếu xì gà Đức không, Herbert đã không màng trả lời nữa: cậu ta ngáy, ngay sau khi vừa huyên thuyên về tín ngưỡng của dân Maya, về nghệ thuật Maya và những thứ đại loại.

Tôi để yên cho cậu ngáy.

Tôi cởi giầy ra, rắn với chẳng rắn, tôi cần khí trời, tim tôi đập mạnh vì cái nóng gay gắt, tôi kinh ngạc về chàng ‚nghệ nhân giấy lụa' của chúng tôi, có thể làm việc được giữa cái nắng gay gắt và sẵn sàng cống hiến hết những ngày nghỉ phép, dốc hết cả số tiền đã dành dụm chỉ để rước được những kí tự không ai giải nghiệm nổi về nhà –

Con người thật kỳ khôi!

Một dân tộc như giống người Maya này, không biết gì đến bánh xe ròng rọc mà đã xây dựng được Kim tự tháp, đền đài giữa rừng sâu, để rồi mọi thứ sau đó phủ đầy rong rêu và rã rệu vì ẩm thấp – để làm gì?

Tôi không hiểu ngay chính bản thân tôi.

Trước đây một tuần tôi phải có mặt tại Caracas và hôm nay (trễ nhất) đáp xuống lại New York; thay vì vậy lại ngồi đây – để thăm hỏi một người bạn thời niên thiếu, kẻ đã cưới người yêu thuở niên thiếu của tôi làm vợ.

Để làm gì?

Chúng tôi chờ chiếc Landrover, chiếc xe ngày ngày đưa anh chàng ‚Người tình những phế tích' đến nơi đây, để chiều chiều lại đón hắn về cùng với những cuộn giấy lụa … Tôi cương quyết đánh thức Herbert dậy để nói với cậu ta rằng tôi sẽ đáp chuyến xe lửa sắp tới khởi hành từ Palenque, tôi quay trở về.

Tiếng chim rộn ràng! –

Không một chiếc máy bay!

Mỗi lần quay đầu qua bên để khỏi mãi nhìn thấy khung trời mờ đục này, ta đều tưởng rằng đang ở trên biển, Kim tự tháp của chúng tôi như một hòn đảo hoặc như một chiếc tàu, chung quanh là biển; thật ra không gì khác ngoài rừng lá rậm, không bờ bến, xanh lục và xám, phẳng lì như đại dương – rừng lá rậm!

Đằng kia trăng tròn màu tím nhạt giữa bầu trời xế trưa.

Herbert vẫn ngáy nãy giờ.

Thật kinh ngạc, làm thế nào họ đưa được những khối đá vuông này đến nơi đây, khi họ không biết dùng đến bánh xe, qua đó chẳng biết luôn về ròng rọc. Cũng chả biết luôn về vòm cong! Nếu không kể đến những điêu khắc chạm trổ, mà tôi, là người thực dụng, vốn không mê thích, tôi thấy rằng khu phế tích đền đài này quá lạc hậu – ngược lại với chàng ‚Người tình những phế tích' của chúng tôi, thán phục dân Maya, chính vì họ thời ấy không nắm biết mảy may kĩ thuật nào, chỉ sùng tin vào thánh thần, hẳn thấy thật hấp dẫn nếu một dân tộc cứ sau năm mươi hai năm lại bắt đầu một kỷ nguyên mới, có nghĩa rằng họ sẽ đập vỡ, hủy phá tất cả những đồ gia dụng sẵn có, dụi tắt hết tất cả nguồn lửa đang cháy, để rồi đi rước lại từ đền thiêng cũng chính ngọn lửa ấy, mang đi phân bủa khắp mọi miền, sản xuất lại hàng loạt những đồ gốm cần dùng; một dân tộc đột nhiên cùng nhau bỏ ra đi, để lại đằng sau những đô thị (còn nguyên vẹn), đồng hành cho một cuộc di dân chỉ vì sùng tín, để cách đó năm mươi hoặc một trăm dặm tại một nơi nào đó ngay giữa khu rừng già không bao giờ thay đổi này, xây dựng lại một ‚đô thị đền đài' hoàn toàn mới – gã thấy điều đó thật í nghĩa, dẫu không kinh tế, nhưng lại rất thần kỳ, sâu sắc (profound), và gã nói rất nghiêm trang.

Đôi lúc tôi chợt nghĩ đến Hanna –

Khi tôi đánh thức Herbert dậy, cậu ta bật người hoảng hốt. Chuyện gì vậy? Khi thấy chẳng có gì xảy ra, cậu ta tiếp tục ngáy – ngủ cho đỡ chán.

Chả nhắc gì đến xe cộ!

Tôi ráng hình dung mọi việc sẽ như thế nào, nếu bỗng dưng trong thế giới này không còn máy móc nữa như trong thời

Maya. Đầu óc ta luôn luôn phải suy nghĩ về một chuyện gì. Tôi thấy việc dời dựng được những khối đá vuông đến đây bất quá chỉ làm cho trẻ nhỏ kinh ngạc: – họ thiết lập những giàn bệ, rồi với một mức độ phá hủy sức người một cách rất xuẩn ngốc, mài mòn thành những khối vuông, lạc hậu nằm ngay đó. Ngược lại, nền thiên văn của họ! Họ tính lịch năm theo mặt trời, lời anh chàng ‚Người tình những phế tích', gồm 365,2420 ngày, thay vì 365,2422 ngày; dẫu vậy với nền toán học đó, lãnh vực mà ta phải công nhận, họ đã không đạt được một trình độ kĩ thuật nào và ngày tàn của họ qua đó đã được định đoạt sẵn –

Cuối cùng chúng tôi được chiếc Landrover!

Phép mầu xảy ra, khi chàng ‚Người tình những phế tích' hay được rằng chúng tôi muốn đến Guatemala. Gã khoái chí. Lôi ngay cuốn lịch bỏ túi ra, đếm liền những ngày nghỉ còn lại. Ở Guatemala, gã nói, vô số trung tâm đền đài Maya, có nơi chưa được khai quật, và nếu chúng tôi chịu cho gã tháp tùng, dựa vào quan hệ thân hữu của gã với lão chủ *Lacroix*, gã sẽ tìm đủ mọi cách cuỗm cho bằng được chiếc Landrover, chiếc xe mà chúng tôi không mượn được – và gã đã lấy được nó.

(Một trăm Pesos một ngày.)

Hôm ấy là ngày Chủ nhật, lúc chúng tôi sửa soạn hành lí, là một đêm nóng bức với mặt trăng nhầy nhụa, và tiếng ồn ào lạ kỳ đánh thức tôi dậy mỗi sáng được xác minh là tiếng nhạc, tiếng gõ chạm lốc cốc của cây đàn Marimba[27] cổ truyền, những tiếng gõ không âm thanh, một nhạc điệu khủng khiếp, như thể bị động kinh. Hôm đó là một lễ hội gì đó, dính dáng đến trăng rằm. Mỗi buổi sáng trước khi ra đồng họ đều tập dượt để hôm nay đánh nhạc đệm cho vũ hội, năm gã Indio, gõ chớp nhoáng những cái búa con con xuống nhạc khí của họ, một loại đàn phiến bằng gỗ, dài như cái bàn. Tôi tu sửa lại động cơ để tránh trường hợp xe hư nằm dọc đường trong rừng thẳm và không có thì giờ ngắm nhìn trò nhảy múa đó; tôi nằm dưới chiếc Landrover. Đám con gái ngồi từng hàng chung quanh sân, phần đông ẳm một em bé sơ sinh bên bầu vú nâu, những vũ công nhễ

27 Một loại nhạc khí cổ truyền của dân nam Mĩ, giống đàn khèn.

nhãi mồ hôi và uống nước dừa. Càng về đêm người càng đông hơn, hình như thế, nguyên cả mấy bộ lạc; đám con gái không vận y phục cổ truyền bản xứ như thường ngày, mà lại diện những thời trang hàng loạt của Mĩ để dự lễ hội trăng rằm của họ, một tình huống làm Marcel, người nghệ sĩ của chúng tôi, bực dọc hàng giờ đồng hồ. Tôi có mối lo khác! chúng tôi không có súng ống, không có la bàn, không gì cả. Tôi chả quan tâm đến những làn điệu dân gian. Tôi chất hành lí lên chiếc Landrover, phải có một ai đó lo công việc, tôi sẵn sàng nhận làm việc này để có thể lên đường tiếp tục.

Hanna phải rời khỏi xứ Đức, lúc đó nàng đang theo ngành sử học nghệ thuật với Giáo sư Wölfflin, một đề tài xa lạ đối với tôi, nhưng không kể đến chuyện ấy thì chúng tôi ngay từ khi mới gặp đã mến nhau, không suy tính gì đến hôn nhân. Hanna cũng thế không nghĩ đến cưới hỏi. Cả hai chúng tôi đều còn trẻ, như đã kể, ngoại trừ việc bố mẹ tôi, tuy thấy Hanna rất dễ mến, nhưng lo ngại cho sự nghiệp của tôi nếu tôi lấy một cô gái lai Do Thái làm vợ, một mối lo âu làm tôi bực bội đến nóng giận. Tôi sẵn sàng cưới nàng, lại càng cảm thấy có trọng trách trong thời điểm ấy. Bố nàng, một Giáo sư ở Munich, bị giam quản thúc, đó là thời kỳ của cái gọi là những „chuyện cổ tích hung bạo“, và đối với tôi thì hoàn toàn không thể có chuyện bỏ rơi Hanna. Tôi không phải thằng hèn nhát, hơn nữa chúng tôi thật tình yêu nhau. Tôi còn nhớ rõ về giai đoạn này, Đại hội Đảng ở Nürnberg, chúng tôi ngồi trước máy thu thanh, Đức công bố Đạo luật nòi giống. Cơ bản là do Hanna, hồi đó không muốn cưới; phía tôi rất sẵn sàng. Lúc nghe Hanna cho biết rằng nàng phải rời khỏi Thụy sĩ trong vòng mười bốn ngày, đang là sĩ quan trấn đóng tại Thun[28]; tôi chạy ngay về Zürich để cùng Hanna ra sở Cảnh sát Ngoại vụ, ra được đến nơi thì bộ quân phục của tôi cũng chẳng làm thay đổi được gì, dẫu sao chúng tôi cũng vào gặp được lão Trưởng sở Cảnh sát Ngoại vụ. Đến

28 Một thành phố nhỏ của Thụy sĩ, nằm dưới thủ đô Bern.

nay tôi vẫn còn nhớ, lão lướt xem lá thư Hanna trình ra như thế nào, và lệnh đem tập hồ sơ đến, Hanna ngồi, tôi đứng. Rồi câu hỏi đầy thiện cảm rằng cô nàng có là phải vợ tôi không, và sự lúng túng của chúng tôi. Chúng tôi nên hiểu: Thụy sĩ là một đất nước nhỏ bé, không đủ chỗ chứa chấp dân tị nạn, dân xin tị nạn đếm không xuể này, vả lại Hanna vẫn còn đủ thời gian để thu xếp cho việc di tản này. Rốt cuộc hồ sơ được đem đến, rồi thì vỡ lẽ rằng sự việc không liên quan gì đến Hanna mà là dính dáng đến một bà di trú trùng tên, đã đi qua bên kia bờ Đại dương rồi. Ai nấy đều nhẹ nhỏm! Ngoài phòng đợi lúc tôi cầm đôi găng tay Sĩ quan của tôi, cái mũ Sĩ quan của tôi lên, Hanna một lần nữa bị gọi đến quầy làm việc, Hanna tái trắng như phấn. Nàng phải trả thêm mười xu tiền tem cho lá thư gởi nhầm về địa chỉ nàng. Nàng chán ngán cùng cực! Tôi thấy chuyện thật nực cười. Rất tiếc tối hôm đó tôi phải về lại với đám lính mới của tôi ở Thun; trên chặng đường này tôi đi đến quyết định, nếu một ngày nào đó nàng bị thu hồi giấy phép cư trú, tôi sẽ cưới Hanna. Sau đó không lâu (nếu tôi nhớ không lầm) người cha già của nàng qua đời trong trại quản thúc. Tôi đã rất cương quyết, như đã kể, nhưng đám cưới đã không xảy ra. Tôi thật không hiểu vì sao. Hanna là con người rất nhạy cảm và dễ giao động, một tính khí thất thường; như Joachim nói: chứng cuồng-cảm. Dù Joachim chỉ mới gặp nàng một hoặc hai lần, Hanna không muốn có bất cứ quan hệ nào với người Đức. Tôi phải cam đoan với nàng rằng Joachim, bạn thân tôi, không phải là dân Nazi[29]; nhưng vô ích. Tôi thông cảm những nghi ngại của nàng, nhưng nàng làm tôi khó xử, đấy là chưa đề cập đến điều chúng tôi không hẳn bao giờ cũng cùng sở thích. Tôi gọi nàng là cô gái mơ mộng và là nàng tiên nghệ thuật. Ngược lại nàng đặt tên tôi là Homo Faber. Đôi lúc chúng tôi cãi vã nhau kịch liệt, thí dụ như sau những lần đi xem kịch về, mà Hanna đã cưỡng ép tôi theo; Hanna một mặt ngã theo xu hướng cộng sản, điều tôi không chịu được, mặt khác lại có chiều hướng thần bí, nếu không nói thẳng rằng khích động. Tôi lại thuộc loại ăn chắc mặc bền. Nhưng những điều đó không ngăn cản được chúng tôi

29 (tiếng Đức) gọi ngắn gọn từ 'Nationalsozialist': những kẻ theo chủ nghĩa Đức quốc xã.

rất hạnh phúc với nhau, tôi thấy vậy, và thật sự tôi vẫn không hiểu được tại sao hồi đó chúng tôi không cưới nhau. Đơn giản là đám cưới không xảy ra. Tôi, ngược với bố tôi, không thuộc loại bài Do Thái, tôi nghĩ thế; tôi thật sự còn quá trẻ như bao người đàn ông dưới tuổi ba mươi, chưa đủ chín chắn để làm cha. Tôi còn đang làm luận án tiến sĩ, như đã kể, và ở chung với bố mẹ tôi, điều Hanna hoàn toàn không hiểu nổi. Chúng tôi thường gặp nhau tại căn gác trọ của nàng. Trong giai đoạn đó tôi được hãng Escher-Wyss mời làm việc, một cơ hội hiếm cho một kĩ sư trẻ, và điều làm tôi lo lắng trong chuyện này không phải vì vấn đề khí hậu khắc nghiệt tại Baghdad[30] mà là vấn đề Hanna tại Zürich. Lúc đó nàng đang có thai. Nàng bộc bạch cho tôi hay đúng vào lúc tôi từ cuộc phỏng vấn lần đầu với Escher-Wyss về, riêng tôi đã quyết định nhận việc tại Baghdad càng sớm càng tốt. Theo lời nàng, tôi đã hoảng sợ đến đứng tim, đến hôm nay tôi vẫn phản đối; tôi chỉ hỏi: Em có chắc chắn không? Dù sao đó là một câu hỏi cụ thể và hợp lí. Tôi cảm thấy như bị đặt trước một sự đã rồi, bởi nàng nói chắc như đinh đóng cột; tôi hỏi: Em đã đi bác sĩ chưa? Cũng là một câu hỏi cụ thể và được phép hỏi. Nàng chưa đi bác sĩ. Nhưng nàng biết chắc! Tôi nói: Mình đợi thêm mười bốn ngày nữa. Nàng cười, bởi nàng hoàn toàn chắc chắn, và tôi chợt suy đoán rằng Hanna đã biết việc này từ lâu, nhưng không nói ra; vì vậy tôi cảm thấy như bị thúc ép. Tôi đặt tay lên tay nàng, giây phút đó tôi không suy nghĩ gì được về chuyện này, thật vậy; tôi uống cà phê và hút thuốc. Nàng thất vọng! Tôi không nhảy cẫng lên trước hạnh phúc được làm cha, đúng thế, vì tình hình chính trị lúc đó quá nghiêm trọng. Tôi hỏi: Em có biết bác sĩ nào để đi không? Dĩ nhiên tôi chỉ nghĩ, nàng nên đi khám nghiệm một lần. Hanna gật đầu. Chuyện đó không thành vấn đề, nàng nói, làm được! Tôi hỏi: Em có í tưởng gì thế? Sau này Hanna bảo rằng tôi nhẹ người hẳn đi khi hay biết nàng không muốn giữ đứa bé, và cảm kích đến độ đã choàng tay lên vai nàng khi nàng khóc. Chính nàng, sau đó không muốn bàn đến chuyện này nữa, và rồi tôi kể về Escher-Wyss, về chỗ làm tại Baghdad, tóm lại về những cơ

30 Thủ đô nước Iraq.

hội ngành nghề sẽ đến với một kĩ sư trẻ. Hoàn toàn không có một í nào bàn vào bàn ra đến đứa bé nàng đang mang trong người. Tôi còn kể thêm, tôi sẽ được lãnh lương bao nhiêu tại Baghdad. Và đúng từng chữ: Nếu em muốn giữ con em, thì dĩ nhiên tụi mình phải cưới nhau. Sau đó nàng trách móc rằng tôi đã nói chữ ‚phải'! Tôi đã hỏi thẳng rằng: Em muốn cưới không, có hay không? Nàng lắc đầu và tôi không biết tôi nên làm thế nào đây. Tôi bàn với Joachim rất nhiều khi cùng hắn đánh cờ vua; Joachim trình bày cho tôi đại khái về Y học, … việc ai cũng biết là không có vấn đề gì, sau đó đại khái về Luật pháp, cũng không vấn đề gì, nếu chạy được những giấy giám định cần thiết, rồi hắn nhồi tẩu thuốc, mắt dán vào bàn cờ, bởi nguyên tắc Joachim không thích khuyên bảo xuông. Hắn đồng í sẽ giúp đỡ (Joachim đang chuẩn bị thi tốt nghiệp ngành Y), nếu chúng tôi, cô nàng và tôi, cần hắn giúp. Tôi thật sự cảm ơn hắn, một chút sượng sùng, nhưng sung sướng rằng hắn đã không làm lớn chuyện ra; hắn chỉ nói: tới lượt mầy đi! Tôi báo Hanna hay, mọi việc sẽ không có vấn đề gì. Chính Hanna, đột nhiên muốn chấm dứt, nàng sửa soạn hành lí, với í định điên khùng đột ngột, về lại Munich. Tôi cản nàng, hòng thuyết phục nàng đừng quá nông nỗi; nàng dứt khoát chỉ một lời: Chấm dứt! Tôi đã buột miệng: Con em, thay vì nói: Con chúng ta. Đó là điều Hanna không tha thứ cho tôi được.

Chặng từ Palenque đến trang trại, tính theo đường chim bay, chưa tới bảy mươi dặm, cứ cho rằng: phải chạy một trăm dặm, chuyện nhỏ, nếu có một cái gì đó được gọi là con đường, điều dĩ nhên không có được; con đường duy nhất dẫn về hướng chúng tôi muốn đến, kết thúc ngay tại khu đền phế tích, mất hút giữa rêu xanh và những bụi dương xỉ –

Dù sao chúng tôi cũng có tiến tới.

Ngày đầu tiên 37 dặm.

Chúng tôi thay nhau lái.

Ngày thứ nhì 19 dặm.

Chúng tôi chỉ nhắm hướng mà đi, vì vậy chạy ngang dọc, đâm vào tất cả những nơi nào xuyên qua được, rừng rậm thật sự không trùng điệp kín lối như ta nhìn từ xa; đâu đâu cũng có vạt trống, thậm chí có cả những bầy thú rừng, dĩ nhiên không có người chăn, may mắn là không có những đầm lầy lớn.

Trời làm giông chớp –

Trời không mưa nổi.

Điều làm tôi bực mình: tiếng va chạm cọc cạch của những bình xăng phụ, tôi ngừng lại nhiều bận và siết chặt chúng, nhưng cứ sau nửa giờ đồng hồ lái xe băng qua đám rễ cây và thân gỗ mục chúng lại cọc cạch như cũ –

Marcel huýt sáo mồm.

Dù ngồi đằng sau, bị hất tung qua lại, gã huýt sáo mồm như một thằng bé đang sung sướng trên đường du ngoạn với lớp học, gã hát một bản nhạc thiếu nhi Pháp suốt hàng giờ đồng hồ:

Il était un petit navire ...

Herbert lại nín thinh.

Chúng tôi không trao đổi với nhau một lời nào về Joachim –

Điều Herbert không chịu đựng được là đám kên kên; thật ra lũ chim này, cho đến khi nào chúng tôi còn sống nhăn, chẳng dám đả động gì đến chúng tôi, chúng chỉ hôi thối, điều không thể chờ đợi khác hơn ở loài kên kên ăn xác chết, chúng xấu xí, và ta luôn luôn gặp chúng từng bầy, không đuổi đi được, mỗi khi chúng đang ‚bận việc', bóp còi mấy cũng vô ích, chúng chỉ vỗ cánh nhảy quanh xác chết bị banh xé ra chứ không bỏ cuộc ...

Có một lần, khi Herbert cầm lái, một cơn thịnh nộ làm cậu ta nổi tam bành; bất chợt nhấn hết ga – phóng xe vào bầy thú đen đủi đó, phóng thẳng vào giữa và xuyên ngang qua, để một đám lông chim đen tung tóe bay đầy!

Sau đó xác chúng dính đầy bánh xe.

Mùi thối ngây ngây bám theo chúng tôi hàng giờ đồng hồ, cho đến lúc không chịu nổi; đống xác vữa dính bết vào rãnh bánh xe, và không còn cách nào khác hơn là phải chịu khó động

tay động chân, tỉ mỉ từng kẻ rãnh một. May là chúng tôi còn có Rum! – Không có Rum, tôi nghĩ, hẳn chúng tôi đã quay trở về – trễ nhất là trong ngày thứ ba – không phải vì lo sợ mà vì lí trí.

Chúng tôi không biết mình hiện ở nơi nào.

Đâu đó tại vĩ tuyến 18 …

Marcel hát, *Il était un petit navire*, hoặc lại huyên thuyên suốt nửa đêm: – về Cortés và về Moctezuma[31] (chuyện này chấp nhận được, bởi đó là lịch sử có thật) và về ngày tận thế của giống da trắng (thật ra tại trời quá nóng và quá ẩm ướt nên không ai tranh cãi), về cuộc chiến thắng nhất thời biết bao tai họa của con người kĩ thuật Tây phương (Cortés đại diện con người kĩ thuật vì đã xử dụng thuốc súng!) cho đến những linh hồn của dân Indio và những gì tiếp nữa, tôi không biết hết, nguyên một chuỗi thuyết trình về sự tái hiện của những thần linh từ đời xa xưa là điều không tránh khỏi (sau khi bom khinh khí được ném xuống!), về cái chết đã bị diệt chủng (nguyên văn!) vì Penicillin, về thực trạng linh hồn đã biến mất giữa hầu hết những xã hội văn minh trên trái đất này, linh hồn nay chỉ hoạt động dưới hình thức du kích, vân .. vân …, Herbert bỗng choàng tỉnh khi chợt nghe đến chữ du kích, cậu ta hiểu được, và hỏi: Gã nói gì vậy? Tôi bảo: Ba thứ tầm xào của nghệ sĩ! và chúng tôi để mặc gã say sưa với lí thuyết về xứ Mĩ, đất nước không có tương lai, *The American Way of Life*: Một cố gắng phấn son tô điểm cho cuộc sống, nhưng cuộc sống không dễ để cho ai tô điểm –

Tôi ráng dỗ giấc ngủ.

Tôi chỉ nổi quạu mỗi khi Marcel có ý kiến về công việc làm của tôi, cũng như về Unesco: con người kĩ thuật là hình thái cuối cùng của hành trình truyền giáo da trắng, kỹ nghệ hóa là phúc âm cuối cùng cho một giống nòi sắp bị diệt chủng, chuẩn mực hóa cuộc sống thay vì vun xới ý nghĩa cuộc sống –

Tôi hỏi gã, có phải gã là người cộng sản không.

---

31 Moctezuma (1466 – 1520): một vị vua cuối cùng của triều đại Azteken, sau bị quân Tây Ban Nha giam cầm đến chết; Hermán Cortés: người Tây Ban Nha, đem quân xâm lăng lãnh thổ Azteken vào đầu thế kỷ 16 (1519).

Marcel chối phắt.

Vào ngày thứ ba, lúc chúng tôi lại lái xe xuyên những bụi rậm, không một lộ trình nào, chỉ cứ nhắm hướng Guatemala mà đi, tôi chán ngấy –

Tôi đề nghị quay về.

„Bởi lẽ quá xuẩn“ tôi nói, „khi cứ tùy tiện chạy quanh như thế này cho đến khi chúng ta hết nhiên liệu.“

Herbert lôi bản đồ ra –

Điều làm tôi không chịu được: đám lăng quăng dòi bọ trong mỗi vũng lầy, ngay trong mỗi vũng lầy mới đọng cũng lúc nhúc đầy lăng quăng dòi bọ – nơi nào cũng tràn ngập hiện tượng sinh sôi này, không gian tỏa hôi mùi nấy mầm sinh sản, mùi thối vừa đương chín độ.

Nhổ nước miếng xuống đâu, nơi đấy lập tức nẩy mầm sinh sản!

Tôi biết nó, tấm bản đồ 1:500.000 này, có dùng kính lúp cũng chả thấy được gì, chỉ là vuông giấy màu trắng: một con sông màu xanh, một biên giới lãnh thổ thẳng tắp, một vĩ tuyến kẽ giữa màu trắng trống trải! … Tôi đề nghị quay về. Tôi không sợ (sợ cái gì!), nhưng sự việc thật vô lối. Chỉ vì muốn làm hài lòng Herbert mà cứ phải chạy tiếp, và rủi thay, bởi một lát sau chúng tôi thật sự gặp phải một con sông, nói đúng ra là một lòng sông, không là con sông nào khác ngoài Rio Usumacinta, ranh giới giữa Mexico và Guatemala, nơi thì khô cạn, nơi lại đầy nước gần như đứng yên không chảy, không làm sao vượt qua được, nhưng có lẽ phải có một nơi đâu đó, dẫu không có cầu vẫn vượt được qua sông, và Herbert không ngừng sục sạo, mặc dù tôi rất muốn xuống tắm, cậu ta lái dọc bờ cho đến khi kiếm ra được khúc sông để vượt qua, và đó cũng là nơi Joachim đã từng băng qua sông (như sau này biết được).

Tôi tắm.

Marcel cũng tắm, và chúng tôi nằm ngửa giữa nước, miệng ngậm kín, để khỏi bị nuốt phải gì đó vào bụng, nước đục và ấm, hôi thối, mỗi cử động đều làm nước sủi bọt, dù sao cũng là nước, chỉ có đám chuồn chuồn bay đầy đặc làm khó chịu và

Herbert cứ hối thúc đi tiếp, lại thêm mối lo có thể có rắn ở đâu đây.

Herbert dừn lại trên bờ.

Chiếc Landrover lún trong đám sình lầy lội (hoặc giả thứ gì như thế) ngang gần trục bánh, Herbert đổ xăng –

Bướm bay đầy.

Khi tôi trông thấy một bình xăng gỉ sét nằm dưới nước, điều có thể kết luận được rằng Joachim (còn ai vào đấy nữa?) đã có lần đổ xăng tại nơi này, tôi vẫn tiếp tục tắm không nhắc gì đến, trong lúc Herbert cố gắng lái đưa chiếc Landrover của chúng tôi thoát khỏi vũng sình lầy lội …

Tôi đề nghị quay về.

Tôi nằm lại dưới nước mặc dù lòng chợt thấy tởm lợm, đám côn trùng, đám bọt sủi lên từ vũng nước nâu, mặt trời lấp lánh vữa rục, một bầu trời đầy rau quả nếu ta nằm ngửa dưới nước nhìn lên, những chuỗi lá dài hàng thước, bất động, xen giữa là những đám hoa keo sặc sỡ, những mảng lá đan vào nhau, rễ cây leo, bất động, lâu lâu một con chim đỏ bay ngang sông, ngoài ra im lặng như tờ (nếu Herbert không rồ máy hết ga để ráng chạy xe lên –) dưới một bầu trời trắng ngần, mặt trời như nằm giữa đám bông gòn, rít nháp và nóng bỏng, nhập nhòa cùng với một ráng cầu vồng.

Tôi đề nghị quay về.

„Bởi vì vô lối“ tôi nói, „bởi vì chúng ta sẽ không bao giờ kiếm ra cái trang trại chết tiệt ấy –“

Tôi đề nghị biểu quyết.

Marcel cũng đồng í quay về vì thấy ngày nghỉ của mình sắp hết, và khi Herbert thật sự đã đem được chiếc Landrover của chúng tôi qua đến bờ bên kia, điều mấu chốt còn lại là làm thế nào thuyết phục để Herbert thấy rằng sẽ rất vô ích nếu vẫn chạy tiếp mà không có một lộ trình nào. Ban đầu cậu ta mắng tôi, bởi không thể phản bác lại những lí do tôi đưa ra, sau đó im lặng lắng nghe, và thật sự tôi đã gần lôi được cậu ta ngã theo tôi, nếu không có Marcel xen vào.

„Voilà“, gã la lên, „les traces d’une Nash!„

Chúng tôi tưởng gã đùa.

„Mais regardez“, gã hô lớn, „sans blague –“[32]

Những dấu vết khô cứng phần nào đã bị nước xói mòn, nhìn như vết xe kéo hai bánh; ở những chỗ khác, tùy theo loại đất, thật sự nhận ra được vết bánh xe hơi.

Thế là chúng tôi đã tìm được lối.

Bằng không tôi đã không đi tiếp, như đã nói, và mọi chuyện (tôi không dứt bỏ được í nghĩ này) sẽ xảy ra hoàn toàn khác hẳn –

Giờ đây không quay về được nữa.

(Tiếc thay!)

Vào sáng ngày thứ tư chúng tôi thấy hai người Indio, băng ngang cánh đồng với cây mác cong trong tay, giống hệt như hai người mà Herbert đã gặp tại Palenque và lầm tưởng họ là bọn giết người; những cây mác cong của họ thật ra chỉ là những cây liềm cắt cỏ.

Và những cánh đồng thuốc lá đầu tiên –

Niềm hi vọng sẽ đến nơi trước khi trời sập tối làm chúng tôi sốt ruột hơn bao giờ hết, đồng thời cái nóng chưa từng có, chung quanh toàn lá thuốc, những rãnh đào xen giữa, công trình từ bàn tay người, thẳng tắp, nhưng tuyệt nhiên không bóng dáng một người nào.

Chúng tôi lại mất dấu –

Lại đi tìm vết bánh xe!

Mặt trời sắp lặn; chúng tôi đứng trên chiếc Landrover và huýt sáo mồm, ngón tay thọc vào miệng, huýt to như có thể: Chúng tôi hẳn đã ở khá gần đâu đấy. Chúng tôi huýt sáo mồm và bấm còi, trong lúc mặt trời đã chìm vào đám lá thuốc xanh lục – như được hấp hơi, trong khói sương mờ giống như một bong bóng đựng đầy máu, kinh khiếp, giống như một quả thận hoặc một thứ gì tương tự.

Mặt trăng cũng giống vậy.

32 (Tiếng Pháp) Xem kìa … dấu vết một chiếc Nash! – Nhìn kỹ đi … không đùa đâu.

Chúng tôi suýt lạc nhau giữa màn trời chạng vạng tối, lúc mỗi người một ngả lần mò kiếm vết bánh xe. Chúng tôi chia nhau từng khu vực để mỗi người rà soát. Hễ ai thấy được gì giống như vết bánh xe, phải huýt sáo mồm cho nhau biết.

Chỉ có lũ chim huýt sáo –

Chúng tôi tiếp tục tìm dưới ánh trăng, cho đến khi Herbert đụng đầu với lũ kên kên đang xúm xít trên một con lừa chết – cậu ta la hét, mắng chửi và ném đá vào đám chim đen đủi, một cơn thịnh nộ không ai can ngăn nổi. Cảnh tượng thật gớm ghiếc. Đôi mắt con lừa bị mổ toang hoác, hai lỗ đỏ au, cái lưỡi cũng vậy; và bây giờ, trong lúc Herbert vẫn không ngừng ném đá, lũ chim tìm cách kéo bộ đồ lòng con lừa ra qua ngõ hậu môn.

Hôm đó là đêm thứ tư của chúng tôi –

Chúng tôi không còn gì nữa để uống.

Tôi mệt như chết, đất nóng như lửa đốt, tôi ngồi xổm, đầu chống vào hai tay, nhễ nhãi mồ hôi dưới ánh trăng xanh. Đom đóm bay như rươi.

Herbert đi tới đi lui.

Chỉ có Marcel ngủ.

Chợt một lần – bỗng không còn nghe tiếng chân đi nữa, tôi đưa mắt tìm Herbert – cậu ta đứng ngẩn đằng kia cạnh con lừa chết, không buồn ném đá vào lũ chim đang lê chuyền trên mặt đất, cậu ta đứng đó và đăm đăm nhìn chúng.

Lũ chim ăn suốt đêm –

Đến khi mặt trăng bắt đầu lặn xuống sau đám lá thuốc, làm tan đi làn hơi sương ẩm ướt trên cánh đồng, trước đó trông giống như những dòng sữa, tôi cũng thiếp đi; nhưng chẳng được lâu.

Lại mặt trời!

Lúc chúng tôi lái bừa đi, con lừa nằm lòi bụng trống hoác, lũ kên kên no nê và đậu trên đám cây chung quanh trông như những con thú nhồi bông; Herbert, cháu của chủ nhân và với tư cách người Đại diện Công ty TNHH Hencke-Bosch, sở hữu những cánh đồng này, tiếp nhận trách nhiệm và cầm tay lái,

trước sau không nói một lời nào, lái xuyên giữa luống lá thuốc, xuẩn ngốc hết sức, sau lưng chúng tôi hai dãy dài cây thuốc bị phá hư, nhưng chúng tôi không làm gì khác hơn được, bởi dù chúng tôi có inh ỏi tiếng còi và tiếng sáo mồm bao nhiêu lần đi chăng nữa, không một lời nào đáp lại –

Mặt trời lên cao dần.

Sau đó một nhóm dân Indio, nhân viên của Công ty TNHH Hencke-Bosch, Düsseldorf, báo với chúng tôi, Ông chủ đã mất. Tôi phải thông dịch lại, bởi Herbert không hiểu tiếng Tây Ban Nha. Vì sao chết? Họ nhún vai. Ông chủ đã mất, họ bảo thế, và một người trong bọn họ chỉ đường cho chúng tôi, theo phong cách một thổ dân Indio, gã chạy nước kiệu bên cạnh chiếc Landrover của chúng tôi.

Đám còn lại tiếp tục làm việc.

Không dấu hiệu nào về một cuộc nổi dậy!

Đó là một căn láng kiểu Mĩ, mái che bằng tôn lượn sóng, và cánh cửa duy nhất bị khoá trái từ bên trong. Có tiếng máy thu thanh. Chúng tôi gọi và gõ, dục Joachim mở cửa.

„Nuestro Senor ha muerto[33] –“

Tôi lấy đồ nghề vặn ốc từ chiếc Landrover và Herbert phá toang cánh cửa. Tôi không còn nhận ra hắn nữa. Rõ may mắn thay là hắn đã làm chuyện này bên sau những khung cửa sổ đóng kín, kên kên đầy trên những cành cây chung quanh, kên kên đầy trên nóc nhà, nhưng chúng không chui qua cửa sổ được. Ta trông thấy được lũ chim qua những khung cửa sổ. Và đám Indio này dẫu ngày ngày đi làm ngang qua vẫn không bao giờ nghĩ đến việc phá tung cửa vào để gỡ cái thây treo cổ ấy xuống – Hắn đã tự treo cổ bằng một sợi dây thép – Tôi thắc mắc, cái máy thu thanh mà chúng tôi đã vặn tắt ngay tức thì, đã dùng được điện từ đâu, nhưng chuyện này hiện nay không là điều quan trọng –

Chúng tôi chụp hình và chôn cất hắn.

33 (Tiếng Tây Ban Nha): ‚Ông chủ chúng tôi đã mất’.

Đám dân Indio (như trong báo cáo của tôi gởi đến Hội đồng quản trị có nêu đến) tuân theo răm rắp mọi mệnh lệnh của Herbert, mặc dù lúc đó cậu ta không biết tiếng Tây Ban Nha, và thừa nhận ngay rằng Herbert là Ông chủ mới của họ … Tôi hy sinh thêm một ngày rưỡi nữa để thuyết phục Herbert là hoàn toàn không hề có một cuộc nổi dậy nào cả, và chung qui chỉ vì người anh cậu ta không chịu đựng nổi cái khí hậu này, điều tôi hiểu được; tôi không biết được Herbert đã có sẵn ý định gì trong đầu, không sao lay chuyển nổi, cậu ta cương quyết ở lại so gan với khí hậu này. Chúng tôi phải trở về. Chúng tôi lo ngại cho Herbert, nhưng không thể ở nán lại được, mà có nán lại cũng chả ích lợi gì; Marcel phải trở về Boston với công việc, tôi cũng vậy, phải đi tiếp, có nghĩa là phải ngược lại chặng đường Palenque-Campeche-Mexico, để sau đó bay tiếp tục, đấy là chưa nhắc đến việc chúng tôi đã hứa trễ nhất là một tuần sau sẽ giao lại chiếc Landrover cho lão chủ *Lacroix* dễ mến nọ. Tôi phải về với mấy cái turbine của tôi. Tôi không hiểu Herbert nghĩ gì trong đầu, như đã nói, tiếng Tây Ban Nha Herbert còn không biết, và tôi thấy rằng mình sẽ không hết lòng vì bạn, có thể nói là vô trách nhiệm nếu để cậu ta, người da trắng duy nhất, ở lại một mình; chúng tôi nài nỉ cậu ta, nhưng vô ích. Herbert có chiếc Nash 55, tôi đi xem xe; chiếc xe nằm giữa một túp lều Indio, chỉ với một mái lá che mưa, rõ ràng đã lâu không sử dụng, trầy sướt, dơ bẩn, nhưng còn chạy được. Chính tự tay tôi kiểm soát chiếc xe. Vào thời điểm đó động cơ dầu bị bết bùn dơ vẫn còn chạy tốt; tôi có cho thử máy, xăng cũng còn. Nếu không, chúng tôi, cũng là điều dễ hiểu, đã không để Herbert ở lại một mình. Chúng tôi thật sự không còn thì giờ, Marcel cũng như tôi; Marcel phải về với giàn giao hưởng của gã, chúng tôi rốt cuộc ai nấy đều bận công việc, không biết Herbert có hiểu điều đó chăng – cậu ta nhún vai không phản đối và chẳng một lần vẫy chào, khi chúng tôi, Marcel và tôi, yên vị trên chiếc Landrover và nán đợi cậu ta một lần nữa; cậu ta lắc đầu. Hơn nữa trời dường như sắp có mưa giông lớn, bao lâu còn nhận thấy được vết xe cũ của mình chúng tôi phải lên đường.

Với tôi cho đến bây giờ vẫn là một khúc mắc, vì sao Hanna và Joachim lấy nhau và vì sao họ không cho tôi, người cha của đứa bé, hay biết rằng đứa con tôi đã được chào đời.

Tôi chỉ tường thuật lại những gì tôi biết.

Đấy là thời điểm giấy thông hành của người Do Thái bị hủy bỏ. Tôi đã nguyện với mình, sẽ không bao giờ bỏ rơi Hanna và giữ đúng như vậy. Joachim đã sẵn sàng làm phù rể. Bố mẹ tôi, nặng đầu óc tư sản và lòng đầy lo lắng, cũng đồng ý rằng chúng tôi không cần một lễ cưới linh đình đầy đủ ngựa xe; riêng Hanna vẫn còn phân vân, có đúng đắn chăng, nếu chúng tôi cưới nhau, liệu có thật đúng cho tôi không. Tôi nộp giấy tờ của hai đứa lên tòa hành chính sở tại, công báo ngày thành hôn của chúng tôi được đăng trên nhật báo. Trong trường hợp dù có li dị, tôi định như thế, Hanna vẫn sẽ là công dân Thụy sĩ và có trong tay một sổ thông hành. Mọi việc rất ư là gấp gáp vì tôi phải đi nhận nhiệm sở tại Baghdad. Hôm đó là một buổi sáng thứ Bảy, rốt cuộc khi chúng tôi – sau một bữa ăn sáng khá bất thường tại nhà bố mẹ tôi, thâm tâm hai người vẫn chờ đợi được nghe tiếng chuông lễ! – bắt đầu vào đến tòa đô chính để thực hiện thủ tục hôn phối. Như thường lệ vào thứ Bảy có nhiều đám cưới, lúc nhúc đầy người, vì thế phải đợi khá lâu, chúng tôi ngồi tại sảnh ngoài, tất cả trong y phục thường ngày, bị vây giữa những cô dâu áo trắng nuốt và những chú rể vận quần áo trông như bồi bàn. Khi Hanna thi thoảng bước ra ngoài, tôi không nghĩ đến điều gì nghiêm trọng, vẫn huyên thuyên, vẫn hút thuốc. Cuối cùng khi viên chức lễ tiết gọi tên chúng tôi, Hanna không ở đó nữa. Chúng tôi đi tìm và thấy nàng đứng phía ngoài, bên dòng Limmat[34], không lay chuyển nổi, nàng từ khước không chịu trở vào phòng hôn lễ. Nàng bảo rằng nàng không thể! Tôi thuyết phục nàng, chung quanh vang rền tiếng chuông đổ mười một giờ, tôi năn nỉ Hanna hãy nhìn sự việc với con mắt thực tế; nhưng hoàn toàn vô vọng. Nàng lắc đầu và khóc. Tôi chỉ cưới để chứng tỏ rằng tôi không phải là một kẻ bài Do Thái, nàng nói thế, và mọi chuyện thật sự không cứu vãn được nữa.

34 Tên một nhánh của dòng sông Aare, chảy ngang qua Zürich.

Tuần sau đó, tuần cuối cùng của tôi tại Zürich, một tuần khủng khiếp. Chính Hanna không muốn cưới, và tôi không còn chọn lựa nào khác, tôi phải đi Baghdad, tuân thủ hợp đồng. Hanna lại còn đưa tôi ra nhà ga, và chúng tôi chia tay nhau. Hanna hứa rằng sau khi tôi đi nàng sẽ đến gặp Joachim ngay, hắn đã hứa sẽ giúp đỡ trong phạm vi ngành nghề y học của hắn, và trong tinh thần này chúng tôi chia tay nhau; chúng tôi cùng đồng ý với nhau, không để đứa con chung ra đời.

Sau đó tôi không nghe được một tin tức nào nữa của nàng.

Lúc đó vào năm 1936.

Hồi đó tôi có hỏi Hanna, nàng thấy Joachim, bạn tôi, thế nào. Nàng bảo, thấy hắn ta rất dễ mến. Tôi không hề nghĩ rằng Hanna và Joachim sẽ cưới nhau.

Thời gian tôi lưu lại tại Venezuela (cách đây mười tuần) chỉ kéo dài hai ngày, bởi mấy cái turbine còn nằm ở cảng, tất cả còn được bọc kín trong thùng, nói đến lắp ráp là bàn chuyện không tưởng –

20. tháng Tư. bay từ Caracas.

21. tháng Tư. đáp xuống New York, Idlewild.

Ivy chận đón tôi ngay tại cổng cách ly, nàng đã dò hỏi để biết ngày giờ tôi về, và không cách nào lẩn tránh nàng được. Nàng có nhận được lá thư của tôi không? Nàng hôn tôi, không trả lời, và biết luôn rằng tuần tới tôi có công vụ phải bay qua Paris; người nàng nồng mùi Whisky.

Tôi không nói một lời.

Ngồi trong chiếc Studebaker của chúng tôi, Ivy cầm lái chạy về căn hộ của tôi. Không một lời về „lá thư-sa mạc“! Ivy có chuẩn bị hoa tươi, mặc dù tôi chả quan tâm gì đến hoa, có cả tôm hùm, cộng thêm chai Sauternes[35]; ăn mừng tôi được sống

35 Một loại vang trắng, dịu ngọt; Sauternes: tên một vùng trồng, sản xuất vang trắng tại Bordeaux, Pháp.

sót từ sa mạc về: – cộng thêm những nụ hôn không ngớt của nàng, lúc tôi đang lướt duyệt đống thư từ.

Tôi ghét những màn ly biệt.

Tôi không tính đến chuyện gặp Ivy lần nữa, lại càng không tính đến chuyện gặp lại nàng trong căn hộ này, nơi nàng vẫn luôn gọi là „căn hộ của chúng ta“.

Thây kệ, tôi tắm mãi không ngừng –

Cuộc cãi vã bắt đầu khi nàng bước vào với chiếc khăn tắm, tôi đuổi nàng ra – bằng bạo lực, khổ thay, bởi nàng lại thích bạo lực, và qua đó có cớ cắn vào người tôi –

May thay tiếng chuông điện thoại bật reo!

Sau khi hẹn hò với Dick xong, hắn gọi để chúc mừng tôi thoát nạn, hẹn nhau đánh cờ vua, Ivy bảo tôi là một kẻ thô lậu, một gã ích kỷ, tôi không phải là một thằng người, tôi hoàn toàn không có cảm tính –

Dĩ nhiên tôi cười.

Nàng đấm với hai nắm tay, tức tưởi, tôi cẩn thận tránh dùng bạo lực, bởi vì nàng thích bạo lực.

Có thể Ivy yêu tôi.

(Tôi không bao giờ chắc chắn được một điều gì nơi phụ nữ.)

Mười lăm phút sau, khi tôi gọi Dick để nhắn rằng rất tiếc tôi không thể đến được, Dick đã bày sẵn bàn cờ; tôi xin lỗi, thật sượng sùng, tôi không nêu thẳng được lí do vì sao và tại sao, chỉ lúng búng rằng tình thật tôi lúc này không ham gì hơn là được chơi một ván cờ vua –

Ivy lại tiếp tục tức tưởi.

Lúc đó đúng 18:00 giờ, và tôi biết rất rõ buổi tối dài dằng dặc hôm nay sẽ diễn tiến như thế nào, nếu chúng tôi không chịu bước ra phố; tôi đề nghị một nhà hàng Pháp, thứ đến một nhà hàng Tàu, và rồi một Thụy điển. Tất cả vô ích! Ivy tuyên bố trân tráo và tỉnh bơ, nàng không đói bụng. Tôi tuyên bố: Nhưng tôi! Ivy chỉ vào con tôm hùm trong tủ lạnh, sau đó chỉ vào cái váy đầm thể thao trên người, rằng bộ cánh không thích hợp với khung cảnh một nhà hàng thanh lịch. Phần tôi thấy thế nào, cái

váy của nàng? Tôi đã cầm sẵn con tôm hùm trên tay định quẳng nó vào bồn nghiền rác, không chấp nhận để cho một con tôm hùm có thể khuynh đảo được tôi –

Ivy hứa sẽ cố giữ điềm tỉnh ngay trở lại.

Tôi đặt con tôm hùm vào lại tủ lạnh, Ivy đồng ý đi tiệm Tàu; nhưng nàng, tôi phải công nhận điều này, rũ rượi vì khóc, bắt buộc phải trang điểm lại.

Tôi ngồi đợi –

Căn hộ của tôi, tại Central Park West, từ lâu đã quá mắc đối với tôi, hai phòng ngủ với cả sân thượng, vị trí tuyệt vời, chắc chắn như thế, nhưng mà quá mắc cho những kẻ đương sống không tình yêu –

Ivy hỏi, khi nào tôi bay đi Paris.

Từ phía tôi im lặng.

Tôi đứng ở ngoài và xếp lại những cuộn phim vừa thâu để đem đi rửa; tôi làm dấu lên trên từng cuộn, như thường lệ ... Cái chết của Joachim, tôi không có hứng thú để kể lại chuyện này, Ivy không quen hắn, Joachim là một thằng bạn thật sự duy nhất của tôi.

Tại sao tôi trầm ngâm vậy?

Dick, một thí dụ, dễ thương, cũng biết chơi cờ vua, kiến thức rộng, tôi nghĩ thế, dù sao cũng học thức cao hơn tôi, một người thích bông đùa mà tôi mến phục (chỉ có môn cờ vua là tôi ăn đứt anh ta) hoặc giả có ít ganh tị, một trong số những người sẵn sàng sống chết với ta, nhưng không vì vậy mà đòi hỏi phải khắng khít với nhau –

Ivy vẫn còn chải tóc.

Tôi kể về chuyện máy bay hạ cánh khẩn –

Ivy tô lông mi.

Duy chỉ sự việc vẫn còn đi cùng nhau xuống phố sau khi đã tay nhau qua giấy mực, làm tôi bực tức. Nhưng Ivy hình như chẳng thiết biết rằng chúng ta đã chia tay nhau!

Bỗng nhiên tôi chán ngấy –

Ivy tô móng tay và ư ử hát trong miệng –

Bỗng nhiên tôi chợt nghe giọng tôi qua máy điện thoại: Hỏi chỗ một chuyến tàu biển đi châu Âu, không cần thiết hãng nào, càng sớm càng tốt.

„Tại sao lại tàu biển?“ Ivy cất tiếng hỏi.

Không thể nào kiếm được một vé tàu biển đi châu Âu trong mùa này, và tôi không hiểu vì sao tôi thình lình có ý định không đi bằng máy bay (có lẽ chỉ vì do Ivy ư ử hát và làm như thể chẳng có chuyện gì đã xảy ra). Chính tôi cũng ngạc nhiên. Tôi thật may mắn, một giường nằm hạng nhì vừa mới trống – Ivy nghe được tôi đang đặt vé, nàng nhảy bổ ra để ngăn tôi lại; nhưng tôi đã kịp đặt ống nghe xuống.

„It’s okay!“ tôi nói.

Ivy sững sờ làm tôi khoái trá; tôi châm một điếu thuốc. Ivy cũng biết luôn giờ khởi hành của tôi:

„Eleven o’clock tomorrow morning.“

Tôi lập lại lần nữa.

„You’re ready?“ tôi hỏi và nâng cái áo bành tô lên cho nàng như bao lần, để cùng nàng xuống phố. Ivy nhìn tôi đăm đăm, rồi nàng bỗng ném áo bành tô vào đại một góc nào đó trong phòng, giẫm chân giẫy nẫy, điên lên vì giận dữ … Ivy đã thu xếp để nằm lì tại Manhattan một tuần lễ, bây giờ nàng mới thú nhận, và quyết định đột ngột của tôi, không đi bằng máy bay như thường lệ mà lại đi bằng tàu biển ngay ngày mai, để rồi cũng một tuần lễ sau mới đến Paris, làm mọi tính toán của nàng đảo lộn.

Tôi lượm áo bành tô của nàng lên.

Tôi đã viết cho nàng rằng cuộc tình đã chấm dứt, giấy trắng mực đen; nàng đơn giản không chịu tin. Nàng nghĩ rằng tôi lụy nàng, và nếu chúng tôi cùng nhau sống chung một tuần lễ, mọi chuyện sẽ đâu vào đó như xưa, nàng nghĩ như vậy – vì thế tôi cười.

Có thể tôi tàn nhẫn.

Nhưng nàng cũng thế –

Phỏng đoán của nàng rằng tôi có tâm lí sợ bay, thật xúc động, và dẫu tôi thật sự chưa hề một lần nào biết đến thế nào là

tâm trạng sợ bay, tôi vẫn làm như thể tôi bị ám ảnh sợ bay. Tôi muốn cho nàng dễ xử; tôi không muốn tàn nhẫn với nàng. Tôi nói láo và kể lể, để nàng hiểu quyết định của tôi – tôi thuật lại (đây là lần thứ hai) vụ máy bay đáp khẩn ở Tamaulipas, và chỉ thiếu một đường tơ kẻ tóc nữa thôi –

„Oh, Honey“, nàng thốt lên, „stop it!“

Một hư hỏng nhỏ trong ống dẫn nhiên liệu, chuyện dĩ nhiên không để xảy ra được, chỉ một sự cố chả ra gì cũng đủ, tôi nói, rồi thì có ích gì cho tôi, nếu trong 1000 chuyến tôi đã bay, 999 chuyến suôn sẽ; tôi đâu cần quan tâm đến sự kiện rằng ngay trong cùng ngày tôi bị rơi xuống biển, có đến 999 chuyến bay khác đáp xuống an toàn?

Nàng trở nên trầm ngâm.

Tại sao không làm một chuyến đường biển?

Tôi tính toán cho đến lúc Ivy tin tôi, nàng lại còn ngồi xuống và thú thật rằng chưa bao giờ nàng làm những con tính như thế; nàng hoàn toàn hiểu quyết định của tôi, không muốn đi máy bay.

Nàng xin lỗi tôi.

Trong suốt cuộc đời tôi, tôi nghĩ vậy, đã đi máy bay trên 100.000 dặm chưa có một sự cố nhỏ nhặt nào. Không bao giờ có chuyện ám ảnh sợ bay! Tôi chỉ giả vờ như thế, cho đến khi Ivy năn nỉ tôi đừng bao giờ đi máy bay nữa.

Tôi phải thề thốt điều này –

Sẽ không bao giờ!

Ivy thật kỳ quái, – nàng muốn xem chỉ tay tôi, nàng đột nhiên tin vào tâm trạng sợ bay của tôi và rất lo lắng cho tính mạng tôi! Thật đáng thương, bởi nàng hoàn toàn thật lòng tin vào chuyện này, tôi thấy vậy, khi nàng nói về đường chỉ tay số mệnh ngắn ngủi của tôi (trong lúc tôi đã ngoài năm mươi) và bật khóc, tôi vuốt tóc nàng với bàn tay phải, trong lúc nàng chẩn đoán bàn tay trái của tôi – và đó là một lỗi lầm tai hại.

Tôi cảm nhận được khối xương sọ nóng hổi của nàng.

Ivy vừa hai mươi sáu.

Tôi hứa thế nào cũng sẽ đi khám bác sĩ, và cảm nhận được những giọt nước mắt của nàng rơi trên bàn tay trái, tôi thấy tôi thật đồng bóng, nhưng sự việc không thể thay đổi được nữa, Ivy và nhiệt huyết của nàng, nàng thật sự tin vào những gì nàng nói, và mặc dù ngay chính tôi không tin vào bói toán, điều dễ hiểu, không tin một giây phút nào, tôi vẫn phải an ủi vỗ về nàng, như thể tôi đã bị rơi xuống tan thây và cháy đen không nhận diện ra được nữa, dĩ nhiên tôi bật cười, nhưng tôi lại vuốt ve nàng, như ta vuốt ve và vỗ về một người đàn bà góa bụa, và hôn nàng –

Sự việc xảy ra đúng như tôi không hề muốn.

Một tiếng sau cùng ngồi bên nhau, Ivy trong tấm áo choàng buổi sáng mà tôi tặng nàng dịp Giáng sinh, và cùng ăn tôm hùm, uống Sauternes; tôi thù ghét nàng.

Tôi thù ghét ngay chính tôi –

Ivy hát ư ử trong miệng. Như chế giễu.

Tôi đã viết cho nàng rằng cuộc tình đã chấm dứt, và nàng giữ lá thư (tôi thấy được) trong ví nàng –

Giờ nàng đang trả thù.

Tôi đói bụng, nhưng con tôm hùm làm tôi ngấy lợm. Ivy lại thấy nó tuyệt trần, và tôi ngấy lợm những âu yếm của nàng, ngấy lợm bàn tay nàng trên đầu gối tôi, bàn tay nàng trên tay tôi, ngấy lợm cánh tay nàng trên vai tôi, bờ vai nàng trên ngực tôi, ngấy lợm nụ hôn của nàng, lúc tôi rót thêm rượu vang vào ly, không thể chịu đựng được – tôi nói thẳng với nàng rằng tôi thù ghét nàng.

Ivy không tin.

Tôi đứng cạnh cửa sổ và thù ghét trọn thời gian tôi đã sống ở khu Manhattan này, nhưng ghét hơn cả là căn hộ của tôi. Tôi muốn lẽ ra đốt cháy nó đi! Khi tôi từ cửa sổ quay lại, Ivy vẫn chưa mặc quần áo vào, nàng chỉ cắt bày hai trái bưởi lên bàn và hỏi tôi muốn uống cà phê không.

Tôi yêu cầu nàng mặc áo quần vào.

Khi đi ngang qua tôi để đun nước nấu cà phê, nàng búng tay vào mũi tôi. Như thể tôi là một con nộm múa rối. Tôi

muốn đi xem chiếu bóng không, nàng cất tiếng hỏi từ phòng bếp, như thể nàng sẵn sàng đi ngay được – chân mang vớ và người đang khoác áo choàng buổi sáng.

Giờ thì nàng là một con mèo đang vờn chuột.

Tôi kiềm chế mình và không nói một lời, đi nhặt nhạnh lại giầy của nàng, đồ lót của nàng, những thứ linh tinh thuộc về trên thân thể nàng (nhìn những đồ vật màu hồng như thế này, tôi vốn không chịu nổi) và ném chúng vào phòng bên, để Ivy thêm một lần nữa tái diễn màn trang điểm không bao giờ dứt của nàng.

Vâng, tôi muốn đi xem chiếu bóng!

Ly cà phê làm tôi sảng khoái –

Quyết định của tôi sẽ trả lại căn hộ này, nay không lay chuyển được nữa, và tôi cũng nói cho nàng hay.

Ivy không phản đối.

Tôi có nhu cầu cạo râu, không hẳn vì cần thiết, nhưng chỉ đơn giản vậy thôi. Để khỏi phải đợi Ivy. Nhưng cái máy của tôi bị hỏng; tôi đi từ ổ cắm điện này đến ổ cắm điện khác – nó không phát ra một tiếng động nào.

Ivy bảo rằng trông tôi bảnh lắm rồi.

Nhưng sự việc không nằm ở đấy!

Ivy đã áo nón sẵn sàng đứng đợi –

Đương nhiên tôi bảnh quá rồi, nhưng sự việc không nằm ở đấy, như đã nói, phải kể thêm rằng, mặc dầu trong phòng tắm còn có một máy cạo râu khác, một cái cũ hơn, nhưng chạy tốt, tôi vẫn ngồi xuống để tháo rời cái máy hỏng ra. Máy nào chẳng có lúc hỏng; nhưng tôi vẫn thấy bực bội cho đến khi nào chưa biết nguyên nhân tại sao.

„Walter“, nàng gọi, „I’m waiting.“

Như thể chúng tôi chưa hề đợi nhau bao giờ!

„Technology!“, nàng nói – không những đã không hiểu nổi, tôi đã quá quen ở phụ nữ, nàng lại còn giễu cợt, nhưng điều này cũng không cản được tôi tháo tung cái máy nhỏ; tôi muốn biết nó hư gì.

Một lần nữa, một tình cờ hi hữu đã định đoạt tương lai, chả có gì lớn, chỉ một sợi cước nylon kẹt trong cái máy nhỏ – thật là một tình cờ khiến chúng tôi chưa rời khỏi căn hộ khi CGT[36] gọi đến, có thể trùng với cuộc gọi ban nãy cách đây một tiếng, tôi có nghe nhưng đã không nhấc ống nói lên được, dù sao đó là một cuộc gọi có tầm quyết định: Tôi chỉ lấy được vé cho chuyến tàu biển đi châu Âu này nếu tôi ghé liền đến quầy, trễ nhất là hai mươi hai giờ đêm nay, cầm theo thông hành. Tôi chỉ muốn nói rằng: Nếu tôi không tháo tung cái máy nhỏ ra, tôi đã không nhận được cuộc điện thoại này, có nghĩa là tôi đã không thực hiện được cuộc hành trình bằng tàu biển, mà dẫu có chăng cũng không trên cùng con tàu Sabeth đi, và chúng tôi chẳng bao giờ gặp nhau trên thế giới này, con gái tôi và tôi.

Một tiếng sau tôi ngồi trong một quán rượu, vé tàu nằm trong túi, quán nằm dưới Hudson[37], khoái trá, sau khi nhìn thấy con tàu, một chiếc xà lan khổng lồ với những cửa sổ sáng rực chung quanh, cột tàu, cần cẩu và ống khói đỏ dưới ánh đèn pha – tôi hạnh phúc với cuộc đời y như một chàng trai mới lớn, như đã từ lâu lắm chưa được hạnh phúc như thế. Chuyến đi biển đầu tiên của tôi! Tôi uống một ly bia và ăn một cái Hamburger[38], Một đấng mày râu giữa đám mày râu, Hamburger với thật nhiều mù tạc, bởi tôi hay đói bụng khi đi một mình, tôi kéo mũ trệch xuống gáy, tôi liếm bọt bia trên mép, đưa mắt nhìn trận quyền Anh trên màn ảnh truyền hình, chung quanh đứng đầy những

36 Compagnie Générale Transatlantique S.A.: công ty chuyên chở đường biển của Pháp (từ 1861 đến khoảng 1970).

37 Khu phố, khu bến tàu tại New York.

38 Bánh mì kẹp thịt bằm chiên cùng sà lát, một món ăn thông dụng tại Mĩ.

công nhân bến tàu, hầu hết là da đen, tôi châm một điếu thuốc và tự hỏi nếu là một cậu trai mới lớn ta chờ đợi gì ở cuộc đời –

Ivy ngồi chờ ở căn hộ.

Tiếc thay tôi phải về, còn phải sắp xếp hành lí nữa, nhưng chả vội. Tôi ăn cái Hamburger thứ hai.

Tôi nghĩ đến Joachim –

Tôi có cảm tưởng đang bắt đầu một cuộc đời mới, có thể chẳng qua vì tôi chưa bao giờ đi tàu biển; rõ ràng tôi sung sướng với chuyến đi biển này.

Tôi ngồi ở đấy cho đến nửa đêm.

Tôi hi vọng Ivy sẽ không ngồi chờ nữa, mà đã mất kiên nhẫn và rời khỏi căn hộ, giận tôi vì tôi đã xử sự (tôi biết điều này) như một thằng vô lại; nhưng bằng mọi cách khác tôi sẽ không thể đẩy Ivy đi được – tôi trả tiền và đi bộ, để vận may không gặp lại Ivy, một lần nữa được kéo dài thêm nửa giờ đồng hồ; tôi biết rằng nàng dai lì. – Ngoài ra tôi biết ít về Ivy. – Nàng theo đạo Cơ đốc, là người mẫu, nàng chịu đùa cợt về bất cứ vấn đề gì, ngoại trừ về Đức Giáo hoàng, có thể nàng lưỡng cảm, có thể lãnh cảm, nàng tự thách mình, cám dỗ cho bằng được được tôi, bởi lẽ nàng nhận thấy ở tôi một gã ích kỷ, một kẻ vũ phu, nàng không ngu, nhưng có phần hơi trụy lạc, tôi thấy như vậy, kỳ cục, tuy vậy lại là một khứa chơi hết lòng, nếu đừng đề cập đến vấn đề gái trai … Khi tôi đặt bước vào phòng, nàng ngồi sẵn đó với áo bành tô và nón, mỉm cười, mặc dù tôi đã cho nàng leo cây hai tiếng đồng hồ, không một lời trách móc.

„Everything okay?“, nàng hỏi.

Trong chai vẫn còn rượu vang.

„Everything okay!“. tôi nói.

Cái gạt tàn đầy vun, khuôn mặt nàng sưng húp vì khóc, tôi rót rượu vào ly, chia đều như có thể và xin lỗi nàng về chuyện vừa rồi. Khóa sổ! Mỗi khi phải làm việc bù đầu, người tôi rất khó chịu, mà công việc thì bao giờ cũng bù đầu.

Ly Sauternes đã âm ấm –

Khi chúng tôi cùng nhau nâng ly, hai ly rượu lưng nửa, Ivy (nàng đứng) chúc tôi một hành trình vui vẻ, nhất là một

cuộc đời hạnh phúc. Không một nụ hôn. Chúng tôi đứng và uống như trong những buổi tiếp tân ngoại giao. Nói cho cùng, tôi thấy rằng chúng tôi đã cùng sống với nhau những chuỗi ngày đẹp, Ivy cũng thấy vậy, những ngày cuối tuần của chúng tôi ngoài Fire Island[39], và những buổi tối cùng nhau trên sân thượng này –

Khóa sổ! Ivy cũng thốt lên.

Nàng trông rất hấp dẫn, đồng thời toát lên sự điềm tĩnh, nàng có thân hình của một cậu trai mới lớn, chỉ có bộ ngực rất đàn bà, đôi mông gọn gàng, dáng dấp của những người mẫu.

Chúng tôi đứng như thế và từ biệt nhau.

Tôi hôn nàng –

Nàng né tránh tất cả những nụ hôn.

Khi tôi giữ lấy nàng, không muốn gì khác hơn ngoài một nụ hôn cuối cùng, và cảm nhận được thân thể nàng, nàng vẫn xoay mặt qua bên; bất chấp tôi cứ hôn nàng trong lúc Ivy hút và miệng không rời điếu thuốc, tôi hôn tai nàng, hôn lên cuống cổ thẳng đứng, hôn vùng thái dương, mái tóc đăng đắng của nàng –

Nàng đứng như một con búp bê mẫu thời trang.

Không những nàng hút như thể đó là điếu thuốc cuối đời, rít tận đến đầu lọc, trong tay kia nàng vẫn cầm ly rượu đã cạn.

Tôi không biết sự việc đã lập lại như thế nào –

Tôi nghĩ, Ivy muốn tôi tự thù ghét tôi, nàng cám dỗ tôi chỉ để tôi tự thù ghét tôi, và niềm thích thú của nàng là biếm nhục tôi, đó là niềm vui duy nhất tôi có thể đem đến cho nàng.

Đôi khi tôi sợ nàng.

Chúng tôi lại ngồi với nhau như mấy tiếng trước đây –

Ivy muốn ngủ.

39 Một đảo nhỏ nằm phía đông nam, chắn trước Long Island, thuộc thành phố New York.

Khi tôi gọi Dick lần nữa – tôi không biết làm gì hơn ngoài việc này – đã quá nửa đêm, phần Dick đang nhóm bạn, tôi năn nỉ hắn kéo nguyên băng bạn bè qua đây. Qua đường dây điện thoại nghe được đám khách khứa của Dick, một hỗn độn của những giọng lè nhè rượu. Tôi van nài hắn. Nhưng Dick vẫn không một chút thương tình. Chỉ đến khi Ivy ghé nói vào ống nghe, Dick mới thuận lòng vì tình bạn, không nỡ để tôi một mình với Ivy.

Tôi mệt nhừ.

Ivy chải tóc lần thứ ba –

Cuối cùng khi tôi thiếp đi trong chiếc ghế đu, bọn chúng đến: khoảng bảy hoặc chín mạng, trong đó ba gã đã như người tàn phế, phải lôi từ thang máy ra. Một gã phản đối, khi nghe rằng có một người đàn bà trong nhà; không biết đối với hắn là quá ít hay quá nhiều. Hắn đi bộ, say nhừ tử như thế, xuống cầu thang, miệng nguyền rủa, mười sáu tầng lầu.

Dick giới thiệu:

„This is a friend of mine –“

Tôi nghĩ chính hắn cũng không quen biết hết bọn này, thiếu mất một ai đó. Tôi giải thích rằng một gã đã đi về rồi; Dick cảm thấy có trách nhiệm không để cho một ai lạc mất, và dùng ngón tay đếm, để sau một hồi lâu đếm tới đếm lui xác nhận được rằng vẫn còn thiếu một mạng.

„He’s lost“ hắn nói, „anyhow –“

Dĩ nhiên tôi ráng nhìn tất cả sự việc dưới lăng kính vui nhộn của nó, ngay cả khi chiếc bình gốm da đỏ rơi xuống bể tan tành, chiếc bình hoa không phải của tôi.

Ivy bảo tôi đùa quá trớn.

Một tiếng đồng hồ sau tôi vẫn chưa biết được đám khách này là ai. Một gã trong bọn hình như là một nghệ sĩ hát xiệc nổi tiếng. Để chứng minh chuyện này, gã dọa sẽ đứng ngược bằng hai tay trên lan can sân thượng tầng thứ mười sáu của chúng tôi, chuyện này cản lại được; nhưng qua đó một chai Whisky bị rơi xuống qua bờ tường – dĩ nhiên gã không phải là nghệ sĩ hát xiếc, bọn họ chỉ cương như thế với tôi, tôi không

hiểu tại sao. May mắn thay cái chai chả trúng ai! Tôi phóng xuống ngay, tinh thần sẵn sàng đối đầu với một nhóm đông người chờ sẵn dưới đấy, y tá cứu thương, máu đổ, cảnh sát sẽ bắt giữ tôi. Nhưng chẳng chuyện gì xảy đến! Khi tôi trở lại căn hộ, bọn họ bật toáng lên cười; bởi họ bảo rằng không chai Whisky nào bị rơi xuống đường –

Tôi không biết đâu đúng đâu sai.

Đến lúc tôi cần vào phòng vệ sinh, cánh cửa đã bị khóa trái. Tôi chạy đi lấy đồ vặn ốc và phá tung cánh cửa. Một gã ngồi trên nền nhà, hút thuốc và muốn biết tôi tên gì.

Chuyện đại loại như thế xảy ra suốt đêm.

Có ngày chết như bỡn với bọn mày, tôi nói thế, người ta có thể chết rồi mà bọn mày không hề biết, bạn bè quái gì, có ngày chết như bỡn với bọn mày! tôi hét lên, có nói cho lắm với nhau để được gì, tôi hét lên, để được gì (tôi nghe được chính tiếng tôi hét), bạn bè với nhau thế này làm gì, nếu có một thằng đang gục chết mà bọn mày không hề biết –

Tôi say khướt.

Chuyện đại loại như thế xảy ra cho đến sáng – tôi không biết bọn họ đã rời khỏi căn hộ lúc nào và như thế nào; chỉ còn Dick nằm đó.

9:30 tôi phải có mặt trên tàu.

Đầu đau nhức, tôi xếp hành lí và mừng vì được Ivy phụ, muộn lắm rồi, tôi yêu cầu nàng một lần nữa pha cho tôi những giọt cà phê ngon nàng vẫn hằng pha, nàng xúc động và thậm chí đưa tôi lên tận tàu. Dĩ nhiên nàng khóc. Ngoại trừ chồng nàng, Ivy còn có ai nữa ngoài tôi, tôi không biết; nàng không bao giờ nhắc đến cha mẹ nàng, tôi chỉ nhớ đến câu nói bông đùa của nàng: I'm just a dead-end kid[40]! Nàng lớn lên từ khu Bronx[41], ngoài ra tôi thật sự chẳng biết gì về Ivy, thoạt đầu tôi cho nàng là một vũ nữ, sau đó nghĩ nàng là một gái hạng

40 (Tiếng Anh) đứa trẻ lạc loài, bơ vơ, trẻ bụi đời, không tương lai.
41 Một khu xóm nghèo, khu phố dân nhập cư và dân da đen nổi tiếng tại New York.

sang, cả hai đều không đúng – tôi tin Ivy thật sự hành nghề người mẫu.

Chúng tôi đứng trên boong tàu.

Ivy đội chiếc nón ‚Kolibri'[42] be bé –

Ivy hứa sẽ lo thu xếp mọi việc, căn hộ và chiếc Studebaker. Tôi giao chìa khóa cho nàng. Tôi cảm ơn nàng lúc còi tàu hú và loa phóng thanh nhắn đi nhắn lại yêu cầu thân nhân hành khách rời tàu; tôi hôn nàng vì đến lúc Ivy phải rời tàu, còi tàu dội vang khắp nơi khiến ta phải che hai tai lại. Ivy là người cuối cùng đi trên ván cầu trở vào đất liền.

Tôi vẫy tay –

Tôi phải tự kiềm chế mình lại, dẫu rất vui sướng khi sợi chão lớn được gỡ ra. Chúng tôi có được một ngày trời trong không mây. Tôi mừng vì mọi việc suôn sẻ.

Ivy cũng vẫy tay –

Một khứa dễ thương! tôi nghĩ thế mặc dù tôi chưa bao giờ hiểu nổi Ivy; tôi đứng trên bệ một cái cần cẩu khi chiếc phà kéo màu đen kéo ngược tàu chúng tôi lùi rời bến, đồng thời lại tiếng còi tàu, tôi quay phim (với ống viễn kính mới của tôi) Ivy đang vẫy tay, cho đến khi với mắt thường không nhận diện được ai nữa. Tôi thâu hết quang cảnh tàu rời bến cho đến khi vẫn còn nhìn thấy được Manhattan, rồi quay phim lũ hải âu đang bay theo chúng tôi.

Lẽ ra chúng tôi không nên chôn cất Joachim (tôi vẫn mãi nghĩ thê), mà nên hỏa thiêu. Nhưng mọi việc không thay đổi được nữa. Marcel hoàn toàn có lí: lửa là một giải quyết sạch sẽ, đất sẽ thành bùn chỉ sau một cơn mưa giông (như chúng tôi đã trải qua trên đường trở về), là đống vữa thối đầy đặc vi sinh, trơn trợt như dầu bóng, là những vũng lầy trong ráng đỏ ban mai như những vũng máu dơ, máu kinh nguyệt, những vũng lầy

42 Một kiểu nón thời trang phụ nữ vào những thập niên 50 thế kỷ trước; Kolibri (Hummingbird): một loài chim tí hon, sống bằng mật hoa.

đầy lăng quăng dòi bọ, không gì khác ngoài những đám đầu đen cùng những cái đuôi ngue nguẩy như một đống nhung nhúc những tinh trùng, đúng như thế – ghê tởm.

(Tôi muốn được hỏa táng!)

Trên đoạn đường về dạo ấy chúng tôi đi không nghỉ, ngoại trừ vào đêm tối, bởi trời không trăng, tối đen như mực, không lái được. Trời mưa. Trời trút nước suốt đêm, chúng tôi để đèn sáng, mặc dù xe không chạy, và nước tuôn tràn như một trận Đại hồng thủy, đất bốc khói trước ánh đèn pha, một cơn mưa lớn và hâm hấp. Không có gió. Trước luồng đèn pha: cỏ cây nằm yên không nhúc nhích, đám rễ cây cuộn vào nhau giữa không gian, dưới ánh đèn pha sáng loáng trông như đống lòng ruột. Tôi mừng vì không phải ngồi một mình, mặc dù thật sự chẳng nguy hiểm gì, tỉnh táo quan sát: nước sẽ rút đi. Chúng tôi không ngủ được phút nào. Chúng tôi ngồi như ngồi trong phòng tắm hơi, thật thế, không áo quần; không thể chịu được những đồ sũng nước đó trên người. Dù cho, như tôi vẫn mãi tự nhủ, chỉ là nước, không việc gì phải gớm sợ. Gần sáng mưa dứt hẳn, đột ngột như thể ta vặn tắt một vòi sen; nhưng nước vẫn nhỏ xuống từ những đám cây cỏ, nước không ngừng long tong, không ngừng chảy giọt. Rồi thì đỏ ráng bình minh! Không một dấu hiệu nào cho thấy trời sẽ mát; buổi sáng nóng và hầm hơi, mặt trời vẫn nhễ nhãi như bao giờ, đám cành lá bóng ngời, và chúng tôi ướt đẫm vì mồ hôi, vì nước mưa và dầu, nhờn nháp như trẻ sơ sinh vừa lọt lòng mẹ. Tôi lái; tôi không hiểu chúng tôi cùng chiếc Landrover vượt qua con sông như thế nào; nhưng chúng tôi đã vượt qua và không thể tưởng tượng nổi chúng tôi đã từng bơi giữa vũng nước hâm hấp đầy bọt vữa thối này. Bùn bắn tung tóe hai bên khi chúng tôi chạy ngang những vũng lầy, những vũng lầy dưới ráng đỏ bình minh – có một lần Marcel nói: Tu sais que la mort est femme! Tôi nhìn gã, et que la terre est femme![43] gã nói, và tôi hiểu câu cuối, bởi nó nhìn đúng như thế, đúng y như thế, tôi cười lớn, dẫu không muốn cười, như vừa nghe một câu chuyện tục –

43 (Tiếng Pháp) Bạn có biết rằng sự chết là đàn bà … và trái đất là đàn bà – ND.

Lần đầu tiên khi tôi trông thấy cô bé với bím tóc đuôi ngựa màu vàng, tàu vừa rời bến một đoạn ngắn, mọi người phải tập trung tại phòng ăn, sắp hàng chờ được phân bố bàn ăn. Ai ngồi cùng bàn với tôi, chuyện ấy tôi thật chẳng quan tâm, dù sao tôi vẫn mong được ngồi cùng bàn đàn ông, bất chấp trong bàn ấy xử dụng bao nhiêu ngôn ngữ và ngôn ngữ gì. Nhưng đừng hòng lựa chọn! Gã tiếp viên đã trải sẵn một đồ hình trước mặt, một gã Pháp quan liêu, không thương xót nếu ai đó không biết tiếng Pháp, rồi lại huyên thuyên, nếu gã thích, duyên dáng không chê vào đâu được, trong lúc chúng tôi đứng đợi, một chuỗi rồng rắn dài hành khách – trước tôi: một cô gái trẻ trong quần cao bồi màu đen, không thấp hơn tôi là bao, gốc Anh hay Bắc Âu, tôi không nhìn thấy được khuôn mặt nàng, chỉ thấy được cái đuôi ngựa màu vàng hoặc là màu hung đỏ của cô ta đong đưa mỗi khi đầu cô cử động. Dĩ nhiên người ta chỉ nhìn quanh xem thử có ai quen; điều vốn có thể xảy ra. Tôi thật tình mong được ngồi cùng bàn đàn ông. Tôi chỉ nhìn thấy cô bé, vì cái đuôi ngựa của cô ta đong đưa trước mặt tôi, ít nhất nửa tiếng đồng hồ. Khuôn mặt nàng, như đã nói, tôi không nhìn thấy. Tôi cố hình dung khuôn mặt nàng. Để giết thì giờ, giống như người ta giết thì giờ bằng trò chơi ô chữ. Thật ra trên tàu hầu như không có giới trẻ. Nàng vận (tôi nhớ rõ) một áo len màu đen cổ cao, đúng thời trang hiện sinh, thêm sợi dây chuyền kết bằng gỗ tạp, chân mang espadrilles[44], mọi thứ trông khá rẻ tiền. Nàng hút thuốc, một cuốn sách dày ôm dưới tay, và sau túi quần cao bồi màu đen của nàng cắm một chiếc lược màu xanh lục. Tôi phải quan sát cô nàng, đơn giản vì thời gian đứng đợi bắt buộc; nàng hẳn còn trẻ lắm: lông măng trên gáy, cử động của nàng, đôi tai nhỏ, mặt ửng đỏ khi gã tiếp viên bông đùa – nàng nhún vai; suất trước hay suất sau, đối với nàng cũng thế.

Cô nàng được phân vào suất đầu, tôi suất thứ hai.

44 (Tiếng Tây Ban Nha): giầy vải đế rơm, giầy bình dân để đi mùa hè, phổ biến tại Tây Ban Nha.

Vào lúc đó, bờ biển cuối cùng của nước Mĩ, Long Island, cũng biến mất, chung quanh không gì khác ngoài nước; tôi đem cất máy quay phim dưới buồng ngủ, và tại đây chạm mặt lần đầu tiên người ngủ cùng phòng, một người đàn ông trẻ và khỏe như vâm, Lajser Lewin, làm nghề nông ở Do Thái. Tôi nhường cậu ta nằm giường dưới. Hắn đang ngồi giường tầng trên khi tôi bước vào phòng, đúng theo vé tàu; nhưng tôi nghĩ cả hai chúng tôi đều thoải mái hơn, khi thấy cậu ta được ngồi vào giường dưới và bắt đầu mở hành lí xếp dọn áo quần. Thật là một núi hình hài! Tôi cạo râu, vì sáng nay tất bật quá không cạo kịp. Tôi cắm máy vào ổ, cũng vẫn cái máy hôm qua, và nó chạy. Anh chàng Lewin vừa học xong Kinh tế Nông nghiệp tại California. Tôi cạo râu, không nói chuyện nhiều.

Sau đó lên lại boong trên –

Không có gì để xem. Chung quanh toàn nước, tôi đứng đó và thích thú với cảm giác đã bỏ được tất cả ở lại sau lưng – thay vì phải loay hoay đi kiếm một cái ghế xếp ngồi boong tàu.

Tôi chưa hề biết đến những điều này.

Hải âu bay theo tàu –

Làm sao có thể ở trên một chiếc tàu như vậy một tuần lễ, tôi không thể mường tượng được, tôi đi tới đi lui, tay thọc túi quần, khi theo chiều gió đẩy, như thể người muốn bay bổng, rồi lại bị ngược gió, lại khó nhọc, phải chúi người về đằng trước với mấy ống quần tung bay phần phật, tôi ngạc nhiên, những hành khách khác lấy được những ghế xếp của họ từ đâu. Mỗi chiếc ghế đều có ghi tên. Khi tôi hỏi người tiếp viên, chẳng còn cái ghế xếp nào dư nữa. Sabeth chơi bóng bàn.

Cô nàng chơi rất cừ, tíc tắc, tíc tắc, cứ đánh qua đánh về, đứng nhìn rất thích. Riêng tôi đã bao năm rồi không chơi nữa.

Nàng không nhận ra tôi.

Tôi có gật đầu chào –

Nàng chơi với một chàng trai trẻ. Có thể là bạn trai của nàng hoặc chồng chưa cưới. Nàng đã thay áo quần và hiện bận chiếc váy đầm manchester[45], như cái chuông, hợp với nàng hơn nhiều so với chiếc quần con trai, tôi thấy vậy – với điều kiện rằng nàng và cô bé ban sáng thật sự là một!

Dù sao, thì cô bé kia chẳng thấy đâu.

Tại quầy nước nơi tôi tình cờ mới khám phá ra, chả có mống nào. Trong thư viện chỉ toàn truyện tình cảm, nơi khác có bàn để ngồi đánh bài, trông cũng chán như thế – ngoài kia gió quá, nhưng được cái ít chán hơn, bởi vì tàu đang chạy.

Thật ra chỉ có mặt trời chuyển động –

Thi thoảng một tàu chở hàng tận chân trời.

Vào bốn giờ nhà bếp dọn trà.

Một đôi lúc tôi ngừng lại chỗ đánh bóng bàn, lần nào cũng kinh ngạc khi nhìn thấy nàng từ phía trước, buộc tôi tự hỏi phải chăng đấy chính là người mà tôi cố gắng hình dung cho bằng được khuôn mặt trong lúc đứng chờ phân bổ bàn ăn. Tôi đứng cạnh cửa sổ lớn ngay dãy boong tàu dành cho người đi dạo, hút thuốc và giả tảng như đang nhìn ra biển. Nhìn từ đàng sau, từ cái đuôi ngựa hung đỏ kia, đúng chắc là nàng, nhưng từ phía trước cô nàng vẫn kỳ lạ. Mắt nàng xám trong như nước, như thường thấy ở những nàng tóc đỏ. Nàng cởi chiếc áo len khoác ra vì vừa bị thua một trận, và xắn tay áo trong lên. Rồi một lần cô nàng suýt nhào vào người tôi, chỉ để vớt được quả banh. Không một lời xin lỗi. Cô gái hoàn toàn không trông thấy tôi.

Thi thoảng tôi đi tiếp –

Ở boong trên trời trở lạnh, thậm chí ướt nước, bởi bọt sóng biển, và gã tiếp viên gấp những ghế xếp lại. Tiếng sóng nghe ồn hơn lúc nãy, đồng thời tiếng bóng bàn từ tầng dưới, tic tắc, tíc tắc. Rồi mặt trời lặn. Tôi lập cập run. Lúc đi xuống phòng để lấy áo bành tô, tôi phải một lần nữa đi ngang qua dãy boong đi dạo – tôi nhặt một quả banh giùm nàng, giữ ý để không

45 Loại váy len xuất xứ từ Anh, có kẻ mẫu vuông chéo, dài ngang gối.

quá sồn sã, tôi tin thế, nàng cảm ơn ngắn bằng tiếng Anh (bình thường nàng nói tiếng Đức), và lát sau đó chuông vang báo hiệu suất ăn thứ nhất.

Thế là qua được buổi chiều đầu tiên.

Lúc tôi khoác áo bành tô và cầm máy quay phim vòng trở lại để lấy cảnh mặt trời lặn, hai cây vợt bóng bàn nằm yên trên mặt bàn màu xanh lục –

Có thay đổi được gì, khi tôi chứng minh rằng tôi chẳng hề biết gì cả, sự không hay biết của tôi! Tôi đã phá hủy cuộc đời con gái tôi và không thể làm mọi chuyện trở lại như xưa được nữa. Một bản tường thuật để làm gì? Tôi không say mê cô bé với bím đuôi ngựa màu hung đỏ, cô nàng chỉ làm tôi chú í, chả gì khác, tôi không thể nào biết được rằng nàng chính là con gái tôi, tôi còn không biết được rằng tôi là một người cha. Tại sao lại nghiệp duyên? Tôi không hề mê say, ngược lại, đối với tôi cô nàng xa lạ hơn bất cứ cô gái nào khác mỗi khi chúng tôi có dịp chuyện trò, và việc chúng tôi có chuyện trò với nhau, con gái tôi và tôi, thật sự là những dịp tình cờ khó xảy ra. Cũng như thế, khả năng chúng tôi chỉ nhìn nhau như hai người xa lạ, hoàn toàn có thể xảy ra. Tại sao lại nghiệp duyên? Mọi việc cũng có thể đã xảy ra khác hẳn.

Ngay buổi chiều đầu tiên hôm đó, sau khi tôi thâu cảnh mặt trời lặn, chúng tôi chơi bóng bàn, trận đầu tiên và cũng là trận cuối cùng giữa hai chúng tôi. Không chuyện trò gì với nhau được; tôi thật sự không còn biết là một con người có thể trẻ đến thế. Tôi chỉ dẫn nàng về máy quay phim, nhưng nàng chả mấy thích thú về những gì tôi kể. Trận bóng bàn trông thế lại khá hơn tôi chờ đợi; đã hàng chục năm tôi không chơi. Chỉ có cú giao bóng của nàng là ma mãnh, cô nàng chặt banh. Hồi xưa tôi

cũng từng chặt được nhưng lâu quá không dợt; thành thử tôi hơi chậm. Banh nào chặt được nàng đều chặt, nhưng không phải quả nào cũng thắng; tôi chống đỡ tới cùng. Bóng bàn chỉ là một trò chơi của tự tin, chẳng gì khác. Tôi không đến nỗi già như cô bé tưởng, và trận đấu sẽ nhanh gọn như nàng nghĩ đã không xảy ra; từ từ tôi biết được cách làm thế nào để đón những đường banh của nàng. Chắc chắn tôi không làm nàng hứng thú. Đối thủ của nàng hồi xế trưa, một anh chàng trẻ đẹp với bộ ria cá chép, chơi dĩ nhiên vũ bão hơn nhiều. Khuôn mặt tôi chuyển đỏ vì phải cúi người lên xuống nhiều lần, nhưng cô bé cũng đã phải cởi chiếc áo len khoác ra, còn phải xắn cả tay áo trong lên, mong hạ được tôi, nàng hất cái đuôi ngựa ra sau gáy, nóng vội. Đến khi anh bạn ria cá chép của nàng xuất hiện, hai tay thọc vào túi quần đứng mỉm cười như một khán giả, thì tôi trao vợt lại – nàng cảm ơn mà không yêu cầu tôi chơi hết trận; tôi cũng cảm ơn lại, cầm áo vét lên.

Tôi không đeo đuổi nàng.

Tôi trò chuyện với hết thảy mọi người, phần nhiều với Mister Lewin, không hẳn chỉ riêng với Sabeth, thậm chí cả với cô gái già tại bàn tôi, nữ tốc kí từ Cleveland, một người tâm nguyện phải nhìn thấy cho bằng được châu Âu một lần trong đời, hoặc tôi trò chuyện với lão tu sĩ người Mĩ, một mục sư Baptist từ Chicago, là một người tính tình vui nhộn.

Tôi không có thói quen ăn sỗi ở thì.

Mỗi lần trước khi ngủ tôi đi dạo một vòng hóng gió, khắp mọi boong tàu. Một mình. Tôi gặp nàng trong bóng tối – tình cờ – tay trong tay với gã bạn bóng bàn, nàng làm như không trông thấy tôi; như thể không muốn cho tôi biết được rằng nàng đang yêu, với bất cứ giá nào.

Chuyện chả dính gì đến tôi!

Tôi đi dạo, như đã nói, để hóng gió.

Cô nàng tưởng tôi ghen –

Một buổi sáng khác, khi tôi đang đứng tựa lan can một mình, nàng bước đến gần tôi và hỏi bạn tôi đâu. Tôi không quan tâm đến việc nàng nghĩ ai là bạn tôi, gã nông dân Do Thái hay ngài mục sư Baptist từ Chicago, nàng nghĩ rằng tôi cô đơn và

muốn làm một cử chỉ đẹp, nàng không chịu bỏ cuộc cho đến khi buộc tôi phải mở miệng – về hệ thống định vị, về radar, về độ cong của quả đất, về điện lực, về entropie, những đề tài nàng chưa bao giờ nghe qua. Nàng không đần độn tí nào. Rất ít người, khi được nghe tôi giải thích về cái gọi là ‚con quỉ Maxwell'[46], có thể nắm hiểu nhanh chóng như cô gái trẻ này, tôi gọi là Sabeth, bởi cái tên Elisabeth, tôi thấy là một cái tên vô duyên. Tôi thích nàng, nhưng không hề tán tỉnh nàng. Tôi kể lể như một ông giáo, tôi e thế, trong khi nàng mỉm cười. Sabeth không biết gì cả về khoa điều khiển học, và bao giờ cũng vậy, khi nói về đề tài này với dân tay mơ, bắt buộc phải gột bỏ ngay những hình dung ngây thơ về người máy mà họ tưởng tượng, định kiến của con người đối với máy móc làm tôi bực mình, bởi vì quá thiển cận, lí lẽ rất mực tầm thường của nàng: con người đâu phải là bộ máy. Tôi giải thích, khoa điều khiển học hiện đại định nghĩa thế nào là dữ liệu: những ứng xử của chúng ta chính là những đáp ứng cho cái gọi là khối dữ liệu, nôm na là những lực xung động, đấy thật ra là những đáp ứng tự động, phần lớn xảy ra ngoài í muốn của chúng ta, những phản xạ như thế một bộ máy có thể làm được hoàn hảo như con người vậy, nếu không nói rằng tốt hơn. Sabeth nhíu cặp lông mày lại (hệt như khi gặp những trò đùa nàng không thích) và cười. Tôi dẫn chứng cho nàng qua Norbert Wiener: *Cybernetics or Control and Communication in the Animal and the Machine, M.I.T. 1948*. Đương nhiên tôi không nói đến người máy theo như hình thù những tạp chí báo ảnh vẽ vời, mà nói đến máy tính siêu tốc, còn được gọi là bộ óc điện tử, bởi được điều khiển bằng những cụm đèn bán dẫn, một bộ máy ngày nay vượt xa trí óc của bất cứ một người nào. Giải 2.000.000 con tính cộng hoặc tính trừ trong một phút! Cùng vận tốc đó nó giải đáp những bài toán vi tích phân, giải những bài tính lượng giác nhanh hơn ta đọc những kết quả từ nó đưa ra, và một bài toán, cho đến nay đôi khi chiếm trọn cuộc đời của một nhà toán học, được giải trong vòng vài giờ đồng hồ với lời giải chính xác, bởi vì nó, bộ máy,

46 Dämon (tiếng Anh – daemon) nghĩa đen là qui; thường được dùng trong khoa học chỉ những hiện tưởng chưa được giải thích, hoặc những systemsoftware hoạt động ngầm ẩn sau hệ điều hành. Xem ở phần chú giải cho trang 41 ở phần cuối truyện.

không hề bỏ sót một thứ gì, bởi nó áp dụng những mệnh đề xác suất trên tất cả những dữ liệu truyền đến nó, những dữ liệu lớn hơn nhiều so với những gì bộ óc con người thâu nhận được. Tiên quyết nhất là máy tính không cảm nghiệm, nó không sợ hãi và cũng không mang hi vọng, những đặc tính chỉ tổ gây rối loạn, nó không có một mơ ước nào về kết quả sẽ đạt đến. Nó làm việc hoàn toàn với luận thức của hệ xác suất học, vì vậy tôi cả quyết rằng: Người máy nhận định chính xác hơn con người, nó biết về tương lai rõ hơn chúng ta, bởi nó tính toán tương lai, nó không suy đoán và không mơ tưởng, nó chỉ được điều khiển bởi những kết quả do chính nó tính toán (feed back) và không thể nào lầm lẫn; người máy không cần linh tưởng –

Sabeth bảo rằng tôi kỳ khôi.

Tôi nghĩ, một chút xíu nào đó, cô nàng cũng thích tôi, dù sao nàng gật đầu chào mỗi khi thấy tôi trên boong, nàng nằm trên ghế xếp và cầm ngay cuốn sách lên, nhưng vẫy tay –

„Hello, Mister Faber“

Nàng gọi tôi là Mister Faber, bởi tôi đã tự giới thiệu như thế, với thói quen nêu tên họ của tôi bằng tiếng Anh; thông thường chúng tôi nói tiếng Đức với nhau.

Tôi ít quấy rầy nàng.

Đúng ra tôi phải làm việc –

Một chuyến đi đường biển như thế này là một tình trạng quái đản. Năm ngày không có xe hơi, tôi có thói quen luôn luôn phải làm việc, bằng không phải lái xe, tôi không thanh thản được nếu công việc không trôi chảy, và mọi việc bất thường đều làm tôi khó chịu. Giờ tôi không được làm việc. Ta cứ trôi đi và cứ trôi đi, mấy động cơ chạy ngày chạy đêm, ta nghe tiếng máy, ta cảm nhận được nó, ta trôi đi liên tục, nhưng chỉ có mặt trời di động, cũng như mặt trăng, cũng có thể đó là một ảo giác rằng ta đang di chuyển, con tàu của chúng tôi có bập bềnh, có vượt sóng bao nhiêu chăng nữa, chân trời vẫn nằm tít chân trời, và ta vẫn nằm giữa tâm điểm một mảng tròn như bị đóng cứng vào đó, chỉ những con sóng lướt trôi qua, không biết với vận tốc bao nhiêu hải lí một giờ, chỉ biết là khá nhanh,

nhưng hoàn toàn không thay đổi được gì cả – chỉ làm ta già đi thôi!

Sabeth hoặc chơi bóng bàn hoặc đọc sách.

Tôi đi dạo suốt một nửa ngày, dẫu biết khó gặp được ai, nếu họ hiện không có mặt trên tàu; trong suốt mười năm qua tôi không hề đi bộ nhiều đến thế như trên chiếc tàu này, đôi lúc ông mục sư Baptist cũng chịu để lôi kéo theo, cùng chơi trò chơi trẻ con này, đẩy và đặt những phiến gỗ[47], giết thì giờ, tôi có nhiều thì giờ như chưa từng có, nhưng lại không rảnh để đọc bản tin hàng ngày trên tàu.

News of Today –

Chỉ có mặt trời di động.

President Eisenhower says –

Tôi chả quan tâm!

Quan trọng là phải đẩy những phiến gỗ của mình vào đúng ô vạch sẵn, và mặc khác phải cảnh giác, không ai chiếm được ô của mình, nhất là những kẻ hiện không có mặt trên tàu, Ivy chẳng hạn, rõ ràng ta đã bỏ được tất cả ở lại sau lưng.

Thời tiết tốt.

Một buổi sáng lúc tôi ngồi điểm tâm cùng ông mục sư Baptist, Sabeth đến ngồi vào bàn chúng tôi làm tôi vui sướng thật sự. Sabeth trong quần cao bồi màu đen. Chung quanh không thiếu gì bàn trống, í tôi muốn nói, nếu cô nàng không thích tôi. Tôi sung sướng thật sự. Nàng kể về điện Louvre ở Paris, nơi tôi không hề biết, và tôi vừa nghe vừa gọt táo. Tiếng Anh của nàng tuyệt vời. Lại một lần nữa nỗi kinh ngạc, sao nàng trẻ thế! Và ta tự hỏi, chính ta có bao giờ trẻ thế không nhỉ. Theo nàng! Một kẻ không biết điện Louvre, vì chả quan tâm đến nó, chuyện ấy thật tình không thể nào có được; Sabeth nghĩ rằng tôi chỉ muốn trêu cợt nàng. Trong khi đó chính ông mục sư Baptist là người đang trêu cợt tôi.

„Mister Faber is an engineer“ – lão nói –

47 Trò chơi Shuffleboard: một trò giải trí, thú tiêu khiển trên boong những tàu du lịch.

Tôi khó chịu không phải vì những mẩu chuyện đùa vô duyên về kĩ sư của lão, mà chỉ bởi vì lão tán tỉnh cô gái trẻ, cô nàng đến bàn chúng tôi không phải vì lão, bàn tay của lão ta, lão đặt lên cánh tay nàng, rồi lên vai nàng, rồi lại trên cánh tay nàng trở lại, bàn tay nung núc thịt. Vì sao lão cứ chạm vào người cô gái mãi thế! Chẳng lẽ chỉ bởi lão là một người biết sành về Louvre sao.

„Listen“, lão luôn mồm, „listen! „

Sabeth:

„Yes. I'm listening – „

Thật ra lão chả có thẩm quyền nào để lên tiếng ở đây, lão mục sư Baptist, cái đống Louvre của lão chẳng qua là cớ để lão được chạm tay vào người cô bé, một ngón nghề của mấy khứa già, thêm vào đó nụ cười khẩy ném vào tôi.

„Go on“, lão nói với tôi, „go on! „

Tôi đứng trên quan điểm rằng công việc một người kĩ thuật, đối mặt với thực tiễn, rõ ràng là một nghề của nam giới, nếu không nói là nghề duy nhất cho nam giới; tôi xác định, chúng ta hiện ở trên một chiếc tàu, và như thế đang ngồi trên một công trình kĩ thuật –

„True“, lão nói, „very true! „

Trong lúc lão ta vẫn cầm tay nàng suốt buổi, làm ra vẻ như háo hức và chăm chú, chẳng qua chỉ để được nắm mãi cánh tay cô bé, không buông.

„Go on“, lão nói, „go on! „

Thấy tôi không biết gì về những tượng cổ trong điện Louvre, cô bé muốn bênh vực tôi và hướng cuộc nói chuyện về người máy của tôi; nhưng tôi không có hứng thú nói về đề tài này, chỉ nêu lên rằng những tượng cổ và những thứ đại loại như thế (theo tôi) chính là tiền thân của người máy. Những giống dân nguyên thủy khắc hình tạc tượng để sao giữ hình hài người đã chết nhằm níu kéo sự sống – nhưng chúng ta, chúng ta tìm cách thay thế hình hài ấy. Kĩ thuật thay vì huyền bí!

May thay Mister Lewin lò dò đến.

Khi biết được rằng Mister Lewin cũng chưa bao giờ tham quan điện Louvre, đề tài giữa bàn chuyển hướng, thật là ơn Trời, hôm qua Mister Lewin vừa đi tham quan khoang máy tàu – thế là nẩy sinh hai cuộc thảo luận song song: lão Baptist và Sabeth chuyện vãn tiếp về ‚van Gogh', Lewin và tôi về máy chạy dầu cặn, đồng thời, mặc dù rất thích thú đề tài máy chạy dầu cặn, mắt tôi vẫn không rời cô bé; nàng, trong lúc chăm chú nghe lão Baptist nói, gỡ bàn tay lão ra và đặt xuống bên cạnh trên mặt bàn, như đặt một mảnh khăn lau miệng.

„Why do you laugh?" lão hỏi tôi.

Tôi chỉ cười.

„Van Gogh is the most intelligent fellow of his time", lão bảo tôi, „have you ever read his letters?"

Sabeth thêm vào:

„Ông ta thật tình biết rất nhiều."

Đến khi chúng tôi, Mister Lewin và tôi, nói về đề tài kĩ thuật, thì lão chẳng biết gì tất, lão Baptist, chú gà trống đỏm đáng của chúng tôi, chỉ biết ngồi gọt vỏ táo và câm như hến. Lúc cuối câu chuyện xoay về Israel.

Sau đó tại boong trên Sabeth (không một thúc ép nào từ phía tôi) ngỏ í muốn được đi tham quan khoang máy tàu một lần, và đi cùng tôi; tôi chỉ có nói rằng một lần nào đó tôi cũng sẽ đi thạm quan khoang máy tàu. Tôi hoàn toàn không muốn làm phiền nàng. Nàng ngạc nhiên, tại sao tôi không có ghế ngồi trên boong, và nhường chiếc ghế xếp của nàng cho tôi, bởi nàng đã có hẹn đấu bóng bàn.

Tôi cảm ơn, và cô nàng biến mất –

Từ đấy tôi thường ngồi ghế xếp của nàng; gã tiếp viên đem ngay chiếc ghế đến mỗi lần trông thấy tôi, và mở ghế ra, cất tiếng chào tôi là Mister Piper, bởi trên ghế của nàng có ghi: *Miss E. Piper*.

Tôi tự bảo có lẽ bất cứ cô gái trẻ nào cũng đều gợi tôi liên tưởng ít nhiều đến Hanna. Trong những ngày này tôi lại thường nghĩ đến Hanna. Làm sao gọi là giống nhau được? Hanna tóc đen, Sabeth thì tóc vàng hoặc là màu hung đỏ, và rồi

đi từ mái tóc, tôi so sánh hai con người. Tôi liên tưởng đến việc này bởi vì quá nhàn rỗi. Sabeth còn trẻ, giống như thuở ấy Hanna còn trẻ, và nàng lại nói tiếng Đức chuẩn giọng giống vậy, nhưng rốt cuộc (tôi tự nhủ) có biết bao nhiêu giống dân nói tiếng Đức chuẩn giọng. Tôi nằm hàng giờ trên chiếc ghế xếp của nàng, chân gác lên trên hàng lan can trắng đang rung bần bật, nhìn ra biển. Tiếc thay tôi không có một tờ báo chuyên ngành nào bên cạnh, tôi không đọc được tiểu thuyết, tôi thích thà rằng động não suy nghĩ sự rung động này từ đâu ra, tại sao không ngăn ngừa nó được, những rung động này, hoặc tôi tính thử Hanna nay bao nhiêu tuổi, tóc nàng bạc chưa. Tôi nhắm mắt lại để ngủ. Nếu Hanna hiện có trên boong tàu, chắc chắn tôi sẽ nhận ra nàng ngay tức thì. Tôi nghĩ: có thể nàng hiện ở trên boong! và bật người dậy, lững thững tới lui giữa những chiếc ghế xếp, không thật lòng tin rằng Hanna hiện thật sự có mặt trên boong. Chỉ để giết thì giờ! Dù sao tôi vẫn lo ngại (tôi thú nhận như thế) điều ấy có thể xảy ra, và tôi nhìn chằm chặp vào mọi lứa đàn bà, không còn là những cô gái trẻ nữa, rất bình thản. Đương nhiên làm vậy được, nếu ta mang một cái kính râm; đứng, hút thuốc và quan sát, không để một ai đang bị ngắm biết đến, rất bình thản, rất cụ thể. Tôi phỏng đoán tuổi tác họ, không dễ tí nào; tôi ít chú ý đến màu tóc, chỉ chú ý vào cặp giò, bàn chân, nếu chúng được phơi trần ra, nhất là bàn tay và đôi môi. Nơi này nơi kia, tôi nhìn thấy, có nhiều đôi môi nở rất tươi, trong khi cuốn cổ làm ta liên tưởng đến làn da nhăn nhúm của loài tắc kè, và tôi có thể nghĩ rằng Hanna vẫn còn xinh đẹp, tôi muốn nói là đáng yêu. Rất tiếc là không tìm thấy đôi mắt nàng đâu cả, bởi chỉ toàn những kính râm. Mọi thứ đều tàn tạ, mọi thứ, cả những thứ có lẽ chưa từng bao giờ rộ nở, cũng nằm đấy, phụ nữ Mĩ, những sinh vật của kĩ nghệ phấn son. Tôi chỉ duy biết một điều: Hanna sẽ không bao giờ nhìn giống vậy.

Tôi lại ngồi xuống.

Tiếng gió rít trong ống khói tàu –

Bọt sóng –

Một lần thoáng hiện một tàu chở hàng tận chân trời –

Tôi chán, vì thế tôi miên man nghĩ về Hanna; tôi nằm, chân gác lên trên hàng lan can trắng, vẫn rung động không ngừng, và những gì tôi biết về Hanna thừa dữ liệu để công bố một bức thư truy nã, nhưng cũng chả ích gì, khi kẻ bị truy nã không có mặt nơi đây. Tôi không nhìn thấy nàng, như đã nói, ngay cả khi nhắm kín đôi mắt lại.

Hai mươi năm là một chuỗi thời gian.

Thay vào đó (tôi mở choàng mắt, vì có ai đó chạm vào ghế tôi ngồi –) lại khối sinh vật trẻ trung nọ, cô thiếu nữ với tên Elisabeth Piper.

Nàng vừa chơi bóng bàn xong.

Điều làm tôi kinh ngạc hơn hết, đang giữa câu chuyện, dáng điệu hất bím đuôi ngựa của nàng về sau gáy (trong khi đó Hanna không hề thắt bím đuôi ngựa!) khi muốn tỏ ý phản đối, hoặc khi nàng nhún đôi vai, mặc dù cô nàng hoàn toàn không thờ ơ với câu chuyện chút nào, chẳng qua muốn làm dáng kiêu hãnh. Nhưng nhất là: cái nhíu trán ngắn và nhẹ của nàng giữa đôi chân mày khi cô nàng phải cười về một chuyện đùa của tôi, dẫu thấy nó vô duyên. Gây kinh ngạc cho tôi, chúng không làm tôi bận tâm. Chỉ làm tôi thích thú. Dĩ nhiên có những nét mặt gây thích thú bởi ta đã một lần thấy chúng ở đâu đấy. Tôi luôn luôn đánh một dấu hỏi khi luận bàn về sự trùng hợp; do kinh nghiệm. Em tôi và tôi đã ôm bụng cười đến gập người như thế nào khi có những người quen không nắm được vấn đề, nhận thấy sự giống nhau đến kinh ngạc của chúng tôi! Em tôi là con nuôi. Nếu có ai đó lấy bàn tay phải (thí dụ như thế) với qua sau gáy để gãi phần thái dương bên trái, điều này làm tôi ngạc nhiên, làm tôi phải nghĩ ngay đến bố tôi, nhưng không bao giờ trong đời tôi mang ý nghĩ người nào cũng là anh em ruột bố tôi, chỉ vì họ gãi đầu như thế. Tôi phán xét sự việc với lí trí. Tôi không phải dân Baptist cũng không theo chủ thuyết thần linh. Tại sao phỏng đoán rằng một cô thiếu nữ nào đó, có tên Elisabeth Piper, lại là con gái của Hanna. Nếu lúc đó trên tàu (hoặc sau đó) tôi chỉ cần có một ít ngờ vực mong manh rằng giữa cô gái trẻ đó và Hanna, Hanna qua câu chuyện về Joachim đương nhiên vẫn lởn vởn trong trí tôi, có một quan hệ thật sự nào, tự khắc tôi sẽ hỏi ngay: Mẹ cô nàng là ai? Tên là gì? Người

xứ nào? – tôi không biết tôi sẽ ứng xử như thế nào, chắc chắn là sẽ khác, điều đó đương nhiên, tôi không hề bịnh hoạn, tôi sẽ đối xử với con gái tôi như một đứa con gái của tôi, tôi không đồi trụy!

Mọi việc xảy ra rất tự nhiên –

Một quen biết vô thưởng vô phạt dọc đường –

Có một lần Sabeth say sóng; thay vì lên boong trên theo lời khuyên, nàng lại muốn đi về phòng, rồi thì bị ói mửa trong hành lang, gã ‚bạn trai ria cá chép' của nàng đặt nàng nằm lên giường, như thể gã là chồng nàng. May thay tôi cũng có mặt tại đấy. Sabeth trong chiếc quần cao bồi màu đen, khuôn mặt nàng xoay qua một bên, vì cần phải bím đuôi ngựa, nằm vật ngay xuống như vậy, người mềm lả và hai chân dạng ra, nhợt nhạt như bùn non. Gã cầm tay nàng. Tôi liền mở ngay khung cửa sổ mắt trâu để cho thêm khí trời vào, và rót nước –

„Cảm ơn nhiều!" gã vừa nói vừa ngồi xuống mép giường nàng; gã cởi đôi espadrilles của nàng ra, diễn trò y tá cứu hộ. Như thể đôi chân chính là căn do của cơn nôn mửa!

Tôi nán lại trong phòng.

Cái nịt đỏ nàng thắt quá chặt, thấy rõ, nhưng tôi cho rằng việc nới sợi giây nịt ra không là phần việc của chúng tôi –

Tôi tự giới thiệu.

Chúng tôi vừa kịp bắt tay nhau xong, gã đã ngồi xuống mép giường nàng. Có lẽ gã là bạn trai của nàng thật sự. Sabeth đã là một người đàn bà đúng nghĩa khi trông nàng nằm như thế, không là đứa trẻ nữa, tôi lấy tấm chăn từ giường trên và đắp người nàng, để nàng khỏi thấm lạnh,.

„Cảm ơn", gã lên tiếng –

Tôi đứng đợi như thế cho đến khi chàng trai trẻ có cùng nhận định như tôi, không còn việc gì cần làm nữa, lúc này chúng tôi nên để cô bé nằm yên một mình –

„Tschau![48]" gã chào.

48 (Tiếng Đức) chào tạm biệt, chào từ giã – ngôn ngữ dân gian.

Tôi đi guốc trong bụng gã, gã muốn tôi đi khuất mắt đâu đó trên boong để một mình quay trở về phòng nàng. Tôi thách gã đấu một trận bóng bàn… Gã không khờ khạo, như ta tưởng, nhưng cũng không dễ chịu chút nào. Tại sao người ta lại để râu mép nhỉ? Không chơi bóng bàn được, bởi hai bàn đều bị chiếm cả; thay vào đó tôi lôi kéo gã vào một câu chuyện – dĩ nhiên với tiếng Đức chuẩn giọng! – về những máy turbine, gã hành nghề đồ họa, một tay nghệ sĩ, nhưng là dân làm ăn. Khi nhận thấy hội họa và kịch nghệ và những thứ đại loại như thế không đánh đúng vào sở thích tôi, gã bàn về kinh doanh, không đến nỗi táng tận, nhưng là dân làm ăn, người Thụy sĩ, như vừa được biết –

Tôi không biết Sabeth thích gì ở gã.

Phần tôi không có lí do gì phải tự ti mặc cảm, tôi không là một thiên tài, nhưng dù sao cũng là một người đàn ông với chức vị lãnh đạo, tôi chỉ ngày càng không chấp nhận được giới trẻ, lối ăn nói của chúng, thiên tư của chúng, thật ra chỉ là những ước mơ tương lai, để qua đó chúng tự thấy mình vĩ đại hẳn lên, và bọn chúng chẳng cần quan tâm đến những gì thế hệ chúng tôi đã thật sự tạo dựng cho thế giới này; và nếu có được dịp để kể cho bọn chúng nghe, chúng mỉm cười rất lễ phép.

„Tôi không muốn cầm chân anh!“ tôi nói.

„Xin phép ông?“

„Xin cứ tự nhiên!“ tôi đáp –

Khi tôi đem thuốc đến, loại thuốc đã trợ giúp tôi hiệu quả, Sabeth không muốn cho ai vào phòng nàng. Nàng khá kỳ khôi, trên người vẫn bận áo quần, như tôi thấy được qua rãnh cửa khép hờ. Hồi nãy tôi có hứa đem thuốc đến cho nàng, chỉ vậy thôi. Nàng nhận những viên thuốc qua rãnh cửa. Có gã ngồi trong phòng không, tôi không biết được. Tôi khuyên bảo cô gái phải ráng uống thuốc. Tôi chỉ muốn giúp nàng; bởi trò cầm tay và cởi giầy đã chẳng giúp được gì cho nàng. Tôi thật sự chả quan tâm đến chuyện một thiếu nữ như Sabeth (sự ngây thơ của nàng đối với tôi luôn luôn là một bí ẩn) đã lần nào gần gũi với đàn ông chưa, tôi chỉ tự hỏi thế thôi.

Những gì tôi biết được lúc đó:

Một lục cá nguyệt tại Yale, chương trình học bổng, đang trên đường về nhà, về với mẹ, hiện sinh sống ở Athen, còn ông Piper vẫn ở Đông Đức, vì vẫn vững tin vào chủ nghĩa cộng sản, mối lo chính của nàng trong mấy ngày nay: phải kiếm cho ra được một khách sạn rẻ tiền tại Paris – sau đó nàng muốn đi quá giang xe từng chặng đến Rome (tôi thấy đó là điều khùng điên) và không biết sau này nàng muốn trở thành gì, bác sĩ nhi khoa hoặc hoạt động trong lãnh vực nghệ thuật hoặc một thứ gì tương tự, có thể là tiếp viên hàng không để được bay nhiều, nàng ước mơ dẫu có khó khăn bao nhiêu cũng phải đi đến Ấn độ và Trung hoa một lần cho bằng được. Sabeth đoán tôi (đáp lại câu tôi hỏi) chừng bốn mươi, và khi hay biết tôi sắp năm mươi, nàng cũng chẳng kinh ngạc. Riêng nàng mới hai mươi. Điều nàng ấn tượng nhất về tôi: bản thân tôi vẫn còn nhớ đến chuyến bay đầu tiên vượt Đại tây dương của Lindbergh[49] (1927), thuở tôi vừa hai mươi. Sau khi nhẩm tính lại nàng mới thật tin điều này! Tuổi tôi dưới mắt nhìn của Sabeth sẽ chẳng thêm bớt được chút nào, tôi tin thế, dẫu tôi có đều giọng dông dài thêm về đông tây kim cổ. Tôi hay đứng dựa vào lan can, bởi không thể nào để Sabeth (thường trong bộ áo tắm) ngồi bệt trên nền, còn tôi nằm trong ghế xếp; trông như hai chú cháu, và ngược lại: Sabeth trong ghế xếp, còn tôi ngồi xếp bằng bên cạnh, trông cũng kỳ khôi không kém –

Tôi tuyệt nhiên không muốn suồng sã.

Tôi chơi cờ vua với Mister Lewin, người mà đầu óc mãi để vào việc canh nông, hoặc chơi với những hành khách khác, trễ nhất sau hai mươi nước đều bị tôi chiếu bí; thật chán, nhưng thà tôi chấp nhận buồn chán một mình còn hơn là làm nàng buồn chán, nghĩa là tôi thật sự chỉ tìm đến Sabeth, khi có chuyện cần nói.

Tôi cấm nàng theo nghề tiếp viên hàng không.

Sabeth thường chúi đầu vào cuốn sách dày cộm, và khi nàng nói về Tolstoi, tôi thật sự hỏi mình, một thiếu nữ như thế

49 Lindbergh là người đầu tiên thực hiện thành công chuyến bay (3610 cây số) một mình không nghỉ, vượt Đại tây dương từ New York đến Paris.

biết gì về đàn ông. Tôi không biết về Tolstoi. Đương nhiên cô nàng nhạo tôi mỗi khi nàng nói:

„Giờ ông lại nói giống hệt Tolstoi!“

Đồng thời nàng sùng bái Tolstoi.

Có một lần, tại quầy nước, tôi kể – tôi không hiểu vì sao – về bạn tôi, hắn đã không chịu nổi nữa, và chúng tôi đã tìm thấy hắn như thế nào: – rất may là giữa bốn bức tường đóng kín cửa, nếu không, đám kên kên đã xé xác hắn tan tành như một con lừa chết.

Sabeth cho rằng tôi phóng đại.

Tôi uống ly Pernod[50] thứ ba hoặc thứ tư gì đó, cười và thuật lại cảnh tượng khi một ai đó treo tòng ten dưới sợi dây sắt: hai chân đong đưa cách nền đất như đang bay –

Chiếc ghế bành bị ngã nằm.

Hắn có chòm râu.

Vì sao tôi đã kể lại chuyện ấy, tôi không hiểu, Sabeth bảo rằng tôi nhẫn tâm, bởi vì tôi đã buộc miệng bật cười; hắn thật sự cứng ngắc như một con búp bê –

Vừa kể tôi vừa hút thuốc liên tục.

Khuôn mặt hắn: sậm đen vì máu.

Người hắn xoay tròn như một thằng nộm giữa gió –

Hắn lại hôi thối nữa.

Những móng tay tím bầm, cánh tay xám xịt, bàn tay thì trắng nhợt, màu của bọt biển –

Tôi không nhận ra hắn nữa.

Lưỡi hắn cũng xanh lè –

Thật ra chẳng có gì để kể lại, chỉ là một tai biến, hắn xoay tròn trong ngọn gió oi bức, như đã kể, phần thân phía trên sợi dây sắt sưng phù lên –

Tôi hoàn toàn không muốn kể.

Đôi cánh tay hắn: cứng đơ như hai thanh gỗ –

50 Một nhãn hiệu rượu pastis: một loại rượu hồi của Pháp.

Rất tiếc là những cuộn phim từ Guatemala của tôi chưa rửa xong, không diễn tả bằng lời được, phải tận mắt thấy mới biết được như thế nào, khi một ai đó treo tòng ten như thế.

Sabeth trong chiếc áo dạ tiệc màu xanh –

Thỉnh thoảng hắn, thằng bạn tôi, thình lình tòng ten trước mặt tôi như thể chúng tôi vẫn chưa chôn cất hắn, thình lình – có thể bởi vì tại quầy nước cũng có một máy thu thanh đang phát tiếng, hắn chưa kịp vặn tắt máy thu thanh.

Chuyện xảy ra như thế đấy.

Khi chúng tôi tìm thấy hắn, như đã nói, cái máy thu thanh còn đang mở. Không lớn. Ban đầu chúng tôi vẫn lầm tưởng có ai đang nói chuyện ở phòng khác cạnh bên, nhưng bên cạnh không có lấy một phòng nào cả, thằng bạn tôi sống một mình, và chỉ đến lúc có tiếng nhạc trỗi tiếp, chúng tôi mới nhận ra đấy là máy thu thanh, dĩ nhiên chúng tôi tắt ngay lập tức, vì không thích hợp, vì là nhạc khiêu vũ –

Sabeth đặt câu hỏi.

Tại sao ông ấy làm vậy?

Hắn không nói tại sao, mà chỉ tòn ten như một con búp bê và tỏa mùi thối, như đã kể, và xoay tròn trong ngọn gió oi bức –

Chuyện xảy ra như thế đấy.

Khi tôi đứng lên, chiếc ghế tôi ngồi ngã xuống, ồn ào, náo loạn giữa quầy nước, nhưng cô gái dựng chiếc ghế lên, chiếc ghế tôi ngồi, như hoàn toàn không có chuyện gì xảy ra, và muốn đưa tôi về phòng, nhưng tôi không muốn.

Tôi muốn lên boong trên.

Tôi muốn một mình –

Tôi say.

Nếu lúc ấy tôi nêu họ tên, Joachim Hencke, hắn mọi chuyện đã sáng tỏ. Hình như tôi đã không một lần nào nhắc tới tên riêng của hắn, ngược lại chỉ kể lể về một người bạn trai, đã treo cổ tự tử tại Guatemala, kể về một tai biến bi thảm.

Có một lần tôi quay phim nàng.

Cuối cùng khi Sabeth biết được, nàng thè lưỡi ra nhạo; tôi thâu nàng với cái lưỡi thè ra, cho đến, khi nàng nổi giận không đùa nữa, mắng tôi thậm tệ. Tôi nghĩ gì trong đầu? Nàng hỏi thẳng vào mặt tôi: Ông thật sự muốn gì ở tôi?

Lúc ấy gần trưa.

Lẽ ra tôi phải hỏi Sabeth xem có phải cô nàng theo đạo Hồi để lấy quyền cấm ngăn người khác không được phép thâu hình mình, hoặc giả mê tín theo một giáo phái nào đấy. Cô bé tự cho mình là ai? Tôi sẵn sàng gỡ ngay cuộn phim vừa thâu (có cả đoạn thâu Ivy vẫy tay bằng ống kính viễn vọng) và tháo tung ngay dưới nắng mặt trời, để xóa tất đi hết: Được ngay! Điều khiến tôi bực mình nhất là tôi đã bận tâm vì giọng điệu của nàng suốt buổi sáng, bận tâm với câu hỏi, cô nàng nghĩ tôi là hạng người nào, khi nàng nói:

„Ông quan sát tôi suốt thời gian, Mister Faber, tôi không thích thế!“

Nàng không có cảm tình với tôi.

Điều ấy rõ ràng, và tôi cũng không đặt cho tôi một hi vọng hão huyền nào khi tôi gặp nàng sau đó, ngay sau bữa ăn trưa, nhắc lại lời hứa của tôi, sẽ báo nàng biết khi nào tôi đi tham quan khoang máy tàu.

„Ngay bây giờ?“ nàng hỏi.

Nàng phải đọc hết chương sách.

„Xin cứ việc!“ tôi nói.

Tôi đã xoá nàng trong đầu óc. Không hờn giận. Tôi luôn luôn cư xử như thế; bản thân tôi không thích chính tôi khi tôi làm phiền người khác, và không bao giờ tôi đeo đuổi những người đàn bà không thích tôi, đó không là lối sống của tôi; tôi không cần phải làm như thế, thú thật là vậy … Khoang máy của một con tàu như thế này đạt hẳn kích thước một nhà máy tầm cỡ, bộ phận chính là một giàn máy chạy dầu cặn lớn, thêm vào đó những hệ thống máy phát điện, máy nước nóng, máy lọc và thoát khí. Mặc dù đối với nhà chuyên môn chẳng có gì khác thường để tham quan, nhưng tôi thấy hệ thống máy móc này, qua kích thước tương xứng với thân tàu, rất đáng xem, chưa kể

rằng được quan sát những động cơ đang hoạt động bao giờ cũng là một niềm thích thú. Tôi cắt nghĩa hệ thống giàn điều khiển trung tâm, mà không đi sâu vào chi tiết; dù sao tôi cũng có giảng nghĩa ngắn gọn, một kilowatt là gì, thế nào là thủy lực, một ampere là gì, những thứ Sabeth đương nhiên đã biết từ thời đi học, rồi có thể đã quên khuấy mất, nhưng nay hiểu lại không mấy khó khăn gì. Điều gây ấn tượng cho nàng hơn hết là vô số những đường ống, không cần biết sử dụng vào mục đích gì, và khoang cầu thang lớn, nhìn xuyên qua năm sáu tầng lầu lên đến khung trời bị che bởi lưới chắn. Nàng băn khoăn về những chàng thợ máy, theo nàng ai cũng dễ mến, dù tháng ngày đổ mồ hôi vất vả và suốt đời lênh đênh trên biển lớn vẫn không bao giờ được nhìn thấy đại dương. Tôi nhìn thấy họ trố mắt ra, khi cô nàng (họ chắc mẩm là con gái tôi) leo từ thang sắt này qua thang sắt nọ.

„Ça va, Mademoiselle, ça va?“

Sabeth leo như một con mèo.

„Pas trop vite, ma petite – !“[51]

Những khuôn mặt điệu bộ của họ thật khiếm nhã, tôi thấy thế, nhưng Sabeth chẳng hề cảm nhận những gì đang xảy ra chung quanh, Sabeth trong chiếc quần cao bồi màu đen của nàng với những đường chỉ trắng thời thượng ấy, cái lược màu xanh lục trong túi quần sau, bím đuôi ngựa màu hung đỏ của nàng đong đưa trên lưng, cặp xương vai dưới chiếc áo len màu đen, rãnh cột sống giữa mảng lưng gầy và căng cứng của nàng, đến đôi mông, cặp đùi trẻ trung trong ống quần màu đen, xắn đến bắp chân, những mắt xương cá chân – tôi thấy nàng đẹp, nhưng không lộ liễu. Chỉ biết rằng rất đẹp! Chúng tôi đứng trước một ô cửa kính tròn nhỏ của buồng đốt dầu cặn, tôi giảng tóm lược, hai tay thọc vào túi quần, để khỏi phải chạm vào cánh tay nàng hoặc vào vai nàng như lão Baptist vừa mới làm trong bữa ăn sáng.

Tôi không muốn chạm vào cô gái.

51 (Tiếng Pháp) Được không, cô em, được không? – Đừng nhanh quá, cô bé của anh ơi –!

Bỗng nhiên tôi thấy mình già khọm –

Tôi đỡ lấy đôi mông nàng, khi chân nàng quờ quạng không kiếm ra được nấc dưới cùng của một cầu thang sắt, và đặt nàng đứng ngay xuống nền. Đôi mông nàng đặc biệt nhẹ, đồng thời chắc khỏe, nắm giữ lấy – một giây lâu – như thể cầm tay lái chiếc Studebaker của tôi, thanh mảnh, vòng đường kính đúng hệt như vậy, rồi nàng đứng yên trên bục cao xây bằng những tấm thiết thủng lỗ, không một chút đỏ mặt ngượng nghịu, cảm ơn sự giúp đỡ không cần thiết ấy và chùi tay vào một chùm giẻ lau đủ màu. Phần tôi qua đó cũng chẳng cảm nhận một mảy may rung động nào, và chúng tôi đi tiếp đến trục quay chính mà tôi muốn chỉ cho nàng thấy. Những vấn đề của lực xoắn, chỉ số ma sát, trạng thái suy nhược vật chất của kim loại qua chấn động và vân vân, tôi lặng yên suy nghĩ, thật sự không yên lặng chút nào, không gian đinh tai nhức óc, khiến không trò chuyện được – chỉ giải thích cho cô nàng biết hiện mình đang đứng ở đâu, chính tại trục quay xuyên qua thân tàu để chuyển động cánh quạt ở bên ngoài. Phải hét lên. Phỏng chừng tám mét dưới mặt nước biển! Tôi sẽ hỏi lại.

Phỏng chừng thôi! tôi hét lớn: Có thể chỉ sáu mét! Dẫn giải thêm về lực ép kinh khủng của nước mà toàn bộ kết cấu này phải chịu đựng, đã là quá thừa – bởi trí tưởng tượng trẻ thơ của nàng đã nằm hẳn ngoài kia cùng lũ cá, trong lúc tôi đang chỉ vào toàn bộ cấu trúc. Đây này! tôi gọi và cầm tay nàng, đặt lên con ốc tán bảy mươi li để nàng hiểu được những gì tôi giải thích. Cá mập? Tôi không màng để tâm đến tất cả những thứ khác. Tại sao cá mập? Tôi hét trả lời: Tôi không biết! và chỉ tay vào toàn bộ cấu trúc, đôi mắt nàng sững lại.

Tôi chỉ muốn làm gì đó vui lòng nàng.

Cuộc hành trình chúng tôi sắp kết thúc, tôi thấy đáng tiếc, thình lình trên tấm bản đồ Đại tây dương hiện rõ một lá cờ nhỏ đánh dấu trạm cuối cùng, một khoảng cách còn lại chừng bảy centimét: một buổi chiều, một đêm và một buổi sáng –

Mister Lewin đã sắp xếp hành lí.

Trao đổi nhau về chuyện tiền trà nước cho nhân viên phục vụ –

Nếu tôi hình dung trong vòng hai mươi bốn tiếng sắp đến thiên hạ sẽ giã từ nhau như thế nào, từ biệt đến mọi người, từ biệt với những lời chúc tụng tốt lành và hóm hỉnh, đến Mister Lewin: Nhiều may mắn trong công việc canh tác! và lão Baptist của chúng ta: Nhiều may mắn trong điện Louvre! đến cô gái với bím đuôi ngựa màu hung đỏ và với tương lai mở ngỏ của cô: Nhiều may mắn! – thật khó lòng cho tôi, khi nghĩ đến rằng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Tôi ngồi tại quầy nước –

Những quen biết dọc đường!

Tôi đâm ra mẫn cảm, bình thường không phải là cá tính của tôi, và sẽ có một buổi dạ vũ lớn, như thường lệ ai cũng biết, vào đêm cuối cùng trên tàu, tình cờ cũng là sinh nhật năm mươi của tôi; dĩ nhiên tôi không nhắc nhở gì đến điều này.

Đó là lời cầu hôn đầu tiên trong đời tôi.

Thật ra tôi ngồi cùng với Mister Lewin, người cũng chả mấy hứng thú gì với dạ hội và khiêu vũ, tôi mời anh chàng (không để lộ lí do đặc biệt này) một ly Bourgogne[52], chai ngon nhất trên tàu có bán (tôi nghĩ, đời người chỉ có một lần năm mươi): chai Beaune 1933, hương vang tuyệt vời, hậu vị chưa tròn, quá ngắn, tiếc là cũng chưa đậm đà cho lắm, điều mà Mister Lewin, người mà đến cả thứ Burgundy California cũng thấy ngon miệng, chả quan tâm. Tôi thất vọng về chai vang (thú thật! tôi hình dung ngày sinh nhật thứ năm mươi của tôi khác hẳn), nhưng nói chung hài lòng, Sabeth chỉ xuất hiện chớp nhoáng, để uống một ngụm Citronpressé[53], rồi lại một kép nhảy đến mời, anh chàng đồ họa có bộ ria cá chép của nàng, xen giữa là những sĩ quan hàng hải trong lễ phục, chói lọi như trong màn diễn operette, Sabeth trong chiếc áo dạ tiệc màu xanh không thay đổi của nàng, không đến nỗi chướng mắt, nhưng mà rẻ tiền, trẻ con… Tôi ngẫm nghĩ có lẽ tôi nên đi nằm, tôi cảm thấy nhói dạ dày, chúng tôi lại ngồi sát bên giàn nhạc, ồn như

52 (Tiếng Đức) Burgunder; (tiếng Anh) burgundy: một loại vang Pháp; tên vùng trồng nho và sản xuất rượu vang; Beaune: một thành phố trong vùng, cũng là tên một vùng sản xuất rượu vang.

53 Chanh tươi vắt; Max Frisch viết tiếng Pháp, tôi để nguyên bản – ND.

giữa chợ phiên, thêm vào đó đám lễ hội sặc sỡ này, nhìn bất cứ đâu cũng thấy đèn lồng, mờ ảo quyện trong khói thuốc xì gà và khói thuốc lá giống như vầng mặt trời xứ Guatemala, những xâu giấy trang hoàng muôn màu, những chuỗi hoa giấy treo khắp nơi, một rừng đầy đồ trang trí lòe loẹt, màu xanh lục và màu đỏ, đàn ông trong y phục dạ tiệc, đen tuyền như bầy kên kên, mà những bộ lông của chúng cũng bóng lưỡng như thế –

Tôi không muốn nghĩ đến chuyện ấy.

Ngày mốt đến Paris – đó hình như là tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến được trong không khí náo nhiệt này – tôi sẽ đi Bác sĩ để khám dạ dày một lần.

Hôm ấy là một buổi tối kỳ cục –

Mister Lewin chợt quá buồn cười, có lẽ vì không chịu nổi rượu vang, nên bỗng nhiên can đảm đầy mình nhảy ra khiêu vũ cùng Sabeth, một gã khổng lồ; nàng chỉ đứng ngang mạng sườn của hắn ta, trong khi anh chàng, để khỏi vướng vào những chuỗi giấy màu, phải cúi đầu xuống. Sabeth ngửa mặt lên để trò chuyện. Sinh ra tại Ba lan và lớn lên trong khu ghetto[54] với tuổi thơ đầy khổ cực, Mister Lewin không có lấy một bộ dạ phục tươm tất và trước sau chỉ mãi nhảy độc một điệu mazurka[55], Sabeth phải rướn người lên mới vịn vào vai của anh chàng được, như một cô học trò đang đứng trên tàu điện, và muốn vịn chắc vào đâu đó. Tôi ngồi và tay lắc đều ly Bourgogne, nhất định không để cảm xúc dâng lên chỉ bởi vì mình đang có sinh nhật, và uống. Đám hành khách Đức, uống hoặc Sekt hoặc Champagner[56]; tôi chợt nghĩ đến Herbert, liên tưởng đến tương lai những điếu xì gà Đức và nghĩ đến Herbert hiện đang làm gì, một mình giữa đám dân Indio.

Sau đó tôi lên boong trên.

Tôi hoàn toàn tỉnh táo, và khi Sabeth lên tìm tôi, tôi bảo ngay, ở trên này nàng chỉ chuốc lấy cảm lạnh vào người, Sabeth

54 Khu phố dân nghèo; ở đây hàm nghĩa khu phố tập trung người Do thái sống dưới thời Đức quốc xã – ND.

55 Một điệu nhạc, điệu nhảy xuất xứ từ Ba lan (từ 1345).

56 Sekt: rượu vang sủi tăm (theo phương pháp cổ điển thường được cho lên men trong chai). Champagner: Sekt từ vùng Champagne.

với chiếc áo dạ tiệc mong manh của nàng. Nàng muốn biết, có phải tôi buồn không. Bởi vì tôi không khiêu vũ. Tôi thấy nàng ngộ nghĩnh, những điệu nàng nhảy hôm nay, nhìn vui mắt, nhẩy loi choi theo lối thời thượng, hiện sinh, mạnh ai nấy nhảy, mỗi người lắc một kiểu, chân xoắn tréo vào chính chân mình, run rẩy như sốt rét, tất cả như bị động kinh, nhưng ngộ nghĩnh, rất sinh động, tôi phải nhìn nhận thế, nhưng tôi không làm vậy được.

Tại sao tôi phải buồn?

Nước Anh vẫn chưa trong tầm mất –

Và rồi tôi khoác lên người nàng chiếc áo vét của tôi, để nàng không bị cảm lạnh; cái bím đuôi ngựa của nàng nhất định không chịu nằm yên đằng sau, gió đẩy đến thế.

Ống khói đỏ dưới ánh đèn pha –

Sabeth thấy thật tuyệt, một buổi tối như thế trên boong tàu, tiếng gió rít xuyên giữa đám dây chão và tiếng phần phật những tấm buồm trên những con thuyền cứu hộ đánh vào nhau, làn khói từ ống khói tàu –

Không còn nghe rõ được tiếng nhạc –

Chúng tôi nói chuyện về những chòm sao – nói để có chuyện nói, để biết rõ ai nắm hiểu về bầu trời hơn ai, không gian còn lại là một tâm tư bao trùm, điều tôi không chịu nổi. Tôi chỉ nàng ngôi sao chổi, nhìn thấy được trong thời điểm đó, hướng bắc. Chỉ xém một chút nữa tôi buột miệng rằng tôi có sinh nhật. lí do nói về sao chổi là vậy! Nhưng thật ra điều ấy cũng không đúng chút nào: sao chổi này xuất hiện đã nửa tuần nay, ít ra là từ ngày 26. tháng Tư, dù không trông thấy rõ như tối hôm nay. Và về ngày sinh nhật của tôi (29. tháng Tư.) tôi không nhắc gì đến.

„Tôi ước muốn hai điều“, tôi nói, „lúc chia tay. Thứ nhất, cô đừng theo nghề tiếp viên hàng không –”

„Thứ nhì?“

„Thứ nhì“, tôi nói, „cô không được đi quá giang xe đến Rome, Thật vậy! Thà rằng tôi trả tiền xe lửa hoặc vé máy bay cho cô –”

Lúc đó tôi không một giây phút nào nghĩ đến rằng chúng tôi sẽ cùng nhau đi chung đến Rome, Sabeth và tôi, bởi tôi chả có chuyện gì để làm tại Rome.

Nàng cười vào mặt tôi.

Nàng hiểu lầm tôi.

Sau nửa đêm nhà bếp dọn thức ăn nguội, như thường lệ – tôi viện cớ đang đói bụng, và đưa nàng xuống, bởi nàng run rẩy lạnh, tôi thấy thế, dẫu với chiếc áo vét của tôi. Cầm nàng run lập cập.

Tầng dưới dạ vũ vẫn tiếp tục –

Lời nàng phỏng đoán, tôi buồn, vì cô đơn, làm tôi cụt hứng. Tôi quen rong ruổi một mình. Tôi sống, như mọi người đàn ông đúng nghĩa, trọn với nghề nghiệp. Vâng, ngược hẳn lời nàng, tôi không muốn gì khác hơn và cảm thấy hạnh phúc khi được sống một mình, theo tôi có lẽ là lẽ sống duy nhất cho đàn ông, tôi sung sướng được thức dậy một mình, mà không phải mở miệng nói một lời nào. Tìm đâu ra được người phụ nữ thấu hiểu điều này? Chỉ riêng câu hỏi, ngủ ngon không, đã làm tôi bực mình, bởi tư tưởng tôi đã phóng vào phía trước, đã quen nhìn xa, không nghĩ về quá khứ, mà luôn định trước kế hoạch. Âu yếm vào buổi tối, vâng, nhưng âu yếm nhau buổi sáng sớm tôi không chịu được, và sống chung với một người đàn bà lâu hơn ba hoặc bốn ngày đối với tôi, thú thật, luôn luôn là điểm bắt đầu của giả dối, những cảm xúc trong buổi sáng sớm, không người đàn ông nào chịu đựng được. Thà rửa chén bát!

Sabeth cười –

Ăn sáng với phụ nữ, vâng, một ngoại lệ trong những ngày đi nghỉ mát, ngồi ăn sáng với nhau trên ban công, nhưng kéo dài hơn ba tuần chưa bao giờ tôi chịu nổi, thú thật, chỉ bởi vì ta hoàn toàn chả biết phải làm gì cho hết ngày, trong thời gian nghỉ mát, nhưng sau ba tuần (trễ nhất) tôi đã nhớ về mấy cổ máy turbine; cái thong thả uể oải của người đàn bà lúc sáng sớm, thí dụ một phụ nữ, vào buổi sáng, trước khi khoác quần áo vào người, rất tự nhiên vừa cắm sửa lại những đóa hoa trong lọ vừa bàn về tình yêu và hôn nhân, không người đàn ông nào chịu nổi, tôi tin thế, hoặc giả thằng đó đạo đức giả. Tôi bỗng nghĩ về

Ivy; Ivy là giống tầm gởi, và với tôi mọi phụ nữ đều cùng mang tên này. Tôi muốn được độc thân! Chỉ cần nhìn vào căn phòng đôi, không riêng gì tại khách sạn, nơi ta chỉ qua đêm, mà ngay đến cả phòng ngủ chung ở nhà, hình ảnh đó khiến tôi liên tưởng đến lính lê dương đánh thuê –

Sabeth bảo rằng tôi cay độc.

Nhưng thực tế là vậy, như tôi đã nói.

Tôi không nói gì thêm, mặc dù Mister Lewin, tôi tin thế, chẳng hiểu lấy một lời; anh chàng vội lấy tay che miệng ly, khi tôi muốn rót tiếp, và Sabeth, cô gái bảo rằng tôi cay độc, đã được mời ra sàn nhảy... Tôi không cay độc. Tôi chỉ, điều mà đàn bà không chấp nhận được, rất mực thực tế. Tôi không là một kẻ vô nhân, theo như lời Ivy, và không một lời nào phản đối hôn nhân; thường thì tự các nàng nhận ra rằng tôi không thích hợp cho hôn nhân. Người tôi không thể giữ cảm xúc liên tục. Độc thân là lẽ sống duy nhất cho tôi, bởi tôi không muốn làm cho một người đàn bà đau khổ, và đàn bà thường có xu hướng tìm đến khổ đau. Tôi đồng í: sống độc thân không phải bao giờ cũng sung sướng, không phải bao giờ cũng ta tươi vui. Dẫu sao tôi có trải qua kinh nghiệm rằng đàn bà, những lúc khi thân thể chúng ta không vui tươi, tức thì họ cũng sẽ không tươi vui theo; và khi họ chán chường, trách móc sẽ đến, rằng ta không có cảm xúc. Bởi thế, thú thật, thà rằng tôi buồn chán một mình với tôi. Tôi đồng í: chính tôi không phải lúc nào cũng tích xem truyền hình (dù tin chắc rằng truyền hình trong những năm tới rồi cũng phải khá hơn, lời chú thích bên lề) và bị tâm tư dằn vặt, nhưng chính vì thế tôi hoan nghênh nếp sống độc thân. Một trong những phút giây hạnh phúc nhất mà tôi có được, là phút giây khi tôi rời bỏ một cuộc họp mặt, khi ngồi vào xe, đóng sập cửa và cắm chiếc chìa khoá nhỏ vào ổ, mở máy thu thanh, đốt điếu thuốc bằng cái mồi lửa trong xe, rồi vào số, chân đạp ga; con người là một căng thẳng đối với tôi, luôn cả đàn ông. Những gì tác động đến tâm tư, tôi chả quan ngại, như đã nói. Đôi lúc ta bị chao đảo, nhưng rồi sẽ gượng dậy được. Dấu hiệu suy nhược vật liệu! Giống như sắt thép, cảm xúc, tôi khám phá được điều này, là những dấu hiệu suy nhược vật liệu, không gì khác, điều này dù sao đúng với tôi. Ta bị chao đảo! Nhưng cũng chẳng

giúp được gì, khi ngồi xuống viết thư để khỏi cô đơn một mình. Chẳng thay đổi được gì; sau đó rồi cũng chỉ nghe tiếng bước chân của chính mình trong căn phòng trống vắng. Tệ hại hơn: đám xướng ngôn viên đài phát thanh, quảng cáo thức ăn chó, bột men làm bánh hoặc những thức gì khác, có thánh biết, rồi đột ngột bặt tiếng: Chào tạm biệt xin hẹn sáng sớm mai! Thật ra chỉ mới hai giờ. Rồi thì Gin[57], mặc dù tôi không ưa Gin, thật vậy, cộng thêm tiếng người dưới đường, tiếng còi xe hoặc tiếng rần rật của tàu điện ngầm, thi thoảng tiếng gầm rú của máy bay, thây kệ. Có đôi lúc tôi chợt thiếp ngủ, tờ nhật báo nằm trên đầu gối, thuốc lá vương vãi trên thảm. Tôi gượng tỉnh dậy. Để làm gì? Một đài khuya đâu đó phát nhạc giao hưởng, tôi tắt máy. Làm gì tiếp? Rồi tôi đơn giản đứng như thế, Gin trong ly, món tôi chẳng ưa, và uống; tôi đứng để khỏi phải nghe tiếng bước chân trong căn hộ của tôi, chỉ là những bước chân của chính tôi. Mọi chuyện chả có gì là bi đát, chỉ thấy não nề: Ta không thể tự chúc mình ngủ ngon – Đấy có phải là một lí do để cưới vợ?

Sabeth, trở về từ sàn nhảy để uống ngụm Citronpressé, ẩy nhẹ tôi: – Mister Lewin ngủ, chàng khổng lồ, miệng mỉm cười, hệt như chàng ta thấy được cái náo nhiệt chung quanh cũng đáng buồn cười, những xâu giấy trang hoàng, những bong bóng trẻ con, mà những cặp trai gái thi nhau phá vỡ của nhau[58] nổ vang.

Tôi nghĩ gì suốt thời gian?, nàng hỏi.

Tôi không hề biết.

Cô nàng nghĩ gì? tôi hỏi.

Nàng nói ngay không suy nghĩ: „Ông phải cưới vợ, Mister Faber!“

Lại một lần nữa gã bạn trai của nàng, vừa mới chạy khắp các boong tàu kiếm nàng, đến mời nàng nhảy, đôi mắt gã nhìn tôi –

„Xin tự nhiên!“ tôi nói.

57 Một loại rượu mạnh làm từ ngũ cốc hoặc từ hèm.

58 Một trò chơi trong buổi dạ tiệc: cột bong bóng vào chân đang lúc khiêu vũ và mỗi cặp phải tìm mọi cách phá vỡ bóng của cặp khác – ND.

Tôi chỉ giữ ví xách tay của nàng.

Tôi biết rất rõ tôi nghĩ gì. Không có từ để diễn tả. Tôi lắc đều ly rượu, ngửi, và không muốn suy tưởng đến chuyện giao hoan nam nữ, dẫu vậy hình ảnh ấy chợt đến trong tôi, vô ý thức, bàng hoàng, hoảng hốt như trong cơn nửa tỉnh nửa mê. Tại sao thế? Hãy suy ngẫm một lần từ ngoài: Tại sao phải sử dụng phần hạ thể? Khi ngồi như thế, nhìn đám người đang nhảy và hình dung về chuyện này trong từng chi tiết thực tiễn của nó, ta không tin rằng con người có thể làm điều ấy được. Tại sao thế? Thật lố bịch, nếu không vì bản năng thúc đẩy, ta sẽ thấy sự việc thật điền rồ, chỉ cần có một ý tưởng đại loại như thế, đã là đồi trụy.

Tôi gọi bia –

Có lẽ chỉ do từ phía tôi.

Đám khiêu vũ, lướt nhìn qua, đang ráng dùng hai mũi mình vừa giữ quả cam[59], vừa nhảy –

Lajser Lewin sao rồi?

Chàng ta ngáy thật sự, không trò chuyện được, miệng há nửa: như cái miệng đo đỏ của một con cá đăng sau bồn kính màu xanh lục! tôi thấy vậy –

Tôi nghĩ đến Ivy.

Lúc tôi ôm lấy Ivy mà tâm trí lại nghĩ đến: Tôi phải đem rửa những cuộn phim, phải gọi điện thoại cho Williams! Tôi có thể đang giải một thế cờ khó nào trong đầu, lúc Ivy đang thốt lên: I'm happy, o Dear, so happy, o Dear, o Dear! Tôi cảm nhận được mười ngón tay nàng ôm sau gáy, làn môi hạnh phúc run rẩy và bức hình trên tường lại bị lệch nghiêng, tôi nghe tiếng thang máy, tôi ráng nặn óc, hôm nay là ngày thứ mấy, tôi nghe nàng hỏi: You're happy? và tôi nhắm nghiền mắt lại để tưởng nghĩ đến Ivy, người tôi đang ôm ấp trong tay, và nhầm lẫn hôn lên cùi chỏ của chính mình. Sau đó tất cả như bị quên lãng. Tôi quên gọi cho Williams, mặc dù suốt thời gian tôi luôn nghĩ đến điều này. Tôi đứng cạnh khung cửa sổ mở toang và bắt

59 Cũng là một trò chơi trên sàn nhảy – ND.

đầu hút điếu thuốc đang thèm, lúc Ivy nấu trà ngoài kia, và tôi chợt nhớ ra hôm nay là ngày nào. Nhưng, ngày nào, điều đó không cần thiết nữa. Tất cả như chưa bao giờ hiện hữu! Thế rồi tôi nghe có ai đi vào phòng, tôi quay người lại và thấy Ivy trong tấm áo khoác buổi sáng, nàng bưng hai tách trà vào, tôi đến gần nàng và nói: Ivy! và hôn nàng, bởi vì nàng là một khứa dễ thương, cho dù nàng không hiểu rằng tôi thích sống một mình hơn –

Con tàu đột nhiên ngừng lại.

Mister Lewin, chợt tỉnh giấc, mặc dù tôi chẳng nói tiếng nào, muốn biết, chúng tôi đã đến Southampton chưa. Bên ngoài đèn sáng –

Có thể là Southampton.

Mister Lewin đứng dậy và đi lên boong trên.

Tôi uống tiếp ly bia và cố gắng hồi tưởng lại, giữa tôi và Hanna (năm xưa) đã lố bịch như vậy không, đã luôn luôn lố bịch như vậy chăng.

Mọi người đều lên boong trên.

Khi Sabeth trở lại phòng khiêu vũ treo đầy những xâu giấy trang hoàng để lấy ví xách tay, tôi rất đỗi ngạc nhiên: nàng từ biệt người bạn trai đang cau có giận dỗi và đến ngồi cạnh tôi. Khuôn mặt „Hanna thời con gái“ của nàng! Nàng hỏi xin điếu thuốc, trước sau vẫn muốn biết điều gì làm tôi đăm chiêu suốt buổi, và tôi phải đưa ra một lí do nào đó: tôi châm lửa cho nàng, ngọn lửa rọi sáng khuôn mặt trẻ, và hỏi nàng có bằng lòng lấy tôi.

Sabeth đỏ mặt.

Tôi có thật nghĩ vậy không?

Tại sao không!

Ngoài kia tàu cập bến, một sự kiện nên xem, trời lạnh, nhưng đây là một vinh dự, các mệnh phụ lập cập run trong manh áo dạ tiệc, sương mù, đêm khuya tràn ngập ánh đèn, đàn ông trong dạ phục, mong sưởi ấm những mệnh phụ của họ trong vòng tay ôm choàng lấy nhau, đèn pha soi sáng bến cầu tàu, đám đàn ông với nón giấy đủ màu, tiếng động ồn ào của cần

cẩu, mọi việc xảy ra trong sương mù; những đèn tín hiệu dọc bờ biển –

Chúng tôi đứng, người không chạm vào nhau.

Tôi đã nói ra điều tôi không bao giờ muốn nói, nhưng lời đã thốt, tôi tận hưởng phút giây im lặng giữa chúng tôi, tôi hoàn toàn tỉnh táo trở lại, tuy nhiên vẫn không biết tôi đang suy nghĩ gì, có lẽ tôi không nghĩ gì ráo.

Cuộc đời tôi nằm trong tay nàng định đoạt –

Giữa chừng Mister Lewin có xuất hiện một lát ngắn, không phiền ai, ngược lại chúng tôi rất vui, Sabeth cũng vậy, tôi nghĩ thế, chúng tôi đứng tay trong tay và tán gẫu với Mister Lewin, đã ngủ được một giấc bù lại những giọt rượu Bourgogne, khuyên nhau về chuyện tiền trà nước và những chuyện đại loại. Tàu của chúng tôi thả neo tối thiểu một tiếng đồng hồ, trời đã hừng sáng. Khi chúng tôi lại đứng đó một mình, những kẻ cuối cùng trên boong tàu đẫm nước, và khi Sabeth hỏi tôi rằng tôi có suy nghĩ chín chắn không, tôi hôn lên trán nàng, rồi lên đôi mi run run lạnh, nàng lập cập run nguyên cả thân hình, rồi lên môi nàng, và tôi bỗng giật mình. Nàng xa lạ đối với tôi hơn tất cả mọi cô gái khác: Đôi môi hé mở của nàng, không thể tưởng được; tôi hôn nước mắt ướt giữa trũng mắt nàng, chẳng có gì để nói, không thể tưởng được.

Qua ngày sau cập bến Le Havre[60].

Trời mưa, và tôi đứng tại boong trên, khi cô gái xa lạ với bím đuôi ngựa màu hung đỏ kia đi ngang qua cầu tàu, hai tay mang hành lí, vì vậy nàng không vẫy tay chào được. Nàng có thấy tôi vẫy tay, tôi tin thế. Tôi muốn quay phim, nhưng tay tôi vẫn cứ vẫy, mặc dù không trông thấy được nàng giữa dòng người chen chúc. Sau đó tại quầy thuế quan, ngay lúc tôi phải mở hành lí ra, tôi lại thấy cái đuôi ngựa màu hung đỏ một lần nữa; cô nàng cũng gật đầu và mỉm cười, hai tay mang hành lí, nàng tiết kiệm không thuê người khuân vác và hì hục khuân quá nặng, tôi lại không thể giúp gì được, cô nàng biến mất giữa

60 Một thành phố cảng của Pháp, vùng biển Manche.

dòng người – Đứa con của chúng tôi! Nhưng lúc đó tôi không thể biết được, dù vậy cổ họng tôi rõ ràng khô nghẹn khi nhìn thấy cô bé đột nhiên mất hút giữa dòng người chen chúc. Tôi mến nàng. Tôi chỉ biết như thế. Trên chuyến xe lửa tốc hành về Paris, nếu muốn tôi có thể lùng sục trong mọi toa tàu một lần nữa. Để làm gì? Chúng tôi đã chia tay nhau rồi kia mà.

Tại Paris tôi tìm cách gọi ngay cho Williams, ít ra cũng phải tường trình vài lời; ông nói Gutentag (Hello) và không có thì giờ nghe tôi giải thích. Tôi tự hỏi, có chuyện gì xảy ra chăng … Paris vẫn thế, một tuần đầy hội thảo, tôi ngụ tại Quai Voltaire như bao lần, vẫn căn phòng của tôi hướng ra sông Seine và cái điện Louvre ấy, nơi tôi chưa bao giờ thăm viếng, nằm ngay đối diện.

Williams hơi khác thường –

„It's okay", ông nói, it's okay", lặp đi lặp lại, trong khi tôi viện lí do bào chữa cho chuyến du lịch ngắn qua Guatemala của tôi, chuyến đi, ngay từ Caracas đã được biết, chẳng gây một trễ nãi nào cho công việc, bởi những turbine của chúng tôi vẫn hoàn toàn chưa sẵn sàng để lắp ráp, chưa kể đến rằng tôi đã ghé về để tham dự các hội thảo quan trọng nhất trong tháng tại Paris, rất đúng kì hạn. „It's okay", ông nói, ngay khi tôi vừa thuật lại vụ tự tử khủng khiếp của người bạn thời niên thiếu của tôi. „It's okay", và đến cuối cùng ông bảo: „What about some holidays, Walter?"

Tôi không hiểu nổi ông ta.

„What about some holidays?" ông bảo, „You're looking like –"

Cuộc gọi bị cắt ngang.

„This is Mr. Faber, this is –"

Williams có phật lòng vì tôi đã không đi bằng máy bay mà ngoại lệ một lần đi bằng tàu tàu biển hay không, tôi không biết; gợi í bóng gió của ông ta rằng tôi rất cần nghỉ ngơi, có thể chỉ là lời mỉa mai, bởi vì người tôi sạm nắng như chưa từng thấy, qua ăn uống trên tàu có hơi gầy hơn bình thường, thay vào đó người sạm nắng –

Williams hơi khác thường.

Một lát sau, sau buổi hội thảo, tôi vào một quán ăn tôi chưa hề biết đến, một mình và lòng áy náy khi nghĩ về Williams. Ông ta bình thường không là người vụn vặt. Hay là ông nghĩ, tôi đã có một chút phiêu lưu tình ái nào ở Guatemala hoặc ở đâu đó? Nụ cười khấy của ông làm tôi bực mình, bởi vì trong phạm vi công việc, như đã nêu, tôi là một con người biểu hiện cho lương tâm; chưa bao giờ – và chuyện này Williams biết rất rõ! – tôi đến dự hội thảo trễ dù chỉ nửa tiếng đồng hồ vì một người đàn bà. Chuyện đó hoàn toàn không có ở tôi. Bực mình nhất là việc tôi đâm ra quá bận tâm về sự hồ nghi hoặc giả suy nghĩ gì đó từ ông ta mỗi lần ông ta nói: It's okay!, bận tâm đến nỗi để gã bồi bàn đối xử với tôi như một thằng ngốc.

„Beaune, Monsieur, c'est un vin rouge."

„It's okay", tôi nói.

„Du vin rouge", gã nói, „du vin rouge – avec des poisson?[61] "

Tôi quên béng mất, tôi đã đặt món gì, trong đầu tôi lởn vởn những chuyện khác; đấy không phải là lí do, để nổi cơn thịnh nộ – tôi chỉ giận, vì gã bồi bàn này (như thể gã hầu tiếp một thằng mọi rợ) đã làm tôi lúng túng. Thật sự tôi không cần phải mặc cảm tự ti, tôi làm tròn công việc của tôi, tôi không tham vọng trở thành một nhà sáng chế, nhưng tôi không thua gì lão mục sư Baptist, người đã chế giễu dân kĩ sư, tôi tin: những gì những người kĩ sư chúng tôi đã đạt được, ích lợi hơn nhiều, tôi cai quản những công trình lắp ráp giá trị bạc triệu, và đã từng xây dựng nhiều nhà máy điện, đã làm việc ở Ba Tư và ở châu Phi (Liberia) và Panama, Venezuela, Peru, tôi không phải là gã nhà quê – như gã bồi bàn này lầm tưởng.

„Voilà, Monsieur! –"

Màn kịch, trình khách xem chai rượu, rồi mở nút chai, rồi rót ít rượu thử vào ly – và hỏi:

---

61 (Tiếng Pháp) „Beaune, Thưa Ông, là một loại vang đỏ" – „Được rồi (Tiếng Anh) " – „Vang đỏ" ... „vang đỏ - với món cá?": người bồi bàn ngạc nhiên, bởi theo cung cách cổ điển, ăn cá hoặc đồ biển phải dùng vang trắng đi kèm – ND.

„Il est bon?“

Tôi bực mình với mặc cảm tự ti.

„It’s okay“, tôi nói và không để mình bị trấn áp tinh thần, tôi nhận ra rất rõ mùi ẩm mốc của nút bần, nhưng không muốn tranh cãi, „it’s okay.“

Trong đầu tôi lởn vởn chuyện khác.

Tôi là người khách duy nhất, bởi buổi chiều còn quá sớm, và điều làm tôi hoang mang, chính là tấm kính đối diện, tấm kính trong khung thếp vàng. Tôi thấy tôi mỗi lần ngước mắt nhìn lên, như hình ảnh của tiền nhân: Walter Faber, đang ăn xà lát thế nào, giữa khung thếp vàng. Tôi có quầng thâm dưới mắt, chả gì khác, ngoài ra người tôi sạm nắng, như đã kể, không khẳng khiu nữa như xưa nay, ngược lại, trông tôi rất ngon lành. Tôi dù sao đang là (điều này tôi dư biết không cần đến tấm kính soi) một người đàn ông ở tuổi sung độ, muối tiêu, nhưng tráng kiện. Tôi xem thường loại đàn ông điển trai. Sự kiện sống mũi tôi hơi dài một tí có làm bận tâm tôi giữa tuổi dậy thì, nay đã qua rồi; từ đó trở đi có khối phụ nữ đã giải thoát tôi ra khỏi mặc cảm tự ti sai trái này, và điều làm tôi hoang mang chỉ đơn giản và duy nhất là cái quán này: bất cứ nhìn vào đâu cũng có kính soi, kinh khiếp, thêm vào đó việc ngồi chờ dài cổ món cá của tôi. Tôi tỏ rõ thái độ phàn nàn, mặc dù có dư thì giờ, nhưng cảm giác rằng không được đám bồi bàn tôn trọng, tôi không hiểu tại sao, một cơ sở làm ăn trống trơn với năm bồi bàn, đứng đó rỉ tai thì thầm với nhau, và một người khách duy nhất: Walter Faber, đang ngồi bẻ vụn bánh mì, trong khung thếp vàng, bất cứ nhìn đâu cũng thấy; món cá, cuối cùng khi được dọn ra, thật tuyệt vời, nhưng tôi ăn không ngon miệng chút nào, tôi không hiểu, tôi có chuyện gì.

„You are looking like –”

Chỉ vì nhận xét vớ vẩn này của Williams (mặc dù ông ta rất mến tôi, tôi biết!), tôi, thay vì phải ăn xong món cá, cứ mãi nhìn vào những tấm kính nực cười này, phản chiếu hình tôi với tổng cộng tám lần sao y nguyên bản:

Dĩ nhiên ta già đi –

Dĩ nhiên dần dà ta sẽ hói đầu –

Tôi không có thói quen đi khám bác sĩ, chưa hề bịnh một lần nào trong đời, ngoại trừ lần bị ruột thừa – tôi ngẩng nhìn vào tấm kính soi, chỉ vì Williams đã phán: What about some holidays, Walter? Trong khi đó người tôi sạm nắng như chưa từng thấy. Dưới đôi mắt của một cô gái trẻ muốn trở thành tiếp viên hàng không, tôi là một người đàn ông đứng tuổi, có thể, nhưng hoàn toàn không chán đời, ngược lại, tôi còn quên béng mất, đến Paris phải đi khám bác sĩ như tôi đã tự nhủ –

Tôi cảm thấy tôi hoàn toàn bình thường.

Ngày sau đó (Chủ nhật) tôi đến điện Louvre, nhưng không hề thấy bóng dáng một cô gái nào với bím đuôi ngựa màu hung đỏ, mặc dù tôi đã ở trọn một tiếng đồng hồ trong cái điện Louvre này.

Kinh nghiệm đầu tiên của tôi với đàn bà, lần đầu tiên rong đời, tôi thật tình đã quên mất, có nghĩa rằng khi không thích, tôi sẽ hoàn toàn không nhớ đến. Bà là vợ một thầy giáo của tôi, thời gian ấy, trước kỳ thi tú tài, ông đã đem tôi về nhà mấy cuối tuần; tôi phụ ông chỉnh sửa bản thảo mới cho cuốn sách giáo khoa của ông, để kiếm chút tiền túi. Ước mơ tha thiết nhất của tôi là một chiếc mô tô, một chiếc xe cũ được rao bán, với tôi xe dù cũ đến đâu, chỉ cần chạy tốt. Tôi phải vẽ hình, chép định luật Pythagoras và vân .. vân … bằng bút mực tusche[62], bởi vì tôi là cậu học trò giỏi toán và giỏi hình học nhất. Vợ ông ta dĩ nhiên, dưới mắt của tôi với lứa tuổi thời đó, là một bà luống tuổi, bốn mươi, tôi nghĩ thế, bị bệnh phổi, và khi bà ta hôn lên thân hình trai trẻ của tôi, tôi thấy bà ta như là một bà điên hoặc như một con chó cái; mặc dù trước sau tôi vẫn gọi bà là Bà Giáo sư. Thật lố bịch. Đôi khi tôi quên bẵng chuyện đó; chỉ khi nào ông thầy bước chân vào phòng học và đặt những tập vở lên trên bục giảng, mà không nói lời nào, tôi đâm lo sợ, ông ta đã biết chuyện đó, và cả thế giới sẽ biết chuyện đó. Thường thì tôi là đứa đầu tiên được gọi tên khi ông

62 (Tiếng Đức): bút và mực dùng vẽ trong ngành đồ họa kĩ thuật hoặc trong thư pháp (mực tàu!).

phát trả tập vở, để rồi phải lên đứng trước nguyên lớp học – đứa học trò duy nhất không phạm một lỗi nào. Bà ấy chết trong cùng mùa hè năm ấy, và tôi quên chuyện đó đi, như ta quên những ngụm nước ta đã uống ở đâu đó trong cơn khát. Dĩ nhiên tôi thấy nhẫn tâm, vì tôi đã quên chuyện đó, và tôi tự buộc tôi mỗi tháng một lần viếng mộ bà; tôi lôi một vài nhánh hoa từ trong cặp ra, khi không ai để ý, và vội vàng đặt chúng lên ngôi mộ, ngôi mộ chưa có bia đá, chỉ một con số; đồng thời tôi lấy làm xấu hổ, bởi mỗi bận như thế tôi đều mừng vì chuyện ấy đã trôi qua.

Riêng với Hanna thì chuyện ấy không bao giờ lố bịch.

Trời đang Xuân, nhưng rơi tuyết, khi chúng tôi ngồi trong điện Tuileries, tuyết vần vũ giữa bầu trời xanh; chúng tôi không gặp mặt nhau suốt một tuần dài, và cô nàng vui mừng vì chúng tôi gặp lại nhau, tôi nghĩ thế, vì mấy điếu thuốc lá, cô nàng đang cháy túi.

„Tôi cũng chẳng bao giờ tin ông điều ấy“, nàng nói, „Rằng ông chưa bao giờ vào thăm Louvre –”

„Có chăng cũng rất hiếm.“

„Hiếm!“ nàng cười. „Hôm kia tôi có thấy ông – dưới khu cổ vật – và hôm qua cũng thế.“

Nàng thật sự vẫn là một đứa trẻ, dù cho nàng có đốt thuốc liên tục điếu này đến điếu khác, nàng cho rằng hoàn toàn tình cờ khi chúng tôi gặp lại nhau trong thành phố Paris này. Nàng vẫn bận quần đen và mang đôi espadrilles, thêm cái áo bành tô có gắn mũ, và dĩ nhiên không đội một chiếc nón nào, chỉ có bím đuôi ngựa màu hung đỏ của nàng, và trời rơi tuyết, như đã kể, có thể nói rằng tuyết rơi xuống từ bầu trời xanh lơ.

„Cô không lạnh sao?“

„Không“, nàng nói, „nhưng ông!“

Vào 16:00 giờ tôi lại có hội thảo –

„Ta đi uống ly cà phê?“ tôi mời.

“Ồ“, nàng đáp, „rất sẵn sàng.“

Khi chúng tôi băng ngang qua quảng trường Concorde[63], hối thúc bởi tiếng còi của một lão cảnh sát, nàng đưa tay cho tôi nắm. Điều nằm ngoài chờ đợi của tôi. Chúng tôi phải chạy nhanh, vì lão cảnh sát đã đưa cây gậy ngắn màu trắng lên cao, xe hơi lao vào chúng tôi như một bầy thú; trên vệ đường, tay trong tay vừa thoát nạn, tôi mới hay đã đánh rơi chiếc mũ – nó nằm ngoài kia giữa đống tuyết tan màu nâu nhầy nhụa, vừa bị một bánh xe nghiến bẹp dúm. Eh bien! tôi nói và bước tiếp tay trong tay với cô nàng, đầu trần như một chàng trai trẻ dưới bụi tuyết vần vũ.

Sabeth đói bụng.

Để khỏi mơ tưởng điều gì, tôi nhủ thầm, nàng mừng vì được gặp lại nhau, chẳng qua bởi nàng gần như không còn một đồng xu nào; nàng ngốn bánh nướng, đến nỗi không ngẩng mặt lên, không trò chuyện ... Nàng vẫn không dẹp bỏ ý định đón xe quá giang đến Rom; cô nàng có sẵn luôn một hành trình cụ thể: Avignon, Nimes, Marseille thì không nhất thiết lắm, nhưng bắt buộc phải ghé Pisa, Firenze, Siena, Orvieto, Assisi[64] và những nơi nào nữa tôi chẳng biết, sáng hôm ấy nàng có thử qua, nhưng có lẽ đứng không đúng hướng đường dẫn ra khỏi thành phố.

„Thế mẹ cô có biết không?“

Nàng bảo: Có.

„Mẹ cô không lo lắng sao?“

Tôi chỉ còn ngồi đấy, vì phải đợi trả tiền, tư thế sẵn sàng đứng dậy, cặp giấy tờ tựa vào đầu gối; ngay lúc Williams khác thường như thế này, tôi không muốn đến trễ buổi hội thảo.

„Dĩ nhiên là mẹ lo chứ“, cô nàng vừa nói, vừa dùng thìa lùa hết đống vụn còn sót lại từ chiếc bánh nướng, có lẽ nếu không là con nhà nề nếp, e nàng đã dùng lưỡi liếm láng mặt đĩa, và cười, „Mẹ bao giờ cũng lo lắng cả –“

Sau đó nàng nói:

63 Place de la Concorde, Paris.

64 Tên những thành phố danh lam thắng cảnh nổi tiếng tại miền Nam châu Âu: Avignon, Nimes, Marseille ở Pháp; Pisa (tháp nghiêng Pisa), Firenze, Siena, Orvieto, Assisi ở Í.

„Tôi phải hứa với mẹ rằng không phải với người nào tôi cũng xin đi quá giang – chắc chắn rồi, tôi không ngu xuẩn đến thế.“

Trong lúc đó tôi đã trả tiền xong.

„Cảm ơn ông“, nàng nói.

Tôi không dám hỏi: Cô làm gì chiều nay? Càng lâu tôi càng không biết rõ cô gái thật sự thuộc hạng người nào. Vô tư với chủ đích gì? Có thể nàng sẵn sàng để cho mọi người đàn ông mời mọc, một suy nghĩ không làm tôi thất vọng, nhưng lại làm ghen tuông, tôi thật sự xúc cảm.

„Chúng ta còn gặp lại nhau không?“ tôi hỏi và vội tiếp ngay: „Nếu không, thì tôi xin chúc cô mọi sự tốt lành –“

Tôi thật sự phải đi.

„Cô còn ở lại đây?“

„Vâng“, nàng nói „tôi có thì giờ mà –“

Tôi đã đứng lên.

„Nếu cô có thì giờ“, tôi nói, „và sẵn sàng giúp tôi một việc –“

Tôi tìm cái mũ đã đánh mất của tôi.

„Tôi muốn đi Nhà hát lớn“, tôi nói, „nhưng chưa có vé –“

Tôi ngạc nhiên với chính mình về sự điềm tỉnh của tôi, tôi chưa bao giờ vào Nhà hát lớn, tất nhiên, nhưng Sabeth với trình độ đánh giá con người của nàng lại không nghi ngờ một giây phút nào, mặc dù tôi chả biết hôm nay Nhà hát trình diễn tiết mục gì, và nàng cầm số tiền để mua vé, sẵn sàng giúp tôi một việc.

„Nếu cô cũng thích“, tôi nói, „cô lấy luôn hai vé, và chúng ta gặp nhau lúc bảy giờ – tại đây.“

„Hai vé?“

„Nghe đâu tuyệt hay!“

Tôi nghe được điều này từ vợ Williams.

„Mister Faber“, nàng trả lời, „chuyện này tôi không thể nhận được –“

Tôi đến dự trễ cuộc hội thảo.

Tôi thật sự không nhận ra được Giáo sư O., khi ông đột ngột xuất hiện trước mặt tôi: Đi đâu vội thế, Faber, đi đâu vậy? Mặt ông không đến nỗi nhợt nhạt, nhưng đã hoàn toàn thay đổi; tôi chỉ biết rằng: Khuôn mặt này tôi quen. Nụ cười đó tôi quen, nhưng từ đâu? Hình như ông ta nhận thấy điều này. Anh không nhận ra tôi nữa sao? Nụ cười ông của ta hiện rất kinh hãi. Vâng, vâng, tôi đã trải qua vài sự cố! Khuôn mặt ông không còn là một khuôn mặt nữa, mà là một sọ người dưới lớp da, với luôn cả bắp thịt, đang diễn tả một nét mặt, và nét mặt này gợi tôi nhớ đến Giáo sư O., nhưng đó là một sọ người, miệng cười quá lớn, làm khuôn mặt biến dạng đi, quá lớn so với đôi mắt, đôi mắt nằm lõm sâu. Thưa Giáo sư! Tôi nói và giữ í để khỏi thốt lên: Tôi biết, người ta có cho tôi hay rằng ông đã chết. Thay vì vậy: Lâu nay thầy khỏe không? Ông chưa bao giờ nhiệt tình như thế, tôi mến phục ông, nhưng nhiệt tình như lúc này, khi tôi mở cửa xe taxi, thì chưa bao giờ. Mùa Xuân Paris! ông cười, không thể hiểu được tại sao ông luôn luôn cười, tôi biết ông dưới tên tuổi một Giáo sư của ETH, chứ không là một thằng hề, nhưng mỗi lần ông mở miệng lại trông như đang cười. Vâng, vâng, ông cười, giờ thì lại khá hơn rồi! Thật ra ông ta tuyệt không cười, như một sọ người không bao giờ cười, chỉ trông có vẻ thế thôi, và tôi xin lỗi vì vội nên không nhận ra được ông ngay. Ông có một cái bụng phệ, điều chưa hề có, bụng phệ như một quả bóng, lồi ra ngay dưới xương sườn, những phần khác đều khẳng khiu, làn da như da thú hoặc như đất bùn, đôi mắt sống động, nhưng sâu hoắm. Tôi kể một chuyện gì đấy. Đôi tai ông vểnh lên. Đi đâu vội thế? Ông cười và hỏi tôi có cùng đi uống một hớp rượu khai vị không. Lòng nhiệt tình của ông, như đã kể, quá đáng; ông là Giáo sư của tôi tại Zürich hồi ấy, tôi mến phục ông, nhưng tôi hoàn toàn không có thì giờ uống rượu khai vị. Thưa ngài Giáo sư kính mến! Bình thường tôi chưa bao giờ nói thế. Thưa ngài Giáo sư kính mến! Tôi nói, bởi ông đang nắm cánh tay tôi, và tôi biết, như mọi người đều biết; nhưng ông ta, hình như thế, chẳng biết điều đó. Ông cười. Thôi thì dịp khác vậy! ông nói thế, và tôi biết rõ rằng người đàn ông này thật ra đã chết rồi, và nói: Rất sẵn sàng! và bước lên taxi –

Cuộc hội thảo chả dính dáng gì đến tôi.

Giáo sư O. xưa kia đối với tôi luôn luôn là một thần tượng, dẫu không là nhân vật xuất chúng, không thuộc vào hàng ngũ những Giáo sư tại ETH Zürich có tiếng tăm quốc tế, nhưng dù sao cũng là một chuyên gia nghiêm túc – Tôi không bao giờ quên, chúng tôi trong áo choàng trắng, đám sinh viên, vây quanh ông và cười vui về lời tiên tri của ông: Một lần đi hưởng tuần trăng mật (ông luôn nói như thế) là quá đủ, sau đó các anh chị có thể thâu lượm tất cả những điều quan trọng từ những công bố khoa học, nên học ngoại ngữ, thưa các anh chị, nhưng du lịch, thưa các anh chị, đã thuộc về thời trung cổ, hiện nay chúng ta đã có nhiều phương tiện truyền thông, chưa nói đến mai sau, những phương tiện truyền thông đưa thế giới vào tận bốn vách tường nhà chúng ta, di chuyển từ nơi này đến nơi nọ là một thói quen bản năng truyền đời. Các anh chị cười, nhưng nó là thế, du lịch là một bản năng truyền đời, đến một ngày nào đó, hoàn toàn sẽ không còn giao thông nữa, và chỉ có những cặp vợ chồng mới cưới mới dùng cỗ xe ngựa đi vòng quanh thế giới, ngoài ra chẳng có ai – Các anh chị cười, nhưng các anh chị sẽ được nếm trải chuyện này!

Thình lình ông đứng tại Paris.

Có lẽ vì thế ông luôn luôn cười. Có lẽ chuyện ông bị ung thư dạ dày (theo tin đồn) hoàn toàn không đúng, và ông cười, bởi từ hai năm nay ai cũng nói rằng bác sĩ phỏng đoán ông không sống nổi tới hai tháng, ông cười chúng tôi; ông quá tin chắc rằng tôi và ông sẽ gặp lại nhau một lần nữa –

Cuộc hội thảo kéo dài gần hai tiếng.

„Williams“, tôi nói, „I changed my mind.“

„What's the matter?“

„Well, I changed my mind –“

Williams đưa tôi về khách sạn, trong lúc tôi trình bày rằng tôi đã suy nghĩ lại, tạm ngưng việc một chút, đi nghỉ mát một chút, xuân hứng, hai tuần trở lại, một hành trình ngắn (trip) đến Avignon và Pisa, Florence, Rome, – Williams không khác thường tí nào, ngược lại, ông tuyệt vời như xưa nay: ông giao tôi chiếc Citroën, bởi ngày sau đó ông sẽ bay về New York.

„Walter“, ông nói, „have a nice time!“

Tôi cạo râu và thay áo quần. Với tư thế sẵn sàng mọi việc suôn sẻ, cho buổi đi Nhà hát lớn. Tôi đến quá sớm, mặc dù đã đi bộ qua Champs-Élysées. Tôi ngồi vào quán cà phê cạnh bên. Hàng hiên có kính chắn với lò sưởi bằng tia hồng ngoại, và khi ly Pernod vừa kịp bưng đến, cũng là lúc cô gái xa lạ với bím đuôi ngựa màu hung đỏ bước ngang, không nhìn thấy tôi, cũng quá sớm, lẽ ra tôi nên lên tiếng gọi nàng –

Nàng ngồi vào quán cà phê.

Tôi sung sướng và uống ly Pernod, không nóng vội, tôi quan sát nàng qua tấm kính chắn quanh hàng hiên, nàng gọi thức uống thế nào, nàng ngồi chờ thế nào, nàng hút thuốc thế nào và có một lần nhìn vào đồng hồ. Nàng mặc áo bành tô màu đen có mũ gắn liền với những nút gỗ nho nhỏ và dây gút, dưới là tấm áo dạ hội màu xanh, sẵn sàng cho buổi đi Nhà hát lớn, một mệnh phụ trẻ tuổi, đang kiểm soát lại những nét phấn hồng. Nàng uống Citronpressé. Tôi chưa bao giờ có được hạnh phúc như thế tại thành phố Paris này và chờ gã bồi bàn để trả tiền, để có thể đi ra – qua bên kia cùng cô gái, đang chờ tôi! – thế nhưng mặc dù phản đối, tôi lại gần như mừng rỡ mỗi lần gã bồi bàn để tôi tiếp tục đợi; tôi chưa bao giờ có thể hạnh phúc như lúc này.

Từ khi tôi biết được mọi chuyện đã xảy đến như thế nào, nhất là đứng trước sự việc cô gái trẻ, người đã sánh vai cùng tôi vào Nhà hát lớn Paris, chính là đứa con mà chúng tôi (vâng, cả Hanna) vì hoàn cảnh cá nhân, ngoài tình hình chính trị thế giới trong thời điểm đó ra, đã không muốn nuôi giữ, tôi đã thảo luận chuyện này với nhiều người thuộc đủ mọi thành phần, xem thái độ họ như thế nào đối với vấn đề phá thai, và qua đó xác minh được rằng họ (nếu nhìn sự việc dựa trên nguyên tắc) đồng quan điểm với tôi. Phá thai ngày hôm nay là một việc thường tình. Nhìn cơ bản: Chúng ta sẽ đi về đâu nếu không có phá thai? Tiến bộ của Y học và Kĩ thuật ép buộc chính những con người có í thức trách nhiệm phải có biện pháp mới. Loài người tăng gấp ba lần trong một thế kỷ. Thời xưa không có vệ

sinh. Giao hoan, sinh đẻ và con cái chết ngay trong năm đầu, theo luật định tự nhiên, là chuyện lạc hậu, nhưng không hẳn đã hợp tình hợp lí hơn. Thắng bệnh thai nhi đột tử. Phương pháp mổ đẻ. Lồng kiếng nuôi trẻ sinh thiếu tháng. Chúng ta đương đầu với sự sống hiệu quả hơn xưa nhiều. Johann Sebastian Bach[65] sinh hạ được mười ba người con (hoặc khoảng chừng đâu đó), và hơn 50 % không sống nổi. Con người không phải là loài thỏ, bước tiếp theo của tiến bộ,: chúng ta phải chỉnh đốn lại tình trạng. Nạn nhân mãn đang đe doạ quả đất. Ông bác sĩ của tôi đã đến Bắc Phi, nguyên văn lời ông: Đến một ngày nào đó, khi dân Ả rập đạt đến trình độ không phóng uế quanh nhà họ nữa, lúc đó phải tính dân số Ả rập sẽ tăng gấp đôi trong vòng hai mươi năm. Hãy nhìn mọi nơi xem thiên nhiên phát triển thế nào: sinh sôi nẩy nở dư thừa để giữ gìn chủng loại. Chúng ta có những phương pháp khác để giữ gìn chủng loại. Cuộc sống là thiêng liêng! Sinh sản thặng dư theo tự nhiên (nếu chúng ta sinh đẻ ào ạt như loài thú) sẽ đưa đến thảm họa; không bảo tồn chủng loại nữa mà là diệt chủng. Trái đất nuôi sống được bao nhiêu dân? Có thể nâng cấp số cao hơn. Nhiệm vụ của Unesco: Kỹ nghệ hóa những khu vực chậm phát triển, nhưng cấp số nâng lên không phải là vô giới hạn. Chính trị đứng trước những vấn đề hoàn toàn mới. Hãy nhìn vào thống kê: lấy thí dụ về thuyên giảm bệnh lao, là thành công của chủng ngừa, đã giảm từ 30% xuống 8%. Thượng đế kính yêu! Ngài giải quyết vấn đề nhân mãn bằng những trận dịch; chúng ta đã cướp khỏi tay Ngài thiên chức đó. Việc tiếp theo: phải giành luôn lấy trách nhiệm sinh sản từ tay Ngài. Không có lí do gì phải cắn rứt lương tâm, ngược lại: đấy chính là nhân cách, điềm tỉnh dàn xếp và tự quyết định. Bằng không, chúng ta buộc phải thay thế những trận dịch bằng chiến tranh. Hãy chấm dứt mộng mơ đi. Những ai trên nguyên tắc vẫn phản đối việc phá thai, kẻ ấy còn mộng mơ và vô trách nhiệm. Không để sự việc xảy ra cẩu thả, tất nhiên, nhưng cơ bản: chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật, thí dụ một sự thật hiển nhiên, loài người hiện hữu trên trái đất không đơn thuần chỉ là một thách đố đối với tài nguyên thiên

65 Nhà soạn nhạc lớn, rất nổi tiếng, người Đức (1685 – 1750), thời Baroque.

nhiên. Nguy hại của những chương trình quốc gia khuyến khích sinh đẻ tại các nước quân phiệt, ngay cả tại nước Pháp. Một thách đố về không gian sống. Cũng đừng quên tiến trình tự động hóa: chúng ta sẽ không cần nhiều dân như thế nữa. Nếu khôn ngoan hơn, hãy nâng cao mức sống. Mọi chuyện khác sẽ đưa tới chiến tranh và hủy diệt toàn diện. Phi kiến thức, phi thực tế vẫn còn phổ biến. Những kẻ lên mặt đạo đức luôn luôn là những kẻ gieo rắc tai hoạ khủng khiếp nhất. Phá thai: một hệ quả của văn hoá, chỉ rừng rậm mới vẫn sinh sôi và mục rữa, theo thiên nhiên. Con người biết hoạch định. Nhiều bất hạnh đã xảy ra vì mơ mộng, có biết bao cuộc hôn nhân tai họa, bởi lấy nhau chỉ vì không dám phá thai, nay vẫn còn. Khác biệt giữa ngừa thai và mổ xẻ? Dù sao đó là một nguyện vọng của con người: không muốn giữ con. Có bao được nhiêu trẻ sinh ra thật sự là đứa con mong ước? Điều khác nữa là phụ nữ thường chỉ có mong ước ấy sau khi thụ thai, tiến trình tự nhiên của bản năng, họ quên mất rằng họ đã không muốn có nó, cộng thêm cảm giác quyền lực đối với người chồng, làm mẹ như là một vũ khí kinh tế của người đàn bà. Số phận là gì? Thật nực cười, nếu số phận là đạo hàm từ những tình cờ của cơ học sinh lí, điều này không xứng đáng đối với con người thời đại. Con trẻ là những gì chúng ta muốn hoặc không muốn. Hủy hoại cơ thể phụ nữ ư? Dưới tầm nhìn cơ thể học hoàn toàn không, nếu không bị dính phải tay lang băm; dưới tầm nhìn tâm lí, chỉ khi nào người phụ nữ đó bị ức chế bởi một hoang tưởng đạo đức hoặc tín ngưỡng. Chúng ta nên tránh: xem thiên nhiên là thánh thần! Và như vậy thì phải rốt ráo: vậy thì cũng không dùng Penicillin, không dùng ống thu lôi, không đeo kính mắt, không dùng DDT, không radar và những thứ khác. Chúng ta sống dựa vào kĩ thuật, con người là kẻ ngự trị thiên nhiên, con người là kĩ sư, và nếu ai nói ngược lại, kẻ đó không nên sử dụng cầu đường, cầu đường không có sẵn trong thiên nhiên. Và vậy thì phải rốt ráo và chối bỏ mọi can thiệp của y học, có nghĩa: mỗi tình trạng viêm ruột thừa là một cái chết. Đấy là số phận! Vậy thì không dùng bóng đèn, không máy móc, không điện năng nguyên tử, không máy tính, không thuốc mê – nếu thế thì đi vào rừng rậm mà sống!

Chuyến du lịch xuyên nước Í của chúng tôi – tôi chỉ có thể bảo rằng tôi quá đỗi hạnh phúc, bởi cô gái, tôi tin thế, cũng hạnh phúc dẫu có chênh lệch tuổi tác.

Nàng giễu cợt đám trai trẻ:

„Mấy chú nhỏ!“ nàng nói, „*Anh* không thể tưởng tượng được đâu – mình như là mẹ của chúng nó, thật quái gở!“

Chúng tôi có những ngày thời tiết tuyệt vời.

Điều làm tôi thấm mệt, là chỉ mỗi một thú đam mê nghệ thuật của nàng, nàng có thói phải xem cho bằng được mọi thứ. Vừa đến Í, không một địa điểm nào tôi không phải ngừng xe: Pisa, Florence, Perugia, Arezzo, Orvieto, Assisi. – Tôi không quen du lịch theo kiểu đó. Tại Florence tôi làm reo, bằng cách nói thẳng thừng rằng những tác phẩm Fra Angelico[66] của nàng, theo tôi có hơi chút đồng bóng. Tôi chữa ngay lại rằng: ngây ngô. Nàng không tranh cãi điều đó, ngược lại, nàng khoái chí; đối với nàng ngây ngô vẫn chưa diễn tả đủ hết nét.

Tôi khoái gì ư: Campari![67]

Khoái luôn cả mấy tay đàn Mandoline hát dạo xin tiền –

Tôi thích gì ư: công trình giao thông, công trình cầu đường, chiếc Fiat loại mới, ga xe lửa mới xây tại Rome, loại đầu máy xe lửa mới hiệu Rapido, loại máy đánh chữ Olivetti[68] mới –

Tôi chẳng biết làm gì với đống viện bảo tàng.

Tôi ngồi ngoài trời, giữa quảng trường San Marco[69], và uống ly Campari như mọi bận, trong lúc Sabeth muốn làm nư, tôi tin thế, thăm viếng trọn khu tu viện. Những ngày sau này, từ Avignon trở đi, tôi tham quan mọi thứ, chỉ để được gần nàng. Tôi không có lí do để ghen tuông, vậy mà tôi vẫn ghen.

66 Một linh mục Cơ đốc dòng Dominika (1387-1455), danh họa Í thời tiền phục hưng.
67 Một loại rượu khai vị của Í.
68 (1908-1996) Hãng sản xuất máy móc văn phòng có truyền thống củaí, thời đó có thể sánh với hãng IBM của Mĩ.
69 Piazza San Marco: quảng trường chính và lớn tại trung tâm thành phố Venice ở Í.

Tôi không biết một cô gái trẻ như thế nghĩ gì trong đầu. Tôi là gã tài xế? Tốt; thế thì tôi có quyền uống một ly Campari trong thời gian chờ đợi, cho đến khi quan khách trở bước ra từ ngôi nhà thờ kế tiếp. Tôi sẵn sàng làm tài xế cho nàng, chẳng nề hà gì nếu không có sự kiện Avignon. Đôi khi tôi do dự nên đánh giá nàng thế nào. Ý định của nàng: đi quá giang đến Rome! Dẫu cuối cùng nàng đã không thực hiện, nhưng chỉ riêng mỗi ý định ấy đã làm tôi phát ghen. Chuyện xảy ra tại Avignon có thể xảy ra với mọi người đàn ông khác không?

Tôi chưa bao giờ nghĩ đến hôn nhân nhiều như thế –

Càng yêu thương cô bé chừng nào, tôi càng không muốn đẩy nàng vào một con nước xoáy như vầy. Tôi hi vọng từng ngày sao có được một dịp nói với nàng, tôi dứt khoát sẽ thẳng thắng rõ ràng, tôi chỉ lo ngại nàng không tin tôi, hoặc sẽ cười chê tôi … Nàng vẫn còn cho tôi là con người cay độc, tôi nghĩ thế, thậm chí trân tráo (không đối với nàng, nhưng đối với cuộc sống nói chung) và hay mỉa mai, những điều nàng không chấp nhận, và thường là tôi hoàn toàn không biết nên nói gì hơn. Liệu nàng có nghe tôi nói không? Tôi hiện có cảm giác rằng tôi không hiểu nổi tuổi trẻ nữa. Tôi thường cảm thấy tôi giống như một kẻ lừa đảo. Sao thế nhỉ? Tôi không muốn phá vỡ điều nàng muốn cho tôi thấy rằng Tivoli[70] sẽ tuyệt vời hơn hẳn tất cả những gì tôi đã từng biết qua trên thế gian này và một buổi chiều tại Tivoli được ví von là một niềm hạnh phúc bình phương; nhưng tôi lại không tin như thế. Nàng thường lo nghĩ tôi đùa giỡn với nàng, nhưng không phải vậy; tôi đùa giỡn với chính bản thân tôi, và có một cái gì đó làm tôi luôn luôn ghen tức, mặc dù tôi cố gắng giữ mình trẻ trung. Tôi tự hỏi có phải tuổi trẻ hôm nay (1957) khác hẳn với thời chúng ta, và xác định được rằng tôi không hiểu mảy may nào về tuổi trẻ hôm nay. Tôi quan sát nàng. Tôi theo nàng vào mọi viện bảo tàng, thật ra chỉ để được ở gần cạnh nàng, để ít nhất được nhìn Sabeth qua ánh phản chiếu từ những tủ kính chứa đầy những mảnh gốm vụn

70 Một thành phố cổ nhỏ, nằm phía đông Rome, nổi tiếng về những phế tích cổ thời La mã.

của dân Etruscan[71], khuôn mặt trẻ trung của nàng, nét nghiêm trang của nàng, niềm vui của nàng! Sabeth không tin rằng tôi chẳng hiểu mảy may nào về lãnh vực nghệ thuật cổ, và vẫn luôn có một lòng tin mãnh liệt vào tôi, chỉ bởi vì ta già hơn ba mươi tuổi, một lòng tin của trẻ thơ, ngược lại không chút nào kính trọng. Tôi thoáng bực mình vì đã chờ đợi một sự kính trọng. Sabeth lắng nghe khi tôi kể về những kinh nghiệm của tôi, chẳng qua như lắng nghe một người cao tuổi; chẳng ngắt lời, lễ phép, chẳng tin, chẳng hăm hở. Quá lắm nàng chỉ ngăn lại, ngắt lời tôi giữa câu chuyện và qua đó cho tôi hay rằng chuyện này tôi đã kể qua một lần rồi. Và tôi sượng sùng. Đối với nàng quan trọng nhất là tương lai, thứ đến cũng một phần nào đó hiện tại; nhưng hoàn toàn không thiết về những kinh nghiệm quá khứ, như hầu hết đám trẻ. Nàng chả quan tâm chút nào đến điều mọi vật đã bày sẵn để từ đó con người rút tỉa kinh nghiệm hoặc giả có thể từ đó học hỏi được nhiều điều. Tôi để ý xem Sabeth chờ đợi gì ở tương lai, và nhận thấy: chính nàng cũng chẳng biết, nhưng nàng vẫn vô tư tận hưởng niềm vui. Tôi có được chờ đợi ở tương lai những gì tôi hiện chưa biết đến không? Với Sabeth mọi chuyện khác hẳn. Nàng vui thích về Tivoli, về mẹ nàng, về bữa điểm tâm, về tương lai, nếu một ngày nào đó nàng có con cái, về ngày sinh nhật của nàng, về một đĩa nhạc, về những điều cụ thể và nhất là về những điều không cụ thể: về tất cả những gì chưa hình thành. Điều đó làm tôi ghen tức, có thể, nhưng bảo rằng phần tôi không biết tận hưởng niềm vui là không đúng; tôi vui thích về mỗi khoảnh khắc cho tôi chừng mực nào đó tận hưởng niềm vui. Tôi không nhào lộn, tôi không hát vang, nhưng dĩ nhiên tôi cũng vui sướng. Và không chỉ về một bữa ăn ngon! Không phải lúc nào tôi cũng có thể diễn tả được. Có bao nhiêu người khi gặp chúng tôi, để ý đến niềm vui của tôi, nhất là đến cảm giác của tôi! Sabeth bảo rằng tôi sống không hết mình, hoặc sống không thật con người mình. Điều làm tôi vui sướng nhất là niềm vui của nàng. Thỉnh thoảng tôi ngạc nhiên, thật ít ỏi làm sao, những gì nàng cần cho riêng mình để có thể vui cất

71 Người dân vùng Etruria: lãnh thổ xưa tại trung tâm nước Ý, nay là vùng Toskana và một phần vùng Umbrien.

tiếng hát, hầu như chả có gì; nàng gạt tấm màn cửa qua bên và nhận ra trời không mưa, và hát. Rất tiếc có một lần tôi nhắc đến những cơn đau dạ dày của tôi; nay thì nàng bao giờ cũng nghĩ rằng tôi bị đau dạ dày, đâm lo lắng như người mẹ, như thể tôi là một gã thiếu niên chưa trưởng thành. Nhìn chung chuyến đi không hẳn bao giờ cũng dễ dàng, chuyến hành trình của chúng tôi, thường rất kỳ khôi: tôi làm nàng chán ngấy với những từng trải cuộc sống của tôi, và nàng làm tôi già nua, bởi từ sáng đến chiều và bất cứ ở đâu nàng đều trông đợi ở tôi một niềm cuồng nhiệt …

Giữa một vòng tham quan dọc hành lang lớn (*Museo Nazionale*[72]) tôi tránh không muốn nghe nàng trích dẫn cuốn Baedeker[73], tôi ngồi trên một bờ thành và ráng đọc một tờ nhật báo Í, tôi chán ngấy chúng, đống sưu tập những phiến đá vụn này. Tôi cự lại, nhưng Sabeth vẫn mực tin, tôi muốn trêu nàng với lời thú nhận rằng tôi chả hiểu một mảy may nào về nghệ thuật – riêng nàng căn cứ trên một câu nói của mẹ nàng, bất cứ người nào cũng biết thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật, ngoại trừ những kẻ văn hóa rởm.

„Một người mẹ nhân ái!“ tôi nói.

Một cặp tình nhân người Í đi ngang dãy hành lang lớn gây chú í cho tôi nhiều hơn tất cả những pho tượng, nhất là ông bố, đang ẳm đứa con ngủ ngon trên tay – Ngoài ra không một bóng người.

Chim hót líu lo, ngoài ra yên lặng như tờ.

Và rồi, khi Sabeth bỏ tôi lại một mình, tôi cuộn cất tờ nhật báo, tờ báo dẫu sao tôi cũng không đọc được, và đến đứng trước bất kỳ một pho tượng nào để kiểm chứng lời nói của mẹ nàng. Bất cứ người nào cũng biết thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật! – Nhưng Mẹ, tôi nhận thấy thế, lầm to.

Tôi chỉ thấy chán.

72 Có lẽ là ‚Museo Nazionale Romana' ở Rome, nổi tiếng về bộ sưu tập của Ludovisi – ND.

73 Sách hướng dẫn du lịch nổi tiếng của Đức – do Karl Baedeker, (1801 – 1859) nhà xuất bản, người đầu tiên viết và phát minh cuốn hướng dẫn du lịch.

Giữa vòng tham quan nhỏ (khu vực lồng kính) tôi gặp may: nguyên một nhóm du khách người Đức, được một linh mục Cơ đốc hướng dẫn, chen lấn trước phiến bia đá như người ta bu quanh một biến cố tai nạn, làm tôi đâm tò mò, và khi Sabeth tìm thấy tôi („Thì ra *anh* ở đây, Walter, *em* tưởng, *anh* đã biến đi với mấy ly Campari của *anh*!"), tôi nói về những gì tôi vừa nghe được từ ông linh mục: *Geburt der Venus*[74]. Nhất là bé gái ở cạnh bên, cô bé thổi sáo, tôi thấy thật đáng yêu … Đáng yêu, Sabeth bảo, chữ đó không diễn tả trọn hết một bia đá như thế; nàng thấy nó thật tuyệt, đến độ khùng điên, hết cỡ, thiên tài, kinh khủng.

May thay có người đi đến –

Tôi không chấp nhận được khi một ai đó ép buộc tôi phải cảm nhận theo í họ; tôi sẽ cảm thấy, mặc dù tôi nắm rõ vấn đề, như tôi là người mù.

Đầu một vị thần Erinyes[75] *đang ngủ.*

Đây là khám phá của riêng tôi (trong cùng dãy sảnh phụ bên trái) không cần trợ giúp của ông linh mục vùng Bavaria; khốn nỗi tôi không biết đấy là bức tượng gì, nhưng điều ấy không làm tôi khó chịu, ngược lại danh tính những di tích thường làm tôi bực mình, bởi vì tôi xưa nay không hề thuộc những danh tính ấy, và không muốn phải thuộc lòng chúng như thể ta học bài thi … Tại đây tôi thấy: vĩ đại, quá vĩ đại, ấn tượng, trứ danh, ấn tượng sâu đậm. Đó là một cái đầu thiếu nữ bằng đá, đặt trong tư thế, nếu ta chống tay tựa đầu nhìn vào, sẽ như ngắm thấy khuôn mặt một người đàn bà đương ngủ.

„Không biết cô nàng đương mơ những gì –?"

Đấy không là một phong cách thưởng thức nghệ thuật, có thể vậy, nhưng điều này kích thích tôi hơn những câu hỏi, thế kỷ thứ tư hay thứ ba trước Chúa giáng sinh … Khi tôi đến ngắm *Geburt der Venus* thêm lần nữa, nàng chợt gọi: Ngừng! Tôi không được cử động. Chuyện gì thế? tôi hỏi. Ngừng! nàng bảo:

74 Thần Vệ Nữ Giáng Sinh . Ở đây có lẽ tác giả muốn nói đến bức tượng Venus tại Capitoline Museums ở Rome – ND.

75 Erinnye – Nữ thần của sự báo thù, trừng phạt (thần thoại Hy lạp).

Nếu *anh* đứng ngay tại chỗ đó, bức tượng sẽ đẹp hơn rất nhiều, nữ thần Erinyes này, thật không ngờ, tác động đến thế! Tôi phải tự kiểm chứng lấy điều này, Sabeth bắt buộc chúng tôi phải đổi chỗ cho nhau. Có tác động thật, thật vậy, nhưng điều này không làm tôi ngạc nhiên; đấy chỉ là một sự phân bố ánh sáng. Nếu Sabeth (hoặc một ai khác) đứng tại *Geburt der Venus*, sẽ tỏa bóng phủ lên khuôn mặt của nữ thần Erinyes đương ngủ, ánh sáng rọi chiếu chỉ một bên, từ đó bức tượng lập tức tỉnh táo hơn, sinh động hơn, gần như man dại.

„Thật tuyệt“, nàng nói, „tác động đến thế!

Chúng tôi đổi chỗ cho nhau thêm một hoặc hai lần nữa, rồi tôi đề nghị nên đi tiếp, còn rất nhiều những sảnh điện chứa đầy tượng mà Sabeth muốn xem hết cho bằng được –

Tôi đói bụng.

Muốn gợi khéo đến một Ristorante[76] vừa thoáng hiện đến trong đầu, là chuyện không tưởng; thậm chí câu tôi hỏi Sabeth học được từ đâu những từ ngữ thông thái ấy, nàng cũng chẳng buồn trả lời, rặt những từ ngữ như – đặc tính khảo cổ, tính chất rõ nét, đặc tính Hi lạp, tính biểu tượng, tính trang sức, tính chất tự nhiên, tính hiện thực, tính lập dị, đặc tính lễ tế, đặc tính sùng bái, tính kết hợp và còn nhiều nữa, đầy một kho ngữ vựng highbrow[77]. Chỉ đến khi bước ra một nơi không còn gì để thưởng thức nữa, ngoài những vòm nhà bằng gạch nung, một tác phẩm thợ nề đơn giản nhưng đúng chuẩn, làm tôi chú í, nàng trả lời câu tôi hỏi lúc nàng vượt trước đi qua chấn song xoay, chả chú tâm như thường lệ những khi nhắc đến mẹ:

„Mẹ dạy“

Cô gái làm tôi thích thú mỗi lúc mỗi khác, khi chúng tôi ngồi trong một Ristorante, cái sung sướng với món sà lát, cách ngốn ngáo bánh mì rất trẻ thơ của nàng, sự tò mò của nàng về mọi chuyện chung quanh, nàng nhai từng mẩu bánh mì và nhìn chung quanh, đam mê cuồng nhiệt của nàng trước đĩa khai vị, dáng cao sang của nàng –

76 (Tiếng Í): nhà hàng.
77 (Tiếng Anh): trí thức, văn hoa.

Về người mẹ của nàng:

Chúng tôi ngắt những búp artichoke, vừa chấm từng lá từng lá vào sốt mayonaise và kéo nghiền chúng giữa hai hàm răng, từng lá từng lá, cùng lúc tôi được biết thêm vài điều về người đàn bà tài hoa nọ, người nàng gọi là Mẹ. Tôi chẳng muốn tò mò, nói thẳng là như thế, bởi tôi không thích đàn bà trí thức. Tôi được biết: thật ra bà không học khảo cổ mà lại theo ngành triết học; nhưng bà làm việc tại một viện khảo cổ, bà phải lo kiếm tiền, bởi sống li thân với ông Piper – tôi đợi, ly rượu sẵn trên tay để cụng ly; tôi chả để tâm đến ông Piper làm gì, một ông hiện sống ở Đông Đức vì lí tưởng. Tôi nâng ly và ngắt lời: Nào cụng ly! và chúng tôi uống …

Sau đó tôi biết thêm:

Mẹ cũng đã từng là một người cộng sản, nhưng vẫn không sống được với ông Piper, vì vậy mà chia tay nhau, tôi cảm thông chuyện ấy, và hiện giờ Mẹ làm việc tại Athen, bởi bà cũng không thích xứ Tây Đức hiện nay, tôi cảm thông chuyện ấy, và từ phía Sabeth chẳng thấy đau khổ mảy may nào về chuyện chia tay này, ngược lại, nàng vừa ăn rất ngon lành vừa kể lại chuyện trên, và uống Orvieto trắng – loại rượu tôi thấy quá ngọt, nhưng là loại rượu nàng thích nhất: Orvieto Abbocato … Nàng không mấy mến ông bố nàng, thật ra ông Piper không phải bố nàng, vì Mẹ trước đó đã có một đời chồng rồi, thì ra Sabeth là đứa con của chồng trước, mẹ nàng không được may mắn lắm với đàn ông, theo tôi thấy vậy, có lẽ bởi vì trí thức quá, tôi nghĩ thế nhưng dĩ nhiên không dám nói ra mà chỉ gọi thêm nửa chai Orvieto Abbocato nữa, và sau đó ta lại nói đủ mọi chuyện, về artichoke, về đạo Cơ đốc, về bánh cassata[78], về nữ thần Erinyes đương ngủ, về giao thông, về nỗi khổ đau của thời đại, và làm thế nào để ta đến được Via Appia[79] –

Sabeth với cuốn Baedeker của nàng:

78 (Tiếng Ý): một loại bánh kem ngọt vùng Sicily, thường dùng trong tiệc cưới hoặc vào dịp lễ Phục sinh.

79 (Tiếng Ý): con đường huyết mạch dưới thời La mã.

„Thạch lộ Via Appia, nữ hoàng của mọi con đường cổ, được khởi công xây dựng bởi Censor Appius Claudius Caecus từ năm 312 trước Chúa giáng sinh, chạy dài qua Terracina đến Capua, từ nơi này về sau được nối dài đến Brindisi –"

Chúng tôi hành hương từ con đường Via Appia, ba cây số đi bộ, chúng tôi nằm nghỉ trên một ngôi mộ cổ dọc đường, đồi đá, sườn đồi bao quanh phủ đầy cỏ dại, cuốn Baedeker may thay không nhắc đến những thứ này. Chúng tôi nằm dưới bóng mát một cây thông và hút thuốc.

„Walter, *anh* ngủ à?"

Tôi tận hưởng khoảng thời gian, không phải đi xem ngắm một thứ gì.

„Nè *anh*", nàng nói, „bên kia là Tivoli."

Sabeth như thường lệ trong chiếc quần cao bồi màu đen của nàng với những đường chỉ trắng thời thượng ấy, cùng với cũng đôi espadrilles màu trắng ấy, mặc dù tôi đã sắm cho nàng một đôi giầy Í hồi ở Pisa.

„ *Anh* thật sự không thèm để í đến à?"

„*Anh* thật sự không thèm để í đến nó", tôi nói, „nhưng *anh* sẵn sàng đi thăm viếng tất, người tình của *anh*, cho một tuần trăng mật có thứ gì mà ta chẳng làm!"

Sabeth lại bảo rằng tôi đểu.

Tôi chỉ cần nằm dài trên cỏ, Tivoli với chẳng Tivoli, quan trọng là: đầu nàng tựa vào vai tôi.

„*Em* là một đứa bé hiếu động", tôi nói, „không ngồi yên được mười lăm phút –"

Nàng quì gối xuống và nghe ngóng.

Nghe thấy tiếng người –

„Nên không?", nàng hỏi, miệng nhúm lại như muốn phun nước bọt. „Nên không?"

Tôi nắm lấy bím tóc đuôi ngựa màu hung đỏ kéo nàng xuống, nhưng nàng không chịu. Tôi lấy làm tiếc rằng hiện ở đây không chỉ có riêng mình chúng tôi, nhưng không làm khác hơn được. Cũng không khác hơn được, dù ta có là nam nhi đi chăng

nữa! Lại một í tưởng buồn cười của nàng: *Anh* là một đấng nam nhi! Chắc hẳn nàng chờ đợi rằng tôi sẽ nhẩy bổ ra và lấy đá ném đuổi đám người kia đi, như đuổi một bầy dê. Và nàng đã rất mực thất vọng, nàng, một đứa bé, mà tôi đã đối xử như một phụ nữ, hay là một phụ nữ, mà tôi đã đối xử như một đứa bé, điều ấy chính tôi cũng chẳng biết.

„ *Em* nghĩ rằng“, nàng nói, „đây là chốn riêng của tụi mình!“

Hình như đó là một nhóm người Mĩ, tôi chỉ nghe được tiếng nói, một đám đông đang luồn lách cạnh ngôi lăng mộ của chúng tôi; phỏng theo giọng nói, có thể đấy là mấy bà tốc kí từ Cleveland cũng nên.

Oh, isn't it lovely?

Oh, this is the Campagna? [80]

Oh, how lovely here?

Oh, vân .. vân …

Tôi vươn mình dậy, phóng mắt nhìn qua khóm cây dại. Những mái đầu tim tím của mấy bà, xen giữa là những đầu hói của mấy ông, mũ cói trắng vừa được gỡ xuống – một cuộc vượt trốn từ một viện dưỡng lão! Tôi nghĩ thế, nhưng không nói ra.

„Đồi lăng mộ cổ của chúng ta“, tôi nói, „hình như là một khu lăng mộ nổi tiếng –”

Sabeth bật cáu:

„*Anh*, người ta tới nữa kìa!“

Nàng đứng, tôi nằm lại trên đám cỏ.

„*Anh* ơi, nàng thốt lên, – „nguyên cả một xe hành khách lớn!“

Trông Sabeth đứng trên tôi mà cũng vừa ngay bên tôi: Đôi espadrilles, đến bắp chân trần của nàng, đùi nàng, trong tầm nhìn gần vẫn mảnh khảnh, đôi mông trong chiếc quần cao bồi; nàng cho hai tay vào túi quần, khi nàng đứng như thế. Không nhìn thấy được eo nàng; bởi quá gần. Và rồi ngực và đôi vai

80 (Tiếng Í.): vùng ngoại ô thành Rome, nơi con đường Via Appia xuyên qua, có rất nhiều di tích.

nàng, cằm, môi, phía trên là lông mi, đôi chân mày nhạt như đá cẩm thạch, bởi vì nắng phản chiếu rọi ngược từ dưới lên, và đến mái tóc nàng giữa bầu trời xanh lơ, ta có cảm tưởng nó quyện lẫn cùng những cành thông đen thẫm, mái tóc đỏ. Nàng đứng như thế, trong gió, trong khi tôi nằm dưới đất. Mảnh khảnh và thẳng đứng, đồng thời im lặng như một pho tượng.

„Hello!“ ai đó gọi từ phía dưới.

Sabeth đầy bực dọc: „Hello –”

Sabeth không thể hiểu nổi.

„ *Anh* “, nàng nói, – „họ bầy picnic!“

Rồi, như thể hờn giỗi đám người Mĩ xâm lăng, nàng rụt người xuống và nằm tựa vào ngực tôi, như muốn ru giấc ngủ; nhưng không được lâu. Nàng chống người dậy và hỏi, nàng có nặng không.

„Không“, tôi nói, „*Em* nhẹ lắm –”

„Nhưng?“

„Không nhưng gì cả!“ tôi nói.

„Có“, nàng bảo, „*Anh* đang nghĩ chuyện gì.“

Riêng tôi chẳng nhớ được, tôi đã nghĩ gì; ta thường hay nghĩ một chuyện gì đó, nhưng tôi thật tình không biết nữa. Tôi hỏi, nàng đã nghĩ những gì. Nàng hỏi xin tôi một điếu thuốc, chẳng trả lời.

„*Em* hút quá nhiều!“ tôi nói. „Lúc *anh* ở tuổi *em* –”

Chúng tôi càng thân nhau chừng nào, cô gái nhỏ và tôi, những điểm giống nhau giữa nàng và Hanna ngày càng bớt hiện đến trong tâm trí tôi. Từ Avignon trở đi tuyệt không còn nữa! Tôi bất quá chỉ lấy làm ngạc nhiên rằng điểm giống nhau ấy với Hanna đã có lần hiện đến trong tâm trí tôi. Tôi quan sát nàng sau đó. Không một đường nét nào giống nhau! Tôi bật lửa cho nàng, dẫu biết rằng nàng hút thuốc quá sớm, một cô bé tuổi hai mươi –

Và nàng chọc ghẹo:

„*Anh* như một ông bố!“

Có thể tôi (lại một lần nữa) đã nghĩ rằng, đối với Sabeth, khi nàng tựa trên ngực tôi và chăm chú nhìn khuôn mặt tôi, tôi thật ra là một người đàn ông đã luống tuổi.

„ *Anh* “, nàng nói, „thì ra chỗ hồi sáng nay mình thấy đẹp, chính là án thờ Ludovisi[81]. Lừng danh!“ Tôi nghe nàng giảng dạy.

Chúng tôi cởi giầy ra, những đôi chân trần của chúng tôi trên nền đất ấm, tôi tận hưởng cảm khoái đi chân trần, và tận hưởng tất cả.

Tôi nghĩ về Avignon của chúng tôi. (Khách sạn Henri Đệ Tứ)

Sabeth với cuốn Baedeker lật dở trong tay, biết ngay từ đầu rằng tôi là một con người kĩ thuật, rằng tôi đi Í chỉ để nghỉ ngơi. Dẫu vậy nàng vẫn đọc lớn:

„Thạch lộ Via Appia, nữ hoàng của mọi con đường được khởi công xây dựng bởi Censor Appius Claudius Caecus từ năm 312 trước Chúa giáng sinh –“

Đến hôm nay tôi vẫn còn nghe thấy giọng đọc Baedeker của nàng!

„Đoạn hấp dẫn nhất của con đường bắt đầu từ khúc mà phần lớn những phiến đá xưa lót đường nằm trốc khỏi nền đất, phía bên trái là vòng cung tuyệt đẹp của Aqua Marcia[82] (so sánh trang 261).“

Rồi mỗi lần như thế nàng lật tìm trang tiếp.

Có một lần tôi hỏi:

„Này, mẹ *em* tên riêng là gì?“

Nàng không để bị ngắt lời.

„Đi thêm một vài phút là ngôi lăng mộ của *Caecilia Metella*[83], một phế tích nổi tiếng tại Campagna, một kiến trúc

81 Ludovico Ludovisi (1595 – 1632) Tổng giám mục giáo xứ Bologna (Í) và là một Hồng Y.

82 Một trong ba hệ thống dẫn nước cho thành phố (aqueduct), và là hệ dài nhất của thành cổ Rome.

83 Một di tích lịch sử nổi tiếng tại Via Appia, nam thành phố Rome, mồ chôn Caecilia Metella (còn có tên khác là Cretica hoặc Cornelia Metella).

hình tròn với đường kính hai mươi mét, tựa trên móng trụ vuông, trang trí bằng đá tổ ong. Hàng chữ ghi trên một phiến đá cẩm thạch: Caecilia Q. Cretici f(iliae) Metellae Crassi, con gái của Metellus Cretius, con dâu của Triumvirn Crassus. Giữa nội điện của lăng (Trkg.) là khu phần mộ."

Nàng ngừng sững lại và định thần.

„Trkg. – là cái gì vậy?"

„Trinkgeld[84]", tôi nói. „Nhưng *anh* vừa hỏi *em* một điều khác –"

„Xin lỗi."

Nàng gấp cuốn Baedeker lại.

„*Anh* hỏi gì vậy?"

Tôi cầm cuốn Baedeker lên và lật ra.

„Nằm phía bên kia", tôi hỏi, „là Tivoli đấy hở?"

Trên khu đất bằng nằm trước Tivoli hẳn phải có một sân bay, cho dù không tìm thấy nó đâu trong những tấm bản đồ cuốn Baedeker này; rền tiếng động cơ suốt buổi, chính thứ tiếng rung rầm rì như trên sân thượng của tôi tại Central Park West, thỉnh thoảng một chiếc DC-7 hoặc Super-Constellation bay ngang qua hàng thông, mở bung những giàn bánh xe, để chuẩn bị đáp xuống và để biến mất đâu đó giữa vùng Campagna này.

„Sân bay chắc phải nằm đằng kia", tôi nói.

Tôi quan tâm đến chuyện này thật sự.

„ *Anh* đã hỏi gì thế?"

„Tên mẹ *em* là gì?"

„Piper!" nàng nói. „Chứ còn sao nữa?"

Dĩ nhiên tôi muốn nhắc đến tên riêng kia.

„Hanna."

Nàng đã vươn người đứng dậy, phóng mắt nhìn qua khóm cây dại, hai tay nàng nằm trong túi quần, bím đuôi ngựa

84 (Tiếng Đức): tiền trà nước. Faber đùa vui.

màu hung đỏ của nàng lửng trên vai. Nàng không nhận thấy nơi tôi một điều gì.

„My goodness! “ nàng thốt lên. „Dưới kia họ ngốn những thứ gì thế không biết, biết bao giờ mới xong – giờ họ lại còn bắt đầu ăn trái cây!“

Nàng giẫm chân dẫy nẩy như một đứa trẻ.

„Chúa ơi“, nàng nói, „*em* phải trốn khỏi nơi đây.“

Rồi đến những câu tôi hỏi:

Mẹ đã từng học tại Zürich không?

Ngành gì?

Lúc nào?

Tôi cứ hỏi mãi, mặc dù cô gái nhỏ, như đã kể, muốn trốn đi. Nàng trả lời không mấy thích thú, nhưng vừa đủ dữ liệu.

„Walter, chuyện đó *em* đâu biết!“

Với tôi chỉ cần, dĩ nhiên, dữ liệu chính xác.

„Thời đó đâu đã có *em*!“ nàng bảo.

Nàng thích thú về những gì tôi muốn biết. Phần nàng chả nắm được tầm quan trọng của những câu trả lời của nàng. Nàng thích thú, nhưng điều đó không làm thay đổi í định của Sabeth thật sự muốn trốn đi. Tôi ngồi, tôi nắm chắc lấy cánh tay nàng, để nàng không trốn thoát.

„Buông *em* ra“, nàng nói, „buông *em* ra “.

Câu hỏi cuối cùng của tôi:

„Và tên họ thời con gái: – Landsberg?„

Tôi buông cánh tay nàng ra. Như kiệt sức. Tôi phải dụng hết sức mình, mới ngồi thẫn người được như thế. Hình như có bật nụ cười nhạt. Tôi thật mong ước rằng nàng nên trốn đi.

Thay vậy nàng lại ngồi xuống, để bắt đầu đặt những câu hỏi.

„*Anh* có quen với mẹ?“

Tôi gật đầu –

„Thật vậy sao“, nàng nói, „thật không?“

Tôi đơn giản không mở miệng được nữa.

„Hai người quen nhau“, nàng hỏi, „từ thời mẹ còn là sinh viên?“

Nàng thấy tuyệt; tuyệt vời.

„Này *anh*“, vừa bước đi nàng vừa bảo, „*em* sẽ viết cho mẹ. Hẳn mẹ sẽ thích –”

Ngày nay, khi đã biết hết tất cả, tôi thật không thể tin được tại sao hồi ấy, sau cuộc nói chuyện tại Via Appia, tôi đã không nắm biết hết. Tôi đã nghĩ gì trong mười phút đồng hồ ấy, cho đến khi cô bé quay trở lại, tôi không hề biết. Như là một hình thức đối chiếu số liệu, có thể vậy. Tôi chỉ biết: Tôi muốn bỏ đi ngay đến sân bay. Có thể tôi đã chẳng nghĩ gì ráo. Đó không là một chuyện bất ngờ, chỉ là một nhận chân sự thật. Tôi rất trân trọng khi nhận chân được sự thật. Và một khi chuyện ấy xảy đến, nó làm tôi gần như thích thú. Sabeth: con gái của Hanna! Điều tôi chợt nghĩ thêm: hôn nhân là chuyện không thể nào tính đến được. Trong khi đó tôi không một khoảnh khắc nào nghĩ đến rằng Sabeth lại có thể là đứa con ruột của tôi. Điều nằm trong phạm vi khả dĩ, theo lí thuyết, nhưng tôi không nghĩ đến. Nói đúng hơn, tôi không tin vào điều này. Dĩ nhiên tôi có nghĩ đến: đứa con của chúng tôi thuở ấy, quyết định của chúng tôi, Hanna phải đến bác sĩ, đến Joachim – Dĩ nhiên tôi có nghĩ đến, nhưng tôi đơn giản không thể tin vào chuyện này, bởi vì không thể tưởng tượng được rằng cô gái này, ngay sau đó trèo ngược trở lại lên đồi lăng mộ chúng tôi đang ngồi, là đứa con ruột của tôi.

„Walter“, nàng hỏi, „chuyện gì vậy?“

Sabeth hoàn toàn không biết gì cả.

„*Anh* biết không“, nàng nói, „*Anh* hút thuốc cũng quá nhiều!“

Rồi câu chuyện của chúng tôi về hệ dẫn thủy –

Chỉ để có chuyện mà nói!

Tôi giải thích về hệ thống ống thông nhau.

„Vâng, vâng“, nàng nói, „cái đó đã học qua rồi.“

Nàng thích thú, khi tôi chứng minh rằng dân La mã ngày xưa nếu chiếm được bản phát thảo trên bao thuốc lá này của tôi, có thể tiết kiệm được ít nhất 90 % công sức thợ nề của họ.

Chúng tôi lại nằm trên cỏ.

Những chiếc máy bay trên đầu chúng tôi –

„*Anh* biết không“, nàng nói, „thật ra *anh* không nên bay về.“

Đó là ngày kế chót của chúng tôi.

„Hoặc thế này hoặc thế kia, cô bé dễ thương, đến một lúc nào đó ta phải chia tay nhau –”

Tôi quan sát nàng.

„Dĩ nhiên“, nàng nói – nàng đã ngồi hẳn dậy, cầm lấy một cọng cỏ, rồi nhìn thẳng phía trước; í nghĩ rằng chúng tôi sẽ chia tay nhau, chả làm nàng bận tâm, tôi thấy thế, hoàn toàn không. Nàng không cắn cọng cỏ giữa hai hàm răng, mà quấn nó vào ngón tay và nói: „Dĩ nhiên –”

Phần nàng không suy nghĩ chuyện cưới hỏi!

“Liệu mẹ có còn nhớ về *anh* không?“

Chuyện ấy khiến nàng thích thú.

„Mẹ mà là cô sinh viên“, nàng nói, „*em* không thể hình dung ra được, *anh* biết không, mẹ, cô sinh viên trong một phòng trọ, hở *anh*, trong một phòng trọ trên gác thượng – Mẹ chưa bao giờ kể về chuyện này.“

Chuyện ấy khiến nàng thích thú.

„Hồi đó mẹ như thế nào?“

Tôi giữ khuôn mặt nàng trong tay, để nàng không cử động được, với cả hai tay, như ta thường hay giữ đầu một con chó. Tôi cảm nhận được sức của nàng, chả giúp gì được nàng lúc này, sức gượng lại từ gáy nàng; hai tay tôi như một cặp êtô. Nàng nhắm mắt lại. Tôi không hôn nàng. Tôi chỉ giữ chặt đầu nàng. Như giữ một bình hoa, nhẹ tênh và dễ vỡ, rồi từ từ trĩu nặng thêm.

„*Anh*“, nàng nói, „*anh* làm *em* đau –”

Hai tay tôi giữ đầu nàng, đến khi nàng từ từ mở mắt ra, để nhìn thấy được tôi thật muốn điều gì: chính tôi không biết tôi muốn điều gì.

„Thật đấy“, nàng nói, „*anh* làm *em* đau!“

Đến lượt tôi phải nói một điều gì; nàng lại nhắm nghiền đôi mắt, như một chú chó, khi bị ta giữ chặt đầu.

Rồi thì những câu tôi hỏi –

„Để *em* yên!“ nàng bảo.

Tôi chờ câu trả lời.

„Không“, nàng kể, „*anh* không phải là người đàn ông đầu tiên trong đời *em*, điều ấy *anh* hẳn đã biết –”

Tôi chẳng biết gì ráo.

„Không“, nàng nói, „*anh* đừng bận tâm –”

Nhìn nàng gỡ đám tóc dính vào thái dương, ta có thể ngỡ rằng, nàng chỉ muốn chăm chút mái tóc. Nàng lôi chiếc lược từ quần cao bồi đen của nàng, để vừa chải tóc, vừa kể lại, thật ra không kể lại, mà chỉ công bố: He’s teaching in Yale. Nàng ngậm một chiếc kẹp tóc giữa hai hàm răng.

„Và chàng kia“, nàng vừa nói khi đang ngậm chiếc kẹp tóc giữa hai hàm răng, vừa chải thẳng bím đuôi ngựa, „anh chàng mà *anh* đã gặp rồi.“

Hẳn nàng ám chỉ chàng trẻ tuổi chơi bóng bàn.

„Anh chàng muốn cưới *em*“, nàng kể, „nhưng đó là một lầm tưởng lớn của *em*, *anh* biết không, *em* hoàn toàn không thích anh ta.“

Rồi nàng cần chiếc kẹp tóc, lấy kẹp tóc từ miệng, miệng nàng mở, nhưng nín lặng, cho đến lúc nàng chải xong. Nàng chọt thổi vào chiếc lược, mắt nhìn về Tivoli, và chấm dứt.

„Mình đi chứ?“

Thật ra tôi chẳng muốn ngồi lại, mà đứng ngay dậy, lấy giầy, mang giầy vào, trước tiên dĩ nhiên mang vớ, rồi sau đó mang giầy, để chúng tôi có thể bước đi –

„*Anh* thấy *em* tệ lắm hở?“

Tôi chẳng thấy gì cả.

„Walter!“ nàng nói –

Tôi thu hết sức mình.

„It’s okay“, tôi nói, „it’s okay.“

Rồi đi bộ ngược lại con đường Via Appia.

Chúng tôi đã ngồi trong xe, khi Sabeth bắt đầu câu chuyện một lần nữa (*anh* thấy *em* tệ lắm hở?“) và muốn biết, tôi nghĩ gì suốt buổi – tôi cắm chìa khoá vào, cho xe nổ máy.

„Thôi“, tôi nói, „mình đừng nói nữa.“

Tôi muốn lái xe đi ngay.

Sabeth kể, trong lúc chúng tôi ngồi trong xe, chưa chạy, về bố của nàng, về li dị, về chiến tranh, về mẹ nàng, về cuộc di cư, về Hitler, về nước Nga –

„Mẹ và *em* hiện cũng không hề biết“, nàng nói, „bố còn sống không.“

Tôi tắt máy xe.

„*Anh* đang giữ cuốn Baedeker?“ nàng hỏi.

Nàng tra cứu tấm bản đồ.

„Đây là cổng thành Porta San Sebastiano “, nàng nói, „bây giờ rẽ phải, mình sẽ đến thánh đường San Giovanni tại Laterano[85]!“

Tôi cho xe nổ máy trở lại.

„*Anh* có quen ông ta“, tôi nói –

„Bố hở?“

„Joachim“, tôi nói, „vâng –”

Sau đó tôi lái, tuân theo mệnh lệnh: đến Porta San Sebastiano, rồi rẽ phải, cho đến khi lại một thánh đường nữa sừng sững trước mặt chúng tôi.

Chúng tôi tham quan tiếp tục.

Có lẽ tôi là một thằng hèn. Tôi không dám nói thêm điều gì nữa cả, những chuyện liên quan đến Joachim, hoặc dám

85 Những di tích thắng cảnh tại Rome.

hỏi một điều gì. Tôi tính nhẩm trong đầu (trong khi tôi vẫn mãi nói, nói nhiều hơn bình thường, tôi nghĩ thế) liên tục, cho đến khi con tính đạt được kết quả như tôi mong muốn: Nàng chỉ có thể là con của Joachim mà thôi! Tôi đã tính toán như thế nào, tôi không biết; tôi sắp đặt những dữ liệu theo ý tôi, cho đến khi con tính đúng mới thôi, con tính chỉ để đạt mục đích đó. Tại quán Pizzeria, khi Sabeth phải đi đâu một chốc lát, tôi khoái trá, kiểm chứng lại con tính một lần nữa trên giấy. Nó đúng thật; tôi lựa chọn những dữ liệu (tin báo của Hanna rằng nàng đang mang thai, và chuyến đi Baghdad của tôi) sao cho thích hợp, để bài toán đúng kết quả; chỉ có ngày sinh của Sabeth là không xê dịch được, phần còn lại trúng phong phóc, cho đến lúc tâm tư tôi trút được mọi gánh nặng.

Tôi biết rằng tối hôm đó cô nàng nhận thấy tôi vui tính hơn bao giờ hết, thậm chí đến độ khôi hài. Chúng tôi ngồi cho đến nửa đêm trong cái quán Pizzeria dân giã này, nằm giữa đền thờ Pantheon và quảng trường Piazza Colonna, nơi mà những tay đàn guitare hát dạo, sau khi xin được mớ tiền trước những tiệm ăn đầy du khách, kéo đến đây ngồi ăn Pizza và uống rượu Chianti với ly cốc hẳn hoi; tôi trả tiền mời họ uống hết chầu này đến chầu khác, và không khí thật hết sẩy.

„Walter“, nàng nói, „chúng mình có những ngày thật tuyệt vời!“

Trên đường về khách sạn (Via Veneto) chúng tôi vui đùa, không đến nỗi say, nhưng gần như hưng phấn – đến khách sạn, người ta mở cánh cửa kính cho chúng tôi bước vào và trao chúng tôi chìa khóa phòng ngay tại chính sảnh xây bằng đá alabaster[86], theo đúng tên tuổi chúng tôi đã đăng kí:

„Ông Faber, Cô Faber – Goodnight!“

Tôi không nhớ, tôi đã đứng bao lâu trong phòng, màn cửa vẫn để nguyên không kéo lại, một căn phòng như vầy trong khách sạn lớn: quá lớn và quá cao. Tôi đứng, không màng cởi áo quần. Như một cỗ máy, đang được truyền dữ liệu đến: Tắm rửa đi! – nhưng không thực hiện được.

86 Một loại đá, gần giống đá cẩm thạch nhưng mềm hơn.

„Sabeth“, tôi hỏi, „chuyện gì thế?“

Nàng đứng trước phòng tôi; không gõ cửa.

„Nói đi!“ tôi nói.

Nàng đứng, đôi chân trần và vận bộ pyjama vàng, bên ngoài là cái áo bành tô màu đen có mũ gắn liền; nàng không muốn bước vào phòng, mà chỉ một lần nữa chúc ngủ ngon. Tôi nhìn đôi mắt sưng vì khóc của nàng –

„Nguyên cớ nào buộc *anh* không thương yêu *em* nữa?“ tôi hỏi. „Chỉ bởi vì anh chàng mang tên Hardy hoặc giả mang tên gì gì đó chăng?“

Bỗng nhiên nàng thổn thức –

Sau đó nàng ngủ thiếp đi, tôi đắp chăn cho nàng, vì trời đêm xuyên qua cánh cửa sổ mở lớn khá lạnh; hơi ấm, dường như thế, làm nàng yên lòng, nàng chìm vào giấc ngủ dẫu dưới đường ồn ào tiếng động, dẫu nàng đang lo sợ rằng tôi sẽ bỏ đi mất. Hẳn đây là một con đường mất ưu tiên, cho nên quá ồn ào: tiếng xe môtô, không gài số rồ rú, rồi sang số, ồn ào nhất là một chiếc Alfa Romeo[87] cứ mãi vòng trở lại và mỗi lần như thế gầm rú như bắt đầu một cuộc đua, âm thanh vang vọng giữa những dãy phố, không gian yên tĩnh chưa đầy ba phút, chợt vang lên đâu đó hồi chuông của một nhà thờ, rồi lại tiếng còi, tiếng bánh xe nghiến vào mặt đường, tiếng xe không gài số rú hết ga, điên rồ vô nghĩa, đám thanh niên quậy phá, rồi lại âm thanh kim khí nổ dồn, hình như rõ ràng vẫn chiếc Alfa Romeo đó, chạy vòng quanh chúng tôi suốt đêm. Tôi càng lúc càng tỉnh ngủ. Tôi nằm kề bên nàng, ngay đến chiếc cà vạt và đôi giầy bám bụi tôi cũng chẳng buồn cởi ra, tôi không nhúc nhích được, vì đầu nàng tựa trên vai tôi. Trên màng cửa một ngọn đèn đường rọi bóng, thỉnh thoảng đung đưa, và tôi nằm như bị tra trấn, vì tôi không nhúc nhích được; cô con gái đang ngủ ngon choàng cánh tay nàng lên ngực tôi, vừa choàng lên cà vạt tôi, làm nó bị ghì xuống, chiếc cà vạt. Tôi nghe chuông đồng hồ đổ giờ này qua giờ nọ, trong khi Sabeth ngủ, như một túi vải đen

87 (Tiếng Í): một hiệu xe thể thao của Í.

đen với mái tóc nóng hôi hổi cùng hơi thở, phần tôi không còn khả năng nghĩ ngợi điều gì xa hơn. Rồi lại chiếc Alfa Romeo, tiếng còi vang giữa những con hẻm nhỏ, tiếng thắng, tiếng xe không gài số rú hết ga, tiếng sang số, âm thanh kim khí nổ dồn của xe giữa đêm khuya –

Lỗi tôi thế nào được? Tôi gặp nàng trên tàu, khi ta đứng đợi phân bố bàn ăn, một cô gái với bím đuôi ngựa đong đưa trước mặt tôi. Nàng làm tôi chú í. Tôi bắt chuyện với nàng, như người ta vẫn bắt chuyện với nhau trên những chuyến tàu như thế; tôi không theo đuổi nàng. Tôi không lừa gạt nàng, ngược lại chỉ nói chuyện cởi mở, như cá tính của tôi xưa nay, tỉ dụ như nói về cuộc sống độc thân của tôi. Tôi đã xin cưới nàng, dẫu không hề say mê, rồi chúng tôi biết ngay rằng chuyện ấy vô nghĩa, và chúng tôi đã chia tay nhau. Tại sao tôi tìm nàng tại Paris! Chúng tôi cùng nhau đi Nhà hát lớn rồi sau đó chúng tôi còn đi ăn kem, và không giữ chân nàng lâu tôi đưa nàng về khách sạn rẻ tiền của nàng tại Saint Germain[88], tôi đã đề nghị nàng thực hiện chuyến ‚đi quá giang' với tôi vì tôi có chiếc Citroën của Williams, và tại Avignon, nơi chúng tôi lần đầu tiên phải qua đêm, chúng tôi đương nhiên (mọi việc xảy ra khác như thế sẽ chứng minh rõ một í đồ, một í đồ tôi hoàn toàn không mang trong đầu) ngủ cùng một khách sạn, nhưng không hề cùng tầng lầu; tôi không một phút giây nào nghĩ đến chuyện ấy có thể xảy ra. Tôi còn nhớ như in. Đêm đó (13. tháng Năm) là đêm nguyệt thực khiến chúng tôi bất ngờ; tôi không đọc báo và chúng tôi không chờ đợi sự kiện này. Tôi thốt lên: Chuyện gì xảy ra với mặt trăng thế kia? Chúng tôi đương ngồi ăn ngoài trời, và lúc đó khoảng chừng mười giờ, đến giờ đi về, bởi chúng tôi muốn tiếp tục lên đường vào rạng sớm ngày mai. Sự kiện đơn giản rằng ba thiên thể, mặt trời và trái đất và mặt trăng đôi khi vô tình nằm trên cùng một đường thẳng, tất yếu làm mặt trăng tối đi, khiến tôi bối rối như thể tôi chưa từng hiểu rõ hiện

88 Một khu phố tại Paris. Một khu sinh hoạt của sinh viên và cũng là một khu phố du lịch – ND.

tượng nguyệt thực xảy ra thế nào – tôi, khi nhận thấy được bóng đen tròn của trái đất trên mặt trăng, trả ngay tiền cà phê, và chúng tôi tay trong tay bước lên sân thượng bên bờ sông Rhône, để suốt một tiếng đồng hồ dài, vẫn trước sau tay trong tay nhau, đứng giữa màn đêm và theo dõi hiện tượng dễ hiểu này. Tôi còn giải thích để cô gái nghe, tại sao mặt trăng, cho dù hoàn toàn bị che bởi bóng đen của trái đất, vẫn còn nhiều sức sáng để chúng ta thấy nó rõ ràng như thế, ngược hẳn với vành trăng khuyết, thậm chí còn rõ hơn bình thường: không là một mảng sáng như bình thường, mà rõ rệt là một khối tròn, một quả bóng, là thể chất, là thiên thạch, là một khối lượng khủng khiếp trong vũ trụ trống không, màu da cam. Tôi không còn nhớ đã nói những gì trong giờ phút ấy. Lúc đó cô bé lần đầu tiên nhận thấy (điều này thì tôi nhớ) rằng tôi thật sự nghiêm túc về chuyện hai đứa chúng tôi, và trao tôi những nụ hôn mà trước nay nàng chưa bao giờ hôn tôi như thế. Trong khi đó trông cảnh tượng rất ngột ngạt, một khối lượng khủng khiếp lơ lững trong không gian, hoặc giả đang bay vùn vụt, xác minh cho suy diễn thực tế sau: chúng ta, trái đất, cũng lơ lững hoặc giả đang bay vùn vụt giữa bầu trời tối đen như thế. Tôi bàn về cái chết và sự sống, tôi nhớ thế, rất chung chung, và cả hai cùng bị giao động, vì chúng tôi chưa bao giờ nhìn được một nguyệt thực rõ ràng đến thế, tôi cũng vậy, và lần đầu tiên tôi có một cảm nhận hoang mang rằng cô gái, cho đến thời điểm này tôi vẫn ngỡ là một đứa trẻ nít, say mê tôi. Dù sao chính tự cô gái, trong đêm hôm đó, sau khi chúng tôi đứng ở ngoài trời đến cóng run lập cập, đã tìm đến phòng tôi –

Thế rồi đến cuộc tái ngộ với Hanna.

(27. tháng Năm tại Athen)

Tôi nhận ra nàng ngay, trước khi tôi tỉnh hẳn. Nàng nói chuyện với bà nữ tu điều dưỡng. Tôi biết mình đang ở đâu, và muốn hỏi cuộc giải phẫu đã hoàn tất chưa – nhưng tôi thiếp đi, hoàn toàn kiệt sức, tôi khát khô, nhưng tôi không lên tiếng được. Cạnh đó tôi nghe giọng nàng, tiếng Hy lạp. Người ta

bưng trà cho tôi, nhưng tôi không thể đón lấy được; tôi ngủ, tôi nghe được hết và biết rằng tôi đang ngủ, và tôi biết: Khi tỉnh dậy, tôi sẽ đối diện với Hanna.

Chợt yên lặng –

Nỗi hoảng sợ của tôi rằng cô gái nhỏ đã chết.

Tôi chợt nằm đó với hai mắt mở trừng: – căn phòng trắng, một phòng thí nghiệm, người đàn bà đang đứng trước cửa sổ, nghĩ rằng tôi đang ngủ và không trông thấy bà ta. Mái tóc muối tiêu, thân hình nhỏ nhắn. Bà đứng đợi, hai tay trong túi áo vét ngắn. Mắt nhìn ra cửa sổ. Ngoài ra không một ai trong phòng. Một người đàn bà xa lạ. Không nhìn thấy được khuôn mặt bà, chỉ thấy phần gáy, sau đầu bà ta, mái tóc ngắn của bà. Thỉnh thoảng bà ta lấy khăn tay sụt sịt hỉ mũi, và nhét nó vào ngay trở lại, hoặc giả vò túm nó lại trong bàn tay run rẩy bồn chồn. Ngoài ra bất động. Bà đeo kính, màu đen, gọng sừng. Có thể là một bà bác sĩ, một bà luật sư hoặc là gì đó tương tự. Bà khóc. Chợt một lần bà luồn tay vào dưới chiếc kính gọng sừng như thể bà muốn đỡ lấy khuôn mặt, một lát khá lâu. Rồi bà lại sử dụng đôi bàn tay để gỡ chiếc khăn tay ướt ra lần nữa, sau đó bà lại nhét nó vào và đứng đợi, mắt nhìn ra cửa sổ, nơi chả có gì để nhìn ngoài tấm màn thưa che nắng. Thân hình bà ta: khỏe gọn, thậm chí như thiếu nữ, nếu không có mái tóc muối tiêu lẫn bạc trắng của bà. Rồi bà cầm lấy nó một lần nữa, chiếc khăn tay của bà, để lau kính, cuối cùng qua đó tôi nhìn thấy được khuôn mặt thật của bà, khuôn mặt sạm nâu – có thể bảo rằng, nếu không có đôi mắt xanh, là khuôn mặt của một lão già Indio.

Tôi làm như tôi vẫn ngủ.

Hanna với mái tóc bạc!

Hình như tôi thật sự có ngủ lại một lần nữa – nửa phút hay nửa tiếng, đến khi đầu tôi tuột khỏi bờ tường, làm tôi giật mình – nàng nhìn thấy tôi đã tỉnh dậy. Nàng không nói một tiếng nào mà chỉ nhìn tôi. Nàng ngồi, chân vắt tréo, và đầu tựa vào tay, nàng hút thuốc.

„Con bé thế nào?“ tôi hỏi.

Hanna hút thuốc tiếp.

„Hi vọng mọi sự tốt lành“, nàng nói, „đã mổ xong – hi vọng mọi sự tốt lành.“

„Con bé sống?“

„Vâng“, nàng nói –

Không một lời chào hỏi.

„Bác sĩ Eleutheropulos vừa mới ở đây“, nàng kể, „không phải giống rắn hổ vằn[89], theo ông lời ấy nói –“

Nàng rót cho tôi một tách nước.

„Đây này“, nàng nói, „anh uống trà đi.“

Tôi không hề nghĩ (thật lòng như thế) rằng đã hai mươi năm qua không trò chuyện với nhau; chúng tôi hoặc chả nói gì với nhau hoặc có chăng chỉ bàn về cuộc giải phẫu, đã kết thúc cách đây một tiếng rồi. Chúng tôi cùng nhau chờ đợi tin thông báo tiếp của bác sĩ.

Tôi uống hết tách này đến tách khác.

„Anh có biết“, nàng nói, „họ cũng có truyền huyết thanh cho anh không?“

Tôi không biết mảy may nào về chuyện này.

„Chỉ mười phân khối, phòng ngừa thôi“, nàng nói, „vì những da non trong miệng.“

Hanna rất cụ thể.

„Sao mà xảy đến cớ sự này?“, nàng hỏi. „Cả hai ở ngoài Korinth[90] hôm nay à?“

Tôi lạnh run.

„Áo vét anh đâu?“

Áo vét tôi nằm ngoài bãi biển.

„Cả hai đến Hy lạp từ hồi nào?“

Tôi kinh ngạc về Hanna; một gã đàn ông, một thằng bạn, cũng không thể hỏi cụ thể hơn thế được. Tôi cũng cố gắng

89 Nguyên văn – (Tiếng Đức): Kreuzotter, tôi dùng từ rắn hổ vằn, một loài rắn độc thuộc họ viperidea (họ rắn hổ – tiếng Anh: adder, viper).

90 Tên một dãi đất tại Hy lạp, nối bán đảo Peleponnes và đất liền, cũng là tên một thành phố nằm trên bán đảo này.

trả lời cụ thể. Tại sao phải thề thốt đến trăm lần rằng không do lỗi tại tôi, để làm gì! Hanna không một mảy may trách móc, ngược lại chỉ hỏi, mắt nhìn ra cửa sổ. Nàng hỏi, không cần nhìn tôi:

„Anh đã làm gì với con tôi?“

Lúc hỏi nàng rất bồn chồn, tôi nhận thấy rõ.

„Tại sao không phải rắn hổ vằn?“ tôi hỏi.

„Thôi“, nàng nói, „anh uống trà đi!“

„Em đeo kính từ hồi nào?“ tôi hỏi –

Tôi không trông thấy con rắn, chỉ nghe Sabeth hét lớn. Khi tôi chạy đến, nàng đã nằm bất tỉnh. Tôi có thấy Sabeth ngã xuống, và chạy ngay đến. Nàng nằm trên cát, bất tỉnh vì cái ngã, tôi đoán thế. Sau đó tôi mới thấy được vết cắn phía trên ngực, nhỏ xíu, ba vệt gần sát nhau, tôi hiểu ngay tức thì. Nàng bị chảy máu rất ít. Dĩ nhiên tôi hút vết thương ngay, theo như khuyến dẫn, biết rằng phải cột chặt lại không cho lan đến tim. Nhưng làm thế nào được? Vết cắn ngay trên ngực trái. Tôi biết: phải cắt xẻo vết thương hoặc phải đốt cháy đi. Tôi la lên cầu cứu, nhưng tôi đã hụt hơi trước khi ra đến được đường nhựa, cô gái bị nạn trên cánh tay, tôi nặng nhọc bước trong cát mềm, cùng với nỗi tuyệt vọng, khi trông thấy chiếc Ford chạy ngang, tôi hét lên, hét lớn như có thể. Nhưng chiếc Ford chạy ngang qua. Tôi đứng thở hổn hển, cô gái bị bất tỉnh trên cánh tay, càng lúc càng nặng hơn, tôi không thể bế được nữa, bởi thân thể cô gái không hề trợ giúp tôi mảy may. Con đường đúng hướng, nhưng hai bên và trước sau không một bóng xe. Tôi ngừng lại thở lấy sức, rồi tiếp tục trên con đường đắp bởi hắc ín và sỏi sạn này, thoạt tiên chạy sải bước, rồi chậm dần và càng lúc càng chậm dần, tôi đi chân đất. Trời giữa trưa. Tôi khóc và bước, cho đến khi chiếc xe hai bánh này xuất hiện. Từ phía biển đi lên. Một người nhân công, chỉ nói tiếng Hy lạp, nhưng khi nhìn thấy vết thương thì hiểu ngay. Tôi ngồi trên chiếc xe kéo lọc cọc, chứa đầy sỏi ướt, cô gái của tôi trên đôi tay, vẫn như ban nãy, có nghĩa rằng trong bộ áo tắm hai mảnh và mình đầy cát. Đống sạn

sỏi chao nghiêng ngả, khiến tôi vẫn phải ẵm cô gái bất tỉnh trên tay, và tôi cũng nghiêng ngả theo. Tôi yêu cầu người thợ chạy nhanh hơn. Con lừa chạy với vận tốc không hơn một người đi bộ là bao. Đó là một chiếc xe kéo, rên kĩu kịt với hai bánh xiêu vẹo rung rinh, một cây số biến thành vô tận; tôi ngồi trong tư thế nhìn về phía sau. Không thấy bóng dáng một chiếc xe hơi nào. Tôi không hiểu gã Hy lạp nói những gì, tại sao gã ngừng lại tại một giếng nước, gã cột con lừa lại; rồi ra dấu tôi phải đợi một lát. Tôi van nài gã tiếp tục đi và đừng để mất thì giờ; tôi không hiểu, gã toan tính gì khi gã bỏ tôi ngồi lại một mình trên chiếc xe cút kít, một mình với cô gái bị nạn, đang cần huyết thanh. Tôi hút vết thương nàng một lần nữa. Hình như gã chạy đến những căn chòi để kêu cứu. Tôi không biết được, gã nghĩ gì trong đầu, cứu chữa bằng những lá cỏ thuốc hoặc bằng những trò mê tín hoặc phương pháp nào khác, sao tôi biết được. Gã huýt sáo mồm, rồi đi tiếp, bởi từ những căn chòi không một tiếng đáp lại. Tôi đợi một vài phút, sau đó bước tiếp, không chút suy nghĩ, tiếp tục, cô gái bị nạn trên đôi tay, lại bắt đầu sải bước chạy, cho đến khi tôi một lần nữa thở không ra hơi. Không kham được nữa.Tôi đặt nàng xuống bờ dốc bên đường, bởi có chạy tiếp cũng chẳng ích gì; tôi thật không thể ẵm nàng về đến Athen. Hoặc sẽ có một chiếc xe hơi chạy qua đây hoặc sẽ chẳng có chiếc nào. Khi tôi hút vết thương nhỏ phía trên ngực nàng lần nữa, tôi thấy Sabeth từ từ hồi tỉnh: đôi mắt nàng mở lớn, nhưng lạc thần, nàng rên rỉ khát nước, giọng nàng hoàn toàn khản đặc, nhịp mạch đập rất chậm, rồi thì ói mửa, mồ hôi lại vã ra. Bây giờ quanh vết thương sưng tím bầm lên. Tôi chạy đi kiếm nước. Chung quanh chả có gì ngoài những bụi kim tước, những khóm kế, những cây olive trên một thửa ruộng khô cằn, không một bóng người, một vài con dê trong bóng râm, mặc sức cho tôi gọi và hét lớn thế nào đi chăng nữa – trời đứng bóng, im lặng như tờ, tôi quì bên cạnh Sabeth; nàng vẫn còn tỉnh, chỉ rất buồn ngủ, như tê liệt. May thay tôi còn kịp thời thấy được chiếc xe tải, để có thể chạy băng ra đường; xe ngừng lại, một chiếc xe tải với một bó ống sắt dài. Xe không chạy về Athen, mà về Megara, dù sao cùng hướng chúng tôi. Giờ thì tôi ngồi cạnh gã tài xế, cô gái bị nạn trên đôi tay. Tiếng lẻng kẻng từ mấy ống sắt dài khua vào nhau, xe chạy với vận tốc chết

người; chưa được ba mươi cây số một giờ trên con đường thẳng tắp! Tôi bỏ quên áo vét ngoài bãi biển, tiền tôi nằm trong áo – tại Megara, nơi gã tài xế ngừng lại, gã chỉ biết rặt một ngôn ngữ Hy lạp, tôi đưa gã cái đồng hồ Omega của tôi để gã đi tiếp luôn một mạch khỏi ngừng lại tháo gỡ mấy ống sắt. Tại Eleusis, nơi gã phải đổ xăng, lại mất thêm mười lăm phút nữa. Tôi sẽ không bao giờ quên chặng đường này. Phải chăng gã sợ rằng tôi sẽ đòi lại cái đồng hồ Omega, nếu tôi đi tiếp được với một chiếc xe chạy nhanh hơn, hoặc gã suy nghĩ gì tôi không biết; dù sao đã hai lần gã ngăn cản tôi đổi xe. Một lần là một chiếc xe buýt, một chiếc Pullman, một lần là một chiếc xe du lịch, mà tôi đã vẫy họ ngừng lại được; gã tài xế của tôi nói bằng tiếng Hy lạp và những người kia đều bỏ đi. Gã nhất quyết phải là vị cứu tinh chúng tôi cho bằng được, trong lúc đó lại là một tay lái tồi kinh khủng. Trên đoạn đường dốc đến Daphni xe hầu như chẳng tiến thêm được tấc nào. Sabeeth ngủ, và tôi không biết nàng có thể mở mắt trở lại một lần nào nữa không. Cuối cùng vào đến ngoại ô Athen, nhưng xe mỗi lúc một chậm hơn; những cụm đèn giao thông, những chuỗi xe tắc nghẽn như thông lệ, chiếc xe tải của chúng tôi với những ống dài đâm lòi ra phía sau càng khó xoay xở hơn tất cả những xe khác, những chiếc xe không cần huyết thanh, cái thành phố kinh khiếp, một hỗn độn đầy xe điện và những xe lừa cút kít, dĩ nhiên gã tài xế của chúng tôi không biết đến địa chỉ một nhà thương nào, gã phải hỏi quanh, tôi có cảm tưởng gã sẽ không bao giờ tìm ra được, tôi hoặc chỉ nhắm mắt lại hoặc đưa mắt nhìn Sabeth đang thở rất yếu ớt. (Mọi nhà thương đều nằm phía bên kia của thành phố Athen). Lái xe của chúng tôi, vì ở quê lên, còn không biết đến những tên đường mà người ta chỉ dẫn cho gã, tôi từ đầu đến cuối chỉ hiểu một từ: Leofores, Leofores, tôi muốn phụ giúp gã nhưng tôi không biết đọc lấy được một chữ. Chúng tôi sẽ không khi nào tìm ra nếu không có cậu bé nhảy lên đứng trên bậc xe, dẫn đường chúng tôi chạy. Rồi thì đến phòng đợi này –

Rặt những câu hỏi bằng tiếng Hy lạp –

Và cuối cùng bà nữ tu điều dưỡng hiểu tiếng Anh, một con người với sự trầm tĩnh của cõi chết: mối bận tâm chính của bà, nắm hỏi lí lịch của chúng tôi!

Ông Bác sĩ, người đã điều trị cô bé, trấn an chúng tôi. Ông ta nghe hiểu tiếng Anh và trả lời bằng tiếng Hy lạp; Hanna thông dịch tôi nghe những điều quan trọng, ông giải thích, không phải rắn hổ vằn mà là một con ‚viper' (aspisviper)[91], theo nhận định của ông ta thì tôi đã làm đúng điều duy nhất nên làm trong trường hợp này: chở ngay đến nhà thương. Là chuyên gia ông không đánh giá những biện pháp truyền thống dân gian khác (hút vết cắn, khoét bỏ hoặc đốt cháy, cột chặt các tứ chi bị liên hệ); bảo đảm nhất là trong vòng ba hoặc bốn tiếng đồng hồ truyền ngay được huyết thanh vào, cắt vết cắn chỉ là một biện pháp phụ.

Ông không biết tôi là ai.

Tôi cũng đang trong một tình trạng thiểu não; lấm mồ hôi và đầy bụi, như gã thợ trên chiếc xe cút kít chở sỏi, thêm vào đó hắc ín dính dưới bàn chân, lại thêm chiếc áo sơ mi nhàu nát, thật là một gã tứ cố vô thân, chân không giầy và không có áo vét, Ông bác sĩ khám chân tôi, rồi giao công việc đó cho bà nữ tu điều dưỡng, và chỉ đứng kháo chuyện với Hanna, cho đến khi Hanna giới thiệu tôi.

„Mister Faber is a friend of mine."

Điều khiến tôi yên tâm: Số tử vong do rắn cắn (kreuzotter, và tất cả các loại viper) chỉ độ ba đến mười phần trăm, thậm chí bị rắn hổ mang cắn cũng không vượt quá hai mươi lăm phần trăm, tương phản với nỗi sợ rắn in sâu vào đầu như mê tín vẫn còn trong dân gian. Hanna cũng khá yên tâm –

Tôi có thể ngụ tại nhà Hanna.

Nhưng tôi không muốn rời nhà thương mà chưa nhìn được cô con gái, tôi đòi đi thăm cô bé cho bằng được, dù chỉ một phút thôi, và thấy Hanna (ông Bác sĩ đồng ý tức thì!) rất lạ

91 aspisviper cũng cùng họ rắn hổ.

lùng – nàng không cho tôi, như thể nàng sợ tôi cướp mất đi cô con gái của nàng, nán lại trong phòng bịnh một giây phút nào.

„Đi thôi“, nàng nói, – „nó đang ngủ.“

Có thể đấy là một điều may rằng cô bé hiện không nhận ra chúng tôi nữa; cô gái ngủ há miệng (bình thường không vậy) và rất xanh xao, hai vành tai như đá cẩm thạch, hơi thở nặng nhọc, nhưng vẫn đều đặn, có thể nói là ổn định, và bỗng nhiên, khi tôi đứng trước giường, cô nàng quay đầu nghiêng về hướng tôi. Nhưng vẫn ngủ.

„Đi thôi“, Hanna nói, „để con bé yên!“

Thật tâm tôi muốn đến đại một khách sạn nào đó hơn. Tại sao tôi không nói điều ấy ra? Có lẽ như vậy sẽ làm Hanna dễ xử hơn. Chúng tôi còn chưa kịp bắt tay chào nhau. Trong taxi, khi chợt nhớ điều này, tôi nói:

„Chào em!“

Nàng cười mỉm, thái độ muôn thuở của nàng mỗi lần nghe tôi kể chuyện khôi hài không cười nổi: với một cái nhíu trán giữa đôi chân mày.

Nàng rất giống con gái nàng.

Dĩ nhiên tôi chẳng nói gì cả.

„Anh quen Elsbeth ở đâu?“ nàng hỏi, „trên tàu thủy?“

Sabeth có viết thư: về một ông đứng tuổi, ở trên tàu, ngay trước khi cập bến Le Havre, đã xin cưới nàng.

„Có thật vậy không?“ Hanna hỏi.

Chuyện trao đổi trong taxi: toàn là câu hỏi, không một câu trả lời.

Tại sao tôi gọi con bé là Sabeth? Đó là câu trả lời cho câu hỏi của tôi: Tại sao Elsbeth? Chen giữa những câu hỏi là những dẫn giải của Hanna: Nhà hát Dionysos. Tại sao tôi gọi là Sabeth: Bởi vì Elisabeth, theo tôi, là một cái tên vô duyên. Chen giữa đó lại một chú giải về những trụ cổ đổ nát. Tại sao lại là Elisabeth? Tôi không bao giờ đặt tên con như thế. Xen lẫn giữa câu chuyện là những cụm đèn giao thông, xe cộ nghẽn tắt như mọi bận. Giờ đây đứa con gái mang tên Elisabeth, không thể khác hơn, theo như ước muốn của bố nàng. Giữa đó Hanna

chuyện vãn với tay lái xe, đang mắng mỏ một khách qua đường, bằng tiếng Hy lạp, tôi có cảm tưởng chúng tôi đang chạy quanh lòng vòng và thấy khó chịu, mặc dù chúng tôi hiện giờ, đột nhiên, rất nhàn rỗi; và nàng hỏi:

„Anh có bao giờ gặp lại Joachim không?“

Tôi thấy Athen là một thành phố kinh khiếp, lạc hậu, tôi không hình dung được người ta sinh sống ở đâu được tại nơi này, thành phố nhỏ, có nơi như làng quê, thô thiển tồi tàn, đầy người chen chúc ngay giữa đường phố, tiếp đến lại là đồng không mông quạnh, những đổ nát, giữa đó những kiến trúc rập khuôn theo kiến trúc đô thị lớn, kinh khiếp, xe chúng tôi ngừng lại ngay sau câu hỏi của nàng.

„Đây rồi hở?“ tôi hỏi –

„Chưa“, nàng nói, „tôi trở lại ngay.“

Đó là Viện nghiên cứu, nơi nàng hiện làm việc, và tôi phải ngồi đợi trong taxi, không có lấy một điếu thuốc; tôi ráng đọc hàng địa chỉ và thấy mình như một thằng mù chữ, hoàn toàn lạc lõng.

Sau đó chạy ngược về phố –

Lúc nàng từ Viện bước ra, tôi đã, thật tình mà nói, không nhận ra được Hanna nữa; nếu nhận ra tôi chắc chắn đã mở cửa taxi để đón nàng.

Rồi đến căn hộ của nàng.

„Tôi đi trước dẫn đường“, nàng nói.

Hanna đi trước dẫn đường, người đàn bà với mái tóc muối tiêu cắt ngắn, với mắt kính gọng sừng, người đàn bà xa lạ, nhưng là mẹ của Sabeth, hoặc Elsbeth (có thể gọi là mẹ vợ của tôi!), thỉnh thoảng tôi kinh ngạc, chúng tôi xưng hô thân mật với nhau rất tự nhiên.

„Đấy“, nàng nói, „anh cứ thoải mái.“

Gặp lại nhau sau hai mươi năm, điều này tôi không nghĩ tới, Hanna cũng vậy, thật ra nàng có lí: hai mươi mốt năm tổng cộng, nếu tính chính xác.

„Nào“, nàng nói, „anh ngồi đi.“

Chân tôi đau nhức.

Tôi dĩ nhiên dư biết trước hoặc sau gì nàng sẽ nhắc lại câu hỏi („Anh đã làm gì với con bé?“), và tôi sẽ phải thề thốt rằng: chẳng làm gì tất! – mà không mang tội nói dối, bởi chính tôi cũng không tin vào sự việc ấy, cũng như sự kiện đang đứng đối diện với Hanna như thế này.

„Walter“, nàng bảo, „sao anh không ngồi xuống đi?“

Tôi cưỡng lại, tôi đứng –

Hanna kéo tấm màn che nắng lên.

Quan trọng nhất là con bé đã được cứu sống! – lúc đứng im lặng lấy thuốc của Hanna hút cũng như lúc đang kể một chuyện gì, tôi vẫn liên tục nhủ thầm với mình như thế; nàng dọn dẹp sách trên chiếc ghế bành dành chỗ cho tôi ngồi xuống.

„Walter“, nàng hỏi, „anh có đói không?“

Hanna trong vai mẹ hiền –

Tôi không biết tôi đang suy nghĩ điều gì.

„Cảnh nhìn từ đây đẹp thật“, tôi nói, „từ chỗ em ở! Đó có phải là đền Akropolis danh tiếng không?“

“Không“, nàng nói, „ đó là Lykabettos[92].“

Nàng từ xưa đã luôn luôn có phong cách như vậy, gần như là cá tính, rất chính xác ngay trong cả những chuyện lặt vặt: Không, đó là Lycabettos!

Tôi nói với nàng:

„Em không thay đổi chút nào!“

„Anh thấy thế à?“ nàng hỏi. „Phần anh có thay đổi gì không?“

Căn hộ của nàng: như của một nhà thông thái, (hình như điều này tôi cũng có nói ra; sau này Hanna có lần, trong một cuộc thảo luận nào đó về đàn ông, đã trích dẫn câu nói của tôi ngày nào về căn hộ của nhà thông thái để chứng minh rằng

92 Cổ ngữ Hy lạp: ngọn núi nằm ngay giữa thành phố Athen (tiếng Hy lạp hiện nay: Lycavittos).

đến cả lãnh vực khoa học tôi cũng vẫn xem là thuộc độc quyền của cánh đàn ông, nói chung những gì về tri thức), – tất cả những bức tường đầy những sách, một bàn làm việc đầy những mảnh vỡ có gắn nhãn giấy nhỏ, thoạt nhìn tôi chẳng thấy có vật gì cổ cả, ngược lại, tủ bàn hoàn toàn rất tân thời, điều tôi ngạc nhiên ở Hanna.

„Hanna“, tôi nói, „Dạo này em tiến bộ ra!“

Nàng chỉ cười nhẹ.

„Anh nói thành thật đấy!“ tôi tuyên bố –

„Mãi vậy sao?“ nàng hỏi.

Đôi lúc tôi không hiểu được nàng.

„Anh có luôn đuổi kịp bước tiến bộ không đấy?“ nàng hỏi, và tôi mừng, vì Hanna ít ra có nhếch mép cười … Tôi nhận ra được: những cắn rứt lương tâm, ta vẫn thường canh cánh bên lòng, khi ta thất hứa với một người tình nào đó, tự nó minh chứng là thừa thãi. Hanna không cần tôi. Nàng sống không cần xe hơi riêng, nhưng dẫu vậy vẫn hài lòng; không có luôn máy truyền hình.

„Một căn hộ dễ thương“, tôi nói, „chỗ ở của em –”

Tôi nhắc đến chồng nàng.

„Anh chàng Piper“, nàng nói.

Lão này nàng cũng không cần đến, hình như thế, không cần đến ngay cả về mặt kinh tế cuộc sống. Đã bao năm nay nàng tự lo thân bằng công việc làm của mình (công việc gì cho đến bây giờ chính tôi cũng không nắm rõ, thật sự mà nói), chẳng hơn gì ai, nhưng cũng chẳng thua ai. Tôi thấy thế. Những quần áo nàng mặc có thể nói chả thua gì Ivy, và ngoại trừ một cái đồng hồ treo tường cổ lỗ với mặt số tróc men, căn hộ nàng ở, như đã kể, phải nói là tân thời.

„Còn anh thì thế nào?“ nàng hỏi.

Tôi khoác chiếc áo vét, được người ta cho mượn từ nhà thương, và điều ấy làm tôi khó chịu, một áo vét, quá cỡ đối với tôi, tôi nhận thấy suốt nãy giờ, rộng quá và lại ngắn nữa, bởi thân hình tôi thon ốm, hai cánh tay áo như áo trẻ con. Tôi cởi

ngay nó ra khi Hanna vừa đi xuống bếp; nhưng cái áo sơ mi chẳng khá gì hơn, vì dính máu.

„Anh muốn tắm không“, Hanna nói, „trước khi tôi nấu ăn –”

Nàng dọn bàn ăn.

„Có“, tôi nói, „người anh đầy mồ hôi –”

Nàng chu đáo, đồng thời luôn luôn rõ ràng; nàng bật lò ga nấu nước nóng lên và giải thích phải tắt nó như thế nào, và đem đến một khăn tắm mới, xà phòng.

„Chân anh thế nào?“ nàng hỏi.

Đồng thời tay không ngừng làm việc.

„Tại sao khách sạn?“ nàng hỏi, „anh có thể ngụ tại đây, đấy là điều đương nhiên –”

Tôi cảm thấy râu tóc lởm chởm.

Nước dâng đầy bồn rất chậm và bốc hơi nóng, Hanna mở thêm nước lạnh vào, như thể tôi không làm được công việc ấy; tôi ngồi trên một chiếc ghế đẩu, rảnh rang như một người khách trọ, chân tôi đau rát, Hanna mở cánh cửa sổ nhỏ, tôi chỉ còn nhìn thấy dáng nàng cử động qua làn hơi nước, những cử động không thay đổi, hoàn toàn không.

„Anh vẫn mãi nghĩ rằng em oán giận anh“, tôi nói, „vì thuở đó.“

Hanna chỉ ngạc nhiên.

„Tại sao oán giận? Bởi vì tụi mình không cưới nhau?“ nàng nói. „Oán giận như thế sẽ là một bất hạnh –”

Nàng gần như muốn cười vào mặt tôi.

„Thật vậy sao“, nàng nói, „anh đã nghĩ như thế thật sao, rằng tôi oán giận anh, Walter, hai mươi mốt năm dài?“

Bồn tắm đã đầy.

„Tại sao là một bất hạnh?“ tôi hỏi –

Ngoài ra chúng tôi không bao giờ nhắc lại đến câu chuyện cưới hỏi thời xa xưa đó. Hanna nói đúng, chúng tôi có nhiều mối lo khác.

„Em có biết?“ tôi hỏi, „rằng số tử vong do rắn cắn chỉ từ ba đến mười phần trăm thôi không?“

Tôi ngạc nhiên.

Hanna không mảy may đếm xỉa đến thống kê, tôi từ từ nhận thấy điều này. Nàng để tôi thao thao trọn một bài thuyết trình – lúc đó tại phòng tắm – về thống kê, để sau đó bảo:

„Nước tắm sắp nguội.“

Tôi không nhớ, đã nằm trong bồn tắm đó bao lâu, đôi chân băng kín đặt trên thành bồn – suy ngẫm về thống kê, suy ngẫm về Joachim đã treo cổ tự tử, suy ngẫm về tương lai, suy ngẫm, cho đến khi tôi chợt rùng mình ớn lạnh, chính tôi cũng chẳng biết tôi đã nghĩ gì, phải nói rằng tôi đã không thể dứt khoát muốn biết mình nghĩ gì. Tôi nhìn những chai lọ, hộp, ống, toàn những món lỉnh kỉnh của phụ nữ, tôi đã không thể hình dung về Hanna được nữa, về Hanna thuở xưa, về Hanna hôm nay, thật sự không cái nào trong hai hình bóng đó. Tôi rùng mình ớn lạnh, nhưng tôi không có hứng thú mặc lại chiếc áo dính máu một lần nữa – tôi không trả lời, khi Hanna gọi tôi.

Tôi làm sao thế?

Chính tôi cũng chẳng biết.

Trà hay cà phê?

Nguyên ngày này làm tôi kiệt sức, vì vậy người lừ đừ dật dờ, thông thường không phải phong thái con người tôi, và cũng vì vậy tâm thần miên man (Cái bồn tắm như là một áo quan bằng đá; kiểu etruscan!) đúng là một cơn mê sảng vì cơ thể đang dật dờ ớn lạnh –

„Vâng“ tôi nói, „anh ra ngay.“

Thật ra tôi không hề nghĩ sẽ gặp lại Hanna; sau khi đến Athen tôi muốn đi ngay ra sân bay –

Thời gian nghỉ của tôi đã hết.

Làm thế nào để đem chiếc Citroën, Williams đã cho tôi mượn và hiện đang nằm tại Bari[93], trở về lại Paris, là một bài toán nan giải cho tôi. Tôi còn không biết đến tên của cửa hiệu sửa xe ấy!

„Vâng“ tôi đáp lớn, „ anh ra ngay!“

Trong khi đó vẫn nằm lì.

Con đường Via Appia –

Những xác ướp ở Vatikan –

Thân xác tôi nằm dưới nước –

Tôi không cho tự tử là đúng đắn, nó không mảy may thay đổi được sự kiện rằng ta đã từng hiện hữu trên cõi đời này, và những gì tôi ao ước trong thời điểm này là: Chưa bao giờ hiện hữu!

„Walter“, nàng hỏi, „xong chưa?“

Tôi không khóa cửa phòng tắm, và Hanna (tôi nghĩ thế) có thể dễ dàng bước vào, để bổ một rìu vào sau lưng tôi; tôi nằm với đôi mắt nhắm nghiền, để khỏi phải thấy thân xác cũ kỹ của tôi –

Hanna điện thoại.

Tại sao mọi sự đều phải dính dáng đến tôi!

Suốt buổi tối sau đó, tôi trò chuyện trở lại như thể chẳng có gì đã xảy ra. Thật lòng như thế: thật ra chẳng có gì cả, quan trọng nhất là Sabeth được cứu sống. Nhờ huyết thanh. Tôi hỏi Hanna, tại sao nàng không tin vào thống kê, mà lại tin vào số phận và những điều đại loại.

„Anh với những thống kê của anh!“ nàng nói, „Nếu tôi có một trăm đứa con gái, đứa nào cũng bị rắn hổ cắn, tôi chấp nhận! Như thế tôi sẽ chỉ bị mất đi ba đến mười đứa. Thật quá ít! Anh hoàn toàn có lí.“

Kèm theo nụ cười mỉm.

„Tôi chỉ có một đứa con duy nhất!“ nàng nói.

93 Thành phố càng nằm miền đông nam nước Í, là trục giao thông đường biển quan trọng của Í tại vùng biển Adria.

Tôi không phản bác, dẫu vậy chúng tôi đâm xém cãi vã nhau, thình lình chúng tôi mất tự chủ. Bắt đầu do một nhận xét từ phía tôi.

„Hanna“, tôi nói, „em xử sự như một con gà mái!“

Tôi buột miệng thế.

„Xin lỗi “, tôi nói, „nhưng đúng như thế!“

Tôi chỉ nhận biết sau đó, điều gì đã làm tôi cáu kỉnh: – Tôi từ phòng tắm bước ra, Hanna đang điện thoại, nàng gọi vào nhà thương, trong lúc tôi còn trong phòng tắm – nàng nói chuyện với Elsbeth.

Tôi nghe tất cả, dù không muốn.

Không một lời nào nhắc đến tôi. –

Nàng nói chuyện, như thể chỉ có một mình Hanna, người mẹ, đang lo lắng cho Sabeth và đang vui sướng bởi cô con gái trên đà bình phục, đã có thể nói chuyện được trở lại, cả hai nói tiếng Đức cho đến khi tôi bước vào phòng, Hanna chợt chuyển sang tiếng Hy lạp. Tôi chẳng hiểu lấy một chữ. Rồi nàng đặt ống nghe xuống.

„Con bé thế nào?“ tôi hỏi.

Hanna rất an tâm –

„Em có kể“, tôi hỏi, „rằng anh đang ở đây không?“

Hanna rút một điếu thuốc.

„Không“, nàng nói.

Hanna cư xử rất lạ kỳ, và tôi không thật tin rằng cô bé đã không hỏi thăm về tôi; tối thiểu tôi phải có được quyền, tôi thấy thế, biết tất cả những gì đã nói trong cuộc chuyện.

„Thôi“, Hanna nói, „ta ăn cái gì đi.“

Tôi tức giận: vì nụ cười nhẹ của nàng, như thể tôi không được quyền biết hết mọi chuyện.

„Nào“, Hanna nói, „anh ngồi xuống đi.“

Tôi không chịu ngồi.

„Tại sao anh thấy bị xúc phạm, khi tôi nói chuyện với con tôi?“ nàng nói. „Tại sao?“

Nàng cư xử (như phong cách của hầu hết mọi người đàn bà, cho dù họ có trí thức đến đâu) như một con gà mái, giương đôi cánh ra che chở đàn con; bởi thế tôi mới so sánh nàng với con gà mái, lời qua tiếng lại, Hanna phát điên lên vì nhận xét ấy của tôi, chưa bao giờ tôi được mục kích nàng đàn bà như thế. lí lẽ muôn thuở của nàng:

„Nó là con tôi, không phải con anh."

Qua đó tôi hỏi:

„Có đúng Joachim là bố con bé không?"

Không trả lời.

„Để tôi yên!" nàng nói, „Anh thật sự muốn gì ở tôi? Tôi không gặp Elsbeth nửa năm trường, thình lình cú điện thoại từ nhà thương, tôi chạy đến và thấy nó nằm mê man – không biết chuyện gì đã xảy ra."

Tôi rút lại mọi lời.

„Anh", nàng nói, „anh – anh có chuyện gì để nói với con gái tôi? Anh thật sự muốn gì ở nó? Anh đã làm gì với nó?"

Tôi trông thấy nàng đang run lên.

Hanna hoàn toàn không phải là một người đàn bà già nua, nhưng tôi đương nhiên vẫn nhìn thấy được làn da tàn tạ, túi lệ trũng sâu của nàng, hai bên khoé mắt rạn vết chân chim, chúng không làm tôi khó chịu, nhưng tôi nhìn thấy chúng. Hanna mảnh khảnh hơn xưa, thanh tú hơn. Nàng thật ra rất cân xứng trong độ tuổi hiện tại, tôi thấy thế, nhất là khuôn mặt, ngoại trừ vùng da dưới cằm, gợi tôi nghĩ đến da tắc kè – Tôi rút lại mọi lời.

Tôi rất cảm thông rằng Hanna quấn quít con nàng, rằng nàng đã từng ngày từng giờ mong đợi con về, và rằng không dễ cho một người mẹ chút nào, khi đứa con, đứa con duy nhất, lần đầu tiên dấn bước ra đời.

„Nó không còn là một đứa trẻ nhỏ nữa", nàng nói, „chính tôi đã khuyên nhủ con vào cuộc hành trình này, một ngày nào đó nó cũng phải sống cuộc đời tự lập, tôi hiểu rõ rằng một ngày nào đó con bé sẽ không quay trở về –"

Tôi để yên Hanna nói.

„Cuộc đời là thế“, nàng nói, „chúng ta không thể ghì mãi cuộc sống trong vòng tay chúng ta, Walter, ngay cả anh cũng không thể.“

„Anh biết!“ tôi nói.

„Tại sao anh vẫn làm điều ấy?“ nàng hỏi.

Không phải bất cứ lúc nào tôi cũng hiểu nổi Hanna.

„Cuộc sống trôi đi cùng với con cái“, nàng nói –

Tôi hỏi thăm về công việc nàng làm.

„Cuộc sống là thế“, nàng nói, „chúng ta không thể cưới con cái chúng ta một lần nữa.“

Không trả lời cho câu hỏi của tôi.

„Walter“, nàng hỏi, „năm nay anh bao nhiêu tuổi?“

Rồi lại những điều nàng đã nói: nàng không có trăm đứa con gái, mà chỉ một đứa duy nhất (điều tôi đã biết), và con gái nàng chỉ có độc nhất một cuộc sống (điều tôi cũng biết luôn) như mọi người; nàng cũng thế, Hanna, cũng chỉ có độc nhất một cuộc sống, một cuộc sống đã bỏ đi rồi, và tôi (tôi có biết vậy chăng?) cũng chỉ có độc nhất một cuộc sống.

„Hanna“, tôi nói, „điều đó chúng ta biết.“

Bữa ăn của chúng tôi nguội ngắt.

„Tại sao bỏ đi?“ tôi hỏi.

Hanna hút thuốc. Không ăn.

„Anh là một người đàn ông“, nàng nói, „tôi là một người đàn bà – đó là một khác biệt, Walter.“

„Cầu mong thế!“ tôi cười.

„Tôi sẽ không có con nữa –”

Nàng nói điều này hai lần trong suốt buổi tối.

„Tôi làm công việc gì ư?“ nàng nói, „Anh thấy đấy, làm việc với những mảnh vỡ. Có thể đấy nguyên là một chiếc lọ cổ. Từ Kreta[94]. Tôi dán quá khứ lại với nhau –”

94 (Tiếng Đức) Một đảo lớn thuộc Hy lạp. Tiếng Anh – Crete.

Tôi thấy cuộc đời của Hanna hoàn toàn không là bỏ đi. Ngược lại. Tôi không biết người chồng thứ nhì của nàng, lão Piper này, họ quen nhau trong thời gian di tản; Hanna gần như không bao giờ nhắc đến lão, mặc dù nàng (điều mà cho đến hôm nay tôi vẫn thán phục) mang họ của lão: Tiến sĩ Hanna Piper. Cạnh đó Hanna luôn luôn làm những gì nàng cho là đúng đắn, và điều này đối với một người đàn bà, tôi thấy thế, rất đáng nể. Nàng sống một cuộc sống theo ý nàng. Vì sao đổ vỡ với Joachim, nàng không buồn kể. Nàng bảo rằng hắn là một con người tốt bụng. Không một lời trách móc; cùng lắm nàng cho rằng chúng tôi quái gở, đám đàn ông nói chung. Có thể Hanna chờ đợi quá nhiều về đàn ông, bởi vậy qua đó tôi tin rằng nàng yêu đàn ông. Nếu có trách móc, thì đấy chỉ là những lời tự trách; trong trường hợp nàng có thể, hoặc nói cách khác, buộc phải bắt đầu lại cuộc sống một lần nữa, Hanna sẽ yêu đàn ông hoàn toàn khác hẳn. Đàn ông (nàng nói thế) nông cạn, nàng thấy đấy là điều tự nhiên, và nàng chỉ nuối tiếc cho sự ngu ngốc của chính mình đã từng nghĩ rằng mỗi đứa chúng tôi (tôi không biết, đã có tất cả bao nhiêu đứa) đều là một ngoại lệ. Trong khi đó Hanna, theo tôi thấy, hoàn toàn không phải là một người ngu ngốc. Nhưng nàng thấy thế. Nàng thấy thật là ngu ngốc khi một phụ nữ chờ đợi đàn ông cảm thông mình; đàn ông (Hanna nói) muốn đàn bà luôn là một bí ẩn, để đầu óc vô minh của chính hắn qua đó được khao khát và rung động. Đàn ông chỉ nghe theo lời của chính mình, theo Hanna, vì vậy cuộc đời một người đàn bà mong muốn được đàn ông cảm thông, không khác gì hơn là một một cuộc đời bỏ đi. Theo Hanna. Gã đàn ông cho mình là đấng thống trị thế giới, người đàn bà chỉ là tấm gương soi của hắn. Ông Chủ không bị ép buộc phải học ngôn ngữ của tầng lớp bị trị; người đàn bà ngược lại bị cưỡng bức học ngôn ngữ của lớp thống trị, dẫu thế cũng chả giúp ích họ mảy may nào, trái lại, người đàn bà chỉ học được một thứ ngôn ngữ, luôn luôn dạy rằng họ có lỗi. Hanna ân hận rằng nàng đã học đến Tiến sĩ Triết học. Cho đến khi nào Thượng đế vẫn là một gã đàn ông, mà không là một đôi lứa, thì cuộc đời của đàn bà, theo lời Hanna, vẫn chỉ như thế, vẫn như hiện nay, nói trắng ra là khốn nạn, đàn bà là tầng lớp vô sản của tạo hóa, dẫu có ăn bận thanh lịch đến đâu – Tôi thấy nàng nực cười, một người đàn bà lứa

tuổi năm mươi, triết lí như một cô nàng mới lớn, một người đàn bà, nhìn còn tuyệt vời như Hanna, phải nói là hấp dẫn, đồng thời với một tư cách, tôi biết rõ điều này, một mệnh phụ được bao sự kính trọng như nàng, tôi chợt nhớ lại, trong nhà thương người ta đã đối xử với Hanna như thế nào, một người đàn bà ngoại quốc, mới sinh sống ba năm tại Athen, phải nói như đối với một bà giáo sư, một nữ khoa học gia đoạt giải Nobel! – tôi thấy thương hại nàng.

„Walter, anh không ăn gì cả vậy."

Tôi nắm cánh tay nàng:

„Em, người đàn bà vô sản của tạo hóa! –"

Hanna không có hứng thú mở miệng cười, nàng chờ đợi tôi buông cánh tay nàng ra.

„Ở Rome", nàng hỏi, „hai người đã đi những đâu?"

Tôi báo cáo.

Ánh mắt nàng –

Người ta có thể nghĩ rằng tôi là một hồn ma, nàng nhìn tôi với ánh mắt như thế, trong khi tôi báo cáo về chặng Rome; một quái vật với cái vòi và vuốt nhọn, một quái vật khổng lồ, đang uống trà.

Tôi sẽ không bao giờ quên ánh mắt này.

Phần nàng không nói một lời –

Tôi lại kể lể, bởi không thể im lặng được, về số tử vong bởi rắn cắn, cũng như về thống kê chung chung.

Hanna như điếc.

Tôi không dám nhìn vào mắt nàng – mỗi lần tôi nghĩ đến, dẫu trong khoảnh khắc chỉ một giây (lâu hơn nữa tôi không nghĩ đến nỗi), rằng tôi đã ôm Sabeth trong tay, hoặc rằng Hanna, người đang ngồi trước mặt tôi, là mẹ của Sabeth, mẹ người tình của tôi, cũng chính là người tình của tôi.

Tôi không biết, tôi đã nói những gì.

Bàn tay nàng (có thể bảo rằng tôi chỉ còn ngồi kể lể với bàn tay của nàng) thật lạ kỳ: nhỏ nhắn như một bàn tay trẻ con, già nua hơn cả Hanna ngồi đó, run rẩy bồn chồn và nhũn nhão,

xấu xí, nói đúng ra không phải một bàn tay, mà là một phần thân thể què quặt, mềm, xương xẩu và nhăn nhúm, như sáp lẫn với tàn nhang, thật ra không xấu xí, trái lại, một cái gì đó dễ thương, nhưng xa lạ, một cái gì đó khủng khiếp, một cái gì đó buồn bã, một cái gì đó đui mù, tôi kể lể và kể lể, tôi nín bặt, tôi cố gắng hình dung bàn tay của Sabeth, nhưng không được, tôi chỉ thấy vật gì đó nằm trên bàn cạnh cái gạt tàn thuốc, thịt người cùng với mạch máu dưới làn da, làn da như giấy lụa nhàu, nhăn nheo, quá tàn tạ song vẫn trơn bóng.

Riêng tôi cũng mệt nhừ.

„Thật ra nó vẫn còn là một đứa con nít“, Hanna nói, – „hay anh tin rằng, nó đã gần gũi với đàn ông rồi?“

Tôi nhìn thẳng vào mắt Hanna –

„Tôi ước mơ điều ấy cho nó“, nàng nói, „tôi ước mơ điều ấy cho nó!“

Đột nhiên nàng dọn dẹp bàn.

Tôi giúp nàng.

Liên quan đến thống kê: Hanna không muốn biết mảy may nào về lãnh vực này, vì nàng tin vào số phận, tôi nhận biết ngay điều này, mặc dù Hanna không bao giờ nói thẳng ra. Tất cả mọi đàn bà đều có xu hướng mê tín, nhưng Hanna là người học thức cao; vì vậy tôi ngạc nhiên: Nàng kể về chuyện thần thoại, như cánh chúng tôi nói về định luật nhiệt học, hoặc giả như về một định luật vật lí, những điều chỉ được chứng minh qua thực nghiệm, nàng kể như thế với một giọng gần như đều đều. Không một vẻ hứng thú. Thần Oedipus và thần Sphinx[95], trình bày trên một chiếc bình vỡ với nét vẽ ngây ngô, nữ thần Athena, những thần Erinyes còn gọi là Eumenides và tất cả những thần linh khác, với nàng đó là những thực tế; nàng có thể bất chợt, đang giữa một câu chuyện nghiêm túc nhất, chuyển sang ngay đề tài này. Không cần biết rằng tôi rất mù mờ về đề

95 Thần thoại Hy lạp. Một mẫu mã được ưa chuộng và thường được vẽ trên các lọ hoa, lọ cổ Hy lạp.

tài huyền thoại và nhất là về văn chương, tôi không muốn cãi vã; chúng tôi hiện có đủ mối lo trước mắt.

Vào ngày 29. tháng Năm, tôi phải có mặt tại Paris –

Vào ngày 31. tháng Năm, tại New York –

Vào ngày 2. tháng Sáu (trễ nhất), tại Venezuela –

Hanna làm việc tại một Viện khảo cổ, thần linh là lãnh vực nghề nghiệp của nàng, điều này làm tôi vẫn mãi tự nhủ: chắc chắn thế nào trong chúng ta cũng có kẻ méo mó nghề nghiệp mà không hay biết. Tôi phải bật cười, khi Hanna kể lể như thế.

„Em và đám thần linh của em“

Nàng lập tức ngưng ngay câu chuyện.

„Anh sẽ chưa rời khỏi nơi này“, tôi nói, „nếu chưa biết được chắc chắn con bé đã thoát nạn, em tin anh đi.“

Hanna hoàn toàn thông cảm điều ấy, hình như thế, nàng rửa chén bát, trong lúc tôi phụ lau khô và kể ngắn về công việc làm của tôi – hệt như cách đây hai mươi năm, tôi thấy vậy, hoặc giả hai mươi mốt năm.

„Anh thấy thế?“

„Em không thấy thế sao?“ tôi nói.

Hanna đã tính toán như thế nào để ra được con số hai mươi mốt năm, tôi không biết. Nhưng tôi vẫn cứ thuận theo như thế để nàng khỏi phải sửa lưng tôi mỗi lần.

„Một cái bếp xinh“, tôi nói –

Thình lình nàng lại hỏi:

„Anh có từng gặp lại Joachim không?“

Một lần nào đó, chắc chắn thế, tôi phải cho nàng hay rằng Joachim đã từ giã cõi đời này rồi, nhưng không ngay vào hôm nay, tôi thấy thế, không ngay vào tối đầu tiên.

Tôi kể về một chuyện gì đó –

Những bữa ăn tối chung thuở nào tại phòng trọ của nàng!

„Em còn nhớ bà Oppikofer không?“

„Vì sao?“ nàng hỏi.

„Chả vì sao cả!“ tôi nói, „Bà luôn nện cán chổi lên trần nhà, khi sau mười giờ đêm anh vẫn còn nán lại trong phòng em –”

Chúng tôi đã rửa và lau xong chén bát.

„Walter“, nàng hỏi, „anh dùng một ly cà phê không?„

Kỷ niệm thường là kỳ khôi.

„Thật vậy“ tôi nói, „sau hai mươi năm ta thấy chuyện đó buồn cười –”

Nàng bắc nước lên.

„Walter“, nàng hỏi, „anh uống cà phê không –”

Nàng không muốn nghe kỷ niệm.

„Uống chứ“, tôi nói, „muốn lắm.“

Tôi không đồng ý tại sao cuộc đời nàng lại bị xem là bỏ đi. Ngược lại. Tôi nhận thấy đáng nể nếu một người sống được như thế, sống theo gần như hướng sống mình đã vạch sẵn. Tôi nể phục họ. Tôi đã, nói thẳng là như thế, không bao giờ nghĩ rằng triết học và lịch sử nghệ thuật lại đạt thành quả trong cuộc sống. Đồng thời cũng không thể nói rằng Hanna không có đàn bà tính. Nàng có quyền đeo đuổi một công việc nào đó. Ngay trong thời gian chung sống với Joachim, hình như thế, nàng đã luôn luôn làm việc, thông dịch hoặc những việc đại loại, và lẽ đương nhiên ngay cả trong thời gian di tản. Tại Paris, sau khi li dị với Joachim, nàng làm việc trong một nhà xuất bản. Rồi khi tụi Đức đến, nàng trốn qua Anh và một mình nuôi con. Joachim làm bác sĩ tận bên Nga, vì thế không cấp dưỡng nổi. Hanna làm xướng ngôn viên tiếng Đức cho đài BBC. Đến nay nàng vẫn giữ quốc tịch Anh. Lão Piper sống sót được nhờ nàng, theo tôi thấy; Hanna đã cưới lão ta ra khỏi trại tập trung (theo những gì tôi nắm được) mà không một đắn đo, thì cũng bởi tại đầu óc thiên cộng xưa nay của nàng. Lão Piper là một thất vọng, bởi lão không phải là người cộng sản, mà là một tay cơ hội. Như Hanna vẫn nói: chấp hành đường lối đến mức bán đứng tất cả, mới đây lão sẵn sàng khen ngợi trại tập trung người Do Thái dưới thời Đức quốc xã. Hanna chỉ cười: Đàn ông! Lão luồn cúi mọi ngỏ

ngách để đạt cho bằng được mục đích. Tháng Sáu 1953, Hanna bỏ lão ra đi. Nếu có phát biểu hôm nay những gì, hôm qua lão đã phủ nhận, hoặc ngược lại, lão không hề biết; lão đã đánh mất một tương quan hữu cơ với thực tế. Hanna không thích kể chuyện về lão, nhưng đồng thời lại quá chi tiết về những chuyện tôi chả chú tâm đến. Hanna lấy làm tiếc cho tư thế sống của lão Piper này trước cuộc đời, cũng như cho rằng đấy là tiêu biểu của một số đàn ông: đui mù tuyệt đối, theo lời Hanna, không một quan hệ với ai. Xưa kia lão còn có óc hài hước; nay lão chỉ còn cười nhạo báng thế giới Tây Âu. Hanna không trách móc; nàng thật sự chỉ cười buồn cho chính bản thân mình, hoặc giả cười buồn cho tình yêu của nàng đối với đàn ông.

„Tại sao cuộc đời em lại là bỏ đi chứ?“ tôi nói, „chẳng qua em tự kỷ thế thôi, Hanna –“

Ngay bản thân tôi cũng bị nàng đánh giá là đui mù.

„Anh chỉ nhìn thấy“, tôi nói, „những gì trước mắt: căn hộ của em, công việc nghiên cứu khoa học của em, con gái em – em hãy tạ ơn Thượng đế đi!„

„Tại sao Thượng đế?“

Hanna vẫn như xưa: nàng nắm biết rất rõ, người ta suy nghĩ gì. Thú chơi chữ của nàng! Như thể chỉ có ngữ nghĩa là thiết yếu. Dù ta có trò chuyện nghiêm túc đến đâu, thình lình nàng vin chặt vào một từ nào đó.

„Walter, anh tin vào Thượng đế từ bao giờ?“

„Thôi mà“, tôi nói, „nấu cà phê đi!“

Hanna biết rõ rằng tôi sẽ lúng túng vô cùng với Thượng đế, và cuối cùng khi chấp nhận nhảy vào đề tài, mới chợt thấy Hanna chả quan tâm đến lời nàng vừa nói.

„Tại sao anh lại nghĩ“, nàng hỏi, „tôi sùng đạo? Anh cho rằng một phụ nữ vào thời kỳ mãn kinh chẳng có chuyện gì khác để làm hay sao.

Tôi nấu cà phê.

Tôi không thể mường tượng mọi việc sẽ như thế nào khi Sabeth từ nhà thương trở về. Sabeth, Hanna và tôi trong cùng một căn phòng, thí dụ như trong bếp này: – Hanna, nhận

biết được tôi phải cố kiềm chế mình để không hôn con gái nàng hoặc ít nhất không choàng tay qua vai cô bé, và Sabeth phát hiện rằng tôi thật ra (như một gã sở khanh, đã tháo nhẫn cưới cất đi) thuộc về mẹ nàng, dẫu đang ôm vai nàng.

„Chớ để cho con bé làm tiếp viên hàng không“, tôi nói, „anh đã có bàn qua và can ngăn nó.“

„Vì sao vậy?“

„Bởi tiếp viên hàng không không phải là nghề đáng chọn“, tôi nói, „không phải là nghề cho một thiếu nữ như Sabeth, dù sao nó không phải là bất cứ một đứa con gái nào –“

Cà phê vừa xong.

„Tại sao nó không thể trở thành tiếp viên hàng không?“

Trong khi đó tôi biết rõ rằng Hanna, người mẹ, không ham thích gì lắm cái í kiến tuổi trẻ bồng bột này; nàng phản đối chỉ để cho tôi thấy rằng vấn đề chả dính dáng gì đến tôi:

„Walter, đó là chuyện của nó!“

Rồi một lần khác:

„Walter, anh không phải là cha nó.“

„Anh biết!“ tôi nói –

Đến lúc cả hai phải ngồi xuống, vì không còn việc gì cần đụng đến chân tay, tôi đã hãi sợ giây phút này ngay từ đầu – giờ thì không tránh khỏi.

„Này“, nàng nói, „anh kể đi, –!“

Sự thể xảy ra nhẹ nhàng hơn chờ đợi, gần như chuyện hàng ngày.

„Kể tôi nghe“, nàng nói, „chuyện gì đã xảy ra.“

Tôi kinh ngạc về sự bình tĩnh của nàng.

„Anh không thể hình dung được nỗi kinh hoàng của tôi như thế nào“, nàng nói, „khi tôi bước vào nhà thương và nhìn thấy anh, ngồi đó và ngủ –“

Giọng nàng không thay đổi.

Trong chừng mực nào đó sự việc tiếp diễn như thể không có hai mươi năm đã trôi qua, nói chính xác hơn: như suốt

thời gian qua, dẫu chia cách, chúng tôi vẫn chung sống cùng nhau. Những điều chúng tôi không nắm biết về nhau chỉ là hình thức, không đáng nói. Sự nghiệp và những thứ đại loại. Tôi nên kể gì đây? Hanna lại đang ngóng nghe.

„Anh dùng đường không?“ nàng hỏi.

Tôi kể về nghề nghiệp của tôi –

„Tại sao anh đi cùng với Elsbeth?“ nàng hỏi.

Hanna là một phụ nữ, nhưng khác Ivy và những phụ nữ khác tôi quen, không so sánh được; cũng khác Sabeth, người có nhiều điểm giống nàng. Hanna gần gũi hơn; không rầy rà sinh sự, khi nàng nhìn tôi. Tôi ngạc nhiên.

„Anh yêu nó?“ nàng hỏi.

Tôi nhấm nháp tách cà phê.

„Tự bao giờ anh biết“, nàng hỏi, „ rằng tôi là mẹ nó?“

Tôi nhấm nháp tách cà phê.

„Chắc em chưa biết“, tôi nói, „ Joachim mất rồi –”

Tôi không muốn nhắc đến chuyện này.

„Mất rồi?“ nàng hỏi. „Hồi nào?“

Tôi đã để bị cuốn hút theo, và giờ thì mọi chuyện đã trễ, tôi phải thuật lại – nhằm ngay buổi tối đầu tiên này! – Toàn bộ câu chuyện tại Guatemala, Hanna muốn nắm rõ tất cả những gì tôi biết, cuộc hồi hương của hắn từ Nga về, công việc làm của hắn tại nông trại, nàng không được tin tức gì về Joachim từ ngày li dị, đến lúc cuối tôi tránh không kể Joachim đã treo cổ tự tử, mà nói dối: angina pectoris[96]. Tôi kinh ngạc vì nàng quá điềm tĩnh.

„Anh có kể chuyện ấy cho con bé chưa?“ nàng hỏi.

Rồi thì một im lặng dài đằng đẵng giữa hai chúng tôi.

Nàng lại luồn tay vào dưới chiếc kính gọng sừng, như muốn đỡ lấy khuôn mặt, tôi có cảm giác như tôi là một con quái vật.

96 (Tiếng La tinh) chứng co thắt lồng ngực do cơ tim, nhồi máu cơ tim.

„Không thể trách cứ anh điều ấy được!“ nàng nói.

Hanna không khóc lấy một lần, điều ấy làm mọi việc nặng nề thêm; nàng đứng –

„Thôi“, nàng nói, „mình đi ngủ.“

Đã nửa đêm – phỏng chừng như thế, tôi không có đồng hồ nữa, nhưng nếu có chăng, thời gian cũng thật sự như đứng im.

„Anh ngủ phòng của Elsbeth.“

Chúng tôi đứng trong căn phòng của con bé.

„Hanna“, tôi nói, „nói sự thật đi: có phải hắn là bố con bé?“

„Vâng!“ nàng nói, „Vâng!“

Trong giây phút đó tôi thấy nhẹ nhõm, tôi không có nguyên cớ nào để nghĩ rằng Hanna nói dối, và nhận thấy trong thời điểm này (chuyện tương lai dĩ nhiên không nghĩ đến được), điều quan trọng hơn hết tất cả mọi chuyện khác là con bé đã được chuyền huyết thanh và đã tai qua nạn khỏi.

Tôi bắt tay nàng.

Đứng đấy, mệt muốn sụm xuống, Hanna cũng vậy, tôi nghĩ thế, thật sự chúng tôi đã lên tiếng chúc nhau ngủ ngon – khi Hanna hỏi thêm lần nữa:

„Walter, anh đã làm gì với Elsbeth?“

Trong khi nàng dư biết sự việc.

„Nào“, nàng nói, „nói đi!“

Tôi không biết phải trả lời sao.

„Có hay không!“ nàng hỏi.

Lời đã thốt –

Hanna vẫn còn đang cười nhạt như thể nàng không nghe được câu chuyện, tôi nhẹ nhõm người, vì mọi chuyện cuối cùng đã được nói ra, đến độ sảng khoái, ít ra là nhẹ nhõm.

„Em có giận anh không?“ tôi hỏi.

Lẽ ra tôi muốn ngủ trên nền nhà, Hanna nhất định buộc tôi phải dưỡng sức, chiếc giường đã được thay khăn trải mới –

mọi thứ cho cô con gái vừa trải qua sáu tháng trên xứ người: bộ quần áo ngủ mới, Hanna cầm theo ra, hoa trên bàn ngủ, chocolat, những thứ này nàng để lại.

„Em có giận anh không?“ tôi hỏi.

„Anh có hết mọi thứ chưa?“ nàng hỏi, „Xà phòng kia kìa –”

„Anh không thể nào biết được“, tôi nói –

„Walter“, nàng nói, „chúng mình nên đi ngủ.“

Nàng không giận, tôi thấy thế, nàng lại còn bắt tay tôi một lần nữa. Nàng bị khích động, chả gì khác. Nàng vội vã. Tôi nghe tiếng nàng đi vào bếp, nơi mà mọi thứ đã được xếp dọn gọn gàng rồi.

„Cần anh giúp gì không?“

„Không“, nàng nói, „đi ngủ đi!“

Căn phòng của Sabeth: hơi nhỏ, nhưng dễ thương, đây cũng rất nhiều sách, hướng nhìn về ngọn Lycabettos, tôi còn đứng khá lâu bên cánh cửa sổ mở rộng –

Tôi không có quần áo ngủ.

Tôi không thuộc hạng người sục sạo trong phòng người lạ, nhưng tấm hình đặt ngay trên kệ sách, và dù sao chính tôi cũng quen biết với Joachim, bố của cô bé – tôi lấy xuống.

Hình chụp năm 1936 tại Zürich.

Thật sự tôi đã dứt khoát đi ngủ, không suy nghĩ gì nữa cả, nhưng tôi không có quần áo ngủ, như đã kể, chỉ còn mảnh áo sơ mi dơ bẩn –

Cuối cùng Hanna đi về phòng nàng.

Lúc đó khoảng đâu hai giờ, tôi ngồi trên chiếc giường mới thay chăn nệm, tư thế như đám người ngồi trên băng ghế giữa công viên, khi họ ngủ, đám ăn mày không nhà cửa, người cong nhoài về đằng trước, (tôi luôn nghĩ thế khi trông thấy những kẻ ngủ như vậy:) như một bào thai – nhưng tôi không ngủ.

Tôi lau người.

Có lần tôi gõ vào vách tường phòng nàng.

Hanna làm như thể nàng đang ngủ.

Hanna không muốn trò chuyện cùng tôi, có một lúc nào đó chiều nay nàng bảo tôi nên im lặng: Mọi chuyện sẽ trở nên vụn vặt, nếu anh kể lể!

Có thể Hanna đã ngủ thật.

Thư từ của nàng từ Mĩ – tôi muốn nói đến thư từ của Sabeth – nằm trên bàn, nguyên một cọc, dấu bưu điện từ Yale, một cái từ Le Havre, rồi đến những bưu ảnh từ Í, tôi đọc một lá duy nhất, vì nó bị rơi xuống nền: Lời thăm chúc từ Assisi (không nhắc đến cá nhân tôi) với ngàn nụ hôn cho mẹ, với vòng tay thân thương –

Tôi hút thêm một điếu thuốc nữa.

Sau đó tôi tìm cách giặt cái áo sơ mi –

Tôi không biết tại sao tôi lại có suy nghĩ rằng mọi chuyện đã vượt qua êm thắm, kể cả chuyện tệ hại nhất, và tại sao tôi lại có thể tin rằng Hanna đang say ngủ.

Tôi giặt áo thật khẽ như có thể.

Thú thật trong suốt mười lăm phút đồng hồ tôi đã quên bẵng những gì xảy ra, hoặc giả sự việc đối với tôi như là một giấc mơ không hơn không kém: khi mơ bị tuyên án tử hình, và biết rằng, chuyện ấy không có thật, tôi chỉ cần bừng tỉnh dậy –

Tôi treo cái áo ướt lên cửa sổ.

Khuôn mặt của Joachim mà tôi đang ngắm, một khuôn mặt đàn ông, thiện cảm, nhưng những nét giống Sabeth tôi thật sự không tìm thấy.

„Hanna?“ tôi gọi, „em ngủ chưa?“

Không trả lời.

Tôi rùng mình lạnh, vì không có áo, tôi không nghĩ ra được việc lấy chiếc áo khoác của Sabeth mà dùng, chiếc áo treo ngay cửa, tôi nhìn thấy nó –

Cơ man nào là những đồ vật thời con gái của Sabeth!

Ống tiêu trên kệ sách –

Tôi tắt đèn.

Hẳn Hanna đã tức tưởi một hồi lâu rồi, khuôn mặt nàng dí sát vào gối, đến mức không thể nào sát hơn được nữa – tôi hoảng hốt khi nghe tiếng nàng; suy nghĩ đầu tiên của tôi: nàng đã nói dối, và tôi chính thật là người cha. Nàng nấc càng lúc càng lớn, cho đến khi tôi đi đến gần cánh cửa, gỏ vào.

„Hanna“, tôi nói, „anh đây.“

Nàng đã khóa trái cửa.

Tôi đứng và chỉ nghe được tiếng nấc của nàng, lời thỉnh cầu vô vọng của tôi, nàng hãy đi ra hành lang và kể chuyện gì đã xảy ra, nhưng chỉ có những tiếng nấc vọng lại trả lời, lúc nhẹ, rồi lại lúc nặng, không ngớt, và đến khi nào đó tiếng nấc nín hẳn, càng tệ hại hơn, tôi dán tai sát vào cánh cửa, và không biết nên suy tính thế nào, nhiều lúc nàng thậm chí không còn cất nổi tiếng nấc, chỉ còn một giọng sụt sùi, khiến người tôi nhẹ nhõm hẳn khi nàng tức tưởi tiếng nấc trở lại.

Tôi không có lấy một con dao bỏ túi hoặc một thứ gì trong tay –

„Hanna“, tôi nói, „mở cửa ra!“

Đến khi tôi dùng thanh sắt khơi than lò sưởi nạy được cánh cửa ra, Hanna ghì người đẩy ngược lại. Nàng như muốn hét lên, khi trông thấy tôi. Tôi đứng với thân nửa mình trên trần trụi; có lẽ vì thế. Tôi bỗng thấy thương hại nàng, và không tiếp tục đẩy cánh cửa nữa.

„Hanna“, tôi nói, „anh đây!“

Nàng muốn được để yên một mình.

Trước đây hai mươi bốn tiếng (đối với tôi như một kỷ niệm thời niên thiếu!) chúng tôi cùng ngồi tại Akrokorinth, Sabeth và tôi, ngồi chờ mặt trời lên. Tôi sẽ không bao giờ quên! Chúng tôi đi từ Patras và xuống xe tại Korinth, để tham quan bảy cột trụ của một ngôi đền, rồi ăn tối trong một quán trọ gần đấy. Korinth thật ra chỉ là một làng quê hẻo lánh. Khi biết được ở đây không có phòng trọ, trời đã chạng vạng tối; Sabeth bảo

đấy là một í kiến tuyệt vời của tôi, cứ đi bộ tiếp xuyên đêm và ngủ dưới một gốc sung[97] nào đó. Thật ra tôi chỉ nói đùa cho vui, nhưng vì Sabeth thấy đó là một í kiến tuyệt vời, chúng tôi lên đường thật để kiếm cho ra được một gốc sung, băng đại qua cánh đồng. Tiếp đó là tiếng chó chăn cừu sủa, nơi nơi báo động, bầy thú giữa đêm khuya; nghe tiếng chúng sủa hẳn phải là những con thú dữ dằn, và trên cao, nơi chúng tôi bị lũ chó dồn đến, không còn ngọn sung nào nữa, chỉ có kế dại cùng với gió. Đừng hòng ngủ! Tôi không hề nghĩ rằng trời đêm xứ Hy lạp lại lạnh như thế, một đêm tháng Sáu, gần như một đêm mưa ướt. Và đồng thời không hề biết con đường cheo leo dẫn chúng tôi đi về đâu, một con đường dốc giữa vách đá, lởm chởm, bụi bặm, vì thế nhìn như thạch cao trắng dưới ánh trăng. Sabeth thấy: Giống như tuyết! Chúng tôi cùng đồng í: Như sữa đông! Đồng thời những vách đá đen đủi trên đầu: Giống như than! tôi thấy vậy, nhưng Sabeth lại tìm ra một thứ gì khác, và cứ như thế chúng tôi trò chuyện cùng nhau trên con đường, càng lúc càng lên cao. Tiếng một con lừa hí trong đêm: Như tiếng ai mới học đàn cello! Sabeth thấy vậy, tôi lại thấy: Như tiếng thắng xe thiếu dầu! Ngoài ra yên lặng như tờ; lũ chó cuối cùng ngừng sủa, từ khi không còn nghe tiếng bước chân chúng tôi nữa. Những căn chòi trắng xứ Korinth: Như thể ta đổ nguyên một hộp đường thỏi xuống! Tôi tìm một vật gì khác chỉ để tiếp tục trò chơi của chúng tôi. Một ngọn tùng cuối đen đủi: Như một dấu chấm than! Sabeth thấy thế, tôi gạt phắt đi; đỉnh nhọn dấu chấm than đâm xuống đất chứ không chỉa lên trời. Chúng tôi đi suốt đêm. Không gặp một bóng người. Chợt một lần tiếng be be của một con dê làm chúng tôi giật mình, rồi im lặng lại bao trùm những sườn đồi tối đen, ngát thơm hương bạc hà, im lặng hòa cùng với nhịp tim đập và khát nước, chả có gì khác ngoài gió luồn giữa đám cỏ khô: Như tiếng xé lụa! Sabeth thấy thế, tôi phải định thần suy nghĩ, và thường thì tôi chả nghĩ ra được gì cả, và như thế Sabeth có thêm được một điểm theo luật chơi. Sabeth hầu như bao giờ cũng kiếm ra được một thứ gì: Tường

97 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚Feigen'; (lat.) ficus: một loại cây lớn, cho trái ngọt, dáng như trái sung.

quách và những lỗ châu mai của một thành lũy thời trung cổ: Giống như phông màn sân khấu một tuồng hát Opera! Chúng tôi đi xuyên hết cổng thành này đến cổng thành nọ, không nơi nào có tiếng nước chảy, chúng tôi nghe tiếng vọng của những bước chân mình khi đi ngang qua dãy vách tường Thổ Nhĩ Kỳ[98], và khi chúng tôi dừng chân lại, không gian tĩnh lặng như tờ. Bóng chúng tôi dưới ánh trăng: Giống như hình cắt trên giấy! Sabeth thấy thế. Chúng tôi luôn luôn đếm đến hai mươi mốt điểm như chơi bóng bàn[99], sau đó bắt đầu bàn mới, cho tới khi chúng tôi thình lình, vẫn còn giữa đêm tối, chợt đứng ngay trên đỉnh núi. Ngôi sao chổi của chúng tôi không còn thấy đâu nữa. Phía xa là biển: Giống như mảng thiếc mỏng! tôi thấy thế, trong khi Sabeth thấy, trời lạnh, nhưng dù sao vẫn là một í kiến tuyệt vời, một lần không phải qua đêm trong khách sạn. Đó là đêm đầu tiên nàng được sống ngoài trời. Sabeth trong vòng tay tôi, lúc chúng tôi ngồi chờ mặt trời lên, co ro lạnh. Thời điểm trước khi mặt trời lên bao giờ cũng lạnh nhất. Và chúng tôi cùng nhau hút chung điếu thuốc cuối của chúng tôi; về ngày mai, với Sabeth có nghĩa là ngày trở về với gia đình, chúng tôi không bàn đến một lời nào. Vào khoảng năm giờ sáng ánh mặt trời đầu tiên ló dạng: Như sành sứ! Mặt biển và bầu trời, từng phút từng phút hừng sáng lên, mặt đất không thay đổi; ta trông thấy được Athen nằm đâu, hòn đảo đen thui giữa những eo vịnh hừng sáng, nước và đất liền giáp ranh nhau, lơ lững bên trên vài đám mây con buổi sáng: Như những ngù bám đầy phấn hồng: Sabeth thấy thế, tôi chẳng thấy được gì và lại thua một điểm nữa. 19:9 cho Sabeth! Bầu trời trong giây phút này: Như mùa thu vô tận! Tôi thấy: Như khung giấy bóng kính căng trước khoảng không. Và rồi ta trông thấy được sóng vỗ vào bờ biển: Như bọt bia! Sabeth thấy: Như một riềm đăng ten!! Tôi rút lui những bọt bia của tôi, tôi thấy: Như bông sợi thủy tinh[100]! Nhưng Sabeth không hiểu bông sợi thủy tinh là gì – rồi đến những tia sáng đầu tiên từ mặt biển: Như một bó lúa, như những ngọn giáo, như

98 Những di tích còn sót lại từ thời kỳ Quân phiệt Thổ chiếm giữ Hy lạp.

99 Theo luật cũ về giao đấu bóng bàn – ND.

100 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚Glaswolle'; (tiếng Anh) mineral wool: sợi khoáng chất; vật liệu cách nhiệt, cách âm dùng trong ngành xây dựng.

những vết rạn nứt của thủy tinh, như ánh hào quang, như hình ảnh thu được trong những thử nghiệm bắn hạt nhân. Mỗi một vòng đấu chỉ được tính một điểm; dẫn đến tranh cãi, giảng hòa nhau hàng chục lần, ngay sau đó mặt trời lên, chói chang: Như mảng thép đầu tiên chảy ra từ một lò cao! tôi thấy thế, trong khi Sabeth im lặng và bị thua một điểm … Tôi sẽ không bao giờ quên, tư thế nàng ngồi trên mỏm đá này, đôi mắt nhắm nghiền, nàng im lặng và để mặc cho ánh sáng rọi chiếu lên người. Nàng bảo nàng hạnh phúc và tôi không bao giờ quên được: biển, ngày càng đậm hơn, xanh hơn, màu tím, biển Korinth và những biển khác, biển attic[101], màu đỏ của những thửa ruộng, những cây olive, tán xanh lục, trải bóng dài trên nền đất đỏ dưới nắng mai, cái ấm đầu tiên và Sabeth, đang ôm lấy tôi, như thể tôi đã tặng cho nàng tất cả, biển và mặt trời và tất cả, và tôi sẽ không bao giờ quên, những gì Sabeth hát!

Tôi nhìn thấy bữa ăn sáng Hanna đã dọn sẵn, và mảnh giấy của nàng: Tôi về ngay, Hanna. Tôi chờ. Tôi cảm thấy râu tóc lởm chởm và lục tung cả cái phòng tắm để kiếm một lưỡi dao cạo; không có gì khác ngoài chai lọ, hộp đầy phấn, son môi, ống tuýp, sơn móng tay, kẹp tóc – qua tấm kính tôi thấy được chiếc áo sơ mi của tôi: kinh khiếp hơn hôm qua, những vết máu có nhạt đi, nhưng ngược lại loang bẩn ra.

Tôi đợi ít nhất một tiếng đồng hồ.

Hanna từ nhà thương trở về.

„Con khỏe không?“ tôi hỏi.

Hanna rất kỳ lạ.

„Tôi nghĩ rằng“, nàng nói, „nên để anh ngủ lấy sức –”

Sau đó nói thẳng:

101 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚attisches Meer': vùng biển phía nam Hy lạp, nằm dưới Athen.

„Tôi muốn một mình với Elsbeth, anh đừng lấy đó mà buồn lòng, Walter, tôi đã từng sống hai mươi năm một mình với con.“

Phần tôi không một lời nào.

„Đấy không phải là lời trách móc“, nàng nói, „nhưng điều đó anh phải hiểu. Tôi muốn một mình với nó. Vậy thôi. Tôi muốn nói chuyện với con.“

Con đã nói những gì?

„Chuyện không đâu!“

„Về anh?“ tôi hỏi

„Không“, nàng nói, „nó kể về Yale, chỉ về Yale, về một cậu tên Hardy, nhưng toàn những chuyện không đâu.“

Những gì Hanna thuật lại làm tôi không yên lòng: Nhịp tim nhảy loạn xạ, hôm qua nhanh, hôm nay chậm, quá chậm, đồng thời sắt mặt con bé đỏ lên, theo Hanna kể, và đồng tử rất nhỏ, lại thêm rối loạn đường hô hấp.

„Anh phải gặp nó!“ tôi nói.

Hanna thấy trước tiên phải mua một cái áo sơ mi –

Cho đến điểm này tôi đồng ý.

Hanna gọi điện thoại –

„Mọi việc xong xuôi!“ nàng nói, „Tôi lấy được chiếc xe của Viện – ta có thể lái đến Korinth, anh biết đấy, lấy đồ đạc của con, cả đồ đạc của anh nữa, giày và áo vét.“

Hanna như một giám đốc điều hành.

„Mọi việc xong xuôi“, nàng nói, „đã gọi taxi rồi –”

Hanna luôn chạy tới chạy lui, không thể bắt chuyện được, Hanna đổ gạt tàn thuốc lá, rồi thì nàng thả tấm màn che nắng xuống.

„Hanna“, tôi hỏi, „sao em không nhìn anh?“

Nàng không hay biết điều đó, có thể, nhưng sự thật là thế, Hanna hoàn toàn không nhìn tôi suốt buổi sáng hôm nay. Tôi nào có tội gì, khi xảy đến những cơ sự này! Đúng: Hanna không trách móc, không buộc tội, nàng chỉ đổ cái gạt tàn thuốc lá từ đêm hôm trước.

Tôi không chịu nổi nữa.

„Em“, tôi hỏi, „mình nói chuyện được không?“

Tôi nắm lấy vai nàng.

„Em“, tôi hỏi, „hãy nhìn anh!“

Thân hình nàng – tôi giật mình, khi tôi giữ lấy người nàng như thế – mềm mại hơn, nhỏ nhắn hơn đứa con gái, mảnh mai hơn, tôi không biết, có phải người Hanna nhỏ lại không; đôi mắt nàng xinh đẹp hơn xưa, tôi muốn nàng nhìn tôi.

„Walter“, nàng bảo, „anh làm tôi đau.“

Những gì tôi kể lể toàn nhảm nhí, qua nét mặt nàng tôi nhận biết tôi nói toàn chuyện nhảm nhí, chỉ bởi vì im lặng không nói, tôi thấy, lại càng không thể được; tôi giữ đầu nàng trong đôi tay. Tôi muốn gì ư? Tôi không hề nghĩ sẽ hôn Hanna. Tại sao nàng chống cự? Tôi không có một í niệm tôi đã nói gì. Tôi chỉ nhìn thấy: đôi mắt nàng đang hoảng sợ, mái tóc xám và bạc của nàng, vầng trán, sóng mũi, mọi thứ đều mảnh mai, quí phái (hoặc giả người ta muốn gọi thế nào khác) và rất đàn bà, quí phái hơn những nét của con gái nàng, làn da tắc kè dưới cằm nàng, những vết chân chim hai bên khoé mắt, đôi mắt nàng, không chút mệt mỏi, chỉ đang hoảng sợ, xinh đẹp hơn thuở xưa.

„Walter“, nàng nói, „anh thật kinh khủng!“

Nàng nói thế hai lần.

Tôi hôn nàng.

Hanna chỉ nhìn sững tôi, đến khi tôi buông tay ra, nàng im lặng và chẳng buồn sửa lại mái tóc, nàng im lặng – nàng nguyền rủa tôi.

Rồi taxi đến.

Chúng tôi chạy vào phố để mua một áo sơ mi, có nghĩa rằng Hanna mua, tôi không có tiền và ngồi đợi trong taxi để khỏi phải phô trương người tôi cùng chiếc áo cũ – Hanna rất chu đáo: ngay một lát sau nàng quay lại để hỏi kích cỡ áo tôi mặc! – sau đó chạy đến Viện, nơi Hanna, như đã thỏa thuận, nhận chiếc xe của Viện, một chiếc Opel, rồi chạy ra biển, lấy áo

quần của Elsbeth và túi tiền của tôi, cùng áo vét (nhất là vì cuốn sổ thông hành) và máy quay phim.

Hanna cầm lái –

Ở Daphni, nằm ngoài Athen một quãng ngắn, có một khu vực cây cối um tùm, nơi tôi có thể thay áo được, tôi thấy vậy; Hanna lắc đầu và lái tiếp, tôi mở gói đồ.

Ta nên nói gì đây!

Tôi nói về tình hình kinh tế của Hy lạp, tôi thấy trước khi vào phố Eleusis một công trường xây cất *Greek Government Oil Refinery*, tất cả giao cho hãng xưởng Đức khoán thầu, điều mà Hanna hiện nay (và bình thường mọi ngày cũng vậy) chẳng quan tâm; nhưng ngược lại sự im lặng của chúng tôi cũng mang đầy không khí nặng nề. Duy chỉ một lần nàng hỏi:

„Anh không biết địa danh nơi đó sao?“

„Không.“

„Theodohori?“

Tôi không biết, Sabeth và tôi lấy xe buýt từ Korinth và xuống xe ở đâu đó, nơi chúng tôi thấy biển đẹp, bảy mươi sáu cây số trước khi đến Athen, tôi chỉ biết vậy; tôi còn nhớ đến bảng chỉ đường trên một con đường lớn rợp cây bạch đàn.

Hanna, cầm lái, im lặng.

Tôi chờ đợi một cơ hội thuận tiện, để có thể thay chiếc áo sạch; tôi không muốn thay áo trong xe – xe chạy ngang qua Eleusis.

Xe chạy ngang qua Megara.

Tôi kể về chiếc đồng hồ của tôi, mà tôi đã ủy thác lại cho gã lái xe tải, và chuyện vãn về thời gian chung chung; về những chiếc đồng hồ có chức năng chạy ngược thời gian –

„Ngừng lại!“ tôi nói. „Đúng đây rồi –”

Hanna dừng lại.

„Đây hở?“ nàng hỏi.

Tôi chỉ muốn chỉ cho thấy: – bờ dốc bên đường, nơi tôi đã phải đặt Sabeth xuống, cho đến khi chiếc xe tải chở ống sắt chạy đến. Một bờ dốc bên đường như bất cứ một bờ dốc nào

khác, vách đá và kế dại, xen giữa đó đám phiện dại màu đỏ, đến con đường thẳng tắp, đen đủi, nơi tôi ráng ẵm Sabeth chạy sải bước, nhựa đường cùng sỏi sạn, rồi thì giếng nước với cây olive[102], những thửa ruộng căn cỗi đá sỏi, những căn chòi trắng lợp tôn lượn sóng.

Lại buổi trưa.

„Làm ơn“, tôi yêu cầu, „chạy chậm lại!“

Đoạn đường tưởng như là vô tận, khi ta phải chạy bộ, với chiếc Opel chưa cần đến hai phút. Ngoài ra tất cả giống như hôm qua. Chỉ có chiếc xe cút kít chở sỏi cùng con lừa không còn đứng bên bể nước nữa. Hanna nghe tôi từng chữ; tôi không biết tại sao tôi muốn chỉ hết cho nàng thấy. Nơi chiếc xe cút kít trồi lên cùng đống sỏi ướt nhẩu nước, tìm lại được ngay chẳng khó khăn gì, ta thấy vết bánh xe, những dấu chân lừa.

Tôi nghĩ Hanna có lẽ muốn ngồi chờ trong xe.

Nhưng Hanna xuống xe, rồi bước đi trên con đường nhựa nóng, Hanna đi theo tôi, tôi kiếm tìm ngọn thông, sau đó bước xuống giữa những bụi kim tước nằm rải rác, tôi không hiểu được tại sao Hanna không chịu ngồi đợi trong xe.

„Walter“, nàng nói, „đằng kia có một dấu vết!“

Chúng tôi, tôi nghĩ, đâu chạy đến đây để kiếm tìm những vết máu còn nằm phơi trên đất, mà để tìm cái ví của tôi, cái áo vét, sổ thông hành, đôi giầy của tôi –

Mọi thứ nằm y nguyên.

Hanna xin một điếu thuốc –

Tất cả giống như hôm qua!

Chỉ hai mươi bốn tiếng sau: vẫn bãi cát đó, vẫn đám sóng vỗ đó, yếu ớt, chỉ là những đuôi sóng nhỏ, không đủ sức cuốn vào bờ, vẫn mặt trời đó, vẫn ngọn gió đó giữa đám kim tước – chỉ khác chăng là không phải Sabeth, người đang đứng bên tôi, mà là Hanna, Mẹ của Sabeth.

„Cả hai tắm ở đây?“

102 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚ölbaum’: í nói cây olive, trồng rất nhiều tại Hy lạp – ND.

„Ừ“, tôi nói –

„Đây đẹp thật!“ nàng bảo.

Thật khủng khiếp.

Những gì liên quan đến tai nạn, tôi không mảy may dấu diếm. Đó là một bờ biển cạn. Nơi đây phải lội ít nhất ba mươi thước mới có thể bơi được, và trong thời điểm tôi nghe được tiếng hét của Sabeth, tôi còn cách xa bờ ít nhất năm mươi thước. Tôi nhìn thấy Sabeth nhảy bổ lên. Tôi gọi lớn: Chuyện gì thế? Sabeth bỏ chạy – Chúng tôi, sau một đêm mất ngủ tại Akrokorinth, nằm thiếp đi trên cát, phần tôi sau đó có nhu cầu lội xuống nước để có vài phút riêng cho mình khi Sabeth ngủ. Trước đó tôi còn lấy áo lót của Sabeth đắp lên vai nàng mà không đánh thức nàng dậy; sợ nắng cháy da. Ở đây ít bóng râm, một ngọn tùng chơ vơ; chúng tôi đã lấy hố trũng nhỏ làm chỗ ngủ. Nhưng rồi, như đã đoán trước, bóng râm cứ trôi đi, đúng ra là mặt trời trôi qua, và vì vậy tôi thức giấc, có lẽ thế, bởi người bỗng chốc vã đầy mồ hôi, đồng thời cái tĩnh lặng buổi trưa, tôi giật mình, có thể bởi vì tôi đang mơ một chuyện gì đó hoặc đang tin rằng nghe thấy tiếng chân ai. Nhưng chúng tôi hoàn toàn một mình. Có thể tôi đã nghe tiếng xe cút kít chở sỏi, tiếng xúc sỏi; nhưng tôi không trông thấy gì cả, Sabeth ngủ, và thật không có lí do gì để hoảng sợ, một buổi trưa bình thường, hầu như không một gợn sóng vỗ, chỉ tiếng lách tách yếu ớt của những con sóng lăn tăn, lạc vào bờ sỏi, thỉnh thoảng tiếng sỏi lăn vào nhau yếu ớt, hệt như tiếng chuông, ngoài ra tĩnh lặng, thi thoảng một con ong bay qua. Tôi suy nghĩ, có nên bơi hay không, nếu nhịp tim ta đang đập mạnh. Tôi đứng lưỡng lự một hồi; Sabeth nhận biết không có ai nằm bên cạnh nữa, và duỗi người, vẫn còn ngái ngủ. Tôi rải cát lên gáy Sabeth, nhưng nàng vẫn ngủ. Cuối cùng tôi xuống bơi – trong thời điểm khi Sabeth hét lên, tôi còn cách xa bờ ít nhất năm mươi thước.

Sabeth chạy, không trả lời.

Sabeth có nghe tiếng tôi không, tôi không biết. Rồi tôi ráng chạy nhanh giữa làn nước! Tôi gọi Sabeth hãy đứng lại, người tôi như tê liệt khi tôi rốt cuộc rời được khỏi mặt nước; tôi nặng nhọc rượt theo Sabeth, cho đến khi Sabeth đứng lại –

Sabeth đứng trên bờ đất:

Sabeth chận bàn tay phải lên ngực trái, đợi và không một tiếng trả lời, cho đến khi tôi leo lên được bờ đất (tôi không hề hay biết rằng tôi đang trần truồng) và đi đến gần – và điều ngớ ngẩn hết sức là Sabeth, trong khi tôi chỉ muốn cứu giúp cô bé, lại từng bước lùi tránh tôi, cho đến khi ngửa người (trong khi đó tôi đã đứng ngay lại rồi!) ngửa người ngã ngược qua bờ đất cao.

Đó mới chính là oan nạn.

Không cao đến hai thước, khoảng một đầu người, nhưng khi tôi đến bên cạnh, Sabeth đã nằm bất tỉnh giữa cát. Có lẽ té vào sau đầu. Mãi một lúc sau tôi mới nhìn thấy vết cắn, ba giọt máu nhỏ xíu, tôi liền lau đi ngay, tôi mặc ngay quần vào, mặc áo, không mang giầy, rồi với cô con gái trên tay hướng ra đường, nơi chiếc xe Ford chạy ngang, không hề nghe tiếng tôi –

Hanna, nhìn nàng đứng ngay nơi đã xảy ra tai nạn như thế, Hanna với điếu thuốc lá, trong lúc tôi thuật lại, rành mạch như có thể, và chỉ cho nàng thấy bờ đất cao và mọi sự, nàng thật tuyệt vời, Hanna cư xử như một người bạn, trong khi đó tôi chuẩn bị tinh thần rằng là mẹ, nàng sẽ nguyền rủa tôi thậm tệ không còn đất đứng, cho dù mặc khác, thực tế mà nói, tôi chẳng tội tình gì.

„Đi“, nàng nói, „lấy đồ đạc của anh đi.“

Nếu chúng tôi không chắc chắn rằng đứa con đã tai qua nạn khỏi, chúng tôi đã không chuyện trò với nhau như thế trên bãi biển lúc đó.

„Anh biết“, nàng nói, „nó là con anh?“

Tôi biết.

„Đi“, nàng nói, „lấy đồ đạc của anh đi –“

Chúng tôi đứng, ôm đống đồ trên tay; tôi cầm đôi giầy bám bụi của tôi trong tay, Hanna cầm chiếc quần cao bồi màu đen của con gái chúng tôi.

Chính tôi cũng không biết, tôi muốn nói gì.

„Đi“, nàng nói, „mình đi thôi!“

Có lần tôi hỏi:

„Tại sao em đã dấu diếm anh chuyện đó?“

Không nhận được trả lời.

Lại cái nóng gắt màu xanh lơ lửng trên mặt biển – như hôm qua vào giờ này, buổi trưa với sóng cạn, không đủ sức cuộn lên nhau, chỉ vỡ tóe bọt khi đuôi sóng đánh tràn vào bờ, rồi lào xào tiếng đá sỏi, yên lặng, cho đến khi trò chơi ấy tiếp diễn lại.

Hanna hiểu rất rõ ý tôi.

„Anh quên“, nàng nói, „rằng tôi đã lập gia đình –”

Một lần khác:

„Anh quên rằng Elsbeth thương anh –”

Tôi không đủ sức ôm được cùng lúc vào mình tất cả mọi việc để giải quyết; nhưng một giải pháp nào đó, theo tôi, bao giờ cũng sẽ kiếm ra.

Chúng tôi còn đứng khá lâu.

„Tại sao anh không thể kiếm ra việc làm trên đất nước này?“ tôi nói. „Chuyên viên kĩ thuật ở đâu cũng cần, em đã thấy rồi đó, Hy lạp rồi cũng phải công nghiệp hóa –”

Hanna hiểu rất rõ tôi suy nghĩ gì, không lãng mạn, không đạo đức, chỉ rất mực thực tế: cùng nhau chung sống, cùng nhau lo kinh tế, cùng hưởng tuổi già. Tại sao không? Hanna biết điều này, ngay từ thời điểm tôi chưa hề biết được mảy may gì, nàng biết điều này từ hai mươi năm nay; dẫu vậy nàng lại sửng sốt hơn cả tôi.

„Hanna“, tôi hỏi, „tại sao em cười?“

Một tương lai nào đó, theo tôi, bao giờ cũng có, thế giới này chưa khi nào chợt đứng chững lại, cuộc đời vẫn tiếp tục trôi!

„Đúng“, nàng nói, „Nhưng có lẽ không có chúng ta.“

Tôi nắm lấy vai nàng.

„Thôi!“ nàng nói, „Chúng ta đã lập gia đình, Walter, đúng thế! – đừng đụng vào người tôi.“

Rồi trở ra xe.

Hanna có lí; tôi luôn luôn quên khuấy một chuyện gì đó; nhưng cho dù nàng có nhắc nhở tôi, tôi sẽ cương quyết bằng mọi giá, xin thuyên chuyển về Athen hoặc xin nghỉ việc để di cư về Athen, dẫu chính tôi trong thời điểm này chưa rõ ràng, mọi việc sẽ được giải quyết như thế nào, chuyện sống chung của chúng tôi; tôi đã quen đi tìm giải pháp, cho đến khi có lời giải … Hanna nhường tay lái cho tôi, tôi chưa bao giờ lái một chiếc Opel-Olympia, và vì Hanna suốt đêm qua không hề ngủ; nàng làm như thể nàng đang ngủ.

Tại Athen chúng tôi mua thêm hoa.

Gần mười lăm giờ.

Vẫn còn ngồi chờ trong phòng đợi, chúng tôi hoàn toàn chẳng hay biết gì, Hanna gỡ giấy bọc quanh bó hoa –

Rồi thì khuôn mặt quen thuộc của bà nữ tu điều dưỡng!

Hanna đứng cạnh cửa sổ như hôm qua, không trao đổi nhau lời nào, chúng tôi không nhìn nhau –

Rồi thì Bác sĩ Eleutheropulos xuất hiện.

Tất cả nói bằng tiếng Hy lạp; nhưng tôi hiểu tất cả.

Cái chết đến với Sabeth khoảng ngắn sau mười bốn giờ.

-- Và trước giường Sabeth, Hanna và tôi, ta không thể dễ dàng tin được như thế, đứa con của chúng tôi mắt nhắm nghiền, giống như đang ngủ, nhưng trắng nhợt như thạch cao, thân hình dong dỏng dưới tấm vải liệm, tay duỗi cạnh hông, bó hoa của chúng tôi trên ngực, tôi nhận thấy, không để an ủi, nhưng thật là thế: Sabeth đang ngủ! Đến nay tôi vẫn còn chưa

tin được điều này. Nó ngủ! tôi nói – hoàn toàn không nói với Hanna, nàng thình lình thét vào mặt tôi, Hanna trước mặt tôi với đôi nắm tay bé nhỏ, tôi không nhận ra nàng nữa, tôi không chống đỡ, tôi không cảm nhận được những nắm tay nàng đấm vào trán tôi. Có thay đổi được gì! Nàng thét và đấm vào mặt tôi cho đến khi kiệt sức, suốt thời gian tôi chỉ lấy tay che hai mắt.

Như hiện nay được minh xác, cái chết của con gái chúng tôi không do nọc rắn gây ra, chất độc nhờ truyền huyết thanh đã được đánh bật đi rất hiệu quả; Sabeth chết vì hậu quả của một vết rạn xương sọ não không chẩn định được, compressio cerebri[103], bởi cái té của Sabeth qua bờ đất thấp đó. Chấn thương đến arteria meningica media, còn gọi là Epidural-Haematon, có thể cứu chữa được qua phẫu thuật (người ta nói với tôi như thế) chả có vấn đề gì.

Viết tại Caracas, 21 tháng Sáu đến 8 tháng Bảy.

103 Compressio cerebri (lat.): chấn thương sọ não; Epiduralhaematon: một trường hợp xuất huyết não.

Chặng thứ hai

Nhà thương Athen
Bắt đầu ghi chép ngày 19 tháng Bảy

Họ lấy đi máy đánh chữ của tôi và khóa nó trong cái tủ trắng, vì là buổi trưa, vì là giờ nghỉ. Tôi nên viết bằng tay! Tôi không chịu nổi nét chữ viết tay, tôi ngồi mình trần trên giường, và cái quạt gió nho nhỏ của tôi (quà của Hanna) vù vù từ sáng đến chiều; ngoài ra yên lặng như tờ. Hôm nay lại bốn mươi độ trong bóng râm! Giờ nghỉ này (13:00 – 17:00) là khốn khổ nhất. Đồng thời tôi chỉ còn rất ít thì giờ để thực hiện lịch trình của tôi. Hanna đến thăm tôi hàng ngày, nỗi hoảng sợ của tôi mỗi khi có tiếng gõ vào cánh cửa kép màu trắng; Hanna đen tuyền, nàng bước vào căn phòng trắng toát của tôi. Tại sao nàng không bao giờ ngồi xuống? Nàng đi thăm mộ hàng ngày, đó là tất cả những gì hiện nay tôi biết được về Hanna, và hàng ngày đi đến Viện. Sự kiện nàng đứng cạnh cánh cửa sổ mở, trong lúc tôi phải nằm, làm tôi khó chịu, sự câm nín của nàng. Nàng có tha thứ không? Tôi có được phép bù đắp gì cho nàng không? Tôi còn không biết được Hanna từ dạo đó đến nay đã làm gì; không một lời nhắc đến việc này. Tôi có hỏi tại sao Hanna không ngồi xuống. Tôi hoàn toàn không hiểu Hanna, nàng cười mỉm khi tôi hỏi, ánh mắt nàng không nhìn gì đến tôi, đôi lúc tôi sợ nàng sẽ điên mất. Hôm nay như thế là sáu tuần.

1. tháng Sáu. New York.

Buổi Saturday-party ngoài sân như thường lệ tại nhà Williams, tôi không muốn đến, nhưng tôi phải, có nghĩa rằng: thật ra không ai có thể cưỡng ép tôi cả, nhưng tôi đến. Tôi không biết nên làm gì. May sao ít nhất là tại đây tôi nhận được tin báo rằng những turbine cho Venezuela cuối cùng đã sẵn sàng nằm chờ lắp ráp, vậy là bay tiếp sớm như có thể – tôi tự hỏi, tôi

có đảm trách nổi nhiệm vụ không. Trong khi Williams, con người lạc quan, đặt tay lên vai tôi, tôi gật đầu; nhưng tôi vẫn tự hỏi tôi.

Come on, Walter, have a drink!

Đứng quanh quẩn như mọi lần –

Roman Holidays, oh, how marvellous!

Tôi không nói ai hay rằng con gái tôi đã mất, bởi không một ai hay biết rằng đứa con này đã từng hiện hữu, và tôi cũng không mang băng tang trên khuy áo, bởi tôi không muốn họ hỏi tôi, bởi chuyện này chả mảy may dính dáng đến một ai.

Come on, Walter, another drink!

Tôi uống nhiều quá nhiều –

Walter has trouble, Williams nói giữa đám đông, Walter can't find the key of his home"

Williams bảo tôi ráng gượng vui lên, cười vui lên chứ đừng vậy. Ta không thể đơn giản đứng trong một góc và nhai hạnh nhân mãi.

Fra Angelico, oh, I love it!

Ai ai cũng hiểu biết hơn tôi nhiều –

How did you enjoy the Masaccio-fresco?

Tôi không biết, nên nói gì –

Semantics[104]! you've never heard of semantics?

Tôi đứng đó như một thằng đần –

Tôi ở khách sạn Times Square. Bảng tên tôi còn gắn bên ngoài căn hộ; nhưng Freddy, lão gác dan, không biết tí nào gì về chiếc chìa khóa. Ivy lẽ ra phải giao nó lại, tôi bấm chuông vào chính nhà tôi. Tôi hoang mang. Tất cả đều mở cửa: các cơ sở và rạp chiếu bóng và tàu điện ngầm, chỉ có căn hộ của tôi là đóng kín. Sau đó đi trên một chuyến tàu tham quan trên sông xem phong cảnh thành phố, cốt chỉ giết thì giờ; những nhà chọc trời như những tấm bia mộ (tôi vẫn thấy như thế từ xưa nay), tôi

104 Ngữ nghĩa học.

lắng nghe tiếng loa phóng thanh: Rockefeller Center, Empire State, United Nations[105] và vân .. vân … tôi ngồi nghe như một kẻ chưa từng sống giữa Manhattan này mười một năm. Sau đó xem chiếu bóng. Rồi đi bằng tàu điện ngầm, như mọi bận; *IRT, Espress Uptown*[106], không cần đổi tàu tại Columbus Circle, mặc dù với chuyến *Independent* tôi có thể về nhà gần hơn, nhưng trong mười một năm tôi chưa bao giờ đổi tàu, tôi xuống tàu, tại trạm xưa nay vẫn xuống, và đi bộ như mọi lần ngang qua tiệm Tàu giặt ủi, người ta còn nhớ mặt tôi. Hello Mister Faber, rồi với ba chiếc áo sơ mi, đã nằm đấy chờ tôi hàng tháng, trở về lại khách sạn, ngồi đó tôi chẳng có việc gì làm, ngồi đó tôi liên tục gọi vào số điện thoại của chính tôi – dĩ nhiên không gặp ai! – sau đó tiếc thay phải đến đây.

Nice to see you, vân .. vân …

Trước đó tôi có ghé đến nhà để xe hỏi xem chiếc Studebaker của tôi còn không; nhưng tôi chả cần phải hỏi, ta nhìn thấy nó từ xa (màu đỏ son môi của nó) trong bãi đậu giữa những mảng tường cháy đen.

Rồi, như đã kể, đến đây.

Walter, what's the matter with you?

Tôi vốn ghét cái Saturday-party này xưa nay. Tâm trạng tôi hiện không thể vui đùa được. Nhưng tôi chả cần đến một bàn tay đặt lên vai an ủi vì thế –

Walter, don't be silly!

Tôi biết, tôi sẽ không đảm trách nổi công việc. Tôi say, tôi biết. Họ tưởng tôi không biết tôi say. Tôi biết họ. Khi ta không còn đứng đấy nữa, sẽ cũng chẳng một ai để í. Tôi đã không đứng đấy nữa. Tôi đi ngang khu Times Square trong màn đêm (lần cuối cùng, tôi hi vọng thế) để từ một phòng điện thoại công cộng gọi về số máy của tôi một lần nữa – đến nay tôi vẫn chưa hiểu, tại sao có người nhấc máy.

„This is Walter", tôi nói.

105 Những tòa nhà nổi tiếng tại thành phố New York.

106 Những từ viết chữ nghiêng là tên gọi những chuyến tàu điện, Columbus Circle: một quảng trường lớn tại New York.

„Who?“

„Walter Faber“, tôi nói, „this is Walter Faber –“

Người lạ.

„Sorry“, tôi nói.

Có thể gọi nhầm số; tôi lấy cuốn niên giám điện thoại dày cộm của khu Manhattan để tra cứu số điện thoại của tôi và thử một lần nữa.

„Who’s calling?“

„Walter“, tôi nói, „Walter Faber.“

Vẫn giọng ban nãy trả lời, làm tôi khựng lại một lát, tôi không hiểu.

„Yes – what do you want?“

Thật ra sẽ chả có chuyện gì xảy đến, nếu tôi trả lời. Tôi trấn tỉnh, trước khi gã bên kia ngắt máy, và hỏi, chỉ để có chuyện hỏi, về số điện thoại.

„Yes – this is Trafalgar 4-5571.“

Tôi đang say.

„That’s impossible!“ tôi nói –

Có thể căn hộ của tôi đang cho ai thuê, có thể số điện thoại đã bị đổi, mọi chuyện có thể xảy ra, tôi đồng ý như thế, nhưng chả ích gì.

„Trafalgar 4-5571“, tôi nói, „that’s me!“

Tôi nghe được hắn lấy tay che ống nói và trao đổi với ai đó (với Ivy?), tôi nghe tiếng cười ồn, rồi thì: „Who are you?“

Tôi hỏi ngược lại:

„Are you Walter Faber?“

Cuối cùng hắn đặt máy xuống, tôi ngồi trong một quán rượu, đầu xây xẩm, tôi không chịu nổi Whisky nữa, sau đó tôi nhờ anh chàng bán bar kiếm giúp tôi số điện thoại của Mister Walter Faber và gọi giùm vào số đó, chàng ta làm ngay; anh chàng trao tôi ống nghe; tôi nghe tiếng chuông đổ lâu, rồi thì có người nhấc máy:

„Trafalgar 4-5571 – Hello?“

Tôi đặt máy xuống, không nói lời nào.

Theo kết qủa thống kê, cuộc giải phẩu sẽ vĩnh viễn giải thoát tôi khỏi mọi đớn đau thể xác, một cuộc phẫu thuật đã thành công trong 94,6 trên 100 ca, điều làm tôi khó chịu chỉ là cái chờ đợi ngày này qua ngày nọ. Tôi không quen bị bệnh. Một điều khác cũng làm tôi khó chịu: khi Hanna an ủi tôi, bởi nàng không tin vào thống kê. Tôi thật sự tin tưởng hết mình, đồng thời mừng rằng đã không chịu cho mổ tại New York hoặc tại Düsseldorf hoặc Zürich; tôi phải gặp mặt Hanna, cũng như phải nói chuyện với nàng. Tôi không hình dung được Hanna làm gì khi nàng không có mặt trong căn phòng này. Nàng ăn? Nàng ngủ? Nàng đến Viện hàng ngày (08:00-11:00 và 17:00-19:00) và thăm mộ con gái chúng tôi hàng ngày. Gì nữa ngoài những việc ấy? Tôi năn nỉ Hanna ngồi xuống. Tại sao nàng không nói? Khi Hanna ngồi xuống, chưa đầy một phút sau nàng sẽ thấy thiếu một thứ gì đó, hoặc cái gạt tàn thuốc hoặc cái bật lửa, để nàng lại đứng dậy và đứng luôn như thế. Nếu Hanna không thể chịu đựng được tôi tại sao nàng đến? Nàng chỉnh gối cho tôi. Nếu là ung thư có lẽ họ đã đè tôi ra mổ ngay, hợp lí, tôi có giải thích cho Hanna nghe, và điều đó thuyết phục nàng, tôi hi vọng vậy. Hôm nay không bị chích thuốc! Tôi sẽ cưới Hanna.

2. tháng Sáu. Bay đến Caracas.

Lần này tôi bay qua Miami và Merida, Yucatan, những chặng có chuyến bay đi Caracas hàng ngày, và phải ngừng lại tại Merida (đau dạ dày) –

Rồi lại một lần nữa đi Campeche.

(6½ giờ đi xe buýt từ Merida.)

Trên nhà ga nhỏ với những đường rây hẹp và xương rồng mọc giữa những gờ chắn, nơi tôi cùng Herbert Hencke cách đây hai tháng đã một lần đứng đợi tàu, đầu dựa vào tường với mắt nhắm nghiền, chân và tay duỗi ra, mọi chuyện xảy ra

trong lần trước đứng đợi chuyến tàu này, đối với tôi, như là một ảo giác – mọi thứ ở đây không thay đổi:

Không khí rít nháp –

Mùi cá và mùi trái dứa –

Những con chó gầy –

Những con chó chết không ai chôn, lũ kên kên trên những mái nhà giữa chợ, cái nóng, mùi ẩm thối của biển, mặt trời lóng lánh đan vào nhau trên mặt biển, trên đất bằng giữa đám mây đen những làn sét lóe lên trắng xanh như ánh sáng run rẩy của một ngọn đèn thạch anh.

Lại một lần nữa chuyến hành trình bằng xe lửa!

Cuộc tái ngộ với Palenque khiến tôi gần như sung sướng, mọi thứ không thay đổi: hàng hiên với những võng treo của chúng tôi, bia, quán cóc của chúng tôi cùng con két, người ta còn nhớ đến tôi, ngay những đứa trẻ cũng nhận ra tôi, tôi mua kẹo ngọt của bản xứ và chia đều, rồi có một lần tôi chạy xe ra khu đền phế tích, nơi mà mọi thứ đương nhiên không thay đổi, không một bóng người, vẫn lũ chim rộn ràng như thuở đó, vẫn còn y hệt như trước đây hai tháng – ban đêm cũng vậy, sau khi cỗ máy dầu cặn của Palenque tắt ngấm: chú gà tây trong bãi sân trước hàng hiên, chạy vòng vòng vì không chịu được ánh giông chớp, con nai, con lợn nái màu đen bên cọc, trăng nhầy nhụa, con ngựa gặm cỏ trong đêm.

Nhìn đâu đâu tôi cũng suy nghĩ vẫn vơ:

Phải chi vẫn cứ như ngày đó! chỉ lùi lại hai tháng, khoảng thời gian đã không làm thay đổi mảy may gì nơi đây; tại sao không thể đang là tháng Tư! và tất cả mọi chuyện khác chỉ là một ảo giác của tôi. Rồi một mình với chiếc Landrover –

Tôi trò chuyện với Herbert.

Tôi trò chuyện với Marcel.

Tôi tắm giữa dòng Rio Usumacinta, con sông có thay đổi; nhiều nước hơn, không còn sủi bọt vì nước chảy xiết hơn, và ta không biết giờ đây có vượt qua sông được với chiếc Landrover mà không bị chết đuối –

Vượt qua được.

Herbert đã thay đổi, gặp mặt nhận thấy ngay, Herbert để một chòm râu, nhưng tất cả những thứ khác cũng thế – thái độ ngờ vực của hắn:

„Ơ kìa, anh làm gì ở đây?“

Herbert tưởng tôi đến với nhiệm vụ gia đình hắn ta giao, hoặc của hãng, để đón hắn về lại Düsseldorf, và không tin rằng tôi đến chỉ để gặp lại hắn, mà thật sự như thế; ta đâu có lắm bạn.

Hắn ta đã làm gãy gọng kính.

„Sao cậu không sửa nó?“ tôi hỏi.

Tôi sửa kính cho hắn.

Giữa cơn mưa xối xả chúng tôi ngồi trong căn lán, có thể nói như ngồi trong con ‚Thuyền Noah[107]', không có ánh sáng, bởi bình điện, trước đó Herbert còn dùng để chạy máy thu thanh, đã chết từ lâu, và hắn chả mảy may quan tâm đến những tin tức thế giới, ngay đến những sự kiện xảy ra bên Đức cũng không, đến cả những sự kiện chính trị nổi bật; tôi không nhắc đến những vấn đề cá nhân.

Tôi hỏi thăm chiếc Nash của hắn –

Herbert chưa bao giờ ra đến Palenque!

Tôi có đem theo xăng cho Herbert, năm can, để hắn có thể sử dụng xe được bất cứ lúc nào; nhưng hắn ta không màng đến chuyện đó.

Hắn nhếch miệng cười dưới chòm râu.

Chúng tôi hoàn toàn không hiểu nhau.

Hắn nhếch miệng cười khi trông thấy tôi cạo râu với một lưỡi dao cạo cũ, vì ở đây không có điện và vì tôi không muốn để râu, vì tôi phải đi tiếp –

Phần hắn không có một dự tính nào!

Chiếc Nash 55 của hắn đậu dưới mái lá khô như lần trước, đã thế chìa khóa còn nằm nguyên trong ổ; có lẽ đám dân

107 Arche Noah: Kinh Cựu ước, Noah đóng thuyền chở theo từ mỗi loài vật một cặp đực và cái để cứu loài vật qua cơn Đại hồng thủy.

Indio này chưa hề biết cách cho máy nổ, mọi thứ còn nguyên vẹn, vẫn trong tình trạng hoàn hảo, giục tôi bắt tay ngay vào công việc.

„Nếu anh thích làm việc đó“, hắn nói, „cứ tự nhiên.“

Herbert đi săn kỳ nhông.

Tôi thấy máy xe bám đầy bùn vì những trận mưa lớn, tất cả phải được chùi sạch, mọi thứ đều mốc meo và nghẽn kín, mùi của phấn hoa dính vào dầu máy và thối vữa, nhưng tôi sung sướng vì có chuyện để làm –

Đám trẻ con Maya vây quanh.

Ngày này qua ngày nọ chúng chăm chú nhìn tôi gỡ cỗ máy ra như thế nào, lá chuối trải trên nền đất, những bộ phận máy móc nằm trên đó – trời làm giông chớp nhưng không mưa.

Đám bà mẹ cũng trố mắt nhìn, đám đàn bà không bao giờ ngưng chửa đẻ, hình như thế, họ ẵm đứa bé sơ sanh nằm bên đầu vú nâu, tựa trên bụng bầu mới chửa, họ đứng như thế, trong lúc tôi chùi cổ máy, và trố mắt nhìn, không nói một tiếng, bởi có nói tôi cũng không hiểu họ.

Herbert trở về với xâu kỳ nhông –

Chúng còn sống, chúng hoàn toàn bất động cho đến khi ta chạm vào chúng, mõm kỳ nhông bị cột chặt bằng lá khô, bởi chúng rất háu cắn, nấu lên ăn như thịt gà.

Buổi tối nằm trên võng.

Không có bia, chỉ có loại nước dừa này –

Trời chớp giông.

Điều tôi lo lắng có thể bị mất cắp một thứ gì đó rồi không có đồ thay thế được, chẳng làm cho Herbert giao động; hắn quả quyết rằng họ chả thèm mó đến một thứ gì. Không một lời nào nữa về một cuộc nổi dậy! Họ làm việc thậm chí rất chăm chỉ, Herbert kể, họ tuân lệnh, mặc dù tin chắc rằng sự việc chả đi đến đâu.

Hắn nhếch miệng cười dưới chòm râu –

Tương lai của những điếu xì gà Đức!

Tôi hỏi Herbert, hắn thật sự nghĩ gì; muốn ở lại đây hay quay trở về Düsseldorf; hắn suy tính gì –

Nada[108]!

Có một lần tôi kể rằng tôi có gặp Hanna, rằng tôi sẽ cưới nàng; nhưng tôi chẳng biết Herbert có nghe không nữa.

Herbert y hệt như một gã Indio!

Cái nóng –

Đám đom đóm –

Ta nhễ nhãi như trong phòng tắm hơi.

Vào một ngày khác trời bỗng mưa, thình lình, chỉ mười lăm phút đồng hồ, trận Đại hồng thủy, rồi lại mặt trời; nhưng nước ứ thành những ao nâu, và tôi trước đó đã đẩy chiếc Nash ra khỏi căn chòi, để được làm việc ngoài trời, đâu thể biết được rằng ngay nơi đây sẽ biến thành một cái ao con. Ngược với Herbert, tôi không thể xem đấy là chuyện bông đùa được. Nước dâng cao quá trục bánh xe, chưa kể đến những bộ phận của cỗ máy đã tháo rời ra, được tôi bày trên nền đất. Tôi hoảng hốt khi trông thấy sự việc. Để tôi an tâm, Herbert giao tôi hai mươi gã Indio, và xem như công việc chả dính dáng gì đến hắn, công việc đốn cây, tôi phải điều động, công việc đội chiếc xe cao lên, để ta có thể chui vào gầm xe được. Tôi mất hết một ngày trời, chỉ mới gom góp được một số bộ phận của máy xe, công việc lội trong vũng nước lầy đục, công việc mò mẫm giữa đống bùn hâm hấp nóng, tất cả tôi phải tự làm lấy một mình, bởi Herbert chả để tâm đến.

„Thôi bỏ đi!“ hắn nói, „Sửa làm gì!“

Tôi phân việc cho hai mươi gã Indio đào những đường mương cho nước thoát đi; chỉ như vậy mới có thể kiếm thấy được ba thứ bộ phận lỉnh kỉnh, dù thế vẫn khó khăn vô cùng, bởi một số đã chìm hẳn dưới sình lầy, bị đất nuốt chửng.

Lời thứ nhì hắn mở miệng: Nada!

108 Naja (tiếng Đức): một cách trả lời ỡm ờ, không hàm ý nào cả, không dứt khoát, không rõ ràng.

Tôi để mặc hắn đùa nghịch, không trả lời. Không có chiếc Nash Herbert sẽ chịu chết. Tôi không để bị hắn lôi kéo và tiếp tục làm việc.

„Không có lấy một chiếc xe nào, cậu sẽ làm gì?“ tôi hỏi.

Cuối cùng khi tôi ráp cỗ máy vào với nhau cho chạy được, hắn cười khẩy và nói bravo, chả nói gì thêm, hắn vỗ bàn tay lên vai tôi: tôi giữ lấy mà dùng, chiếc Nash của hắn, hắn tặng nó cho tôi.

„Tôi giữ nó làm gì!“ hắn nói –

Không sao ngăn được Herbert ngưng đùa nghịch: Herbert đóng vai cảnh sát giao thông, trong khi tôi ngồi trong chiếc xe được đội lên cao để kiểm soát một lần nữa, ngồi ngay tay lái và sang số xe, chung quanh là đám trẻ con Maya, những bà mẹ vận những chiếc áo trắng, ai nấy đều ẵm trẻ sơ sinh, lát sau có cả trai tráng, đứng trong lùm cây, ai nấy đều cầm con dao cong, hàng tháng rồi họ không nghe tiếng máy nổ, tôi vào số và nhấn hết ga, những bánh xe quay tròn trong không khí, Herbert vẫy: Ngừng! tôi ngừng lại, tôi bấm còi, Herbert vẫy: Chạy tiếp! Đám dân Indio (mỗi lúc một nhiều thêm) trố mắt nhìn chúng tôi, không cười, trong lúc chúng tôi đùa nghịch, ai nấy đều câm như hến, đến độ trang nghiêm, trong lúc chúng tôi (để làm gì thế nhỉ) chơi trò giao thông kẹt xe trên đường phố Düsseldorf –

Tranh luận với Hanna! – về đề tài <u>kĩ thuật chỉ là thủ thuật</u> (theo Hanna) khéo bố trí để ta không nhận chân thế giới được nữa. Bản chất người kĩ thuật là tận dụng tạo hoá, bởi vì họ không đồng hành với tạo hoá, không thể sát cánh với tạo hoá; kĩ thuật là thủ thuật, nhìn thế giới là một chướng ngại để xóa bỏ nó đi, thí dụ với dùng tốc kéo loãng thế giới ra khiến ta không sống thật với thế giới được. (Hanna nghĩ gì qua đó, tôi chẳng hiểu.) Người kĩ thuật phi thế giới. (Hanna nghĩ gì qua đó, tôi chẳng hiểu.) Hanna không lên án, Hanna chỉ thấy không có gì là khó hiểu khi tôi đã cư xử như vừa qua với Sabeth; tôi đã (Hanna nghĩ thế) trải qua một hình thái quan hệ mà tôi chưa hề

biết, và đã ngộ nhận nó, tôi tự bảo mình đấy là tình yêu. Đấy không là một lỗi lầm ngẫu nhiên, mà chính là một lỗi lầm thuộc về người tôi (?) như nghề nghiệp của tôi, như trọn cuộc đời tôi vậy. Lỗi lầm của tôi: người kĩ thuật chúng tôi hướng đến cuộc sống không có cái chết. Nguyên lời: Anh không xem cuộc sống như là một thể dạng, mà lại tiếp cận nó như chỉ là một con tính cộng, qua đó đánh mất ý niệm về thời gian, vì đã không mang trong đầu ý niệm về sự chết. Cuộc sống chính là một thể dạng của thời gian. Hanna công nhận rằng nàng không thể giải thích được những gì nàng nghĩ. Cuộc sống không là vật chất, không dùng kĩ thuật nhào nặn được. Lỗi lầm của tôi đối với Sabeth: Là ý niệm Vĩnh cửu luân hồi[109]*, tôi đã xử sự y như tuổi tác không hề hiện hữu, vì vậy phản thiên nhiên. Chúng ta không thể cầm chân tuổi tác lại bằng cách chúng ta mãi cộng thêm nữa vào, bằng cách chúng ta cưới chính con cái chúng ta.*

20. tháng Sáu, đáp xuống Caracas.

Rốt cuộc cũng suôn sẻ; turbine đã nằm đúng nơi đúng chỗ, luôn cả số nhân công yêu cầu. Tôi đã gắng hết sức mình như có thể, để rồi đúng ngay vào lúc này, khi công việc lắp ráp bắt đầu chạy, tôi lại vắng mặt vì đau dạ dày, thật là rủi ro, nhưng không làm khác hơn được; chuyến trước đến đây (19. và 20. tháng Tư) tôi rất khỏe mạnh, nhưng mọi thứ khác lại chưa sẵn sàng. Dẫu sao cũng là lỗi tôi, đã không thể kiểm soát chặt chẽ qui trình lắp ráp; tôi phải nằm trong khách sạn, điều chả thích thú chút nào, hơn hai tuần. Tại Caracas tôi có ngóng chờ một lá thư của Hanna. Một điện tín về Athen tôi gởi đi lúc đó, cũng không có hồi âm. Tôi muốn viết cho Hanna và thảo rất nhiều thư; nhưng tôi không hề biết Hanna hiện ở đâu, và tôi không làm cách nào khác hơn được (tôi phải làm một việc gì đó trong cái khách sạn này!) là soạn thảo một bản tường thuật, bản tường thuật không gởi đến ai.

Công việc lắp ráp tiến triển tốt – không có mặt tôi.

109 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚Repetition': Friedrich Nietzsches.

Bà nữ tu điều dưỡng rốt cuộc đem đến cho tôi chiếc gương soi – tôi hoảng hốt. Người tôi vốn luôn gầy, nhưng chưa bao giờ như vầy; không thể giống như lão già Indio ở Palenque được, người đã dẫn chúng tôi đi xem mấy cái lăng mộ ẩm thấp. Tôi tình thật có hơi hoảng sợ. Ngoài những lúc cạo râu ra, tôi không buồn soi gương; tôi chải đầu không cần gương soi, mặc dù thế vẫn ta biết khuôn mặt ta như thế nào, hoặc giả đã từng trông như thế nào. Sống mũi tôi xưa nay vốn dài, còn những vành tai đối với tôi thật không có gì khác thường. Tôi lại bận một pyjama không có cổ áo, vì vậy thấy cổ tôi dài, thấy những đường gân trên cổ, khi tôi lắc đầu, và những rãnh sâu giữa những đường gân, những hố sâu tôi chưa bao giờ để ý đến. Đôi tai tôi: giống như của những gã tù nhân đầu cạo nhẵn! Tôi thật tình không thể tưởng tượng nổi rằng xương sọ tôi lại bị bé đi một tí. Tôi tự hỏi không biết cái mũi tôi có duyên hơn chút nào không, và đi đến kết luận rằng mũi không bao giờ có duyên, lố bịch là đằng khác, đến độ thô lỗ. Chắc chắn thời gian ở Paris (trước đây hai tháng!) diện mạo tôi không như thế, nếu không, Sabeth đã chẳng bao giờ đi Nhà hát lớn cùng tôi. Cạnh đó da tôi vẫn còn sạm nắng, chỉ cuống cổ hơi nhợt trắng. Với những lỗ chân lông, giống như một cổ gà được vặt lông! Đối với tôi miệng tôi vẫn còn duyên, tôi không biết tại sao, miệng và đôi mắt, thật ra không nâu, như tôi vẫn nghĩ theo trên sổ thông hành ghi, mà là màu xám xanh lục; những phần còn lại có thể thuộc về thân xác một người nào khác, đã làm việc quá sức. Hàm răng của tôi, tôi vẫn mãi nguyền rủa. Sau khi lành bệnh tôi phải đến nha sĩ ngay. Bởi những cao răng, cũng có thể vì bịnh sưng nướu; tôi không cảm thấy đau, chỉ cảm nhận được mạch máu giựt giựt trong hàm. Tóc tôi luôn luôn hớt rất ngắn, vì như thế tiện hơn, và ở hai bên tóc mọc không thưa đi chút nào, phía sau cũng vậy. Tôi thật ra có tóc bạc từ lâu, màu vàng bạch kim, điều tôi chẳng để ý đến. Khi tôi nằm ngửa lưng và giữ tấm gương soi trên người, trông tôi vẫn như xưa nay; chỉ hơi gầy đi một tí, vì ăn kiêng khem, điều dễ hiểu. Có thể cũng vì tia sáng trắng rọi qua bức mành cửa trong căn phòng này, làm cho

ta nhợt nhạt đi dưới làn da sạm nắng; không trắng, mà là vàng. Tệ nhất là hàm răng. Tôi luôn luôn lo ngại về nó; dù ta có chữa trị gì chăng nữa: sự thoái hóa của nó. Nói chung nguyên cả con người! – về mặt cấu trúc rất hợp lí, nhưng vật liệu sử dụng hỏng bét: thịt không phải là vật liệu, mà là một lời nguyền.

TB. Chưa bao giờ có người chết nhiều đến thế, tôi cảm thấy vậy, như trong ba tháng vừa qua. Nay thì ông Giáo sư O., người mà tôi gặp mặt trò chuyện tại Zürich vào tuần trước cũng đã mất rồi.

TB. Tôi vừa mới cạo râu, rồi xoa bóp da mặt. Thật nực cười về những gì ta tưởng nghĩ đến khi nhàn rỗi qua mức! Không lí do gì phải hoảng sợ, tôi chỉ thiếu vận động và thiếu không khí trong lành, tất cả chỉ có thế.

9. – 13. tháng Bảy tại Cuba.

Tôi làm gì tại Havana: – đổi máy bay, vì tôi không muốn bay qua New York trong bất cứ tình huống nào, KLM[110] từ Caracas, Cubana về Lisboa, tôi ở lại bốn ngày. Bốn ngày không làm gì khác ngoài việc đi bát phố –

El Prado[111]*:*

Con đường cũ kỹ với hàng cây tiêu huyền[112], giống như những nẽo đường Rambla[113] tại Barcelona, dòng người tấp nập dưới màn chiều, đại lộ cây cao và của những người đẹp, thật tuyệt, tôi rảo bước và rảo bước, tôi chả có việc gì khác để làm –

Lũ chim vàng, náo động giữa nắng chiều.

110 Hãng hàng không Hòa lan.
111 Pasio del Prado: Đại lộ chính tại Havana.
112 Nguyên văn – Platan: (còn có tên là chò nước ?).
113 Từ Tây Ban Nha dùng chỉ những con đường nguyên thủy là những dòng sông chảy ra biển, nay đã cạn nước, được tráng nhựa thành những dãy phố du khách. Nổi tiếng là La Rambla tại Barcelona (Tây Ban Nha) và tại Montevideo (Thủ đô nước Uruguay).

Đâu đâu cũng mời mọc tôi đánh giầy –

Cô nàng latino[114], thè lưỡi về phía tôi, bởi vì tôi ngắm cô mê mệt, cái lưỡi hồng trên khuôn mặt nâu của cô ta, tôi cười và chào – cô nàng cũng cười, hàm răng trắng giữa đôi môi như hoa đỏ mọng (nếu tôi có thể tả được như thế) và đôi mắt cô, tôi không mảy may muốn gì ở cô ta.

„How do you like Havana?“

Tôi tức giận, bởi người ta luôn luôn cho rằng tôi là người Mĩ, chỉ bởi vì tôi là người da trắng; đám ma cô theo sát từng bước một:

„Something very beautiful! D'you know what I mean? Something very young!“

Tất cả đi dạo, ai nấy đều cười.

Tất cả như mơ –

Đám cảnh sát trong sắc phục màu trắng, hút xì gà; đám lính hải quân, hút xì gà: – một lũ trai trẻ, mông căng phồng dưới chiếc quần chật.

Castillo del Morro[115] (Philipp Đệ Nhị).

Tôi gọi người đánh giầy.

Tôi quyết định sẽ sống khác –

Niềm vui của tôi –

Tôi mua xì gà, hai hộp nhỏ.

Mặt trời lặn –

Đám trẻ nhỏ trần truồng giữa biển, da của chúng, ánh mặt trời trên làn da đẫm nước, cái nóng, tôi ngồi và hút một điếu xì gà, mây đen giăng trên thành phố trắng ngần: đen tím, chen vào đó những ánh nắng cuối cùng trên những căn nhà cao tầng.

El Prado:

114 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚Neger-Spanierin': cô Tây Ban Nha da đen; ám chỉ những phụ nữ Nam Mĩ da đen, da màu – ND.

115 Thành Morro, mang tên vua Tây Ban Nha Philipp đệ nhị, một thắng cảnh tại Havana.

Nắng chiều màu xanh thẫm, gã bán kem; trên dãy tường dưới hàng đèn đường đám con gái ngồi (từng nhóm) và cười.

Tamales:

Đó là ngô, gói trong lá chuối, một món ăn, họ bán bên đường – người ta vừa ăn vừa đi để không mất thì giờ.

Tôi bị giao động? Sao thế nhỉ?

Tôi chẳng có chuyện gì làm tại Havana.

Những bận qua đêm của tôi tại khách sạn – bao giờ cũng thế – tắm vòi sen, rồi nằm trần truồng trên giường, gió từ quạt máy, tôi nằm và hút xì gà. Tôi không khóa cửa phòng; ngoài kia cô gái đứng giữa hành lang đang lau chùi và hát, cũng một nàng latino, tôi hút thuốc liên tục.

Khát vọng của tôi –

Tại sao nó mãi không đến!

Cạnh đó sự mệt mỏi, tôi quá mệt, đến nỗi không đi lấy nổi một cái gạt tàn thuốc; tôi nằm ngữa, ngậm điếu xì gà thẳng đứng và hút để lóng tàn thuốc trắng xóa của nó đừng rơi xuống.

Partagas[116].

Khi tôi xuống lại phố Prado mọi việc lại diễn ra như một ảo giác: – toàn những cô gái đẹp, những gã trai tráng cũng rất đẹp, toàn những con người tuyệt vời, một pha trộn giữa dân Phi châu và Tây Ban Nha, tôi trố mắt nhìn mãi không ngừng: dáng đi thẳng đứng và uyển chuyển của họ, bầy thiếu nữ trong chiếc váy đầm xanh, khăn đội đầu trắng, quấn chặt giống như những cô gái Phi châu, những chiếc lưng trần sậm đen vừa đủ để tiệp cùng màu những bóng râm dưới hàng tiêu huyền, vì thế thoạt nhìn ta chỉ thấy những váy đầm của họ, màu xanh hoặc tím, khăn đội đầu màu trắng của họ và hàm răng trắng, khi họ cười, màu trắng của những tròng mắt, những vòng khoen tai sáng ngời –

The Caribean Bar.

116 Partagas và Romeo y Julieta là những hiệu xì gà danh tiếng của Cuba.

Tôi lại hút thuốc –

Romeo y Julieta[Xem 116].

Một chàng trai trẻ, thoạt đầu tôi tưởng là một gã ma cô, khăng khăng nhất định phải trả tiền ly whisky của tôi cho bằng được, bởi gã vừa mới được làm cha:

„For the first time!“

Gã ôm choàng lấy tôi, đồng thời nhắc tới nhắc lui:

„Isn’t it a wonderful thing?“

Gã tự giới thiệu tên tuổi và muốn biết tên ta, ta có bao nhiêu con, nhất là con trai; tôi nói:

„Five.“

Gã gọi ngay năm ly whisky.

„Walter“, gã bảo, „you’re my brother!“

Cụng ly chưa kịp xong, gã đã bỏ đi, để mời mọc đám người khác uống cùng gã một ly whisky, để hỏi han, họ có bao nhiêu con, nhất là con trai –

Tất cả như khùng điên.

Cuối cùng cơn giông đến: – tôi ngồi một mình như thế trên chiếc ghế xích đu màu vàng dưới dãy hàng hiên, chung quanh nước réo lên, một cơn mưa thình lình như thác đổ cùng với gió, con đường rợp cây bỗng không bóng người, giống như báo động khẩn, tiếng những cánh cửa liếp đóng rầm lại, ngoài kia những tia nước tung tóe trên mặt nhựa đường: như một luống thủy tiên trắng chợt hiện ra đột ngột (nhất là dưới chân cột đèn đường) – tôi ngồi đong đưa như thế và ngắm.

Niềm khoái cảm, được hiện hữu nơi đây –

Thỉnh thoảng nước tuôn xuyên hàng hiên, như hoa giấy, rồi mùi lá cây hâm hấp và cảm giác mát lạnh thình lình trên làn da, thỉnh thoảng những làn sét, nhưng tiếng nước chảy như thác vẫn lớn hơn tất cả những tiếng sấm, tôi ngồi đong đưa và bật cười, gió, chiếc ghế trống bên cạnh tôi đong đưa, lá cờ đất nước Cuba.

Tôi huýt sáo mồm.

Tôi giận dữ xứ Mĩ!

Tôi ngồi đong đưa và run rẩy lạnh –

The American Way of Life!

Tôi dứt khoát, sẽ sống khác –

Ánh sét sáng lòa; sau đó ta như bị mù mắt, trong một vài giây ngắn ta thấy được: đám cọ dừa xanh màu lưu huỳnh giữa gió bão, mây, màu tím lẫn cùng với ánh sáng xanh của ngọn lửa hàn xì, biển, tiếng rung bần bật những mái tôn; âm vang vọng từ tiếng rung bần bật những mái tôn, qua đó dậy niềm sung sướng trẻ thơ của tôi, khoái cảm tràn dâng – tôi cất tiếng hát.

The American Way of Life!

Dân Mĩ, ngay cả những gì họ ăn và uống, đám người nhạt nhợt này, không biết tí gì về rượu vang, đám người chỉ biết dùng vitamin này, chỉ uống ice tea, gặm kẹo tơ đường và chẳng hề biết thế nào là bánh mì, dân tộc Coca-Cola này, tôi hết chịu đựng họ nổi –

Nhưng tôi lại sống nhờ vào đồng tiền của họ!

Tôi gọi người đánh giầy –

Với đồng tiền của họ!

Thằng bé bảy tuổi, đã có lần đánh giầy cho tôi, nay giống như một chú mèo mắc mưa; tôi đưa tay sờ mái tóc quăn của chú –

Chú nhoẻn miệng cười –

Không phải màu đen, mái tóc của chú, xám như tro đúng hơn, màu xám nâu, trẻ trung, sờ vào giống như lông ngựa, nhưng lại xoắn tít và ngắn, ta cảm nhận được cái sọ trẻ nít nằm dưới đấy, ấm, như ta đang vuốt một con chó xù vừa được cắt lông.

Chú chỉ nhoẻn miệng cười và đánh giầy tiếp –

Tôi mến chú.

Hàm răng của chú –

Làn da trẻ trung của chú –

Đôi mắt của chú gợi tôi nhớ đến Houston, Texas, đến mụ da đen chùi dọn trong phòng vệ sinh, khi tôi bị trúng gió

xây xẩm, quỳ bên cạnh tôi, tròng trắng của đôi mắt to, đôi mắt dẫu sao khác hẳn, đẹp như mắt cọp. Và nhất là khối thịt của mụ ta!

Chúng tôi tán gẫu về nhãn hiệu xe hơi.

Đôi tay thoăn thoắt của chú –

Ngoài chúng tôi ra không còn một bóng người nào, một thằng bé và tôi, trận hồng thủy bao quanh, chú ta ngồi và đánh bóng đôi giầy tôi với miếng giẻ, lảy bật lên tiếng chan chát –

The American Way of Life!

So với những con người ở nơi đây, ngay vẻ ngoài xấu xí của dân Mĩ: da hồng hồng như vỏ bọc lọn dồi, rùng rợn, họ sống được, nhờ có Penicillin, chỉ có thế, bộ điệu của họ, làm dáng như rất hạnh phúc, bởi vì họ là người Mĩ, bởi vì không biết ngượng, thật sự họ chỉ lóng ngóng và ồn ào – Đám đàn ông như Dick, mẫu người lí tưởng đối với tôi! – khi họ đứng lều bều, tay trái thọc vào túi quần, vai tựa vào tường, trong tay kia ly rượu, phơi phới, những thần hoàng của nhân loại, những cái vỗ vai nhau, niềm lạc quan của họ, cho đến khi say khướt, rồi thì khóc sướt mướt, làm rẻ rúng giống da trắng, họ khao khát xác thịt[117].Tôi giận dữ với chính tôi!

(Nếu ta có thể sống lại lần nữa)

Lá thư tôi viết suốt đêm cho Hanna –

Một ngày khác tôi ra bãi biển, trời không một bóng mây và nóng, buổi trưa với sóng nhẹ: những đuôi sóng đánh tràn vào bờ, rồi lào xào tiếng đá sỏi, bờ biển nào cũng gợi tôi nhớ về Theodohori.

Tôi khóc.

Nước trong, thấy được cả đáy biển, tôi bơi mặt úp xuống nước, để nhìn được đáy biển; bóng tôi rọi xuống đáy biển: một con ếch màu tím.

Thư cho Dick.

117 Xem phần phụ giải cuối sách.

Những gì cuộc sống Mĩ chào mời: tiện nghi, được sắp đặt hoàn hảo nhất thế giới, ready for use, thế giới là khoảng không chờ sẵn để được Mĩ hoá, nơi nào họ đặt chân đến, tất cả trở thành xa lộ, thế giới là vách tường áp phích chạy dài hai bên, thành phố của họ, những thành phố không phải là thành phố, rực rỡ ánh đèn, buổi sáng hôm sau ta chỉ còn thấy những dàn sắt trơ trọi, rời rạc, thô sơ, những biển quảng cáo cho chủ nghĩa lạc quan là những bảng đèn neon chắn trước màn đêm và chắn trước cái chết –

Một lát sau tôi thuê một chiếc thuyền.

Để được một mình!

Ngay trong bộ áo quần tắm ta đã nhận ra được họ lắm dollars; giọng nói của họ (giống như lúc ở Via Appia), không chịu được, giọng cao su nhừa nhựa vang khắp nơi, sung túc rởm.

Thư cho Marcel.

Marcel có lí: sức khỏe giả tạo của họ, sự trẻ trung giả tạo của họ, đàn bà của họ không chịu chấp nhận tuổi già, phấn son ngay trên cả xác chết, đấy chẳng qua là tương quan ngầm tính gợi tục với cái chết, vị Tổng thống của họ, trên trang nhất mỗi tờ báo phải luôn luôn cười như một em bé hồng hào, nếu không lần tới họ sẽ không bầu ông nữa, vẻ trẻ trung ghê tởm của họ –

Tôi chèo ra xa.

Hơi nóng trên mặt biển –

Rất cô đơn.

Tôi đọc lá thư gởi Dick và thư gởi Marcel và xé bỏ chúng, những bức thư không xác thực; đám giấy vụn trắng trên mặt nước; lông ngực bạc trắng của tôi –

Rất cô đơn.

Rồi sau đó giống như một cậu học trò nhỏ: tôi vẽ hình một người đàn bà trên cát nóng và nằm vào lòng người đàn bà ấy, chỉ là cát không gì khác hơn, tôi nói lớn với nàng –

Thú hoang động cỡn[118]!

Tôi chả biết làm gì với nguyên ngày này, với tôi, một ngày kỳ khôi, tôi không nhận ra được chính mình, không biết được, ngày đã trôi qua như thế nào, một buổi trưa, trong gần như một vĩnh cửu, xanh lơ, không chịu xiết, nhưng đẹp, nhưng vô tận – cho đến lúc tôi trở lại ngồi trên bờ tường phố Prado (buổi chiều) với đôi mắt nhắm kín; tôi cố gắng hình dung hiện tôi đang ở tại Havana, hiện tôi đang ngồi trên dãy tường dọc phố Prado. Nhưng tôi không hình dung ra được, hãi sợ.

Đâu đâu cũng mời mọc tôi đánh giầy –

Toàn những con người tuyệt đẹp, tôi chiêm ngưỡng họ như chiêm ngưỡng những loài thú lạ, hàm răng trắng giữa ánh hoàng hôn, bờ vai nâu sạm của họ và đôi tay, đôi mắt – nụ cười của họ, bởi vì họ yêu cuộc sống, bởi vì đang giờ tan sở, bởi vì họ tuyệt đẹp.

Khoái cảm khi được ngắm nhìn –

Khát vọng của tôi –

Khát khao xác thịt[Xem 119] –

Tôi chỉ hiện hữu với đám đánh giầy!

Đám ma cô –

Đám bán kem –

Xe kem của họ; một kết hợp từ chiếc xe đẩy em bé và tủ buffet, thêm vào đó một nửa chiếc xe đạp, mái che làm bằng những tấm mành rách nát; đèn khí đá; xung quanh ráng nắng chiều màu lục hòa lẫn cùng màn trời xanh thẫm phủ xuống như chiếc váy đầm xòe.

Mặt trăng tím nhạt –

Và rồi mẩu chuyện Taxi của tôi: chiều còn sớm, nhưng tôi hết chịu nổi phải cứ mãi lang thang như một xác chết giữa dòng người tấp nập sự sống này và muốn trở về khách sạn, uống một liều thuốc để ngủ, tôi vẫy một chiếc taxi, và khi tôi kéo cánh cửa ra, đã có hai người phụ nữ ngồi trong đó, một tóc

118 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚Wildlingin'. Có chú thích thêm ở phần cuối.

đen, một tóc vàng, tôi nói: Sorry! Và đóng sầm cửa lại, nhưng gã tài xế đã nhảy bổ ra, cất tiếng gọi ngược tôi: Yes, Sir! gã gọi lớn và kéo cánh cửa xe ra trở lại: For you, Sir! tôi phải bật cười về màn „dịch vụ“ vồn vã như thế, chui vào xe –

Chúng tôi đi ăn tối, bữa ăn ngon tuyệt vời!

Nhưng sau đó thì bẽ mặt –

Tôi đã biết trước, sự việc sẽ xảy đến như thế, sau đó tôi nằm trong khách sạn – thức trắng, nhưng thư thái, đó là một đêm nóng nực, một đôi lần tôi tắm gội thân xác tôi, hiện đang bỏ tôi đi đâu mất, nhưng tôi không dùng thuốc ngủ, thân xác tôi còn vừa đủ sức để tận hưởng được luồng gió từ máy quạt, đang quay qua quay về, gió trên ngực, gió vào chân, gió trên ngực.

Tôi hoang tưởng: Ung thư dạ dày.

Nói chung tôi hạnh phúc –

Náo động bởi lũ chim giữa sáng sớm, tôi lôi cái Hermes-Baby ra và bắt đầu gõ bản báo cáo cho Unesco, về công việc lắp ráp đã hoàn tất tại Venezuela.

Rồi ngủ đến trưa.

Tôi ăn hàu tươi, vì không biết nên làm gì, công việc của tôi đã hoàn tất, tôi hút nhiều quá nhiều xì gà.

(Vì thế đau dạ dày.)

Một ngạc nhiên không ngờ trong chiều:

Không hiểu vì sao tôi lại đến ngồi cùng với cô gái lạ trên bờ tường phố Prado và bắt chuyện làm quen, theo tôi chính là cô nàng đã thè lưỡi đỏ hồng ngày hôm kia. Nàng không nhớ gì cả. Cô nàng cười khi tôi nói tôi không phải người Mĩ.

Vốn tiếng Tây Ban Nha của tôi quá khập khững –

„Say it in english!“

Bàn tay thon và dài của nàng –

Vốn Tây Ban Nha của tôi đủ để thương lượng trong công việc, điều khôi hài: tôi không nói ra những gì tôi muốn, mà chỉ nói dựa theo vốn ngôn ngữ của tôi. Cộng với nụ cười của nàng. Tôi là nạn nhân của cái vốn chữ nghĩa ít ỏi của tôi. Sự kinh ngạc của nàng, đôi mắt rất đỗi đáng yêu của nàng, chợt tôi

kinh ngạc với chính mình: về cuộc đời của tôi, đối với ngay chính tôi, phải nói như thế, thật tẻ nhạt.

Juana mười tám tuổi.

(Còn trẻ hơn con của chúng tôi.)

Suiza[119]: cô nàng vẫn cứ nghĩ là Thụy điển.

Đôi tay nâu của nàng xoải ra chống ngược về phía sau, đầu nàng tựa vào cột đèn đường bằng thép đúc, chiếc khăn trắng quàng đầu và mái tóc đen, bàn chân đẹp không thể tưởng; chúng tôi hút thuốc, đôi tay trắng nhợt của tôi đan vào trên đầu gối ống quần phải –

Niềm vô tư của nàng

Cô nàng chưa bao giờ đi xa khỏi Cuba –

Hôm nay là buổi chiều thứ ba của tôi ở đây, nhưng mọi sự đã thân thuộc: hoàng hôn xanh thẫm bao phủ những biển đèn neon quảng cáo, gã bán kem, những thân cây tiêu huyền tróc vỏ, lũ chim líu lo và bóng đêm trải lưới dài trên mặt đất, những đôi môi như hoa đỏ mọng.

Mục tiêu đời nàng: New York!

Phân chim rơi xuống từ trên không –

Niềm vô tư của nàng

Juana là thợ đóng gói, chỉ làm gái ăn sương vào cuối tuần, nàng có một con, nàng không sống ngay tại Havana.

Lại một đám thủy thủ tà tà dạo phố.

Tôi kể về con gái tôi, đã chết, về chuyến đi hưởng tuần trăng mật với con gái tôi, về Korinth, về con aspisviper, đã cắn vào bên trên ngực trái, và về đám tang của con gái tôi, về tương lai của tôi.

„I'm going to marry her."

Cô nàng hiểu lầm tôi:

„I think she's dead."

Tôi chỉnh lại.

---

119 (Tiếng Tây Ban Nha): Thụy sĩ.

„Oh“, nàng cười, „you’re going to marry the mother of the girl, I see!“

„As soon as possible.“

„Fine!“ nàng nói.

„My wife is living in Athens –“

Đôi bông tai của nàng, làn da nàng.

Cô nàng đứng nơi đây đợi người anh –

Tôi hỏi Juana có tin vào tội trọng, cũng như có tin vào thần linh không; nụ cười trắng toát của nàng; câu tôi hỏi, Juana có tin rằng lũ rắn (nói chung) được điều khiển từ những bàn tay hoặc của thần linh, hoặc của ác quỉ không.

„What’s your opinion, Sir?“

Một lát sau gã vận áo sơ mi sọc kiểu hollywood, gã ma cô trẻ tuổi, đã có lần mời mọc tôi, anh nàng. Hắn bắt tay: „Hello, camerad!“

Chả có gì khác thường, không khí cởi mở, Juana ném tàn thuốc xuống dưới gót giầy, để gí tắt nó đi, và đặt cánh tay nâu lên vai tôi:

„He's going to marry his wife – he's a gentleman!“

Juana biến mất –

„Wait here!“ gã bảo và ngoái nhìn lui, hòng giữ tôi lại. „Just a moment, Sir, just a moment!“

Đêm cuối của tôi tại Havana.

Cõi trần không thì giờ cho giấc ngủ!

Tôi không có một lí do đặc biệt cho phép tôi hạnh phúc, nhưng tôi đã hưởng. Tôi biết rằng tôi sẽ bỏ lại sau lưng tất cả những gì tôi đương nhìn thấy, và sẽ không quên: – dãy hiên phố giữa đêm khuya, nơi tôi ngồi đong đưa và ngắm, cũng như đang nghe, một con ngựa kéo xe hí vang, dãy tường phố Tây Ban Nha với đám màn cửa màu vàng tung bay phần phật từ những khung cửa sổ tối đen, rồi nghe đâu đó tiếng mái tôn, tiếng vọng lanh lãnh rợn cột sống, nỗi vui của tôi, niềm khoái cảm của tôi, gió, không gì khác ngoài gió, đong đưa những khóm dừa, gió và không mây, tôi ngồi đong đưa và vã mồ hôi, cây dừa xanh dẽo

như một ngọn roi, từ trong đám lá dừa vọng âm vang như tiếng mài dao, bụi, rồi đến cột đèn đường bằng thép đúc cũng bắt đầu hú lên tiếng gió, tôi ngồi đong đưa và bật cười, ánh sáng run rẩy và sắp chết của ngọn đèn[120], sức gió lùa xuyên qua hẳn rất mạnh, con ngựa hí vang không kham nổi cỗ xe, mọi thứ đều muốn bay tung lên, bảng hiệu một tiệm cắt tóc, bằng thau, khua lanh lãnh trong đêm, và biển, từ phía sau không thấy được, bắn tung nước qua dãy tường, và mỗi lần như thế dậy sấm rền mặt đất, bên trên bọt réo lên như tiếng máy espresso[121], cơn khát nước, muối đọng trên môi, gió bão mà không mưa, không một giọt nào buồn rơi xuống, mưa không rơi được, bởi không có mây, không gì khác ngoài sao trời, không gì khác ngoài đám bụi khô và nóng giữa không khí, hơi nóng của lò nướng, tôi ngồi đong đưa và uống một ly Scotch, ly độc nhất, tôi không chịu nổi nữa bất cứ thứ gì, tôi ngồi đong đưa và hát. Hàng giờ. Tôi hát! Tôi có biết hát đâu, nhưng chả có ai nghe, con ngựa kéo xe đang đứng trên mặt đường lát đá vắng vẻ, bầy thiếu nữ về cuối ngày với những váy đầm tung bay, những đôi chân nâu, khi váy họ tung bay lên, những mái tóc đen, cũng cùng tung bay, và chiếc mành màu xanh lục bật tung bay khỏi khung cửa, những nụ cười trắng tinh của bầy thiếu nữ giữa bụi mờ, và chiếc mành cửa màu xanh lục kia đang lướt nhanh trên mặt đường lát đá, hướng ra biển, ánh sáng đỏ sậm giữa đám bụi mờ đang bay trên thành phố trắng đêm khuya, cái nóng nực, lá cờ Cuba – tôi ngồi đong đưa và hát, không làm gì khác, cái ghế trống bên cạnh tôi đong đưa, tiếng hú vang trong gió của những cột đèn thép đúc, những tán hoa cuộn bay vần vũ. Tôi ngồi ca tụng cuộc sống!

Thứ Bảy, 13. tháng Bảy, bay tiếp.

Buổi sáng trên phố Prado, sau khi tôi vừa ghé ngân hàng, đổi tiền, con đường rợp cây không một bóng người, trơn trượt vì phân chim và hoa trắng –

Mặt trời –

Mọi người lục đục đi làm.

120 Những đèn đường thuở xưa được đốt bằng khí đá hoặc hơi ga (gas).

121 Nguyên văn – ‚Espresso-Maschine': máy nấu cà phê bằng áp suất hơi nước.

Lũ chim –

Chợt một gã đàn ông, chận tôi xin lửa để hút xì gà của, có vẻ bận rộn, dẫu thế vẫn bám theo tôi để hỏi:

„How do you like Havana?“

„I love it!„ tôi nói.

Lại một gã ma cô, gã bắt chuyện.

„You’re happy, aren’t you?“

Gã trầm trồ máy quay phim của tôi.

„Something very beautiful! D’you know what I mean? Something very young!“

Khi tôi cho gã hay tôi phải lên đường, gã muốn biết bao giờ tôi phải có mặt tại sân bay.

„Ten o’clock, my friend, ten o’clock.“

Gã nhìn vào đồng hồ.

„Well“, gã bảo, „now it’s nine o’clock – Sir, that’s plenty of time!“

Tôi tà tà dạo xuống biển một lần nữa.

Xa xa ngoài kia những thuyền đánh cá –

Chia tay.

Tôi ngồi một lần nữa trên phiến đá dọc bờ kè và hút thêm một điếu xì gà – tôi không thâu gì nữa vào phim. Để làm gì! Hanna nói đúng: rồi sau đó những gì ta trông thấy chỉ là phim ảnh, khi mọi việc không còn nữa, và chuyện gì rồi cũng phôi phai –

Chia tay.

Hanna có ghé qua. Tôi bảo nàng, nàng trông như một cô dâu. Hanna trắng toát! Bỗng nàng không đến trong bộ đồ tang chế[122] *nữa; nàng bào chữa: trời bên ngoài quá nóng. Tôi đã kể nàng nghe quá nhiều về kên kên; nay nàng không muốn bị nhìn như một con chim đen đủi ngồi cạnh giường tôi – và nghĩ,*

122 Màu tang chế: màu đen.

tôi không nhận thấy sự chu đáo tốt bụng của nàng, bởi vì tôi thuở xưa (chỉ mới cách đây vài tuần) sẽ không nhận thấy những tinh tế đó. Hanna kể rất nhiều.

TB. Có một lần, thuở còn bé, Hanna đánh vật với em trai của nàng và đã thề rằng sẽ không bao giờ yêu một người đàn ông nào cả, vì cậu em nhỏ đã thắng, vật ngữa Hanna xuống. Nàng căm tức ngài ‚Thượng đế kính yêu' vô cùng, bởi ngài đã ban cho con trai nhiều sức hơn, nàng thấy như vậy không sòng phẳng, không phải em trai nàng mà chính đấng ‚Thượng đế kính yêu' kia. Hanna dứt khoát phải giỏi trội hơn hẳn tất cả đám con trai trong khu München-Schwabing[123]*, và thành lập một hội kín con gái riêng, hạ bệ Jehova*[124]*. Và dĩ nhiên chỉ chấp nhận một nước trời với toàn nữ thánh. Hanna trước hết cầu xin Đức mẹ, đi từ ám ảnh bởi những bức hình trong nhà thờ luôn có Mẹ Maria đứng giữa; nàng bắt chước đám bạn gái theo Cơ đốc quì xuống và làm dấu Chúa, dấu không để bố biết*[125]*. Người đàn ông duy nhất nàng tin tưởng là một ông già tên Armin, ông lão hẳn phải nắm một vai trò nhất định nào đó trong chuỗi ngày dậy thì của nàng. Tôi không hề biết Hanna có một người em trai. Hanna kể: cậu ta sống tại Canada và rất thành công, hình như thế, cậu ta đốn ngã bất cứ ai. Tôi có hỏi về cuộc sống giữa nàng với Joachim thuở đó, ra sao, ở đâu và bao lâu. Tôi hỏi rất nhiều, nhưng rồi Hanna luôn luôn bảo: anh đã biết rồi kia mà! Nàng kể về Armin nhiều nhất. Lão là một người mù. Hanna vẫn còn thương ông ta, mặc dù ông lão chết đã lâu, hoặc đã mất tích rồi. Hanna đang là cô học trò nhỏ, một cô bé mang vớ dài kín chân, nàng gặp ông lão đều đặn trong ‚khu vườn Anh quốc'*[126]*, nơi ông luôn luôn chỉ ngồi trên mỗi một băng ghế ông hằng ngồi, và dẫn ông ta vào Munich. Ông ta yêu Munich. Ông đã già, theo trí óc của nàng thuở đó thì ông già khú: khoảng giữa 50 và 60. Cả hai thường*

123 Tên gọi một khu phố trong thành phố Munich.
124 Tên gọi Thượng đế trong ngôn ngữ Do Thái (JHWH).
125 Gia đình Hanna theo Do thái giáo.
126 Nguyên văn – (tiếng Đức) 'Englischer Garten': tên gọi khu vườn lớn nổi tiếng giữa lòng thành phố Munich.

có rất ít thì giờ, mỗi thứ Ba và thứ Sáu, khi Hanna có giờ học vĩ cầm, và họ gặp nhau dưới bất cứ thời tiết nào, nàng đưa ông đi và chỉ cho ông những cửa hàng. Armin hoàn toàn mù, nhưng ông hình dung được tất cả, nếu người ta kể ông nghe. Hanna bảo: sẽ rất là tuyệt vời nếu được cùng ông ta đi khắp thế giới. Tôi cũng có hỏi ngày chào đời đứa con của hai chúng tôi ra sao. Tôi không có mặt tại đó; làm thế nào tôi có thể hình dung được? Joachim đương nhiên có mặt. Hắn dư biết hắn không phải cha đứa bé; nhưng hắn đã như một người cha thật sự. Một ca đẻ dễ, theo lời Hanna; nàng chỉ còn nhớ rằng nàng rất hạnh phúc khi được làm mẹ. Một điều tôi cũng chưa hề biết đến: mẹ tôi có biết đứa bé là con tôi, ngoài ra ở Zürich không một ai khác biết, bố tôi chả biết gì. Tôi hỏi tại sao mẹ tôi không hề nhắc đến trong bất kỳ một lá thư nào rằng bà có biết chuyện này. Hội kín phụ nữ chăng? Những gì chúng ta không biết, họ không màng nhắc đến, và đối xử chúng ta như đám trẻ vị thành niên. Bố mẹ của tôi thật ra, theo lời Hanna, khác hẳn với những gì tôi nghĩ về họ; ít ra khác hẳn trong cách đối xử với Hanna. Khi Hanna thuật về mẹ tôi, tôi chỉ còn nước chăm chú nghe. Như một thằng mù! Cả hai còn giữ liên lạc thư từ với nhau hàng năm trời, Hanna và mẹ tôi, mẹ tôi không chết vì nghẽn mạch máu, như tôi đã tưởng. Hanna lấy làm ngạc nhiên, biết bao nhiêu chuyện tôi chả biết gì ráo. Hanna có đến dự đám tang bà, 1937. Niềm yêu thích Cổ học Hy lạp, Hanna nghĩ, cũng bắt đầu từ ‚khu vườn Anh quốc'; Armin biết tiếng Hy lạp, và cô gái nhỏ phải đọc ông ta nghe những cuốn sách giáo khoa trong trường, để ông có thể thuộc lòng chúng. Nói nôm na, bằng cách ấy ông lão đã ‚cưỡng chiếm' cô bé. Ông không bao giờ đưa Hanna về nhà. Nàng không biết ông sinh sống nơi đâu và như thế nào. Hanna gặp ông trong ‚khu vườn Anh quốc" và chia tay ông cũng trong ‚khu vườn Anh quốc", và không một ai trên trái đất này biết được những giao ước của hai người sẽ cùng nhau đi đến Hy lạp, Armin và nàng, ngay khi nàng đạt tuổi trưởng thành và có tự do quyết định, Hanna sẽ đưa ông lão đến thăm những đền đài Hy lạp. Ông lão có thật tin vào chuyện này không, sẽ không hề biết được điều ấy; riêng Hanna rất thật lòng tin. Hanna với đôi vớ dài kín chân! Có một lần, tôi còn nhớ, ngồi trong quán cà phê Odéon, Zürich, một ông lão,

Hanna đến đón ông ta đều đặn để đưa ông ra đến bến xe điện. Tôi thật tình rất ghét quán cà phê Odéon này; dân tị nạn và trí thức, du mục. Giáo sư và vẫn lũ điếm hạng sang thuở nào bám quanh đám con buôn tỉnh lẻ, tôi vào quán cà phê này chẳng qua vì Hanna. Ông ta ngụ tại nhà trọ Fontana, tôi thường đợi trong một khu vườn nhỏ (ẩn núp) bên đường Gloria, cho đến khi Hanna đưa ông lão về tận nơi. Thì ra đó là Armin! Tôi thật tình không để í đến ông lão. Hanna bảo: nhưng ông ta có để í đến tôi. Đến nay Hanna vẫn kể về Armin, như thể ông đương còn sống, như thể ông còn thấy được mọi sự. Tôi có hỏi tại sao Hanna không bao giờ đi cùng ông lão đến Hy lạp, Hanna cười tôi, như thể mọi chuyện đã qua chỉ là những trò đùa, trò trẻ nít. Tại Paris (từ 1938 đến 1940) Hanna sống chung với một văn sĩ người Pháp, nghe đâu khá nổi tiếng; tôi quên mất tên hắn ta. Một chuyện nữa tôi không biết đến: Hanna đã đến Moscow (1948) cùng với người chồng thứ hai. Có một lần nàng ghé ngang Zürich trở lại (1953) không dẫn theo đứa con gái của chúng tôi; nàng rất thích Zürich, như chẳng hề có chuyện gì xảy ra, và cũng có ghé vào cà phê Odéon. Tôi hỏi Armin đã ra đi như thế nào. Tại London (1942) Hanna có gặp lại ông ta một lần nữa. Armin muốn di tản qua xứ khác, và Hanna có đưa ông lão lên tận tàu, chiếc tàu ông không bao giờ nhìn được hình dáng và có lẽ đã bị một tàu ngầm Đức bắn chìm; chỉ biết rằng chiếc tàu không bao giờ cập bến.

15. tháng Bảy. Düsseldorf.

Cậu kĩ thuật viên trẻ tuổi, mà mấy ông lớn trong hãng Hencke-Bosch chỉ định phụ tá tôi, nghĩ gì về tôi, tôi chẳng biết; tôi chỉ có thể nói rằng trong buổi sáng này tôi sẽ ráng hết sức mình như có thể.

Nhà cao tầng bằng thép bóng –

Tôi cho rằng đây là bổn phận đối với bạn bè, thông tin cho các ông ấy hay cái trang trại của hãng các ông tận bên Guatemala hiện như thế nào, có nghĩa rằng, tôi đã bay từ Lisboa đến Düsseldorf, không hề suy nghĩ tôi thật sự muốn làm gì hoặc

kể chuyện gì đây tại Düsseldorf, và hiện giờ ngồi nơi đây, được đón tiếp nồng hậu.

„Tôi có phim“, tôi nói –

Tôi có cảm tưởng họ đã xóa sổ cái trang trại mất rồi; họ đối xử niềm nở chỉ ròng vì phép lịch sự.

„Cuộn phim của ông dài bao lâu?“

Thật sự tôi chỉ quấy rầy mà thôi.

„Sao lại tai nạn?“ tôi thốt lên. „Bạn tôi đã treo cổ tự tử – các ông không biết sao?“

Dĩ nhiên họ đều biết.

Tôi có cảm tưởng họ chẳng quan tâm đến tôi, nhưng chuyện đã lỡ, soạn chiếu khúc phim màu từ Guatemala. Cậu kĩ thuật viên, được chỉ định phụ tá tôi để sắp đặt lại căn phòng họp của Hội đồng quản trị, việc cần thiết cho buổi trình chiếu, chỉ gây tôi bực mình; cậu ta rất trẻ, lại dễ thương, nhưng thừa thãi, tôi cần máy móc, màn hình, dây cáp, tôi chẳng cần chuyên viên.

„Tôi cảm ơn anh!“ tôi nói.

„Xin vâng, thưa ông.“

„Tôi biết những máy này“ – tôi nói.

Tôi không đẩy cậu ta đi được.

Đấy là lần đầu tiên, chính tôi được xem mấy cuộn phim (tất cả chưa cắt xén), biết trước sẽ đầy rẫy những màn lập lại trùng hợp, không tránh khỏi; tôi ngạc nhiên, cơ man nào là cảnh hoàng hôn, ba cảnh hoàng hôn chỉ nội trên sa mạc Tamaulipas, người ta có thể nghĩ rằng tôi đi đây đó để quảng bá cho cảnh hoàng hôn, thật nực cười; làm tôi đến mắc cỡ trước tay kĩ thuật viên trẻ, do đó mất bình tĩnh –

„Không sắc nét hơn được nữa, thưa ông.“

Chiếc Landrover của chúng tôi bên dòng Rio Usumacinta –

Đám kên kên đang rỉa xác –

„Tiếp tục“ tôi nói, „làm ơn.“

Rồi những người Indio đầu tiên trong sáng sớm báo chúng tôi hay, Ông chủ của họ đã chết, và hết cuộn phim – thay

cuộn, mất một ít thì giờ; giữa đó chuyện vãn về Ektachrom[127]. Tôi ngồi trong một ghế bành bằng da và hút thuốc, vì rảnh rỗi, những chiếc ghế bành của ban quản trị trống rỗng bên cạnh; chỉ có khác là chúng không đong đưa trong gió.

„Làm ơn“, tôi nói, „tiếp tục –“

Giờ thì Joachim dưới sợi thép.

„Ngừng lại“ tôi nói, „làm ơn.“

Đó là một đoạn phim thâu rất tối, rất tiếc, ta không nhìn thấy ngay được chuyện gì, thiếu ánh sáng, bởi vì thâu trong căn lán cùng với độ mở ống kính như lúc thâu hình đám kên kên trên con lừa nằm bên ngoài trong nắng mai, tôi nói:

„Đấy là Bác sĩ Joachim Hencke.“

Cái nhìn của cậu ta lên màn hình:

„Không sắc nét hơn được nữa, thưa ông, – rất tiếc.“

Đấy là tất cả những gì cậu ta muốn phát biểu.

„Làm ơn“, tôi nói, „tiếp tục!“

Một lần nữa Joachim dưới sợi thép, nhưng lần này từ bên cạnh, để ta thấy được rõ hơn chuyện gì xảy ra; thật hi hữu, không những anh chàng chuyên viên trẻ của tôi, mà thật tình chính tôi cũng không có một ấn tượng nào, một cảnh phim, như bao phim đã xem qua, tin tức hàng tuần, cảnh vật thiếu mất mùi hôi thối, thực tiễn, chúng tôi bàn về đề tài lấy ánh sáng, chàng trẻ tuổi và tôi, giữa lúc đó là cảnh nấm mồ với dân Indio đứng quanh cầu nguyện, mọi cảnh quá dài, rồi thình lình những phế tích đền đài ở Palenque, con chim két ở Palenque. Hết cuộn.

„Đây ta có thể mở cánh cửa sổ nào ra được không“, tôi nói, „như trong xứ nhiệt đới.“

„Xin ông cứ tự nhiên, thưa ông.“

Sự việc bất hạnh này do đám thuế quan đã làm đảo lộn mấy cuộn phim của tôi, và cũng bởi vì thời gian cuối (bắt đầu từ chuyến hành trình bằng tàu biển) những cuộn phim không được ghi chú nữa; tôi muốn trình bày cho các ông trong hãng

127 Một thương hiệu sản phẩm của hãng Kodak, một loại hình màu dùng dọi chiếu (Dia).

Hencke-Bosch, sẽ đến đây lúc 11 giờ 30, về tình hình Guatemala. Tôi cần: chuyến tôi thăm viếng Herbert lần cuối cùng.

„Ngừng lại“ tôi nói, „đó là Hy lạp.“

„Hy lạp?“

„Ngừng lại“ tôi thét lớn, – „ngừng lại!“

„Xin vâng, thưa ông.“

Cậu trẻ làm tôi thêm bịnh, lời ‚xin-vâng’ vuốt đuôi của cậu ta, lời ‘xin-vâng’ trịch thượng của cậu ta, như thể cậu là con người đầu tiên nắm hiểu mấy loại máy móc này, những lời nhảm nhí của cậu ta về quang học, lãnh vực cậu chẳng hiểu một mảy may, nhưng nhất là câu ‘xin-vâng’ của cậu ta, hàm chứa cái hợm hĩnh ta đây biết nhiều.

„Không có cách nào khác hơn, thưa ông, cho chạy qua và kiểm lại! Không có cách nào khác hơn, khi mà những cuộn phim không được ghi chú.“

Đó không phải lỗi của cậu ta, khi những cuộn phim không được ghi chú; chừng mực nào tôi chấp nhận cậu ta có lí.

„Cuộn phim bắt đầu“, tôi nhắc, „với ông Herbert Hencke, một ông có râu nằm trong võng treo – nếu tôi nhớ không lầm.“

Đèn tắt, tối đen, tiếng phim chạy xè xè.

Hệt như một canh bạc đỏ đen! Ngay những thước phim đầu đã cho thấy: – Ivy trên bến tàu Manhattan, nàng vẫy tay qua ống kính viễn vọng, bình minh trên khu Hudson, những tàu kéo đen đủi, những nhà chọc trời trên Manhattan, hải âu …

„Ngừng lại“ tôi nói, „làm ơn cuộn khác.“

Thay cuộn.

„Ông hẳn đã đi quanh gần hết trái đất, thưa ông, tôi cũng thích được như thế –”

Lúc đó là 11 giờ.

Tôi phải uống viên thuốc để giữ người tỉnh táo, nhỡ khi các ông trong Công ty đến, uống viên thuốc không có nước, tôi không muốn bị nhìn thấy.

„Không“, tôi nói, „cuộn này cũng không phải.“

Lại thay cuộn.

„Đấy là ga xe lửa chính ở Rome, phải thế không?“

Từ phía tôi không một câu trả lời. Tôi đợi cuộn phim kế tiếp. Tôi thấp thỏm canh chừng để có thể ngưng ngay cuộn phim lại. Tôi thừa biết: Sabeth trên tàu, Sabeth chơi bóng bàn giữa dãy hành lang đi dạo (với gã bạn trai ria cá chép) và Sabeth trong bộ áo tắm hai mảnh, Sabeth, đang thè lưỡi về phía tôi khi hay được tôi đang quay phim cô bé – tất cả buộc phải nằm trong cuộn thứ nhất, được bắt đầu với màn thâu Ivy; như vậy đã được để qua bên rồi. Trên bàn vẫn còn sáu hoặc bảy cuộn nữa và thình lình, như không thể nào khác hơn được, Sabeth chợt sừng sững – lớn bằng người thật – Sabeth trên màn hình. Đầy màu sắc.

Tôi đứng dậy.

Sabeth tại Avignon.

Tôi không bắt ngừng, mà lại cho chiếu nguyên cuộn, mặc dù cậu kĩ thuật viên nhiều lần nhắc nhở đấy không thể nào là Guatemala được.

Hiện nay tôi vẫn còn thấy khúc phim này:

Khuôn mặt Sabeth, khuôn mặt không bao giờ xuất hiện trở lại –

Sabeth trong gió mistral[128], Sabeth đi ngược gió, dãy hành lang, Jardin des Papes[129], mọi thứ tung bay, tóc, váy trông như quả bóng, Sabeth đứng tại lan can, Sabeth vẫy tay.

Sabeth cử động –

Sabeth, cảnh Sabeth đang cho bồ câu ăn.

Sabeth cười, nhưng không nghe tiếng –

Pont d’Avignon[130], chiếc cầu cổ, chiếc cầu tự nhiên đứt đoạn ngay chính giữa. Sabeth chỉ cho tôi thấy cái gì đó, nét

128 Luồng gió khô và nóng, thổi xuyên từ tây bắc nước Pháp xuống vùng biển Địa trung hải.

129 Khu vườn nằm trong Điện Giáo hoàng (Palais des Papes) tại Avignon, Pháp.

130 Cầu Avignon, tên gọi thật ra là Pont Saint-Bénezet, một thắng cảnh tại Avignon, Pháp. Được nhắc qua trong bài hát dân gian ‚sur le pont d’Avignon. L’on y danse, l’on y danse … ‚

mặt Sabeth, khi Sabeth biết được tôi đang quay phim thay vì ngắm cảnh vật, cái nhíu trán giữa hai chân mày, Sabeth nói gì đó.

Phong cảnh –

Nước sông Rhône, lạnh, Sabeth lấy ngón chân thử và lắc đầu, nắng chiều, bóng tôi ngã dài trên mặt nước.

Hình hài Sabeth, nay không còn nữa –

Hí trường cổ ở Nîmes[131].

Ăn sáng dưới những tán cây tiêu huyền, người bồi bàn vừa đem cho chúng tôi thêm bánh mì ngọt, Sabeth tán gẫu với tay bồi bàn, Sabeth nhìn về hướng tôi, Sabeth châm thêm cà phê đen vào tách tôi.

Đôi mắt Sabeth, nay không còn nữa –

Pont du Gard[132].

Sabeth, cảnh Sabeth đang mua bưu thiếp để viết gởi mẹ; Sabeth trong chiếc quần cao bồi màu đen, Sabeth không hay biết tôi đang thâu phim; Sabeth, cảnh Sabeth đang tung bím đuôi ngựa hung đỏ của mình sau gáy.

Khách sạn Henri Đệ Tứ.

Sabeth ngồi trên ngưỡng cửa sổ thấp, chân đánh chéo vào nhau, chân trần, Sabeth ăn anh đào, mắt nhìn xuống mặt đường phía dưới, cô bé ngang nhiên phun hột ra ngoài đường, ngày mưa.

Đôi môi Sabeth –

Cảnh Sabeth nói chuyện với một con lừa Pháp, con lừa theo Sabeth bị bắt thồ quá nặng.

Đôi tay Sabeth –

Chiếc xe của chúng tôi, Citroën, đời 57.

131 Nguyên văn – (tiếng Đức) ‚antike Theater in Nîmes' tác giả có lẽ muốn nhắc đến ‚Arènes de Nîmes' (còn được gọi là amphithéâtre de Nîmes), một di tích thắng cảnh miền nam Pháp.

132 Một di tích thắng cảnh: hệ thống dẫn thủy thời La mã tại tỉnh Gard, nam Pháp.

Đôi tay, nay không còn nữa ở bất cứ nơi nao, Sabeth vuốt ve chú lừa, đôi cánh tay, nay không còn nữa ở bất cứ nơi nao –

Đấu bò ở Arles.

Sabeth, cảnh Sabeth chải tóc, một chiếc kẹp tóc giữa hai hàm răng trẻ, Sabeth lại nhận biết được rằng tôi đang thâu phim và gỡ kẹp ra khỏi miệng để nói với tôi điều gì đó, có thể cô bé bảo tôi đừng thâu hình cô bé, bỗng nhiên Sabeth bật cười.

Hàm răng khỏe mạnh của Sabeth –

Nụ cười của Sabeth, tôi sẽ không bao giờ nghe lại được nữa –

Vầng trán trẻ trung –

Một đám rước lễ (cũng ngay tại Arles, tôi nghĩ thế), Sabeth dướng cao cổ và hút thuốc với đôi mắt nheo lại vì khói, hai tay trong túi quần. Sabeth đứng trên một chân trụ để nhìn được qua đầu đám đông, lọng đài, có lẽ có tiếng chuông khánh, nhưng không nghe được, Đức mẹ, nhóm thanh sinh đang hát, nhưng không nghe được.

Con đường rợp cây ở miền đồng quê, con đường hàng cây tiêu huyền.

Những bữa ăn ngoài trời của chúng tôi giữa chặng. Sabeth, cảnh Sabeth uống rượu vang. Chật vật, không uống được thẳng từ chai, Sabeth nhắm mắt và thử lại lần nữa, rồi cô bé chùi miệng, uống không được, Sabeth giao lại tôi chai rượu, nhún vai.

Hàng thông trong gió Mistral.

Thêm một lần nữa hàng thông trong gió Mistral.

Dáng đi của Sabeth –

Sabeth đi đến một quầy hàng mua thuốc lá. Sabeth bước đi. Sabeth trong chiếc quần đen quen thuộc của mình, đứng trên lề đường, để nhìn sang trái và sang phải, rồi xuyên chéo con đường đâm về hướng tôi.

Dáng đi nhún nhẩy của Sabeth –

Thêm một lần nữa hàng thông trong gió Mistral.

Sabeth đang ngủ, miệng hé mở, một miệng trẻ con, tóc xõa, nét nghiêm nghị, đôi mắt nhắm kín –

Khuôn mặt Sabeth, khuôn mặt Sabeth –

Thân thể Sabeth đang đều đặn thở –

Marseille. Cảnh bốc chuyển bò mộng trên bến tàu, những con bò nâu được lùa vào giữa tấm lưới trải sẵn, rồi bị kéo lên, nỗi khiếp hãi của chúng, hình ảnh hớt hải thình lình của chúng, khi bị treo lơ lững giữa không trung, bốn chân của chúng lọt qua những mắt lưới đâm thẳng ra ngoài, những con mắt động kinh thất thần của chúng –

Hàng thông trong gió Mistral; thêm một lần nữa.

L'Unité d'Habitation (Corbusier)[133] –

Nhìn chung phần lấy ánh sáng cuộn phim này không tồi, chắc chắn là hay hơn cuộn phim thâu ở Guatemala; màu sắc tuyệt vời, tôi lấy làm ngạc nhiên.

Sabeth đang hái hoa –

Tôi (rốt cuộc) bớt đong đưa máy quay phim qua lại, nhờ vậy cảnh và vật rõ nét hơn.

Sóng vỗ –

Ngón tay Sabeth, Sabeth lần đầu tiên nhìn thấy cây sồi vỏ bần, ngón tay Sabeth, cô bé gỡ vỏ bần ra, rồi ném về phía tôi!

(Phim hỏng.)

Sóng vỗ giữa ban trưa, chả có gì khác.

Sabeth một lần nữa đang chải tóc, tóc Sabeth ướt, đầu cô bé nghiêng về trước để vuốt chải mái tóc, Sabeth không nhìn thấy tôi thâu phim, và đang kể một chuyện gì, lúc Sabeth đang chải tóc, tóc cô bé đen hơn bình thường bởi vì ướt nước, màu hung đỏ hơn, chiếc lược màu xanh lục có lẽ dính đầy cát, Sabeth chùi lược, làn da cẩm thạch của cô bé bám đọng những hạt nước, Sabeth vẫn mãi kể –

133 Một trong những kiến trúc chung cư đầu tiên được Kiến trúc sư Le Corbusier xây tại Marseille.

Tàu ngầm ở Toulon.

Một gã lang thang không nhà với con tôm hùm còn cử động, Sabeth sợ mỗi lần con tôm cử động –

Khách sạn nhỏ của chúng tôi ở Le Trayaz.

Sabeth ngồi trên một bờ đê –

Một lần nữa cảnh sóng vỗ.

(Quá dài!)

Một lần nữa Sabeth trên ngọn đê ngoài xa, Sabeth đứng, đứa con gái của chúng tôi, và hát, hai tay trong túi quần, Sabeth tưởng rằng Sabeth đang đứng đơn độc một mình và hát, nhưng không nghe được –

Hết cuộn.

Cậu kĩ thuật viên trẻ đã nghĩ và nói gì về tôi, lúc các ông lớn đến, tôi chẳng biết, tôi ngồi trong xe lửa, toa hàng ăn (chuyến tốc hành Helvetia[134] hay chuyến tốc hành Schauinsland, tôi không còn nhớ nữa) và uống Steinhäger[135]. Tôi đã rời bỏ căn nhà Hencke-Bosch như thế nào, tôi cũng không còn nhớ nữa; không một giải thích, không một lí do, tôi đơn giản bỏ đi.

Chỉ những cuộn phim là tôi để lại.

Tôi bảo cậu kĩ thuật viên trẻ, tôi phải đi, và cảm ơn sự tận tình của cậu ta. Tôi đi ra phòng đợi, nơi treo mũ và áo bành tô, và yêu cầu cô thư kí giao lại tôi chiếc cặp còn nằm tại phòng giám đốc. Tôi đã đứng trong thang máy; lúc đó là 11 giờ 32, mọi người đều đã sẵn sàng cho buổi trình chiếu, lúc tôi xin lỗi vì đau dạ dày (điều không thật) và đi tiếp thang máy xuống. Người ta muốn lấy xe đưa tôi về khách sạn hoặc đến nhà thương; nhưng tôi đâu đau dạ dày. Tôi cảm ơn và đánh bộ, chả

134 Những chuyến xe lửa tốc hành liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia thường được đặt tên riêng.
135 Một loại rượu mạnh tại vùng trung Đức.

vội vàng, tôi chả biết nên đi về đâu; tôi chẳng biết thành phố Düsseldorf hiện nay nhìn ra sao, tôi đi qua phố, Düsseldorf trong giờ giao thông cao điểm, không màng để í đến những bảng đèn tín hiệu, tôi nghĩ thế, như người mù. Tôi đến quầy vé, mua một vé, rồi leo lên chuyến tàu đầu tiên sau đó – tôi ngồi vào toa hàng ăn, uống Steinhäger và nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi không khóc, tôi chỉ muốn không có mặt trên cõi đời này nữa, không hiện hữu tại bất cứ nơi đâu. Nhìn ra cửa sổ làm gì nhỉ? Tôi không còn gì cả để nhìn. Đôi bàn tay Sabeth, nay không còn nữa ở bất cứ nơi nao, bộ điệu Sabeth, lúc Sabeth tung mái tóc ra sau gáy hoặc chải tóc, hàm răng Sabeth, đôi môi Sabeth, đôi mắt Sabeth, nay không còn nữa ở bất cứ nơi nao, vầng trán Sabeth: tôi tìm kiếm chúng nơi nao? Tôi chỉ muốn tôi chẳng hiện hữu bao giờ. Tại sao lại về Zürich? Tại sao đến Athen? Tôi ngồi trong toa hàng ăn và suy nghĩ: Tại sao không cầm lấy hai cái nĩa ăn này, dựng ngược chúng lên trong nắm tay và thả cho khuôn mặt tôi rơi xuống, để tống khứ đôi mắt này đi?

Ca mổ được quy định vào ngày mốt.

TB. Trong suốt cuộc hành trình tôi không hề biết được Hanna làm gì sau tai biến đó. Không một bức thư nào từ Hanna! Đến giờ tôi vẫn chưa được biết. Khi tôi hỏi, nàng trả lời: Tôi có thể làm được gì nào! Tôi hoàn toàn không hiểu mảy may gì nữa. Làm sao Hanna còn có thể chịu đựng được tôi sau những gì đã xảy ra? Nàng đến đây, để rồi đi, và lại đến, nàng đem đến cho tôi những gì tôi cần, nàng lắng nghe tôi nói. Nàng nghĩ gì? Tóc nàng bạc trắng thêm. Tại sao nàng không nói thẳng ra rằng tôi đã tàn phá cuộc đời nàng? Tôi không thể hình dung được, qua những gì đã xảy ra, về cuộc sống hiện nay của nàng. Một lần duy nhất tôi hiểu được nàng là lúc nàng dùng hai nắm tay đấm vào mặt tôi, lúc đứng bên giường xác. Từ đó trở đi tôi không hiểu nàng nữa.

16. tháng Bảy. Zürich

Tôi đi từ Düsseldorf về Zürich, tôi nghĩ, chỉ vì suốt mấy chục năm tôi chưa được thấy thành phố quê nhà.

Tôi chẳng có việc gì để làm tại Zürich.

Williams đang chờ tôi ở Paris –

Tại Zürich khi ông ta ngừng bên cạnh tôi và bước ra khỏi xe để chào hỏi tôi, tôi lại không nhận ra được ông ta; y hệt như lần cuối: Một cái sọ người với tóc phủ bên trên, làn da như mảnh da thuộc vàng vọt, cái bụng phệ như quả bóng của ông, đôi tai chổng đứng, lòng nhiệt tình của ông, nụ cười của ông giống như nụ cười một sọ người, đôi mắt ông vẫn luôn luôn linh hoạt, nhưng nằm tuốt trong sâu, tôi chỉ biết rằng tôi quen ông ta, nhưng trong khoảnh khắc đầu tiên tôi lại không biết đó là ai.

„Bao giờ cũng tất bật“, ông cười, „bao giờ cũng tất bật –“

Tôi làm gì đây tại Zürich?

„Anh lại không nhận ra tôi?“ ông hỏi.

Trông ông ta rất gớm ghiếc, tôi không biết phải nói gì, dĩ nhiên tôi biết ông, đấy chẳng qua chỉ là sự hoảng hốt ban đầu, tiếp đến là mối lo ngại lỡ buột miệng những gì không nên nói, tôi nói:

„Dĩ nhiên tôi rảnh.“

Rồi cùng nhau vào quán Cà phê Odéon.

„Tôi rất ân hận“, tôi nói, „lần cuối ở Paris đã không nhận ra thầy –”

Nhưng ông không buồn giận tôi, ông cười, tôi lắng nghe, nhìn những chiếc răng cũ kỹ của ông, trông ông ta như thể đang cười, những chiếc răng lớn quá khổ, những bắp thịt không che hết được khuôn mặt đang ngậm kín miệng không cười, chuyện trò với một sọ người, tôi phải ráng ghìm mình lại, để khỏi thốt lên câu hỏi Ông giáo sư O., khi nào thì ông chết. Ông ta cười:

„Anh vẽ gì vậy, Faber?“

Tôi vẽ trên mặt bàn cẩm thạch nhỏ, chả có gì, một vòng xoắn ốc, nằm trong phiến cẩm thạch màu vàng có một con ốc hóa thạch, tôi vẽ vòng xoắn vì thế – tôi cắm cây Fixpencil[136] của tôi trở vào, chuyện vãn về đề tài thế giới, tiếng cười của ông ta làm tôi khó chịu, đến độ đầu óc tôi trống rỗng không biết nên nói gì.

Ông bảo rằng sao tôi thật ít nói.

Một người bồi bàn tại Odéon, Peter, một ông già gốc Vienna, còn nhớ tôi; ông ta bảo tôi không thay đổi –

Giáo sư O. cười.

Ông lấy làm tiếc rằng tôi năm xưa đã không hoàn tất luận án (về cái được gọi là Con Quỉ Maxwell) –

Vẫn lũ điếm hạng sang ngồi ở Odéon như thuở nào.

„Anh không biết đều đó hở“, ông cười, „rằng Odéon sẽ bị kéo sập?“

Có một lần ông bất chợt hỏi:

„Cô con gái xinh đẹp của anh có khỏe không?“

Ông ta có nhìn thấy Sabeth, lúc chúng tôi từ giã nhau trong quán Cà phê, lần đó ở Paris; theo cách nói của ông: Vừa rồi tại Paris! Lúc đó là buổi chiều, trước khi chúng tôi, Sabeth và tôi, viếng Nhà hát lớn, đêm trước chuyến đi hưởng tuần trăng mật của chúng tôi – tôi không nói tiếng nào, chỉ:

„Sao ông biết đó là con gái tôi?“

„Tôi đoán –!“

Vừa nói ông vừa cười.

Tôi chẳng có việc gì phải làm tại Zürich, ngay cùng ngày hôm đó (sau buổi tán gẫu với Giáo sư O. ở Odéon) tôi đi Kloten, để bay tiếp –

Chuyến bay cuối cùng của tôi!

Lại một chiếc Super-Constellation.

136 Loại bút chì bấm đầu tiên, của hãng Caran d'Ache, Thụy sĩ.

Nhưng là một chuyến bay êm thắm, Föhn[137] nhẹ trên dãy Alps, hiện tượng tôi có biết đại khái từ những chuỗi ngày xa xưa, nhưng nay mới được bay qua lần đầu, một buổi xế trưa trời xanh ngắt với làn Föhn khô nóng quen thuộc, hồ Vierwaldstätter, bên phải đỉnh Wetterhorn[138], nằm sau là đỉnh Eiger và Jungfrau, cũng có thể là đỉnh Finsteraarhorn, tôi không còn nhớ chúng chính xác nữa, những ngọn núi của đất nước tôi, tôi đang mang những suy nghĩ khác trong đầu –

Suy nghĩ gì thế?

Những thung lũng dưới ánh nắng nghiêng của trưa muộn, những triền núi im nắng, những hẻm núi hun hút, với những dòng suối trắng chảy giữa, đồng cỏ trong nắng tà, những kho chứa rơm rạng đỏ dưới ánh mặt trời, chợt một đàn thú giữa một lòng chảo lởm chởm đá nằm ngang ven rừng: trắng như dòi bọ! (Sabeth chắc chắn sẽ đặt tên gọi khác, nhưng tôi không biết.) Đầu tôi tựa vào mặt kính lạnh chứa đầy tâm tư mệt nhoài –

Mơ ước được ngửi mùi rơm rạ!

Không bao giờ bay nữa!

Mơ ước được đi trên mặt đất – dưới những rặng thông cuối cùng đằng kia, đang phơi mình trong nắng, ngửi mùi nhựa thông của chúng và nghe tiếng nước chảy, có thể là tiếng thác gầm, được uống nước –

Tất cả trôi qua như trong phim!

Mơ ước được bám vào đất –

Ngược lại ta lại bay lên cao hơn.

Cõi sống, thật mỏng manh biết bao, một vài trăm thước, rồi sau đó bầu khí quyển sẽ quá loãng, quá lạnh, nơi loài người sinh sống thật là một ốc đảo giữa sa mạc, thung lũng xanh tươi, với những nhánh rẽ nhỏ hẹp, chạy đến phần cuối ốc đảo, cụm rừng như bị cắt ngang (nơi đây với độ cao 2000 m, ở

137 (Tiếng Đức): Hiện tượng gió lục địa thổi qua những dãy núi cao (thường dùng để nói về những làn gió trong vùng Alps) tràn xuống tạo thành làn gió nóng và khô (như gió Lào ở Việtnam).

138 Những thắng cảnh tại Thụy sĩ, trên rặng Alps: Wetterhorn, Eiger, Jungfrau, … tên những đỉnh núi.

Mexico 4000 m), mãi sau vẫn còn thấy những đàn thú, đứng gặm cỏ bên bờ của sự sống, hoa – tôi không trông thấy chúng, nhưng biết thế – muôn màu và đủ vị nhưng rất bé nhỏ, côn trùng, sau đó chỉ còn đá sỏi, rồi thì băng giá –

Chợt một hồ nước nhân tạo mới xây.

Nước hồ: giống như Pernod, xanh lục và vẩn đục, giữa hồ một mảng băng tuyết trắng như gương, một chiếc thuyền mái chèo nằm trên bờ, đoạn đê ngắn, không một bóng người.

Rồi thì đám sương mù đầu tiên, rượt đuổi –

Những khe nứt giữa dòng băng hà: xanh lục như màu ve chai. Sabeth có lẽ sẽ bảo: như ngọc lục bảo! Lại trò chơi đếm hai mươi mốt điểm của chúng tôi! Vách đá trong nắng muộn: như vàng thoi. Tôi thấy: giống như hổ phách, bởi vì mờ nhám và gần như nhìn xuyên được, hoặc giống như xương, vì nhợt nhạt và dễ nứt. Máy bay của chúng tôi rọi bóng xuống đám băng tích đá sỏi và lớp băng hà: mỗi bận nhìn bóng máy bay rơi xuống vực sâu như thế, ta đều nghĩ rằng nó sẽ mất đi và tan biến, nhưng rồi nó lại bám vào vách đá kế tiếp, thoạt nhìn: như đống vữa được một cái bay thợ nề ném lên tường, nhưng nó không bám yên như lớp vữa, mà lại trượt xuống và rơi vào vũng trống bên kia triền núi. Chiếc bóng máy bay: giống như một con dơi! hẳn Sabeth sẽ nói như thế, tôi không tìm ra được chữ nào cả và bị thua một điểm, tôi đang theo dõi chuyện khác trong đầu: một vết trên vùng băng tuyết, dấu chân người, nhìn giống như là một dãy đinh tán, Sabeth có lẽ sẽ bảo: giống như một sợi dây chuyền, xanh xanh, đánh thành vòng nơ lớn quàng trên bức tượng bán thân bằng băng tuyết. Điều tôi nghĩ trong đầu: Nếu tôi hiện đang đứng trên đỉnh núi đó, làm gì đây? Không trở xuống núi được, đã quá trễ; trời chuyển tối dưới những thung lũng, và bóng chiều đã phủ lên toàn dãy băng hà, để rồi đâm ngược lên triền núi thẳng đứng. Làm gì đây? Chúng tôi bay qua; ta trông thấy ngọn thập tự giá trên đỉnh, trắng, tỏa sáng, nhưng thật cô đơn, một ánh sáng mà người leo núi không bao giờ đến gần được, bởi vì trước đó họ đã phải quay xuống núi, loại ánh sáng mà ta phải trả giá bằng cái chết, nhưng tuyệt đẹp, một khoảnh khắc, rồi thì mây, những vùng chân không, triền nam rặng Alps đầy mây, như đã biết trước, những đám mây: như

bông gòn, như thạch cao, như bắp cải hoa, như bọt xà phòng đủ màu, tôi không biết Sabeth sẽ tìm ra những từ gì, cảnh vật thay đổi rất nhanh, khi thì một khoảng trống không mây, nằm dưới sâu: một khu rừng tối, một con suối, cụm rừng giống như một con nhím, nhưng chỉ trong một khoảnh khắc ngắn, đám mây xen lẫn vào nhau, bóng những đám mây bên trên rọi lên những đám ở dưới, những cái bóng trông giống như màn cửa, chúng ta bay xuyên qua, mây trùng điệp trước mặt dưới ánh mặt trời: như thể máy bay sẽ bị vỡ tan tành trong đó, những núi đồi được tạo thành từ hơi nước, nhưng rực rỡ và trắng tinh như đá cẩm thạch Hy lạp, vẩn hạt –

Chúng tôi bay đâm vào.

Từ sau vụ máy bay đáp khẩn ở Tamaulipas tôi luôn luôn ngồi ngay ở vị trí có thể nhìn thấy được giàn bánh xe, khi chúng được bung ra, hồi hộp, không biết trong giây phút cuối cùng, khi bánh xe đáp xuống, phi đạo có chợt biến thành sa mạc không –

Milano:

Điện tín cho Hanna báo tôi đến.

Về đâu nữa bây giờ?

Không thể hiểu được tại sao một giàn bánh xe như thế, gồm hai cặp bánh xe với ống nhún gắn vào những ống sắt và với dầu nhớt loang đầy trên mặt kim loại trơn bóng, đơn giản như thế, đột nhiên tác quái như một con ác quỉ, khi chạm vào mặt đất, như một con ác quỉ, đột nhiên hóa phép biến phi đạo trở thành sa mạc – chỉ hoang tưởng, chính tôi dĩ nhiên cũng không để tâm đến; suốt cuộc đời tôi chưa bao giờ gặp phải ác quỉ, ngoại trừ cái được nôm na gọi là Con Quỉ Maxwell, nhưng đấy lại không phải là loài ác quỉ như ai ai đều biết.

Rome:

Điện tín cho Williams, báo tôi xin thôi việc.

Từ từ tôi trở nên bình thản.

Khi tàu bay tiếp trời đã vào đêm, và chúng tôi bay quá chếch lên phía bắc, nên tôi – vào nửa đêm – không thể nhận ra được vịnh Korinth.

Tất cả như mọi lần:

Ống khói phun những tia lửa trong màn đêm –

Đèn chớp màu xanh lục trên cánh bay –

Ánh trăng sáng loáng trên cánh bay –

Dưới nắp động cơ một khối đỏ nóng rực –

Tôi hồi hộp, như thể lần đầu tiên trong đời được bay; tôi thấy giàn bánh xe từ từ bung ra, đèn pha bật sáng dưới cánh, luồng sáng trắng của chúng rọi vào những mảng quạt tròn, rồi được tắt đi, đèn sáng phía dưới chúng tôi, đường phố Athen, hoặc có thể là Piraeus[139], máy bay hạ thấp, rồi đến những dãy đèn tín hiệu, vàng, phi đạo, lại đèn pha của máy bay, rồi cú rung chạm nhẹ như mọi lần (không bị nhào người về phía trước và bất tỉnh) cùng với đám bụi quen thuộc bay theo giàn bánh xe –

Tôi tháo dây nịt –

Hanna đứng tại sân bay.

Tôi trông thấy nàng qua cửa kính –

Hanna trong áo đen.

Tôi chỉ có tập hồ sơ, cái Hermes-Baby của tôi, áo bành tô và mũ, vì thế thủ tục thuế quan hoàn tất nhanh chóng; tôi là người đầu tiên bước ra, nhưng không dám đưa tay vẫy chào lấy một lần. Gần sát cổng cách li, bỗng nhiên tôi ngừng lại (Hanna bảo thế) và đợi, cho đến lúc Hanna tiến về phía tôi. Lần đầu tiên tôi trông thấy Hanna trong áo đen. Nàng hôn tôi lên trán. Nàng đề nghị khách sạn Estia Emborron .

Hôm nay chỉ uống trà, khám toàn thể thêm một lần nữa, sau đó ta kiệt hết sức. Ngày mai bắt đầu mổ.

139 Tên vùng đất và là một phố cảng lớn cạnh Athen.

Cho đến hôm nay tôi chỉ viếng mộ Sabeth một lần duy nhất, bởi vì họ đã giữ tôi lại (tôi chỉ yêu cầu khám sức khỏe) ngay tức thì; một ngôi mộ nóng cháy, hoa sẽ héo khô ngay trong vòng nửa ngày –

18:00 giờ

Họ tịch thu cái Hermes-Baby của tôi.

19 giờ 30

Hanna có đến một lần nữa.

24:00 giờ

Tôi không ngủ được một phút nào và cũng không muốn ngủ. Tôi biết tất cả. Ngày mai họ sẽ mổ banh tôi ra, để xác định những gì họ đã biết: rằng không cứu vãn nổi nữa. Họ sẽ khâu tôi lại, và khi tôi tỉnh dậy, người ta sẽ bảo rằng tôi đã được mổ. Tôi sẽ tin vào điều này, mặc dù tôi biết tất cả. Tôi sẽ không chịu thú nhận rằng những cơn đau sẽ trở lại, ác liệt hơn bao giờ hết. Người ta nói thế này: Khi tôi biết được, tôi bị ung thư dạ dày, tôi sẽ tự bắn một viên đạn vào đầu! Tôi chưa bao giờ ham sống như thế, và dù chỉ một năm nữa thôi, một năm khốn khổ, ba tháng, hai tháng (sẽ là tháng Chín và tháng Mười), tôi sẽ hi vọng, mặc dù tôi biết tôi đã thua cuộc. Nhưng tôi không một mình, Hanna là bạn tôi, và tôi không một mình.

02 giờ 40

Viết xong thư cho Hanna.

04:00 giờ

Giấy ủy nhượng trong trường hợp tử vong: tất cả những chứng từ của tôi như những báo cáo, thư từ, tập vở, đều phải hủy đi, chúng không đúng mảy may. Hiện hữu trong thế giới này: là đứng giữa ánh sáng. Nghề nghiệp của chúng ta ư!

Đi chăn dê (như ông lão tại Korinth vừa rồi)! – nhưng trên hết: tự tại trước ánh sáng, trước hạnh phúc khi nhận thức được (như đứa con của chúng tôi, lúc đang hát) rằng người tôi sẽ tan biến giữa ánh sáng đang rọi trên đám kế dại, trên nhựa đường và trên biển, tự tại trước thời gian, cũng như trước vĩnh cửu của hiện tại. Vĩnh cửu: đã hiện hữu ...

04 giờ 15

Hanna cũng không còn nhà ở nữa, đến hôm nay (hôm qua!) nàng mới nói. Nàng hiện ở tại một nhà trọ. Ngay bức điện khẩn của tôi từ Caracas đã không tới được tay Hanna. Bức điện hẳn đã đến trong thời gian ấy, lúc Hanna lên tàu ra biển. Thoạt đầu nàng có ý định ra đảo một năm, nơi nàng có quen những người Hy lạp từ thời gian khai quật khảo cổ (tại Delos); trên những đảo này giá cả sinh hoạt rất rẻ: Tại Mykonos người ta mua một căn nhà với hai trăm Dollars, Hanna kể thế, tại Amorgos với một trăm Dollars. Nàng cũng không còn làm việc tại Viện nữa, như tôi đã tưởng bấy lâu nay. Hanna ráng thu xếp để cho thuê căn hộ của nàng cùng với tất cả đồ vật bên trong, nhưng không được vì quá gấp; và rồi nàng bán hết tất cả, rất nhiều sách nàng đem cho không. Chỉ vì nàng không thể chịu đựng cuộc sống tại Athen được nữa, nàng bảo thế. Lúc lên tàu nàng có nghĩ đến Paris, cũng có thể là London; mọi chuyện đều mở ngỏ, bởi thật không dễ, Hanna kể, kiếm ra một việc làm mới ở lứa tuổi của nàng, thí dụ như một chân thư kí. Hanna đã không một phút giây nào nghĩ đến chuyện yêu cầu tôi giúp đỡ; bởi thế nàng cũng không viết cho tôi. Thật sự Hanna chỉ có một mục đích: đi khỏi Hy lạp! Nàng rời bỏ thành phố mà không một lời từ giã những người quen biết nơi đây, trừ ông giám đốc Viện, người mà nàng cảm phục. Những giờ cuối cùng trước khi ra đi nàng ở hẳn ngoài mộ và đến 14:00 giờ phải có mặt trên tàu. Khởi hành vào 15:00 giờ, nhưng vì một lí do nào đó giờ khởi hành bị trễ gần một tiếng đồng hồ. Chợt (Hanna nói) nàng thấy mọi chuyện đều vô nghĩa, và với hành lí xách tay nàng rời tàu. Riêng phần ba rương hành lí lớn trong khoang tàu thì không còn thì giờ nữa để lo; đống hành lí này chạy đến Napoli và sẽ trở về lại sau đó. Thời gian đầu nàng ngụ tại khách sạn

Estia Emborron, nhưng về lâu dài quá mắc cho nàng, rồi đến đăng kí lại tại Viện, trong khi đó cộng tác viên của nàng thời gian qua đã tiếp nhiệm công việc của nàng, hợp đồng ba năm, không thay đổi được nữa, bởi vì người kế nhiệm của nàng đã chờ đợi quá lâu và không tự nguyện nhượng ghế này lại. Ông giám đốc nghe đâu rất tốt bụng, nhưng Viện không đủ giầu để có thể thuê hai người làm cùng một công việc. Điều người ta có thể làm được cho nàng: hứa hẹn giao nàng những công việc ngắn hạn đặc biệt, đồng thời giới thiệu nàng đến những cơ sở ngoại thành. Nhưng Hanna muốn ở lại Athen. Phải chăng Hanna muốn chờ tôi ở đây, hoặc là nàng muốn rời khỏi Athen để không gặp lại tôi nữa, tôi không biết. Bởi qua một sự tình cờ mà Hanna nhận được đúng lúc bức điện khẩn của tôi từ Rome; lúc đó, lúc bức điện đến, nàng đang có mặt trong căn hộ trống để trao chìa khóa cho ông quản gia. Công việc hiện nay Hanna: buổi sáng hướng dẫn du khách tại Viện Bảo tàng, xế trưa đến Akropolis, buổi chiều về Sunion. Phần lớn nàng hướng dẫn những nhóm muốn đi trọn gói trong nguyên ngày, những đoàn du lịch vùng Địa trung hải.

06:00 Giờ
Viết lại lá thư gởi Hanna một lần nữa.

06 giờ 45

Tôi không biết được vì sao Joachim đã treo cổ tự tử, Hanna vẫn hỏi tôi mãi. Làm sao tôi biết được? Nàng cứ mãi hỏi về chuyện ấy, mặc dù Hanna biết về Joachim rõ hơn tôi. Nàng bảo: Đứa bé, khi đã chào đời rồi, không bao giờ gợi tôi nhớ đến anh, đấy là con của tôi, chỉ mình tôi. Nói về Joachim: Tôi yêu anh ấy, bởi chính vì anh ta không phải là cha đứa bé, và trong những năm đầu mọi chuyện thật đơn giản. Hanna cho rằng con chúng tôi sẽ không bao giờ ra đời, nếu thuở đó chúng tôi không chia tay nhau. Hanna tin chắc chắn điều này. Trời đã chiều lòng Hanna trước khi tôi đặt chân đến Baghdad, hình như thế; nàng muốn có một đứa con, ý tưởng ấy chiếm trọn tâm tư nàng, và cho đến lúc tôi ra đi rồi, nàng khám phá thấy rằng

nàng ước muốn có một đứa con (Hanna kể) không cần cha, không phải con của chúng tôi, mà là con của nàng. Nàng sống một mình và hạnh phúc khi có thai, và lúc nàng đến gặp Joachim để nghe lời thuyết phục, Hanna trước đó đã dứt khoát giữ lấy đứa con; nàng chả bận tâm khi Joachim nói rằng hắn đã tác động lên một quyết định quan trọng trong cuộc đời nàng, và hắn đã lỡ yêu Hanna, để sau đó hai người lấy nhau. Ngay lời buột miệng thiếu khôn khéo của tôi cách đây không lâu tại nhà nàng: Em xử sự như một con gà mái! đã khiến nàng bận tâm suy nghĩ, bởi vì Joachim, nàng cho biết, cũng đã một lần dùng những lời lẽ như thế. Joachim lo cho đứa bé mà không can thiệp vào phần việc dạy dỗ; đó thật ra không phải con của hắn, cũng không phải con của tôi, mà là một đứa con không cha, đứa con của nàng, chỉ của riêng nàng, một đứa con chả dính líu đến một người cha nào, những điều mà Joachim thoạt tiên vui lòng chấp thuận, ít ra trong những năm đầu, khi đứa nhỏ còn là một đứa bé con hoàn toàn phụ thuộc vào người mẹ, và Joachim nuông chiều nàng để Hanna có được hạnh phúc. Không một lời nào, Hanna kể lại, nói về tôi. Joachim không có lí do gì để ghen tuông, và ngay cả đối với tôi cũng không; hắn nhận thấy rằng tôi không được xem như là người cha đứa bé, không nắm vai trò đó trong thế giới này, cái thế giới không biết mảy may gì về chuyện này, và chắc chắn là không nắm vai trò đó đối với Hanna, người đã hoàn toàn quên tôi (theo như Hanna vẫn luôn luôn xác định) không một lời oán trách. Sự việc bắt đầu trở nên khó khăn cho Joachim và Hanna khi vấn đề dạy dỗ được đặt ra thường xuyên hơn: chẳng phải vì khác biệt quan điểm, điều hiếm khi xảy ra, nhưng Joachim trên nguyên tắc không chịu đựng được rằng Hanna trong bất cứ vấn đề gì dính líu đến con cái, đều tự cho mình là phiên tòa cuối cùng và duy nhất có quyền tối hậu định đoạt. Hanna xác nhận rằng Joachim là một người dễ tính, chỉ dị ứng trong điểm này.

Hình như hắn càng ngày càng mong muốn một đứa con, một đứa con chung, đứa con sẽ đặt hắn vào vị trí một người cha, và nghĩ rằng tất cả mọi chuyện tự nó sẽ trở nên dễ dàng hơn, Elsbeth sẽ cho rằng hắn là bố mình; Elsbeth thương mến hắn, nhưng Joachim ngần ngại với con bé, Hanna kể thế,

và cảm thấy mình thừa thãi. Thuở đó có đủ mọi lí do chính đáng để không sinh con đẻ cái thêm nữa, đặc biệt cho một người phụ nữ Đức có nửa dòng máu Do Thái; đến nay Hanna vẫn còn bào chữa cho những lí do này, làm như thể tôi muốn phản bác chúng. Joachim không tin vào những lí do ấy; hắn hoài nghi: Cô không muốn có một người bố dưới mái nhà! hắn nghĩ rằng Hanna chỉ muốn giữ con lại, để lỡ sau này nếu người bố có bỏ ra đi. Có một điều tôi cũng không được biết đến: Joachim chuẩn bị cuộc vượt biển di tản từ 1935, từ phía hắn rất dứt khoát với tất cả mọi chuyện, để không phải xa cách Hanna. Hanna cũng không bao giờ nghĩ đến chuyện xa cách nhau; nàng muốn cùng Joachim đi đến Canada hoặc Australia, nàng học thêm nghề xét nghiệm viên mong giúp được hắn tại bất cứ nơi nào trên thế giới. Nhưng chuyện đã không thành. Khi Joachim hay được rằng Hanna đã tự í cho giải phẩu vô sinh, việc này đẩy hắn đến một hành động thiếu suy nghĩ: Joachim đầu quân vào lính Đức quốc xã (mặc dù hắn đã được chấp thuận miễn dịch mà lúc nộp đơn xin đám bạn trong băng nhóm vô cùng phản đối). Hanna không bao giờ quên hắn. Mặc dù trong những năm tháng tiếp đó nàng vẫn sống có đàn ông bên cạnh, nhưng nàng dâng hiến trọn cuộc đời cho con nàng. Nàng làm việc tại Paris, sau đó tại London, tại đông Berlin, tại Athen. Nàng cùng con tản cư. Nàng tự dạy con học ở những nơi không có trường dạy tiếng Đức, và với bốn mươi tuổi vẫn bắt đầu học vĩ cầm để hòa nhạc cùng con. Không có chuyện gì đối với Hanna là quá sức khi phải lo cho con. Nàng săn sóc con trong hầm khi quân đội Đức quốc xã tiến vào Paris, và dám ra đường chạy kiếm thuốc cho con. Hanna không nuông chiều con mình; Hanna quá khôn ngoan để biết những việc đó, tôi thấy thế, mặc dù nàng vẫn thường (cách đây mấy ngày) tự cho mình là người đần độn. Tại sao tôi đã nói như thế? dạo này nàng thường hỏi tôi. Thuở đó: Con của em, thay vì con của chúng ta. Vì oán trách hay chỉ vì hèn nhát? Tôi không hiểu câu hỏi của nàng. Rằng lúc đó tôi có biết tôi có lí dường nào không? Và tại sao tôi gần đây có nói: Em xử sự như một con gà mái! Tôi đã nhiều lần xin rút lời lỡ buột miệng này từ khi tôi biết được những thành quả của Hanna; nhưng chính Hanna là người không quên được chuyện này. Rằng tôi có thể tha thứ cho nàng không! Nàng đã

khóc. Hanna quì, trong lúc bà nữ tu điều dưỡng có thể đi vào phòng bất cứ lúc nào. Hanna, người đang hôn tay tôi, và rồi tôi không nhận ra nàng nữa. Tôi chỉ hiểu được rằng Hanna, sau những gì đã xảy ra, không bao giờ muốn rời bỏ Athen, ngôi mộ của đứa con chúng tôi. Hai đứa chúng tôi sẽ ở lại đây, tôi nghĩ thế. Tôi cũng hiểu được việc nàng dứt bỏ căn hộ cũ với căn phòng trống đó; nàng đã khó xử xiết bao, khi quyết định cho con bé xa nhà một mình, dù chỉ trong thời gian nửa năm. Hanna đã luôn luôn biết rằng đứa con nàng sẽ có ngày rời xa nàng; nhưng Hanna không thể biết trước được rằng Sabeth trong cuộc hành trình này lại gặp đúng ngay người cha của mình, người hủy diệt tất cả –

08 giờ 05
Họ đến.

Tóm tắt tiểu sử theo mốc thời gian:

1911	sinh tại Zürich vào ngay 15 tháng năm, bố là Kiến trúc sư
1924 – 1930	Trung học tại Zürich
1931 – 1933	Đại học, ngành Germanistik (Văn chương và Ngữ học Đức) tại Đại học Zürich, bỏ học, phóng viên tự do – Chu du vùng Balkan
1911	Tác phẩm *Jürg Reinhart*
1936 – 1941	Đại học lần thứ hai, ngành Kiến trúc tại ETH – Zürich.Tốt nghiệp Cử nhân[140]
1938	Giải thưởng Conrad Ferdinand Meyer
1939 – 1945	Quân dịch, binh chủng Pháo binh
1940	Tác phẩm *Blätter aus dem Brotsack*
1942	Văn phòng Kiến trúc tại Zürich
1943	Tác phẩm *J'adore ce qui me brule oder Die Schwierigen*
1945	Tác phẩm *Bin oder die Reise nach Peking* Tác phẩm *Nun singen sie wieder*
1946	Chu du các nước Đức, Í, Pháp
1947	Tác phẩm *Tagebuch mit Marion* Tác phẩm *Die Chinesische Mauer*
1948	Chu du các thành phố Praha, Berlin, Warsaw Gặp mặt Bertolt Brecht tại Zürich
1949	Tác phẩm *Als der Krieg zu Ende war*
1950	Tác phẩm *Tagebuch 1946 – 1949*
1951	Tác phẩm *Graf Öderland* Giải thưởng Rockefeller Grant for Drama
1952	Ngụ cư một năm tại Mĩ và Mexico
1953	Tác phẩm *Don Juan oder die Liebe zur Geometrie*
1954	Stiller Giải thể Văn phòng Kiến trúc, Văn sĩ tự do

140 Phần lớn các hệ thống Đại học Kĩ thuật tại các vùng Âu châu nói tiếng Đức, tốt nghiệp với bằng Cử nhân; Diplom Ingenieur (Cử nhân Kĩ sư), Diplom Architekt (Cử nhân Kiến trúc), …

1955	Giải thưởng Wilhelm Raabe của Thành phố Braunschweig
	Pamphlet *achtung: die schweiz*
1956	Chu du Mĩ, Mexico và Cuba
1957	Tác phẩm *Homo Faber*
	Chu du các xứ Ả rập
1958	Tác phẩm *Biedermann und die Brandstifter*
	Tác phẩm *Die große Wut des Philipp Hotz*
	Giải thưởng Georg Büchner
	Giải thưởng Văn học của Thành phố Zürich
1960 – 1965	Định cư tại Rome1961
	Tác phẩm *Andorra*
1962	Dr. h. c. (Doctor honoris causa: Tiến sĩ Danh dự) Đại học Philipps / Marburg (Philipps – Universty)
1963	Giải thưởng Văn học của Tiểu bang Nordrhein-Westfalen
1964	Tác phẩm *Mein Name sei Gantenbein*
1965	Giải thưởng của Thành phố Jerusalem
	Đến thăm Israel
	Giải thưởng Schiller của Tiểu bang Baden Württemberg
	Định cư tại Tessin, Thụy sĩ
1966	Đi thăm lần đầu Liên bang Sô viết và Poland
1967	Tác phẩm *Biographie: Ein Spiel*
1968	Đi thăm lần thứ hai Liên bang Sô viết
	Tác phẩm *Öffentlichkeit als Partner*
	Viết báo chuyên mục Chính trị (Politische Publizistik) tại Zürich
1969	Tác phẩm *Dramaturgisches*
	Ngụ cư tại Nhật bản
1970	Ngụ cư tại Mĩ
1971	Tác phẩm *Wilhelm Tell für die Schule*
	Ngụ cư tại Mĩ
1972	Tác phẩm *Tagebuch 1966 – 1971*
1974	Tác phẩm *Dienstbüchlein*
	Großer Schillerpreis der Schweizerischen Schillerstiftung

	(Giải Thưởng Lớn Schiller của Quĩ tài trợ ‚Schiller' Thụy sĩ)
1975	Tác phẩm *Montauk*
1976	Xuất bản *Gesammelte Werke in zeitlicher Folge – (Trọn bộ tác phẩm theo mốc thời gian)* Giải thưởng Hòa bình của Hiệp Hội Văn đàn Đức *Zwei Reden zum Friedenpreis des Deutschen Buchhandels 1976 – (Hai bài diễn văn về Giải thưởng Hòa bình của Hiệp Hội Văn đàn Đức 1976)* *Wir hoffen. Rede zur Verleihung des Friedenpreises (thâu đĩa) – (Chúng ta hy vọng. Diễn văn nhân buổi trao giải Hòa bình)*
1978	Tác phẩm *Triptychon*. Drei szenische Bilder Tác phẩm *Der Traum des Apothekers von Locarno*. Erzählungen
1979	Tác phẩm *Der Mensch erscheint in Holozän*. Eine Erzählung
1982	Tác phẩm *Blaubart*
1983	Tác phẩm *Forderungen des Tages*. Portraits, Skizzen, Reden 1943-1982
1986	Giải thưởng Văn học Neustadt (Thành phố Neustadt)
1989	Giải thưởng Heinrich Heine của Thành phố Düsseldorf
1990	Tác phẩm *Schweiz als Heimat*? Versuche über 50 Jahre
1991	mất tại Zürich, ngày 4. April

Chú giải thêm:

Trang 9 – Super-Constellation: Một loại máy bay cánh quạt dân dụng của hãng Lockheed, ra đời vào năm 1954, là loại chuyên chở hành khách lớn nhất và tối tân nhất thời bấy giờ. Cùng thời kỳ đó hãng Douglas có chiếc DC-7 (trang 34) tương đương. Ngay trang đầu sách Frisch đã nhẹ nhàng gợi đến cá tính của Faber: nêu lên trong bản tường thuật đến cả những chi tiết kĩ thuật, nhấn mạnh con người máy móc duy lí của Faber.

Trang 9 – Ivy: tên một giống cây leo, giống tầm gởi. Fisch dùng từ này đặt tên cho người tình của Walter Faber, khoác vào vai chính của mình một nhân sinh quan, một thế nhìn về phụ nữ của Faber. Sau này (trang 105; … *Ivy là giống tầm gởi* …) Faber có nhắc lại một lần nữa và tuyên bố rõ ràng thế nhìn này.

Trang 12 – gọt vỏ táo: Frisch ám chỉ sự thờ ơ, lóng ngóng, bất tham gia hoặc vì không hiểu biết hoặc vì không màng đến vấn đề. Trong trang 92 sau này cũng có gợi đến.

Trang 12 – Loại người thượng đẳng và hạ đẳng: Chính quyền Đức quốc xã áp dụng chính sách phân biệt chủng tộc. ‘Nürnberger Gesetze’ (Đạo luật Nuremberg) còn gọi là ‘Nürnberger Rassengesetze’ (Đạo luật Nuremberg về nòi giống) ra đời trong Đại hội Đảng lần thứ 7, vào ngày 15.09 1935. Phân chia dân chúng thành nhiều hạng người: Người Đức giống ‘Arier’ (tiếng Anh ‘Aryan’: gốc Sankrit có nghĩa là cao quí), thuộc giống thượng đẳng, Do thái thuộc hạ đẳng và có ba hạng:

- Có ba trong những Ông Bà là Do thái: hạng ròng Do thái.
- Có một Cha hoặc Mẹ, hoặc hai trong những Ông Bà là Do thái: con lai cấp một; lai nửa Do thái. (trang 36)
- Có một trong những Ông Bà là Do thái: con lai cấp hai, một phần tư Do thái.

Trang 12 – lão Hitler tốt bụng: nguyên văn tiếng Đức ‚der gute Hitler‘: lão Hitler tốt bụng, hàm í chê bai.

Trang 14 – *mụ da đen*: Frisch dùng nguyên văn tiếng Đức *‚die dicke Negerin'*: mụ mọi mập.

Trang 15 – *không được phép bước qua*: tại hầu hết các tiểu bang miền Nam nước Mĩ thời bấy giờ vẫn còn chính sách kì thị màu da. Người da đen và da màu không được sử dụng phương tiện công cộng chung với người da trắng.

Trang 19 – *Giáo sư O*: tên một người thầy cũ của Walter Faber. Được Faber nhắc đến trong giấc mơ đầu tiên. Trong bản tường thuật có ba lần Faber ngủ và mơ về Giáo sư O. Lần đầu trên chuyến bay từ New York; lần thứ hai trong cuộc hội thảo tại Paris (Faber ngủ gật trong hội thảo?); lần thứ ba trên chuyến bay cuối cùng, từ Zürich về Athen.

Trang 19 – *răng ... đã rụng hết*: Faber mơ rụng răng, sợ hãi tuổi già. Phân tích giấc mơ (theo S. Freud) và lấy í từ bài thơ „*Der Mann von fünfzig Jahren*“ (Người đàn ông tuổi năm mươi) của Hermann Hesse làm trong thời kỳ bước vào tuổi 50 mươi *(‚Ich schmeiße alles hin, mein Leben, ... ich alternder Mann'* – Tôi quẳng hết, cuộc đời tôi, … tôi, một người đàn ông xế chiều):

Von der Wiege bis zur Bahre (Từ nôi qua đến cáng)
Sind es fünfzig Jahre, (Là năm mươi năm,)
Dann beginnt der Tod. (Rồi thì cái chết bắt đầu.)
Man vertrottelt, man versauert, (Ta xuẩn dại, ta chua xót giận)
Man verwahrlost, man verbauert(Ta tan nát, ta hóa quê mùa)
Und zum Teufel gehn die Haare.(Và quỉ thần ơi tóc bỏ ra đi.)
Auch die Zähne gehen flöten, (Mấy cái răng cũng thế, lung lay rụng,)
Und statt daß wir mit Entzücken(Và thay vì mê say siết chặt
Junge Mädchen an uns drücken, bao gái trẻ vào lòng,)
Lesen wir ein Buch von Goethen.(Ta đọc một cuốn sách của … Goethe)

„Der Mann von fünfzig Jahren“ cũng là tựa một cuốn tiểu thuyết của Goethe (1808).

Trang 26 – những pho sách toán học căn bản:
Wahrscheinlichkeit und Gesetz: Xác suất và Định luật;
Wahrscheinlichkeitslehre: Xác suất học;

Principia Mathematica: Nguyên tắc toán học;
Wahrscheinlichkeit, Statistik und Wahrheit: Xác suất, Thống kê và Thực tiễn.

Trang 26 – cuốn phim Disney: ám chỉ đến phim „The Living Desert“ của James Algar / Walt-Disney năm 1953, Phim tài liệu về vùng sa mạc Cascade Range và Sierre Nevada / USA.

Trang 33 – về Theresienstadt: Hàm í là đã chết –Theresienstadt (tiếng Tiệp: Terezín), thành phố có trại tập trung Do Thái nổi tiếng trong thời Đức quốc xã (1941), nay là thuộc Cộng hòa Tiệp giáp ranh nước Đức.

Trang 34 – khứa dễ thương: nguyên văn tiếng Đức *‚ein lieber Kerl’*: một thằng dễ mến. Từ Kerl trong tiếng Đức dùng để nói về đàn ông, con trai. Frisch dùng từ này để nói về Ivy, nhấn mạnh rằng tình cảm Faber dành cho Ivy không là một tình yêu gái trai.

Trang 35 – Studebaker-hay-Nash: Frisch dùng hai nhãn hiệu xe Mĩ để nói lên tương phản giữa hai cách sống của hai người. Nash là loại xe tiện dụng; Studebaker là loại xe xa xỉ, kiểu cách.

Trang 38 – (tiếng Pháp) *Sous les toits de Paris*: ‚Dưới những mái ngói của Paris’; cuốn phim lồng tiếng nói đầu tiên của đạo diễn người Pháp René Clair, cũng là tên một bài hát nổi tiếng vào năm 1930. Nay thường được dùng như một thành ngữ ví von lối sống thi vị ở thành phố Paris.

Trang 37 – (tiếng Đức) *Über die Bedeutung des sogenannten Maxwell’schen Dämons*: ‚Về í nghĩa của hiện tượng được gọi là bí ẩn Maxwell‘. Một nghiệm đề về nhiệt động học của nhà vật lí học người Tô Cách Lan James Clerk Maxwell (1871). Dämon (daemon) nghĩa đen là quỉ; thường được dùng trong khoa học chỉ những hiện tưởng chưa được giải thích, hoặc những systemsoftware hoạt đống ngầm ẩn dấu sau hệ điều hành.

Trang 39 – kên kên: nguyên văn tiếng Tây Ban Nha *‚zopilote’*: một loài chim ăn xác chết, thuộc họ kên kên nhưng nhỏ hơn, sinh sống tại nam Mĩ: Mexico, Honduras, Brasilien. (tiếng Anh: black vulture; tiếng la tinh: coragyps atratus).

Trang 43 – *Kim tự tháp*: nền văn minh cổ tại Nam Mĩ (dân tộc Maya …) cũng có Kim tự tháp, tuy với kích cở nhỏ hơn những Kim tự tháp tại Ai cập, nhưng cũng là những di tích kiến trúc lịch sử nổi tiếng và giá trị.

Trang 49 – (nguyên văn tiếng Đức) *Pauspapier-Künstler*: Pauspapier: loại giấy lụa mờ dùng để sao, đồ; Künstler: nghệ sĩ, nghệ nhân.

Trang 52 – *Giáo sư Wölfflin*: Heinrich Wölflin (1864 – 1945) Một nhà sử học nghệ thuật nổi tiếng của Thụy sĩ.

Trang 52 – *giam quản thúc*: nguyên văn tiếng Đức *‚Schutzhaft‘*, một chiêu bài của chính quyền Đức quốc xã để có lí do bắt bớ giam giữ người (Do thái) vô cớ.

Trang 52 – *chuyện cổ tích hung bạo*: nguyên văn tiếng Đức *‚Greuelmärchen’*: dựa vào tựa đề ‚Deutschland – Ein Greuelmärchen’ – Bertolt Brecht. Brecht thoạt tiên muốn đặt tên này cho loạt kịch bản bắt đầu viết từ năm 1934, vạch rõ sự hung tàn và lên án chế độ Đức quốc xã. Bản kịch này sau này mang tên ‚Furcht und Elend des Dritten Reiches‘ (Kinh Hãi và Lầm Than dưới Đệ Tam Đế Chế).

Trang 57 – *du kích*: nguyên văn tiếng Đức *‚die Seele im Maquis’* – (Macchia) Maquis: những vùng lau sậy cỏ cây lấp xấp tại các ven biển Địa trung hải. Cũng là tên gọi phong trào dân quân vũ trang bí mật chống lại sự chiếm đóng đất nước Pháp bởi quân đội Đức thời Thế chiến thứ hai. Khi nghe đến Maquis, Herbert liền giật mình choàng tỉnh ngủ và cảnh giác. Một ám ảnh mà đến hơn mười lăm năm sau Herbert (nói riêng và ám chỉ tất cả lính Đức quốc xã nói chung) vẫn còn bị theo đuổi.

Trang 57 – *The American Way of Life*: lối sống Mĩ. Một thành ngữ diễn tả phong cách và quan điểm sống với một đặc thù của đất nước Hiệp chủng quốc. Phát sinh từ thế kỷ thứ 17, dựa lên những điều căn bản của Tuyên ngôn Độc lập, trong đó: …mọi người … đều có quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc … ("life, liberty and the pursuit of happiness.") …

Trang 64 – <u>công báo ngày thành hôn</u>: theo thể thức hành chánh tại châu Âu, hôn lễ phải đăng kí và được chính quyền công bố, theo lệ thường là hai tuần trước lễ cưới.

Trang 79 – <u>hiện sinh</u>: tiếng Đức: *‚existenzialistisch‘*: tĩnh từ thuộc Existenzialismus (existentialism). Thuyết hiện sinh, chủ nghĩa hiện sinh. J.P. Sartre / Simone de Beauvoir.

Trang 84 – Cybernetics or Control and Communication in the Animal and the Machine: (tiếng Anh) Điều khiển học hoặc Kiểm soát và Thông tin giữa Động vật và Máy móc.

Trang 89 – <u>tiếng Đức chuẩn giọng</u>: nguyên văn tiếng Đức *‚Hochdeutsch‘*: nước Đức có nhiều vùng phát âm khác nhau, giọng nói khác nhau và dùng tiếng lóng địa phương. Vùng bắc Đức, khu thành phố Hannover là vùng nói giọng Đức rõ ràng, phát âm theo như chữ viết, được xem là chuẩn giọng.

Trang 93 – <u>đông tây kim cổ</u>: nguyên văn tiếng Đức *‚wenn ich... auch noch von Napoleon erzählen hätte‘*: (… cho dẫu tôi có kể lể thêm về Napoleon đi chăng nữa).

Trang 99 – <u>đậm đà</u>: nguyên văn tiếng Đức *‚zu wenig trübe‘*; ngữ vựng Đức chỉ có tĩnh từ *‚trüb: vẩn đục‘* hoặc danh từ (vần đầu viết hoa) *‚Trübe: chất vẩn, cặn, kết tủa‘*. Frisch qua đây muốn diễn tả chất kết tủa trong chai vang (*depot* – tiếng Pháp), là một trong những tiêu chuẩn đánh giá phẩm chất vang. Sự xuất hiện của depot trong chai là một dấu hiệu cho biết vang trữ đã đủ năm, đủ chín tới để thưởng thức.

Trang 116 – <u>bản năng truyền đời</u>: nguyên văn tiếng Đức Frisch dùng: *‚Atavismus‘* (atavism) sự lại giống, truyền đời, sự lập lại theo bản năng.

Từ trang 120 đến trang 138 – <u>Anh / Em</u>: Walter Faber lúc này chưa biết Sabeth là con gái mình. Giữa hai người lúc nầy là một quan hệ tình nhân, ND dùng xưng hô *Anh / Em* và viết chữ nghiêng để nhấn mạnh.

Trang 153 – <u>bổ một rìu vào sau lưng tôi</u>: Dựa theo thần thoại Hy lạp: Agamemnon bị vợ cùng người tình của nàng giết hại bằng búa trong phòng tắm, trả thù vì việc Agamemnon đã hãm

hại đứa con gái chung của Agamemnon và nàng bằng cách đem con gái làm vật tế thần cho cuộc viễn chinh chiếm đánh thành Troy.

Trang 162 – Tháng Sáu 1953: một thời điểm chính trị lịch sử. Frisch nhắc đến cuộc nổi dậy của công nhân, thợ thuyền tại Đông Bá Linh (17.6.1953). Nhanh chóng trở thành một biến động chính trị, một phong trào đấu tranh đòi dân chủ, lan rộng Đông Đức thời bấy giờ. Quân đội Liên sô phải nhảy vào can thiệp, sử dụng vũ lực quân sự và dùng xe tăng phá tan phong trào này.

Trang 182 – Semantics: Ám chỉ trò chơi chữ thời thượng ở Mĩ vào những năm 50.

Trang 187 – những sự kiện chính trị nổi bật: nguyên văn tiếng Đức *‚Aufruf der Göttinger Professoren‘*: ngày 12.4.1957 tại Thành phố Đại học Göttingen, mười tám nhà Vật lí học hàng đầu của nước Đức cùng công bố một nhận định về nguy cơ của một cuộc chiến hạt nhân và đòi hỏi chính quyền Đức tuyên bố khước từ vũ khí nguyên tử.

Trang 190 – kĩ thuật là thủ thuật: Frisch đề cập đến đề tài xung đột tư tưởng giữa con người, xã hội trước thời đại phát triển kĩ thuật trong thập niên 50. Từ F.G. Jünger *„Die Perfektion der Technik“* (Tuyệt hảo của kĩ thuật): *‚… daß die Anstrengungen des Technikers den leeren Raum vergrößern, und zwar in dem gleichen Maßen, in dem sie den Lebensraum einengen …* (… mọi nỗ lực của con người kĩ thuật muốn nới rộng không gian, đã đồng thời với cùng tiềm năng đó thu hẹp lại không gian sống …) – và *‚… daß sich der Mensch des technischen Zeitalters geradezu auf der Flucht vor der Wirklichkeit befindet …‘* (… con người của thời đại kĩ thuật thật sự đang trên đường trốn chạy thực tại …)

Trang 198 – khao khát xác thịt: nguyên văn tiếng Đức *‚Vakuum zwischen den Lenden‘*: trống rỗng giữa háng; hàm í không thỏa mãn được đầy đủ những đòi hỏi xác thịt.

Trang 200 – Wildlingin: Có phân tích cho rằng Max Frisch dùng Từ ‚wildlingin’ diễn tả hành động lăn qua lăn về trên nền cát,

lăn lộn trên hình người đàn bà được vẽ trên cát đó. Một thương nhớ, đam muốn nhục dục (?).

Trang 201 – *bẽ mặt*: nguyên văn tiếng Đức*, die Blamage*‘: sự bẽ mặt, sự xấu hổ, ngầm í sau buổi đi chơi chung với hai cô gái ăn sương, đến lúc cuối Faber không có hứng khiến các cô gái thất vọng.